

**CẢNH ĐỨC**  
**TRUYỀN ĐĂNG LỤC**  
**(QUYỂN I)**

No. 2076

DƯƠNG THANH KHẢI (dịch)

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)



## TỰA

Hàn lâm học sĩ, Triều tán đại phu, Hành tả ti gián tri chế cáo và

Tu quốc sử, Phán sử quán, Sự trụ quốc Nam Dương quận, Khai quốc Hầu Thực.

Ấp nhất thiên bá hộ, Tứ tử Kim ngư đại, Thần Dương Úc soạn.

Xưa Đức Phật Nhiên Đăng thọ kí Đức Thích Ca Văn sẽ tiếp nối Ngài. Vào hiền kiếp Đức Thích Ca giáng thần giáo hóa bốn mươi chín năm, bày phương tiện quyền thật đốn tiệm, ban lời dạy gồm bán mãn thiên viên tùy theo căn cơ để người học ngộ lí. Do đó có sự sai biệt của ba thừa tiếp vật lợi sanh mà độ chúng tới vô biên, lòng bi cứu độ ấy rộng lớn và phép tắc ấy đầy đủ vậy. Rồi Ngài nhập diệt ở Song Lâm, chỉ trông cậy đến Âm Quang (Ma ha Ca diếp) tiếp nhận tương truyền.

Bắt đầu từ Đạt Ma chẳng lập văn tự mà chỉ thẳng nguồn tâm, chẳng bước qua thứ bậc mà lên thẳng Phật địa. Đến khi năm nhà hình thành thì Tông này mới bắt đầu thịnh, mỗi thêm nghìn ngọn đèn và càng đông dần. Những người đạt bảo sở khá

nhiều, số người chuyển pháp luân chẳng phải có một. Cái ý chỉ Đấng Đại Hùng (Phật) phó chúc là con đường để chánh nhân lưu thông, hành riêng ngoài giáo điển chẳng thể nghĩ bàn.

Các vua Tống mở vận hội cổ xúy sự linh u của con người. Thái Tổ đem võ công như thần dẹp yên loạn lạc mà chuộng đất Phật mở cửa hóa duyên. Thái Tông anh minh tự biện luận và soạn thuật bí thuyên<sup>(1)</sup>, thỏa thích đến chơn đế. Hoàng thượng có khiếu văn tài noi chí (cha ông) mà viết lời tựa Thánh Giáo Dịch Tông Phong. (Các vua Tống góp phần) Soi sáng rừng chữ nghĩa cho đến nghĩa thiên<sup>(2)</sup>, khoa tiếng vàng vang đến giác uyển, lời thâm khế với Liên hoa tạng thế giới (làm cho) dòng dõi hàng tôn tức Tây Thiên thịnh lên, những người tài sinh sôi nảy nở càng nhiều, người truyền liễu nghĩa luân phiên ra đời và dòng giáo hóa viên đốn đến tận từng địa phương.

Ngài Đạo Nguyên là vị tăng ở xứ Đông Ngô. Với tâm thiền duyệt sâu xa, Ngài tầm nghĩa lý ẩn

---

<sup>(1)</sup> Bí thuyên: Dùng phương tiện ngôn ngữ để giảng bày chỗ tuyệt đối sâu kín.

<sup>(2)</sup> Nghĩa thiên: Chỉ chữ Bồ tát từ Thập Trụ trở lên, vì họ khéo hiểu và giải nghĩa các pháp, thấy tất cả các pháp rỗng không nên gọi là nghĩa thiên.

mật trong Không tông vạch ra Tổ đồ tiếp nối. Khi lời và câu của các nhà có sự lẫn lộn với nhau, Ngài chọn lựa ngữ lục của họ mà sắp xếp theo tông phái riêng. Từ bảy Đức Phật cho đến con cháu của Tông Đại Pháp Nhãn có khoảng năm mươi hai đời, gồm 1701 người, tập thành 30 quyển, đặt tên là Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, rồi đến cửa Khuyết dăng lên vua mong được truyền bá. Hoàng thượng là người ngoại hộ cho Phật pháp, khen việc làm cần cù hết lòng tận trọng của con nhà họ Thích và mong sách còn dài lâu. Rồi ban chiếu cho thần là Dương Úc, giữ chức Hàn Lâm Học Sĩ Tả ti Giám tri chế cáo; thần Lý Duy, giữ chức Binh bộ viên ngoại lang Tri chế cáo; và thần Vương Thự, giữ chức Thái thường thừa đồng tham gia sửa chữa xem xét và quyết định cho in.

Chúng thần mù mờ ý chỉ tam học<sup>(3)</sup> và mê muội phương tiện về ngũ tánh<sup>(4)</sup>, thiếu tài năng phiên dịch

---

<sup>(3)</sup> Tam học: Ba môn tu học: Giới, định, huệ. Giới, phòng thân khẩu ý tạo ác nghiệp; Định, nhiếp tâm tán loạn trừ tạp niệm; Huệ, trí tuệ hay phát hiện bốn tánh các pháp, trừ phiền não và thấy Phật tánh.

<sup>(4)</sup> Ngũ tánh hay ngũ chủng tánh: Tùy theo chủng tử vô lậu đã có của chúng sanh mà chia họ thành năm loại chủng tánh (theo Pháp tướng tông).

(1) Định tánh thanh văn: Chủng tử vô lậu của họ hợp với quả vị thanh văn;

(2) Định tánh duyên giác: Chủng tử vô lậu của họ hợp với quả vị duyên giác;

(3) Định tánh Bồ tát: Chủng tử vô lậu của họ hợp với quả vị Bồ tát, Phật;

(4) Bất định tánh: Chủng tử vô lậu gồm đủ ba thừa trên, quả vị bất định;

của Lâm Xuyên, mờ mịt yếu chỉ lặng thinh của Tỳ-da. Kính vâng nghiêm mệnh chẳng dám ngại khó, trộm mượn chỗ yên tĩnh mà thông thả tìm kiếm khảo cứu ý nghĩa biên soạn của sách. Vì lấy chơn không làm gốc để thuật lại cái nhân nhập đạo của chư thánh đời trước, nêu lời nói khế lý của người xưa nên cơ duyên giao kích cũng như chống đỡ trước mũi tên, như (ngựa) trông bóng roi (biết đường đi) mà trí tạng phát quang ngõ hầu dẫn dắt kẻ hậu học. Mở thông thủ đoạn vào huyền học để người sau nhật lấy, trưng dẫn chỗ xuất xứ dù nhiều cặn bã khả dĩ tìm ra chất dầu. Nếu có bậc đại sĩ dạy chúng dùng một âm thanh khai diễn mà hàm linh nghe rợn người điếc tai mới là sự chứng minh cho ngàn thánh. Đúng lúc đó nêu lên với tư chất đó nắm ít phần mà nên việc ấy. Nếu như (chúng thần) tự ý nhuận sắc thêm văn vẻ thì hỏng mất đường về theo ý chỉ đó, đã chẳng phải vì ngôn ngữ khác nhau giữa Hoa Ấn mà hầu như do khắc lằm để ngọc hư đi, hơn nữa việc ghi chép sự thật qua tư liệu ắt sự lằm lẩn vẫn tồn tại. Vì vậy nhờ có bài tựa viết minh bạch.

Lời nói và hành động vốn xa nhau nhưng không thể không dùng văn tự. Thế nên cần có sự duyên về

---

(5) Vô tánh: Không có chủng tử vô lậu của ba thừa;

ngữ lục để làm tiêu chuẩn rõ ràng với từng thứ vết tích, muốn cho văn được nhất quán nên đoạn văn nào lộn xộn hoặc lời dạy thô lỗ đều lược bỏ đi. Đến cư sĩ Nho thân có hỏi đáp thì chức vụ tên họ được chép rõ ràng, tra xét lịch năm nếu có sai khác thì quy theo sách sử mà bỏ đi chỗ sai lầm. Để cho truyện thêm phần xác tín, chẳng phải (chúng thần) tự vạch bày huyền thú vì rất khó như ném hạt cải chạm đầu kim. Đuổi theo cơ nhanh như điện xẹt, khai thị diệu minh chơn tâm, noi theo thâm lý về khổ không thì lấy gì làm khế hợp với sự chỉ dạy (bằng văn tự) trong Truyền Đăng?

Tốn công khoét thịt gây thương tích, nếu như chỉ tưởng thuật sự cảm ứng giữa hai bên bằng cách dẫn chứng hay chỉ kể lại về sự tích du phương tham vấn. Đây đã là tiêu chuẩn cho lịch sử về tăng mà đối với việc lý giải về thiền có gì để nắm? Tạm còn để lại danh mục của các thế hệ, chỉ mong chép lại sự truyền thừa tự nhiên mà bản cổ có ghi, hoặc giả bỏ đi cái thô thiển và giữ cái tinh hoa, góp nhặt những cái khác nhau hiện đang còn đủ, phải tìm manh mối trong văn học thiền mà bỏ khuyết. Đại khái có thêm thắt chọn lựa, do vậy đến khi viết tựa luận này thì sách có phần tăng thêm, có chỗ chẳng phải văn của cổ đức. (Có người đặt) câu hỏi: “Phần ghi thêm bên

những môn đồ nối tiếp mạng mạch thiền tông chỉ gây thêm rườm rà (hai chữ “tuyên nhượng” lấy từ tập công văn của Trương Yến đời Đường, nghĩa là những trường – rườm rà), cũng nên cắt bớt đi nhiều vị để được đơn giản?”.

Gần hết năm đó mới duyệt xong thiên cuối. Chúng thần ý thức tự thấy thẹn đối với nội dung khó khăn sâu xa này, tủi hổ vì học vấn sơ sài thiên cơ vốn thiếu cận và văn lực còn nghèo. Diệu đạo ở nơi người (chúng thần) tuy vạch tâm mà chờ đợi lời huyền tuyệt tục, mặt nhìn vách mà sống đã lâu, lạm đem ý riêng tư chọn lựa không phát huy hiệu quả. Cuối cùng gỡ xong đầu mối đem kính dâng lên làm sách vở, thật không đáng để bậc đế vương uổng công duyệt lãm.

Kính dâng đức vua.



## BÀI TƯỜNG TRÌNH VỀ SỰ TRÙNG SAN CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

Hy Vị là tăng kỳ cựu ở thiền tự Hộ Thánh Vạn Tuế, núi Đạo Tràng, lộ Hồ Châu. Vốn người châu Xương Quốc, lộ Khánh Nguyên, họ Đồng.

Còn nhỏ đến lễ Hòa thượng Tuyệt Chiếu, ở thiền tự Quán Âm tại thành thuộc lộ nhà, làm thầy. Đến khi có pháp danh đến lễ Hòa thượng Long Nguyên, ở thiền tự Phổ Quang thuộc Khai Thọ huyện Từ Khê, thế phát làm tăng. Rồi lễ Hòa thượng Tuyệt Nhài chùa Luật ở Ngũ Đài, thọ giới cụ túc.

Nhận mệnh Tây du đạo khắp vùng núi Linh Ẩn, sau gặp tiên sư Hòa thượng Long Nguyên. Về ở núi này theo thầy tham tỉnh, đến nay trọn đủ mà chưa thể báo đáp mỗi khi nhớ đến ân sư.

Kính xem.

Phật Tổ từ trước gồm 30 quyển Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, từ bảy Phật đến pháp tự của dòng Pháp Nhãn có 52 đời. Từ năm Cảnh Đức<sup>(5)</sup> (Tổng Chơn Tông, 1004 – 1007), đến năm bính thìn

---

<sup>(5)</sup> Năm 1004, bộ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục gồm 30 quyển ra đời lần đầu vào niên hiệu Cảnh Đức, vua Chơn Tông nhà Tống.

1316, niên hiệu Diên Hựu (Nguyên Nhân Tông, 1314 – 1320), có khoảng 317 năm, bản xưa tiêu mất đầu còn, hậu học mền mộ không được gì vì vậy phát tâm in lại. Tình cờ gặp được bản xưa ở Ổn Am Lư Sơn, do Hòa thượng Tùng Lư ở chùa Thiên Thánh thuộc lộ nhà cất giữ, là bản còn tốt nhất. Thật là đẹp lòng thỏa chí. Đến ngày 10 tháng giêng năm bính thìn (1316) đem y bát rao bán được hơn một vạn hai ngàn quan tiền, cũng ngày này gọi thợ cho in lưu hành ở đời mà lưu thông Tổ đạo.

Lục này tính hết có 36 vạn 7917 chữ (367917). Đến mừng một tháng chạp năm đó công việc thợ hoàn tất, cho in liền. Phân phát 300 bộ ở vùng Lương Chiết để ở các danh sơn, phương trượng thư viện các liêu mỗi nơi một bộ, làm phương tiện cho nạp tạng (thiền sinh) khắp nơi biện đạo tham cứu, góp điều tốt lợi để đền đáp tứ ân và làm tư lương cho tam giới.

Đại Nguyên năm Diên Hựu thứ ba (1316) ngày mừng một tháng chạp.

Tăng Kỳ Cự Hy Vị                      Kính cẩn giải bày

Tiểu tỳ kheo Văn Nhã                  Đốc suất

Tỳ kheo nổi pháp trụ trì núi Sĩ Tuân    Chủ động

## TÂY LAI NIÊN BIỂU

### Nam Tê (Nam Triều)

Thái Tổ Cao hoàng đế họ Tiêu, tên Đạo Thành, nhận ngôi từ nhà Tiền Tống. Đóng đô ở Kim Lăng (479-501)

### Hậu Ngụy (Bắc Triều)

Cao Tổ Hiếu Văn hoàng đế, tên Hoàn, họ Thác Bạt. Đời vua thứ 6 lên ngôi đổi niên hiệu Duyên Hưng, nhằm thời Tiền Tống Minh Đế năm Thái Thủy thứ 7, năm tân hợi 471. Đến năm Thái Hòa<sup>(6)</sup> thứ 18 494, dời đô về Lạc Dương; thứ hai mươi 496, họ Thác Bạt đổi tên là Nguyên. (386-534)

---

<sup>(6)</sup> Thái Hòa: Niên hiệu Hiếu Văn đế Bắc Ngụy, 477 – 499.

## Cảnh Đức Truyền Đăng Lục

---

Kỷ Mùi 479	Kiến Nguyên năm đầu	Thái Hòa thứ 3
Canh Thân 480	Kiến Nguyên thứ 2	Thái Hòa thứ 4
Tân Dậu 481	Kiến Nguyên thứ 3	Thái Hòa thứ 5
Nhâm Tuất 482	Kiến Nguyên thứ 4 vua băng Thế Tổ Vũ đế, tên Trách lên ngôi	Thái Hòa thứ 6
Quý Hợi 483	Vĩnh Minh năm đầu	Thái Hòa thứ 7
Giáp Tý 484	Vĩnh Minh thứ 2	Thái Hòa thứ 8
Ất Sửu 485	Vĩnh Minh thứ 3	Thái Hòa thứ 9
Bính Dần 486	Vĩnh Minh thứ 4	Thái Hòa thứ 10
Đinh Mão 487	Vĩnh Minh thứ 5	Thái Hòa thứ 11
Mậu Thìn 488	Vĩnh Minh thứ 6	Thái Hòa thứ 12
Kỷ Ty 489	Vĩnh Minh thứ 7	Thái Hòa thứ 13
Canh Ngọ 490	Vĩnh Minh thứ 8	Thái Hòa thứ 14
Tân Mùi 491	Vĩnh Minh thứ 9	Thái Hòa thứ 15

Nhâm Thân 492	Vĩnh Minh thứ 10 Dự Chương vương tên là Nghi hoǎng (chết)	Thái Hòa thứ 16
Quý Dậu 493	Vĩnh Minh thứ 11. Tháng giêng, thái tử Văn Huệ hoǎng (chết). Tháng 7, vua băng (chết) Uất Lâm Vương, tên là Chiêu Nghiệp lên ngôi	Thái Hòa thứ 17
Giáp Tuất 494	Long Xương năm đầu. Tháng 7 phế vua. Hải Lăng vương, tên là Chiêu Văn lên ngôi, đổi niên hiệu là Duyên Hưng, tháng 11 phế vua. Cao Tông Minh đế, tên là Loan tháng 11 lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Vũ nguyên niên	Thái Hòa thứ 18 Đời đô về Lạc Dương

Ất Hợi 495	Kiến Vũ thứ 2	Thái Hòa thứ 19
Bính Tý 496	Kiến Vũ thứ 3	Thái Hòa thứ 20 Đổi họ là Nguyên
Đinh Sửu 497	Kiến Vũ thứ 4 <b>Năm sinh Phó Đại Sĩ</b>	Thái Hòa thứ 21
Mậu Dần 498	Cao Tông Minh đế đổi niên hiệu là Vĩnh Thái nguyên niên, vua băng. Đông Hôn hầu, tên Bảo Quyển lên ngôi, đổi niên hiệu Vĩnh Nguyên nguyên niên	Thái Hòa thứ 22
Kỷ Mão 499	Vĩnh Nguyên năm đầu	Thái Hòa thứ 23 Vua Hiếu Văn đế băng. Thế Tông Tuyên Vũ Hoàng đế, tên là Khác lên ngôi đổi niên hiệu Cảnh Minh nguyên niên.

Canh Thìn 500	Vĩnh Nguyên thứ 2	Cảnh Minh năm đầu
Tân Ty 501	Vĩnh Nguyên thứ 3. Phế vua. Hòa đế tên là Bảo Dung lên ngôi, đổi niên hiệu là Trung Hưng nguyên niên.	Cảnh Minh thứ 2
Nhâm Ngọ 502	Trung Hưng thứ 2. <b>Nhường ngôi cho họ Lương.</b> Họ Tiêu làm chủ Nam Tề, có bảy vua gồm 24 năm, rồi nhường ngôi cho họ Lương. Nhà Lương, đóng đô ở Kim Lăng. Cao Tổ Vũ Hoàng đế, tên Diễn họ Tiêu, nhận ngôi từ Tề. Đổi niên hiệu Thiên Giám nguyên niên.	Cảnh Minh thứ 3

## Cảnh Đức Truyền Đăng Lục

---

Quý Mùi 503	Thiên Giám thứ 2	Cảnh Minh thứ 4
Giáp Thân 504	Thiên Giám thứ 3	Chánh Thủy nguyên niên
Ất Dậu 505	Thiên Giám thứ 4	Chánh Thủy thứ 2
Bính Tuất 506	Thiên Giám thứ 5	Chánh Thủy thứ 3
Đinh Hợi 507	Thiên Giám thứ 6	Chánh Thủy thứ 4
Mậu Tý 508	Thiên Giám thứ 7	Vĩnh Bình nguyên niên.
Kỷ Sửu 509	Thiên Giám thứ 8	Vĩnh Bình thứ 2
Canh Dần 510	Thiên Giám thứ 9	Vĩnh Bình thứ 3.
Tân Mão 511	Thiên Giám thứ 10	Vĩnh Bình thứ 4.
Nhâm Thìn 512	Thiên Giám thứ 11 <b>Phó Đại Sĩ lấy vợ</b>	Duyên Xương nguyên niên.
Quý Ty 513	Thiên Giám thứ 12	Duyên Xương thứ 2.
Giáp Ngọ 514	Thiên Giám thứ 13 <b>Chí Công nhập diệt</b>	Duyên Xương thứ 3.



Ất Mùi 515	Thiên Giám thứ 14	Duyên Xương thứ 4. Vua băng.
Bính Thân 516	Thiên Giám thứ 15	Túc Tông Hiếu Minh Hoàng đế, tên Dực lên ngôi, đổi niên hiệu là Hi Bình nguyên niên
Đinh Dậu 517	Thiên Giám thứ 16	Hi Bình thứ 2
Mậu Tuất 518	Thiên Giám thứ 17	Thần Quy nguyên niên
Kỷ Hợi 519	Thiên Giám thứ 18	Thần Quy thứ 2
Canh Tý 520	Phổ Thông nguyên niên. <b>Đạt ma đến Lương, Phó Đại Sĩ gặp Tung Đầu đà (Đạt ma).</b>	Chánh Quang nguyên niên. Căn cứ sách Tục Pháp Kí của Bảo Xương, tăng nhà Lương, Chánh Tông Kí ghi: “Năm này Đạt ma đến nước Lương rồi qua nước Ngụy”. Lý này tin được.

## Cảnh Đức Truyền Đăng Lục

---

Tân Sửu 521	Phổ Thông thứ 2. Phó Đại Sĩ rao bán vợ con	Chánh Quang thứ 2
Nhâm Dần 522	Phổ Thông thứ 3.	Chánh Quang thứ 3
Quý Mão 523	Phổ Thông thứ 4.	Chánh Quang thứ 4
Giáp Thìn 524	Phổ Thông thứ 5.	Chánh Quang thứ 5
Ất Ty 525	Phổ Thông thứ 6. Chiếu rước Phó Đại Sĩ	Hiếu Xương nguyên niên.
Bính Ngọ 526	Phổ Thông thứ 7.	Hiếu Xương thứ 2
Đinh Mùi 527	Tháng 3 đổi niên hiệu là Đại Thông nguyên niên. Bản cũ Truyền Đăng chép: “Mùng 1 tháng 10 Đạt ma đến Kim Lăng” là lầm.	Hiếu Xương thứ 3 Truyền Đăng Cự chép: “Ngày 23 tháng 11, Đạt ma đến Lạc Dương” là lầm.
Mậu Thân 528	Đại Thông thứ 2	Vũ Thái nguyên niên, tháng 2 vua băng. Lập ấu chúa là Thuyên tháng 4 băng, lập Trang đế. Ngũ Tông Kí dẫn chứng Tục

Pháp Kí của Bảo Xương, chép: “**Năm này Đạt ma thị hiện nhập diệt**”. Lý này tin được.

Kính Tông Hiếu Trang Hoàng đế tên là Tử Du, tháng 4 lên ngôi đổi niên hiệu là Kiến Nghĩa. Tháng 9 Kiến Nghĩa nguyên niên lại đổi niên hiệu là Vĩnh An.

Vĩnh An nguyên niên.

Kỷ Dậu 529 Trung Đại Thông nguyên niên

Vĩnh An thứ 2

Canh Tuất 530 Trung Đại Thông thứ 2

Vĩnh An thứ 3

Tháng 12 vua (Hiếu Trang) băng. Nếu căn cứ Tục Pháp

		Truyện của Bảo Xương thì sứ giả của Ngụy (Hiếu Minh đế) trở về Lạc Dương tâu gặp Đạt ma về Tây, vì trong năm này Minh Đế đã băng nhưng Hiếu Trang hãy còn tại vị.
Tân Hợi 531	Trung Đại Thông thứ 3	Thái tử Thống hoẵng (chết). Tiền phế đế tên Cung, tháng 2 lên ngôi đổi niên hiệu là Phổ Thái. Phổ Thái nguyên niên.
Nhâm Tý 532	Trung Đại Thông thứ 4	Phổ Thái thứ hai. Tiền phế đế bị truất ngôi. Hậu phế đế tên Lãng. Phổ Thái năm đầu tháng 6 tướng Cao Hoàn lập vua (Hậu phế đế) ở Tín Đô, đổi

Quý Sửu 533	Trung Đại Thông thứ 5	niên hiệu là Trung Hưng nguyên niên, đến tháng 4 Phổ Thái thứ 2 phế vua. Xuất đế tên Tu Quảng. Tháng 4 Phổ Thái thứ 2 lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Xương. Tháng 12 Thái Xương nguyên niên lại đổi là Vĩnh Hi nguyên niên.
Giáp Dần 534	Trung Đại Thông thứ 6	Vĩnh Hi thứ 2 Vĩnh Hi thứ 3. Tháng 10, đế bị tướng ông là Cao Hoàn ép đi ở Quan Trung. Hoàn lập Thanh Hà vương là Thái tử Thiện Kiến làm vua, đóng đô đất Nghiệp (Hà

Nam), đó là **Đông Ngụy**. Từ đó **Ngụy chia làm Đông, Tây**.

Tháng 12 vua bị đầu độc chết.

Nhà Hậu Ngụy có 12 vua, gồm 149 năm chia ra Đông Ngụy và Tây Ngụy.

**Tây Ngụy** đóng đô ở Trường An, **Đông Ngụy** đóng đô đất Nghiệp (Lạc Dương). **Tây Ngụy**, Văn Hoàng đế tên Bảo Cự con của Kinh Triệu vương Du, Vũ Văn Thái đưa lên ngôi. **Đông Ngụy**, Hiếu Tĩnh đế tên Thiện Kiến, Cao Hoàn đưa lên ngôi, năm

			Vĩnh Hi thứ ba đổi niên hiệu là Thiên Bình. Thiên Bình nguyên niên.
Ất Mão 535	Đại Đồng nguyên niên. (Niên hiệu của Lương Vũ Đế)	Đại Thống nguyên niên (Niên hiệu của Văn đế, Tây Ngụy)	Thiên Bình thứ 2 (Đông Ngụy)
Bính Thìn 536	Đại Đồng thứ 2	Đại Thống thứ 2	Thiên Bình thứ 3 Cựu bản Truyền Đăng chép: “Ngày 5 tháng 10 Đạt Ma tịch, tháng 12 táng ở núi Hùng Nhĩ Lạc Dương”. Bấy giờ Lạc Dương thuộc Đông Ngụy. Lầm
Đinh Tỵ 537	Đại Đồng thứ 3	Đại Thống thứ 3	Thiên Bình thứ 4

## Cảnh Đức Truyền Đăng Lục

---

Mậu Ngọ 538	Đại Đồng thứ 4	Đại Thống thứ 4	Nguyên Tượng nguyên niên
Kỷ Mùi 539	Đại Đồng thứ 5	Đại Thống thứ 5	Hưng Hòa nguyên niên.  Cựu Truyền Đăng chép: “Sứ giả phụng mệnh vua đi sứ Tây vực trở về, tâu quật mồ Đạt ma thấy áo quan trống với một chiếc giày”. Lầm
Canh Thân 540	Đại Đồng thứ 6	Đại Thống thứ 6	Hưng Hòa thứ 2
Tân Dậu 541	Đại Đồng thứ 7	Đại Thống thứ 7	Hưng Hòa thứ 3
Nhâm Tuất 542	Đại Đồng thứ 8	Đại Thống thứ 8	Hưng Hòa thứ 4
Quý Hợi 543	Đại Đồng thứ 9	Đại Thống thứ 9	Vũ Định nguyên niên
Giáp Tý 544	Đại Đồng	Đại Thống	Vũ Định thứ 2



## Cảnh Đức Truyền Đăng Lục

---

	thứ 10	thứ 10	
Ất Sửu 545	Đại Đồng thứ 11	Đại Thống thứ 11	Vũ Định thứ 3
Bính Dần 546	Trung Đại Đồng nguyên niên	Đại Thống thứ 12	Vũ Định thứ 4
Đinh Mão 547	Thái Thanh nguyên niên (Lương Vũ Đế)	Đại Thống thứ 13	Vũ Định thứ 5
Mậu Thìn 548	Thái Thanh thứ 2. <b>Hậu Cảnh phản vua</b>	Đại Thống thứ 14	Vũ Định thứ 6
Kỷ Ty 549	Thái Thanh thứ 3 Tháng 5 Lương Vũ Đế băng. Giản Văn đế tên Cương lên ngôi, đổi niên hiệu.	Đại Thống thứ 15	Vũ Định thứ 7

Canh Ngọ 550 Thái Bảo  
nguyên niên

Đại Thống  
thứ 16

Vũ Định thứ 8

**Tháng 5 nhường  
ngôi cho Bắc Tề.**

Nhà Đông Ngụy có một vua trị vì 17 năm. Bắc Tề đóng đô ở đất Nghiệp. Văn Tuyên đế tên Dương họ Cao, con thứ ba của Cao Hoàn, tháng 5 nhận ngôi vua, lập niên hiệu là Thiên Bảo.

Thiên Bảo

nguyên niên

Tân Mùi 551 Thái Bảo  
thứ 2

Đại Thống  
thứ 17

Thiên Bảo thứ 2.

**Tam Tổ gặp Nhị  
Tổ**

Hầu Cảnh phế vua (Giản Văn đế), rồi lập Dự Chương vương tên Luyện, chẳng bao lâu rồi giết vua.  
Tháng 11

Phế đế tên Khâm, con trưởng của Văn đế lên ngôi không đổi niên hiệu.

Cảnh lại phế Luyện, tự lập tiếm hiệu. Nguyên đế đánh dẹp và chém Cảnh.  Hiếu Nguyên đế tên Dịch, tháng 11 lên ngôi ở Giang Lăng, đổi niên hiệu là Thừa Thánh nguyên niên.		
Nhâm Thân 552 Thừa Thánh nguyên niên.	Đại Thống nguyên niên	Thiên Bảo thứ 3
Quý Dậu 553 Thừa Thánh thứ 2	Đại Thống thứ 2	Thiên Bảo thứ 4
Giáp Tuất 554 Thừa Thánh thứ 3  Tháng 11 vua bị quân Ngụy bắt rồi giết đi. Kính đế tên Phương Trí,	Đại Thống thứ 3  Tháng giêng Vũ Văn Thái phế vua rồi lập Tề	Thiên Bảo thứ 5. <b>Hòa thượng Tư Đại (Huệ Tư) ở núi Đại Tô.</b>

	Nguyên đế đã bị bắt, ở bên trong tự lập nhà <b>Hậu Lương</b> đóng đô ở Giang Lăng. Vương Tăng Biện, Trần Bá Tiên thờ vua làm Lương chủ. Tháng 9 năm Thừa Thánh thứ 4 lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiệu Thái nguyên niên.	vương tên Khuếch. Cung đế tên Khuếch, con của Văn đế. Vũ Văn Thái lập lên, không đổi niên hiệu chỉ gọi nguyên niên. Nguyên niên	
Ất Hợi 555	Thiệu Thái nguyên niên	Năm thứ 2	Thiên Bảo thứ 6
Bính Tý 556	Đại Bình nguyên niên	Năm thứ 3 Tháng 12 vua nhường ngôi cho <b>nhà Chu</b> . Tây Ngụy có ba vua trị vì 23 năm. <b>(Bắc) Hậu</b>	Thiên Bảo thứ 7

	<p><b>Chu</b> đóng đô Trường An. Mẫn đế tên Giác, họ Vũ Văn, con của Văn đế Thái. Nhận ngôi từ nhà Tây Ngụy, lên ngôi chỉ xưng Nguyên niên. Nam sử lấy năm sau 557 là Nguyên niên.</p>	
Đinh Sửu 557 Đại bình thứ 2	Năm thứ 2	Thiên Bảo thứ 8
Tháng 10 phong tước thừa tướng cho Trần Bá Tiên, làm Trần vương. Vua nhường ngôi cho <b>Trần</b> . Nhà	Tháng 9 Vũ Văn Hộ biếm vua còn tước công, đày đi Lạc Dương, rồi giết vua. Minh đế tên Dục, là con trưởng của	

<p>Lương có 4 vua trị vì 56 năm.</p> <p><b>Nhà Trần</b> đóng đô ở Kim Lăng.</p> <p>Cao Tổ Vũ  đế tên là Bá Tiên họ Trần nhận ngôi từ Lương, lên ngôi lập niên hiệu là Vĩnh Định.</p> <p>Vĩnh Định nguyên niên.</p>	<p>Văn đế Thái. Vũ Văn Hộ lập nên, lên ngôi đổi niên hiệu là Vũ Định. Vũ Định nguyên niên. Nam sử cũng ghi là Nguyên niên, không đổi niên hiệu</p>	
<p>Mậu Dần 558 Vĩnh Định thứ 2.</p> <p><b>Trí Giả thọ giới cụ túc.</b></p>	<p>Năm thứ 2</p>	<p>Thiên Bảo thứ 9</p>
<p>Kỷ Mão 559 Vĩnh Định thứ 3. Tháng 6 vua băng. Văn đế</p>	<p>Vũ Thành nguyên niên.</p>	<p>Thiên Bảo thứ 10 Tháng 10 vua băng. Phế đế tên Ân, con trưởng của Văn</p>

	tên Cựu con trưởng của Thủy Hưng vương lên ngôi.	Trần ghi là Phương Kiến niên hiệu	Tuyên đế lên ngôi.
Canh Thìn 560	Thiên Gia nguyên niên. <b>Trí Giả yết Kiến Hòa thượng Tư Đại ở núi Đại Tô</b>	Vũ Thành thứ 2. Vũ đế tên Ung, con thứ 4 của Văn đế, theo di chiếu lên ngôi	Càn Minh nguyên niên. Thái hậu ra lệnh phế vua. Chiêu đế tên Diễn, con thứ 6 của Hoàn, tháng 8 lên ngôi. Đổi niên hiệu là Hoàng Kiến. Hoàng Kiến nguyên niên.
Tân Ty 561	Thiên Gia thứ 2	Bảo Định nguyên niên. Tuyên đế của Hậu Lương <sup>(7)</sup> băng, Tử	Hoàng Kiến thứ 2 Vua băng. Vũ Thành đế tên Trạm, con thứ 9 của Hoàn lên ngôi, đổi niên hiệu là Đại

---

<sup>(7)</sup> Hậu Lương: Chánh quyền do họ Tiêu kiến lập ở Giang Lăng (554 – 587), là nước phụ dung của Tây Ngụy, Bắc Chu.

---

## Cảnh Đức Truyền Đăng Lục

---

			Khuy lên. Đó là Minh đế, đổi năm Thiên Bảo	Ninh. Đại Ninh nguyên niên.	
Nhâm	Ngọ	562	Thiên Gia thứ 3	Bảo Định thứ 2	Thanh Hà nguyên niên.
Quý	Mùi	563	Thiên Gia thứ 4	Bảo Định thứ 3	Thanh Hà thứ 2.
Giáp	Thân	564	Thiên Gia thứ 5	Bảo Định thứ 4	Thanh Hà thứ 3.
Ất	Dậu	565	Thiên Gia thứ 6	Bảo Định thứ 5	Thanh Hà thứ 4 Vua nhường ngôi cho thái tử, tự xưng Thái Thượng Hoàng. Hậu chúa tên Vĩ, nhận ngôi vua đổi niên hiệu là Thiên Thống. Thiên Thống nguyên niên.
Bính	Tuất	566	Thiên Khang nguyên niên. Tháng 4	Thiên Hòa nguyên niên	Thiên Thống thứ 2
			vua		



băng. Phế đế tên Bá Tông, con trưởng của Văn đế lên ngôi.		
Đinh Hợi 567 Quang Đại nguyên niên. <b>Hòa thượng Tư Đại (Huệ Tư) dời về Nam Nhạc.</b>	Thiên Hòa thứ 2	Thiên Thống thứ 3
Mậu Tý 568 Quang Đại thứ 2. Phế vua. Tuyên đế tên Húc, con của Chiêu Liệt vương lên ngôi theo lệnh của Thái Hậu.	Thiên Hòa thứ 3	Thiên Thống thứ 4
Kỷ Sửu 569 Thiên Kiến nguyên niên <b>Phó Đại Sĩ tịch, Trí Giả về Kim Lăng.</b>	Thiên Hòa thứ 4	Thiên Thống thứ 5

## Cảnh Đức Truyền Đăng Lục

---

Canh Dần 570 Thiên Kiến thứ 2	Thiên Hòa thứ 5	Vũ Bình nguyên niên
Tân Mão 571 Thiên Kiến thứ 3	Thiên Hòa thứ 6	Vũ Bình thứ 2
Nhâm Thìn 572 Thiên Kiến thứ 4	Kiến Đức nguyên niên	Vũ Bình thứ 3
Quý Tỵ 573 Thiên Kiến thứ 5	Kiến Đức thứ 2	Vũ Bình thứ 4
Giáp Ngọ 574 Thiên Kiến thứ 6	Kiến Đức thứ 3	Vũ Bình thứ 5
	<b>Phế hai tôn giáo: Phật và Đạo giáo<sup>(8)</sup></b>	
Ất Mùi 575 Thiên Kiến thứ 7 <b>Trí Giả ẩn ở núi Thiên Thai</b>	Kiến Đức thứ 4	Vũ Bình thứ 6

---

<sup>(8)</sup> Pháp nạn lần nhì ở đời Bắc Chu, triều Võ đế.

<p>Bính Thân 576 Thiên Kiến thứ 8</p>	<p>Kiến Đức thứ 5</p>	<p>Vũ Bình thứ 7</p> <p>Tháng 12 bị Chu Vũ đánh bại, đổi niên hiệu là Long Hóa, Long Hóa nguyên niên. Đức An vương là Duyên Tông lên ngôi ở Tấn Dương, đổi niên hiệu là Đức Xương, sau bị Chu bắt.</p> <p>Ấu chúa tên Hằng. Hậu chúa nghe người xem khí vận nói là phải có sự thay đổi, nên truyền ngôi cho ấu chúa, tự xưng Thái Thượng hoàng.</p>
<p>Đinh Dậu 577 Thiên Kiến thứ 9</p> <p><b>Hòa thượng Tư Đại tịch</b></p>	<p>Kiến Đức thứ 6</p>	<p>Thừa Quang nguyên niên.</p> <p>Tháng giêng Ấu chúa lên ngôi, tại vị 18 ngày, cùng Hậu chúa đều bị Chu</p>

Mậu Tuất 578 Thiên Kiến  
thứ 10

Tuyên Chánh  
nguyên niên.

Vũ đế cầm  
binh bắc  
phạt. Tháng  
6 băng ở  
Thừa Hưng.

Tuyên đế tên  
Bân, con  
trưởng Vũ đế  
lên ngôi.

bắt. Mất nước.

Bắc Tề có 6 vua, trị  
vì 28 năm. Bị Chu  
diệt

Kỷ Hợi 579 Thiên Kiến  
thứ 11

Đại Thành nguyên niên.

Tháng giêng lập Lỗ vương Diễn  
làm Hoàng thái tử, tháng 2 truyền  
ngôi cho thái tử rồi tự xưng Thiên  
Nguyên Hoàng Đế. Tính đế tên  
Diễn, sau đổi tên là Xiển, con  
trưởng của Tuyên đế. Tuyên đế  
truyền ngôi ở Nghiệp cung, đổi  
niên hiệu là Đại Tượng. Đại  
Tượng nguyên niên.

Canh Tý 580 Thiên Kiến

thứ 12

Đại Tượng thứ 2

Tuyên đế băng. Phục hồi hai tôn giáo Phật và Đạo giáo. Ban đại thừa tướng Dương Kiên làm tướng quốc, lên tước vương, đủ cử tích (vua ban 9 loại vật quý)

Tân Sửu 581 Thiên Kiến

thứ 13

Tháng giêng đổi niên hiệu là Đại Định nguyên niên.

Tháng 2 nhà **Hậu Chu** hay **Bắc Chu** nhường ngôi cho **nhà Tùy**.

Nhà Hậu Chu có 5 vua, trị vì 26 năm, nhường ngôi cho Tùy.

Tùy đóng đô ở Trường An.

Cao Tổ Văn Hoàng đế tên Kiên, họ Dương. Đại Định nguyên niên tháng 2 nhà Hậu Chu nhường ngôi, Cao Tổ lên ngôi lập niên hiệu Khai Hoàng.

Khai Hoàng nguyên niên.

Nhâm Dần 582 Thiên Kiến

thứ 14

Khai Hoàng thứ 2

Tháng giêng đế băng, Hậu chúa tên Thúc

## Cảnh Đức Truyền Đăng Lục

---

Bảo, con trưởng của Tuyên đế, lên ngôi.		
Quý Mão 583	Chí Đức nguyên niên	Khai Hoàng thứ 3
Giáp Thìn 584	Chí Đức thứ 2	Khai Hoàng thứ 4
Ất Ty 585	Chí Đức thứ 3	Khai Hoàng thứ 5 Nhà Hậu Lương, Tiêu Tông lên ngôi.
Bính Ngọ 586	Chí Đức thứ 4	Khai Hoàng thứ 6 Hậu Lương đổi niên hiệu Quảng Vận.
Đinh Mùi 587	Trinh Minh nguyên niên	Khai Hoàng thứ 7 Hậu Lương có 3 vua, trị vì 33 năm. Năm này nhà Tùy phế nhà Hậu Lương.
Mậu Thân 588	Trinh Minh thứ 2	Khai Hoàng thứ 8
Kỷ Dậu 589	Trinh Minh thứ 3 Tháng giêng tướng của Tùy là Hàn Cầm vào	Khai Hoàng thứ 9 <b>Tùy dẹp yên nhà Trần thống nhất thiên hạ.</b>

Kiến Nghiệp bắt  
Hậu chúa, mất  
nước.

Nhà Trần có 5 vua, trị vì 33 năm,  
bị Tùy diệt.

Canh Tuất 590

Khai Hoàng thứ 10

Tân Hợi 591

Khai Hoàng thứ 11

Nhâm Tý 592

Khai Hoàng thứ 12

**Tứ Tổ gặp Tam Tổ**

Quý Sửu 593

Khai Hoàng thứ 13

**Nhị Tổ tịch**

Giáp Dần 594

Khai Hoàng thứ 14

Ất Mão 595

Khai Hoàng thứ 15

Bính Thìn 596

Khai Hoàng thứ 16

Đinh Tỵ 597

Khai Hoàng thứ 17

**Trí Giả tịch**

Mậu Ngọ 598

Khai Hoàng thứ 18

Kỷ Mùi 599

Khai Hoàng thứ 19

Canh Thân 600

Khai Hoàng thứ 20

Tân Dậu 601

Nhân Thọ nguyên niên

Nhâm Tuất 602

Nhân Thọ thứ 2

Quý Hợi 603

Nhân Thọ thứ 3

Giáp Tý 604

Nhân Thọ thứ 4

Tháng 7 vua băng.

**Dạng** đế tên Quảng, con thứ hai của Cao Tổ (Văn đế) lên ngôi.

Ất Sửu 605

Đại Nghiệp nguyên niên

Bính Dần 606

Đại Nghiệp thứ 2

**Tam Tổ tịch**

Đinh Mão 607

Đại Nghiệp thứ 3

Mậu Thìn 608

Đại Nghiệp thứ 4

Kỷ Ty 609

Đại Nghiệp thứ 5

Canh Ngọ 610

Đại Nghiệp thứ 6

Tân Mùi 611

Đại Nghiệp thứ 7

Nhâm Thân 612

Đại Nghiệp thứ 8

Quý Dậu 613

Đại Nghiệp thứ 9



Giáp Tuất 614

Đại Nghiệp thứ 10

Ất Hợi 615

Đại Nghiệp thứ 11

Bính Tý 616

Đại Nghiệp thứ 12

Đinh Sửu 617

Đại Nghiệp thứ 13

Dạng đế thích Giang Đô (phương Nam), ở xa (Trường An) được tôn làm Thái Thượng hoàng.

Cung đế tên Hựu, cháu của Dạng đế, con của thái tử Nguyên Đức tên Chiêu. Tháng 11 Đường công (Lý Uyên) vào kinh thành Trường An lập làm vua, đổi niên hiệu là Nghĩa Ninh. Nghĩa Ninh nguyên niên.

Mậu Dần 618

Nghĩa Ninh thứ 2

Tháng 2 Dạng đế băng. Tháng 5 Cung đế nhường ngôi cho

**Đường.**

Nhà Tùy có ba vị vua trị vì 38 năm, nhường ngôi cho Đường.

Về việc Đạt ma đến Trung Quốc nay căn cứ theo Chánh Tông Ký làm quyết định. Vì y cứ Tục Pháp Kí của tăng nhà Lương là Bảo Xướng thì trước đó Nã Liên Da Xá và Vạn Thiên Ý đã dịch sách “Sự kiện truyền pháp từ bảy vị Phật đến hăm tám vị Tổ”. Đời Lương, nhân sứ thần Lưu Huyền Vận đi sứ Bắc Tề được sách ấy, Giản Văn đế xuống chiếu sai Bảo Xướng viết thêm vào Tục Pháp Kí.

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

No. 2076

DƯƠNG THANH KHẢI (dịch)

## QUYỂN I

### THẤT PHẬT VÀ TỔ SƯ THIÊN TRÚC THẤT PHẬT

1. Phật Tỳ-bà-thi,
2. Phật Thi-khí,
3. Phật Tỳ-xá-phù,
4. Phật Câu-lưu-tôn,
5. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni,
6. Phật Ca-diếp,
7. Phật Thích-ca Mâu-ni.

### MƯỜI LĂM TỔ THIÊN TRÚC

(Trong đây một Tổ bàng xuất không ghi)

1. Tổ Ma-ha Ca-diếp,
2. Tổ A-nan (Bàng xuất Mạt-điền Để-ca, nối pháp A-nan),
3. Tổ Thương-na Hòa-tu,
4. Tổ Ưu-ba-cúc-đa,
5. Tổ Đề-đa-ca,
6. Tổ Di-già-ca,
7. Tổ Bà-tu-mật,
8. Tổ Phật-đà Nan-đề,
9. Tổ Phục-đà Mật-đa,
10. Tổ Hiếp Tôn giả,
11. Tổ Phú-na Dạ-xa,
12. Tổ Mã Minh Đại sĩ,
13. Tổ Ca-tỳ-ma-la,
14. Tổ Long Thọ Đại sĩ.

### TỰA THẤT PHẬT.

Cổ Phật ra đời trải dài đến vô cùng chẳng thể biết rõ hết số lượng. Thế nên bàn về Hiền kiếp gần đây có khoảng ngàn Như Lai, cho đến Thích ca chỉ

ghi lại bảy Phật. Kinh Trường A-hàm ghi: “Sức tinh tấn của bảy Phật phóng quang diệt mê tối, mỗi vị đều ngồi dưới gốc cây, nơi đây thành chánh giác”.

Lại nữa Mạn-thù Thất lợi (Văn-thù Sư-lợi) là thầy của bảy Phật. Và Kim Hoa Thiệu Huệ Đại sĩ <sup>(9)</sup> lên đỉnh Tùng Sơn hành đạo, cảm nhận bảy Phật dẫn đường trước, Duy ma tiếp đường sau.

Nay soạn thuật quyết định chọn từ bảy Phật về sau thôi.

## **THẤT PHẬT**

### **1. Phật Tỳ-bà-thi.**

*(Vị Phật thứ 998 thuộc Kiếp Trang nghiêm quá khứ)*

Kệ rằng:

Thân tông vô tướng trung thọ sanh,  
Do như huyễn xuất chư hình tượng.  
Huẩn nhân tâm thức bốn lai vô,  
Tội phước giai không vô sở trụ.

Dịch:

---

<sup>(9)</sup> Là Phó Đại sĩ (497-569): Hàng Tôn túc nổi tiếng của thiên tôn đời Lương, thuộc Nam Triều thời Nam Bắc Triều.

Từ trong vô tướng thọ sanh thân,  
Giống như huyễn hiện các hình tượng.  
Người huyễn tâm thức vốn rộng không,  
Tội phước rộng không không chỗ trụ.

Kinh Trường A-hàm ghi: Khi tuổi người thọ tám vạn tuổi thì Phật này ra đời, dòng sát lợi, họ Câu-lợi-nhã, cha là Bàn-đầu, mẹ là Bàn-đầu Bà-đề. Sống trong thành Bàn-đầu Bà-đề, ngồi dưới cây Ba-ba-la. Thuyết pháp ba hội, độ người ba mươi bốn vạn tám ngàn người. Thần túc (biến hóa thị hiện) có hai: một là Khiên-trà, hai là Đề-xá. Thị giả là Vô Ưu, đệ tử <sup>(10)</sup> là Phương Ứng.

## 2. Phật Thi-khí.

*(Vị Phật thứ 999 thuộc Kiếp Trang nghiêm)*

Kệ rằng:

Khởi chư thiện pháp bốn thị huyễn,  
Tạo chư ác nghiệp diệt thị huyễn.  
Thân như tụ mật tâm như phong,  
Huyễn xuất vô căn vô thực tánh.

---

<sup>(10)</sup> Đệ tử nối pháp, như Ma-ha Ca-diếp là đệ tử nối pháp của Phật Thích ca.

Dịch:

Các pháp lành làm nên vốn huyễn,  
Các nghiệp ác gây ra cũng huyễn.  
Thân như bọt tụ tâm như gió,  
Huyễn hiện không căn không thật tánh.

Kinh Trường A-hàm ghi: Khi tuổi người thọ bảy vạn tuổi thì Phật này ra đời, dòng sát lợi, họ Câu-lợi-nhã, cha là Minh Tướng, mẹ là Quang Diệu. Sống trong thành Quang Tướng, ngồi dưới cây Phân-đà-lợi. Thuyết pháp ba hội, độ người hai mươi lăm vạn. Thần túc có hai: một là A-tì-phù, hai là Bà-bà. Thị giả là Nhẫn Hạnh, đệ tử là Vô Lượng.

### **3. Phật Tỳ-xá-phù.**

*(Vị Phật thứ 1000 thuộc Kiếp Trang nghiêm)*

Kệ rằng:

Giả tá tứ đại dĩ vi thân,  
Tâm bốn vô sanh nhân cảnh hữu.  
Tiền cảnh nhược vô tâm diệc vô,  
Tội phước như huyễn khởi diệc diệt.

Dịch:

Tạm vay tứ đại để làm thân,  
Tâm vốn không sanh do cảnh có.  
Tiền cảnh nếu không tâm cũng không,  
Tội phước diệt sanh như huyễn thôi.

Kinh Trường A-hàm ghi: Khi tuổi người thọ sáu vạn tuổi thì Phật này ra đời, dòng sát lợi, họ Câu-lợi-nhã, cha là Thiện Đăng, mẹ là Xứng Giới. Sống trong thành Vô Dụ, ngồi dưới cây Bà-la. Thuyết pháp hai hội, độ người mười ba vạn. Thần túc có hai: một là Phù du, hai là Uất đa ma. Thị giả là Tịch Diệt, đệ tử là Diệu Giác.

#### 4. Phật Câu-lưu-tôn.

*(Vị Phật thứ nhất của Hiền kiếp hiện tại).*

Kệ rằng:

Kiến thân vô thực thị Phật thân,  
Liễu tâm như huyễn thị Phật huyễn.  
Liễu đắc thân tâm bốn tánh không,  
Tư nhân dữ Phật hà thù biệt?

Dịch:

Thấy thân không thật là thân Phật,



Biết tâm như huyễn Phật là huyễn.

Rõ được thân tâm bốn tánh không,

Người ấy cùng Phật nào sai khác?

Kinh Trường A-hàm ghi: Khi tuổi người thọ bốn vạn tuổi thì Phật này ra đời, dòng Bà la môn, họ Ca diếp, cha là Lẽ Đắc, mẹ là Thiện Chi. Sống trong thành An Hòa, ngồi dưới cây Thi lợi sa. Thuyết pháp một hội, độ người bốn vạn. Thần túc có hai: một là Tát ni, hai là Tỳ lâu. Thị giả là Thiện Giác, đệ tử là Thượng Thắng.

### **5. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni.**

*(Vị Phật thứ hai của Hiền kiếp).*

Kệ rằng:

Phật bất kiến thân tri thị Phật,

Nhược thực hữu tri biệt vô Phật.

Trí giả năng tri tội tánh không,

Thản nhiên bất bố ư sanh tử.

Dịch:

Phật chẳng thấy thân, tri <sup>(11)</sup> tức Phật,  
Nếu thật có tri, không Phật khác.  
Người trí hay tri tội tánh không,  
Thản nhiên chẳng sợ nơi sanh tử

Kinh Trường A-hàm ghi: Khi tuổi người thọ ba vạn tuổi thì Phật này ra đời, dòng Bà-la môn, họ Ca-diếp, cha là Đại Đức, mẹ là Thiện Thắng. Sống trong thành Thanh Tịnh, ngồi dưới cây Ô-tam Bà-la môn. Thuyết pháp một hội, độ người ba vạn. Thần túc có hai: một là Thư-bàn-na, hai là Uất-đa-lâu. Thị giả là An Hòa, đệ tử là Đạo Sư.

## 6. Phật Ca-diếp.

*(Vị Phật thứ ba của Hiền kiếp).*

Kệ rằng:

Nhất thiết chúng sanh tánh thanh tịnh,  
Tòng bốn vô sanh vô khả diệt.  
Tức thử thân tâm thị huyễn sanh,  
Huẩn hóa chi trung vô tội phước.

Dịch:

---

<sup>(11)</sup> Tri: Tánh biết hay biết vọng, sẵn có thường hằng nơi các căn nói chung và ý căn nói riêng (Kinh Thủ Lăng Nghiêm)

---

Tánh chúng sanh đều sẵn sạch trong,  
Vốn dĩ không sanh, không thể diệt.  
Từ đó thân tâm mới huyễn sanh,  
Huyễn hóa trong đây không tội phước.

Kinh Trường A-hàm ghi: Khi tuổi người thọ hai vạn tuổi thì Phật này ra đời, dòng Bà la môn, họ Ca diếp, cha là Phạm Đức, mẹ là Tài Chủ. Sống trong thành Ba la nại, ngồi dưới cây Ni câu luật. Thuyết pháp một hội, độ người hai vạn. Thần túc có hai: một là ĐỀ-xá, hai là Bà-la-bà. Thị giả là Thiện Hữu, đệ tử là Tập Quân.

### **7. Phật Thích-ca Mâu-ni.**

*(Vị Phật thứ tư của Hiền kiếp).*

Dòng họ Sát lợi, cha là Tịnh Phạn thiên, mẹ là Đại Thanh Tịnh Diệu. Địa vị Đấng Bồ Xứ sanh lên Đâu Suất Thiên, tên là Thắng Thiện Thiên Nhân còn tên là Hộ Minh Đại Sĩ. Hành bồ xứ, thuyết pháp độ chúng chư thiên, cũng hiện thân thuyết pháp trong thế giới mười phương.

Kinh Phổ Diệu ghi: Phật mới sanh trong vương gia, dòng sát lợi. Ngài phóng đại trí quang minh chiếu soi thế giới mười phương, đông tây và nam

bắc mỗi phương Ngài bước đi bảy bước, từ đất vọt lên hoa sen vàng tự nhiên nâng hai chân, tay chỉ trời và tay chỉ đất phát âm thanh như tiếng sấm rỗng rỗng: “Trên trời dưới đất và bốn phương không có ai tôn quý bằng ta”. Nhằm nhà Chu Chiêu Vương năm thứ 24, ngày mùng 8 tháng 4 năm Giáp Dần<sup>(12)</sup>.

Đến Chiêu Vương năm 42, ngày mùng 8 tháng 2, Thái tử 19 tuổi ý muốn xuất gia và tự nghĩ rằng: “Xem thấy bốn sự kiện con người (già, bệnh, chết, tu sĩ) lúc đi chơi qua bốn cửa thành, ta sẽ gặp lại việc nào?” Lòng Thái tử với buồn vui lẫn lộn mà suy nghĩ: “Già, bệnh, chết này rốt cuộc nên xa lìa”. Do đó nửa đêm giờ tý có một thiên nhân tên Tịnh Cư ở trong cửa sổ, chấp tay bạch thái tử: “Giờ xuất gia đã đến, Ngài nên đi vậy.” Thái tử nghe qua sanh tâm hoan hỉ liền vượt thành mà đi, đến trong núi Đàn đặc tu đạo. Ban đầu đến thầy A-lam Ca-lam, học định bất dụng xứ ba năm, biết chẳng phải liền bỏ đi; sau lại đến thầy Uất-đầu Lam-phất, học định phi phi tưởng ba năm, biết chẳng phải rồi cũng bỏ đi.

---

<sup>(12)</sup> Giáp Dần: 547 trước Công Nguyên. Theo các học giả hiện đại, năm đản sanh của Đức Phật là 563 trước Công Nguyên (nhằm năm Mậu Tuất).

Rồi đến núi Tượng Đầu cùng tu học với các ngoại đạo, ngày ăn vừng (mè) mạch trái qua 6 năm. Cho nên Kinh nói: “Với không tâm ý, không thọ hành mà bề gãy hết các ngoại đạo. Ban đầu thử trải qua các tà pháp mà các nơi dạy, nó chỉ làm phát sanh các dị kiến, khiến cho (người tu) thẳng đến bờ đề”. Cho nên Kinh Phổ Tập nói: “Ngày mùng 8 tháng 2, khi sao mai mọc Bồ Tát thành Phật hiệu Thiên Nhân Sư”. Bấy giờ Ngài 30 tuổi nhằm năm Mực Vương thứ 3 nhà Chu, năm quý mùi (518 trước công nguyên). Sau đó đến vườn Lộc Dã vì nhóm Kiều Trần Như năm người chuyển pháp luân tứ đế và luận đạo quả.

Trụ thế thuyết pháp 49 năm. Sau bảo với đệ tử Ma-ha-Ca-diếp: “Ta đem thanh tịnh pháp nhãn, niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, vi diệu chánh pháp mà giao phó cho ông. Ông nên giữ gìn”. Và dặn truyền cho A-Nan giáo hóa đời thứ hai, không cho đứt mất.

Rồi nói kệ rằng:

Pháp bốn pháp vô pháp,

Vô pháp pháp diệt pháp.

Kim phó vô pháp thời,

Pháp pháp hà tăng pháp?

Dịch:

Pháp vốn pháp không pháp,

Pháp không pháp cũng pháp.

Hiện nay trao không pháp,

Các pháp đâu từng pháp?

Khi Thế Tôn nói kệ này xong, lại bảo Ca-diếp: “Ta đem y tăng già lê tơ vàng (Kim lũ) trao cho ông rồi chuyển giao cho (Bồ tát) bồ xứ, đến Phật Tử Thị (Di Lạc) ra đời, chớ cho hư hoại”. Ca-diếp nghe kệ, đầu lễ sát đất, thưa: “Lành thay! Lành thay! Con sẽ y mệnh, kính vâng Phật dạy”.

Bấy giờ Thế Tôn đến thành Câu thi na bảo cùng đại chúng: “Nay ta đau lưng, muốn nhập niết bàn”. Rồi đến bờ sông Hi Liên, dưới hai cây Sa la nằm theo thế cát tường (hữu hiệp luy túc) yên lặng mà tịch. Và từ trong áo quan trở dậy thuyết pháp cho mẹ nghe; đặc biệt đưa hai chân ra ngoài quan giáo hóa Bà kì xá, xong nói kệ vô thường rằng:

Chư hành vô thường,

Thị sanh diệt pháp.

Sanh diệt diệt dĩ,

Tịch diệt vi lạc.

Dịch:

Các hành <sup>(13)</sup> vô thường,

Là pháp sanh diệt.

Sanh diệt diệt rồi,

Tịch diệt là vui.

Bấy giờ các đệ tử đem củi thơm cùng trà tỳ, lửa tàn rồi mà kim quan còn nguyên. Khi ấy đại chúng đến trước Phật nói kệ tán thán rằng:

Phàm tục chư mãnh sí,

Hà năng trí hỏa nhiệt?

Thỉnh Tôn tam muội hỏa,

Xà duy kim sắc thân.

Dịch:

Những ngọn lửa phàm tục,

Sao đủ sức đốt cháy?

Thỉnh lửa tam muội Ngài,

---

<sup>(13)</sup> Hành: Biến hóa đổi dời, chính là nghĩa hữu vi. Tất cả pháp hữu vi do nhân duyên tạo cho nên vô thường biến đổi. Chữ hành trong ngũ uẩn cùng nghĩa này.

## Hỏa táng thân kim sắc.

Bấy giờ kim quan đang từ giá tòa tự cất lên, cao bảy lần cây Sa-la, qua lại trên không trung hóa lửa tam muội chốc lát ra tro. Thu được xá lợi 8 học 4 đấu (một học là mười đấu), nhằm năm Mục Vương thứ 52, ngày 15 tháng 02 năm Nhâm Thân (469 trước công nguyên).

Từ sau Thế Tôn nhập diệt, 1017 năm Kinh Phật đến Trung Quốc<sup>(14)</sup>, nhằm năm Vĩnh Bình thứ 10 nhà Hậu Hán (năm 67 sau công nguyên), năm mậu thìn (năm 68 sau công nguyên).

## MƯỜI LĂM TỔ THIÊN TRÚC

### 1. Tổ Ma-ha Ca-diếp (Mahākāśyapa).

Người nước Ma-kiệt-đà, dòng dõi Bà-la-môn, cha tên Âm Trạch, mẹ là Hương Chí. Xưa kia là thợ bạc hàn kim loại, khéo hiểu về tính chất kim loại làm cho nó nhu phục.

Phó Pháp Truyền ghi: “Từng ở trong kiếp lâu xa, sau khi Phật Tỳ-bà-thi nhập niết bàn. Tứ chúng xây tháp thờ, màu vàng trên mặt tượng trong tháp có hư hao chút ít, bấy giờ có cô gái nghèo đem kim châu

---

<sup>(14)</sup> Nguyên là “Nhất thiên nhất thập thất niên”. Sao không chép là: 469 + 68 = 537 năm?



đến cửa hiệu Ngài nhờ sơn sửa mặt Phật. Xong rồi nhân đó cùng phát nguyện: “Hai ta kết làm vợ chồng không ân ái”. Do nhân duyên đó mà thân họ có màu vàng 91 kiếp. Về sau sanh lên Phạm Thiên, ở cõi trời mãn tuổi thọ rồi sanh ở nước Ma-kiệt-đà vùng trung Thiên Trúc, thuộc nhà Bà-la-môn, tên là Ca-diếp-ba, đó là Âm Quang Thắng Tôn, vì căn cứ màu vàng mà đặt danh hiệu. Do đó chí Ngài mong xuất gia cầu độ các cõi. Phật nói: “Thiện lai\*, tỳ kheo” thì râu tóc tự rụng mất, ca sa đắp thân thể, ở trong chúng Phật thường khen ngợi là đệ nhất. Phật nói: “Ta đem thanh tịnh pháp nhãn trao cho ông, ông nên truyền rộng cho mọi người đừng cho đứt mất”.

Kinh Niết bàn ghi: Lúc Thế Tôn sắp niết bàn, Ca-diếp không có mặt trong chúng hội. Phật bảo các đại đệ tử: “Khi Ca-diếp tới nên mời tuyên dương chánh pháp nhãn tạng”. Bấy giờ Ca-diếp đang ở núi Kì-xà-quật, trong hang Tân-bát-la, thấy quang minh thù thắng liền nhập tam muội, dùng tịnh thiên nhãn xem thấy Thế Tôn nhập bát niết bàn ở bờ sông Hi Liên. Bèn bảo đồ chúng: “Như Lai niết bàn, sao mà nhanh thế!”. Rồi liền đi đến dưới song thọ thương

---

\* Thiện lai: Hãy đến đây

tiếc khóc than, Phật trong kim quan đưa hai bàn chân ra.

Bấy giờ Ca-diếp bảo các tỳ kheo:

- Phật đã trà tỳ, xá lợi kim cang chẳng phải việc chúng ta. Chúng ta phải kết tập pháp nhãn không cho đứt mất.

Bèn nói kệ rằng:

Như Lai đệ tử,  
Thả mặc niết bàn.  
Đắc thần thông giả,  
Đương phó kết tập.

Dịch:

Đệ tử Như Lai,  
Đừng vội niết bàn.  
Ai đắc thần thông,  
Sẽ dự kết tập.

Do đó những người đắc thần thông đều phải tụ tập ở hang Tân-bát-la, núi Kì-xà-quật, thành Vương Xá. Bấy giờ A-nan vì lậu hoặc chưa sạch không được nhập hội, về sau chứng quả A-la-hán rồi mới được vào.

Ca-diếp bèn thông báo chúng:

- A-nan đây, là tỳ kheo đa văn tổng trì, có đại trí tuệ, từng thân cận Như Lai phạm hạnh thanh tịnh, nhớ được lời Phật thuyết pháp như nước rót bình không chút bỏ sót, được Phật khen ngợi thông minh mẫn tiệp đệ nhất, nên đáng mời ông ấy kết tập tạng Tu-đa-la (tạng Kinh).

Đại chúng lặng thính vâng lời. Ca-diếp bảo A-nan:

- Ông nay nên tuyên thuyết pháp nhĩn.

A-nan nghe nói vâng lời, xem xét tâm của chúng rồi nói kệ rằng:

Tỳ kheo chư quyến thuộc,  
Ly Phật bất trang nghiêm.  
Do như hư không trung,  
Chúng tinh chi vô nguyệt.

Dịch:

Những quyến thuộc tỳ kheo,  
Xa Phật chẳng trang nghiêm.  
Khác nào trong không trung,  
Nhiều sao mà không trăng.

Nói xong kệ ấy, A-nan lễ chúng tăng rồi lên pháp tòa mà nói thế này:

**Tôi nghe** như vậy, một lúc **Phật** ở chỗ **xứ** nói **mỗ kinh** giáo ... cho đến **Người trời** tất cả đều làm lễ vâng làm theo.

Bấy giờ Ngài Ca-diếp hỏi các tỳ kheo:

- Lời A-nan vừa nói chẳng sai lệch ư?

Chúng đồng đáp:

- Chẳng khác lời Thế Tôn đã nói.

Ca-diếp bèn bảo A-nan:

- Tuổi ta giờ chẳng còn lâu, nay đem chánh pháp phó chúc cho ông. Ông hãy khéo giữ gìn, nghe ta nói kệ:

Pháp pháp bốn lai pháp,

Vô pháp vô phi pháp.

Hà ư nhất pháp trung

Hữu pháp hữu bất pháp?

Dịch:

Các pháp pháp xưa nay,

Không pháp không phi pháp.

Sao cùng trong một pháp,

Có pháp có chẳng pháp?

Nói kệ xong, Ngài Ca-diếp cầm y tăng già lê vào núi Kê Túc chờ Ngài Từ Thị (Di Lặc) hạ sanh. Nhằm năm Chu Hiếu Vương thứ 5, năm bính thìn (425 trước công nguyên). (Năm thứ 5 đúng ra là thứ tư, từ đây đến Tổ thứ 13 là Ca-tì-ma-la có sự sai khác về số năm, nay đều y theo lục giáp trong niên biểu sử ký mà cải chánh).

## **2. Tổ A-nan (Ānanda).**

(Sanh sau Phật 30 năm)

Người ở thành Vương Xá, dòng họ Sát lợi đế, cha là Học Phạn vương, em cô cậu ruột của Phật.

Phạn ngữ A-nan-đà, Hán dịch Khánh Hỉ cũng là Hoan Hỉ, Ngài sanh vào đêm Như Lai thành đạo nhân đó đặt tên. Đa văn bác học trí tuệ vô ngại, Thế Tôn cho là đứng thứ nhất về tổng trì (Ngài có trí nhớ lạ lùng, nhớ hết kinh giáo của chư Phật), thường được Phật khen ngợi. Hơn nữa đời quá khứ Ngài có đại công đức thọ trì tạng kinh không sót như nước rót bình, Phật bèn cho làm thị giả.

Về sau vua A-xà-thế thưa:

- Nhân giả! Hai vị thầy tôn kính là Như Lai và Ca-diếp đều đã niết bàn mà con vì nhiều việc không được gặp thầy. Thưa nhân giả, khi Ngài bát niết bàn mong rủ lòng báo con biết.

A-nan hứa nhận. Sau tự nghĩ: “Thân ta giòn bở như bọt tụ, hơn nữa tuổi già suy đâu còn dài lâu”. Lại nghĩ: “Ta có hứa với vua A-xà-thế”. Rồi Ngài đến cung vua báo:

- Ta sắp nhập niết bàn đến để từ giả.

Người giữ cửa nói:

- Vua đang ngủ không thể truyền đạt.

A-nan nói:

- Chờ khi vua thức dậy người sẽ nói giúp ta.

Bấy giờ vua A-xà-thế đang mộng thấy một cái lộng báu trang sức bằng bảy báu, có ngàn vạn ức chúng vây quanh chiêm ngưỡng, chốc lát bỗng có mưa to gió mạnh thổi gãy cán, trôn bảo anh lạc đều rơi xuống đất, lòng vua rất hoang mang kinh sợ. Rồi thức dậy, người giữ cửa tâu đầy đủ việc trước, vua nghe nói gào khóc thất thanh cảm động đến đất trời. Vua liền đến thành Tỳ-xá-ly, thấy A-nan ngồi kết già trên thuyền thả trôi giữa dòng sông Hằng. Vua bèn làm lễ và nói kệ:

Khể thủ tam giới tôn,  
Khí ngã nhi chí thử.  
Tạm bằng bi nguyện lực,  
Thả mặc bát niết bàn.

Dịch:

Lạy đấng tam giới tôn,  
Bỏ con mà đến đây.  
Tạm xin sức bi nguyện,  
Chớ vội bát niết bàn.

Bấy giờ vua Tỳ-xá-ly cũng có mặt ở bờ sông, lại nói kệ:

Tôn giả nhất hà tốc,  
Nhi quy tịch diệt trường?  
Nguyện trụ tu du gian,  
Nhi thọ ư cúng dường.

Dịch:

Tôn giả sao quá vội,  
Mà vào nơi tịch diệt?  
Xin dừng trong chốn lát,

Để con được cúng dường.

Bấy giờ A-nan thấy hai quốc vương đều đến mời thỉnh, bèn nói kệ:

Nhi vương thiện nghiêm trụ,

Vật vị khổ bi luyến.

Niết bàn đương ngã tịnh, (Bản cựu chép là tĩnh, đây y cứ Bảo Lâm Truyện Chính Tông Ký, sửa một chữ này).

Nhi vô chư hữu cố.

Dịch:

Hai vua khéo điềm tĩnh,

Chớ vì khổ mến thương.

Niết bàn ta nên tịnh,

Vì không còn các hữu (nghiệp).

A-nan lại nghĩ nếu ta đến riêng một nước mà bắt niết bàn thì các nước sẽ tranh giành. Không nên có việc đó mà lấy bình đẳng độ các hữu tình, bèn trên giữa dòng sông Hằng sắp vào tịch diệt. Bấy giờ sơn hà đại địa phát sáu loại rung động, có 500 tiên nhân trong núi Tuyết thấy điềm lành ấy nên bay trong



không trung mà đến, lễ dưới chân A-nan quỳ xuống bạch:

- Chúng con đến trưởng lão, sẽ chứng Phật pháp, nguyện Ngài rủ lòng đại từ độ thoát chúng con.

A-nan lắng thính nhận lời, liền biến hết sông Hằng thành đất vàng và vì tiên chúng đó thuyết đại pháp. A-nan lại nghĩ: “Những đệ tử ta độ thoát trước đây cần phải đến có mặt”. Chốc lát có 500 la hán từ trên không trung xuống vì những tiên nhân cho họ xuất gia thọ giới cụ túc.

Ở trong tiên chúng đó có hai vị La hán: một là Thương-na Hòa-tu, hai là Mạt-điền Để-ca. A-nan biết hai người này là pháp khí, bảo họ:

- Trước kia Như Lai đem đại pháp nhân giao cho Đại Ca-diếp, Ca-diếp giao cho ta rồi vào định. Nay ta sắp nhập diệt nên truyền cho hai ông, hai ông nhận ta dạy hãy nghe ta nói kệ:

Bổn lai phó hữu pháp,  
Phó liễu ngôn vô pháp.  
Các các tu tự ngộ,  
Ngộ liễu vô vô pháp.

Dịch:

Xưa nay truyền có pháp,  
Truyền rồi nói không pháp.  
Mỗi người nên tự ngộ,  
Ngộ rồi không không pháp.

A-nan truyền pháp nhãn tạng xong, thân vọt lên không trung làm 18 phép biến hóa, nhập vào phong phấn tấn tam muội phân thân làm bốn phần: một phần cho Trời Đao-lợi, một phần cho long cung Sa-kiệt-la, một phần cho vua Tỳ-xá-ly (Bản cứ chép Tỳ-xá-ly Long vương, nay y cứ Bảo Lâm Truyện Chánh Tông Ký bỏ chữ long), một phần cho vua A-xà-thế. Mỗi chỗ xây bảo tháp cúng dường, nhằm năm Lê Vương thứ 12, năm quý tỵ (388 trước công nguyên) (Đúng là năm Lê Vương thứ 10, 390 trước công nguyên).

### **3. Tổ Thương-na Hòa-tu.**

(Sanakavasa)

(Chánh Tông Ký chép: Phạm ngữ Thương-nặc-ca (Sanaka), Hán dịch “tự nhiên phục” nghĩa là áo mặc tự nhiên có, vì lúc mới sanh thân tự có áo mặc rồi. Hồng Giác Phạm Chí Lâm chép: Y tăng già lê đồng

nghĩa với vân nam. Và Truyền Đăng dịch “tự nhiên phục” là loài cỏ đẹp tên là vị tướng thuộc vùng Cửu Chi, Tây vực).

Tổ là người nước Ma-đột-la, còn có tên là Xá-na Bà-tư, dòng họ Tỳ-xá-đa, cha tên Lâm Thắng, mẹ là Kiêu-xa-da. Ngài ở trong thai mẹ sáu năm mới sanh. Chữ Phạn “Thương-nặc-ca”, Trung Hoa dịch là “Tự nhiên phục”, tức là tên loài cỏ đẹp ở vùng Cửu Chi thuộc Tây vực. Nếu có thánh nhân La hán giáng sanh thì cỏ này mới mọc ra nơi đất tịnh khiết, lúc Hòa tu sanh cỏ báo điềm lành này cũng mọc theo.

Xưa Đức Như Lai đi giáo hóa đến nước Ma-đột-la thấy một khu rừng xanh tươi cành lá sum sê, Ngài nói với A-nan:

- Đất rừng này tên Ưu-lưu-trà, ta diệt độ 100 năm sau có tỳ kheo Thương-na Hòa-tu chuyển diệu pháp luân ở đất này.

Trăm năm sau quả thật đản sanh Hòa-tu, Hòa-tu xuất gia chứng đạo thọ nhận pháp nhãn của Tôn giả Khánh Hỷ (A-nan), giáo hóa hữu tình và dừng trụ ở rừng này. Hàng phục hai rồng lửa quy thuận Phật giáo, nhân đó rồng cúng đất nó để xây phạm cung.

Tôn giả hóa duyên đã lâu muốn trao truyền chánh pháp, tìm đến nước Trá lợi gặp Ưu-ba-cúc-đa chọn làm thị giả. Nhân gặp Ngài hỏi Cúc-đa:

- Tuổi ông bao nhiêu?

Đáp:

- Tuổi con mười bảy.

Sư hỏi:

- Thân ông mười bảy hay tánh ông mười bảy?

Hỏi lại:

- Tóc thầy đã bạc, là tóc bạc hay tâm bạc?

Sư đáp:

- Ta chỉ bạc tóc, chẳng phải bạc tâm đâu.

Cúc-đa nói:

- Thân con mười bảy, chẳng phải tánh mười bảy.

Hòa-tu biết đây là pháp khí. Ba năm sau cho xuống tóc và thọ cụ túc giới. Rồi báo cho chúng biết:

- Xưa Như Lai đem vô thượng pháp nhãn tạng trao cho Ca-diếp, lần lượt truyền nhau rồi tới ta, nay ta truyền cho ông chớ để đứt mất. Ông nhận ta dạy, hãy nghe ta nói kệ:

Phi pháp diệt phi tâm, (Bản cựu chép là Phi pháp diệt phi pháp, nay y cứ Bảo Lâm Truyện Chánh Tông Ký sửa là phi pháp diệt phi tâm).

Vô tâm diệt vô pháp.

Thuyết thị tâm pháp thời,

Thị pháp phi tâm pháp.

Dịch:

Phi pháp cũng phi tâm,

Không tâm cũng không pháp.

Khi nói tâm pháp ấy,

Pháp ấy phi tâm pháp.

Nói kệ xong Tôn giả đi ẩn ở trong núi Tượng Bạch, thuộc miền Nam nước Kế Tân. Về sau trong tam muội Tôn giả thấy năm trăm đồ chúng đệ tử của Cúc-đa giải đãi ngã mạn. Tôn giả bèn đến đó, hiện long phấn tấn tam muội để điều phục họ và nói kệ:

Thông đạt phi bỉ thử,

Chí thánh vô trường đoản.

Nhữ trừ khinh mạn ý,

Tật đặc A-la-hán.

Dịch:

Thông đạt chẳng đây kia,  
Chí thánh không hay dở.  
Các ông trừ khinh mạn,  
Mau đặc A-la-hán.

Năm trăm tỳ kheo nghe kệ xong, y theo lời dạy vâng làm đều được vô lậu. Rồi Tôn giả thi triển 18 phép biến hóa hỏa quang tam muội để tự thiêu thân.

Cúc-đa đầu xá lợi đem táng trong núi Phạm-ca-la, năm trăm tỳ kheo người cầm một cây phướn đưa đến đó xây tháp cúng dường. Năm năm Tuyên Vương thứ 23 năm ất mùi (325 trước công nguyên) (Đúng là năm Tuyên Vương thứ 22).

#### **4. Tổ Ưu-ba-cúc-đa.**

(Upagupta)

Người nước Trà-lợi, còn gọi là Ưu-ba-quật-đa hay Ô-ba-cúc-đa, dòng họ Thủ-đà-la, cha tên là Thiện Ý.

Mười bảy tuổi xuất gia hai mươi tuổi chứng quả. Tùy duyên đi giáo hóa, đến nước Ma-đột-la thì số người được Ngài độ rất đông do đó cung ma chấn động. Ma Ba Tuần lo sợ bèn dùng hết ma lực để phá

chánh pháp. Tôn giả liền nhập tam muội để xem biết lý do đó. Ba Tuần lợi dụng cơ hội lén lấy râu anh lạc quàng vào cổ Ngài, kịp Tôn giả xuất định làm cho ba thầy chết – người, chó, rắn – hóa thành hoa man (tràng hoa).

Ngài dùng lời êm dịu vỗ về Ba Tuần:

- Ông cho ta râu anh lạc thật là quý báu, ta có tràng hoa đẹp để dâng đáp lại.

Ba Tuần rất mừng đưa cổ đeo vào, tràng hoa liền biến thành ba loại thầy thú đang phân rã với giò tử. Ba Tuần ghê tởm rất đỗi âu sầu, dùng hết thần lực mình mà chuyển đổi không được, bèn lên trời lục đục báo với các thiên vương, lại đến chỗ Phạm vương cầu giúp cho thoát khỏi.

Các vua trời đều nói:

- Thần biến ấy do đệ tử của Đấng thập lực (Phật) làm ra, chúng tôi phạm lậu sao trừ được?

Ba Tuần hỏi:

- Thế thì làm sao bây giờ?

Phạm vương nói:

- Ông nên quy phục Tôn giả mới trừ hết được.

Rồi nói kệ khiến cho Ba Tuần hồi tâm hướng về:

Nhược nhân địa đảo,  
Hoàn nhân địa khởi.  
Ly địa cầu khởi,  
Chung vô kỳ lý.

Dịch:

Nếu nhân đất té,  
Phải nhờ đất dậy.  
Lìa đất muốn dậy,  
Trộn không lý ấy.

Ma Ba Tuần nghe dạy xong liền rời thiên cung đến lễ Tôn giả chí thành phát lồ sám hối.

Cúc-đa hỏi:

- Từ nay trở đi, đối với chánh pháp của Như Lai ông không làm quấy hại nữa chăng?

Ba Tuần thưa:

- Con thề hồi tâm hướng về Phật đạo, lìa hẳn việc bất thiện.

Cúc-đa bảo:

- Nếu như thế ông nên tự miệng xưng ngôn quy y tam bảo đi.



Ma vương chấp tay xướng lên ba lần. Tràng thầy thú hết sạch, Ba Tuần vui mừng nhảy nhót, làm lễ Tôn giả và nói kệ:

Khế thủ tam muội tôn,  
Thập lực thánh đệ tử.  
Ngã kim nguyện hồi hương,  
Vật linh hữu liệt nhược.

Dịch:

Cúi lạy Đấng tam muội,  
Đệ tử Thánh thập lực.  
Con nguyện hồi hương tâm,  
Đừng giữ cái yếu hèn.

Tôn giả ở tại thế hóa đạo, người chứng được quả rất đông. Khi một người được độ, Tôn giả lấy một thẻ tre bỏ trong thạch thất, thất ấy cao 18 khuỷu tay rộng 12 khuỷu tay (trữ), đến đây không gian ấy.

Sau cùng có người tên Hương Chúng, con trai của một trưởng giả, đến lễ Tôn giả chí thành cầu xuất gia.

Tôn giả hỏi:

- Thân ông xuất gia hay tâm ông xuất gia?

Đáp:

- Con đến xuất gia, chẳng phải là thân hay tâm.

Tôn giả hỏi:

- Chẳng phải là thân tâm thì còn ai nữa xuất gia?

Đáp:

- Kẻ xuất gia không có ngã và ngã cố <sup>(15)</sup> không có ngã và ngã cố thì tâm chẳng sanh diệt, tâm chẳng sanh diệt tức là đạo thường hằng. Chư Phật cũng thường hằng, tâm không hình tướng thể nó cũng vậy.

Tôn giả nói:

- Ông đang đại ngộ, tâm tự thông đạt, nên quy y Phật pháp tăng để tiếp nối và làm hưng thịnh dòng giống Thánh.

Liên xuống tóc cho thọ giới cụ túc. Tôn giả lại bảo:

- Cha ông từng mộng thấy mặt trời vàng mà sanh ông nên đặt tên là Đề-đa-ca (Thông chơn lượng).

Lại nói:

---

<sup>(15)</sup> Ngã cố: Tất cả sự kiện, nguyên nhân có liên hệ đến ngã, ví dụ ngã sở.

- Như Lai đem đại pháp nhân tạng lần lượt truyền trao đến ta, nay lại trao cho ông.

Hãy nghe ta nói kệ:

Tự tâm bốn lai tâm,  
Bốn tâm phi hữu pháp.  
Hữu pháp hữu bốn tâm,  
Phi tâm phi bốn pháp.

Dịch:

Tâm vốn tâm xưa nay,  
Bốn tâm chẳng có pháp.  
Có pháp có bốn tâm,  
Chẳng tâm chẳng bốn pháp<sup>(16)</sup>.

Truyền pháp xong, Tôn giả bèn vọt lên hư không trình hiện 18 phép biến hóa, xong trở lại tòa cũ ngồi kiết già mà tịch. Đề-đa-ca lấy thẻ tre trong thất để đốt thân Ngài, thu xá lợi xây tháp cúng dường.

---

<sup>(16)</sup> Tâm xưa nay là tâm như như, vốn như vậy,

Bốn tâm này không có pháp, rỗng không vô tướng.

Bốn tâm với tất cả pháp (tâm và sắc pháp) vốn không hai, bất nhất bất dị như nước với sữa.

Gọi bốn tâm hay bốn pháp chỉ là giả danh. Nói không tánh, nêu giả tướng nhằm hiển thị trung đạo, thật tướng vô tướng như như.

Nhằm năm Bình Vương thứ 31, năm canh tý (320 trước công nguyên) (Đúng là năm Bình Vương thứ 30).

**5. Tổ Đề-đa-ca.**

(Dhītika)

Người nước Ma-già-đà. Lúc Ngài mới sanh, cha Ngài mộng thấy mặt trời vàng từ trong nhà mọc ra chiếu sáng đất trời. Phía trước có núi lớn với đồ bầy báu nghiêm sức, suối phun trên đỉnh núi tràn đầy thành bốn dòng nước.

Sau gặp Tôn giả Cúc-đa giải thích: Núi báu là thân ta, suối phun là pháp vô tận; mặt trời mọc từ trong nhà ra là tướng ông hôm nay vào đạo, chiếu sáng đất trời là trí tuệ siêu việt của ông.

Hương Chúng là tên cũ của Tôn giả, Sư nhân đó đổi thành tên hiện nay. Tiếng Phạn, âm Đề-đa-ca, Trung Hoa dịch nghĩa là Thông chơn lượng.

Nghe Sư nói xong, Đa-ca vui mừng hớn hở và nói kệ:

Nguy nguy thất bảo sơn,  
Thường xuất trí tuệ tuyền.  
Hồi vi chơn pháp vị,

Năng độ chư hữu duyên.

Dịch:

Núi bảy báu cao vút,  
Thường tuôn suối trí tuệ.  
Chuyển thành chơn pháp vị,  
Hay độ người hữu duyên.

Tôn giả Cúc-đa cũng nói kệ:

Ngã pháp truyền ư nhữ,  
Đương hiện đại trí huệ.  
Kim nhật tòng ốc xuất,  
Chiếu diệu ư thiên địa.

Dịch:

Pháp ta truyền cho ông,  
Đang hiện đại trí huệ.  
Mặt trời mọc từ nhà,  
Chiếu sáng khắp đất trời.

Đề-đa-ca nghe diệu kệ của Sư rồi làm lễ vâng theo. Sau Đa-ca đến miền Trung Ấn độ, nước đó có tám ngàn đại tiên mà Di-già-ca đứng đầu. Già-ca

nghe Tôn giả đến bèn dẫn chúng tới chiêm lễ, thưa với Tôn giả:

- Xưa thầy với tôi cùng sanh cõi trời Phạm Thiên. Tôi gặp tiên nhân A-tư-đà truyền cho pháp tiên, thầy gặp đệ tử của Đấng thập lực (Phật) tu tập thiền định. Từ đó quả báo phân chia khác đường đã trải qua sáu kiếp.

Tôn giả nói:

- Chia lìa nhiều kiếp, quả thật bất hư. Nay ông nên bỏ tà quy chánh để vào Phật thừa.

Di-già-ca nói:

- Xưa tiên nhân A-tư-đà thọ ký cho tôi: “Sáu kiếp về sau ông sẽ gặp bạn đồng học và được chứng quả vô lậu”. Nay gặp nhau đây đâu chẳng phải là duyên xưa ư? Mong thầy từ bi giúp tôi giải thoát.

Tôn giả liền độ Già-ca cho xuất gia và sai truyền giới thánh (Phật) cho tiên chúng còn lại. Ban đầu những người này sanh ngã mạn, Tôn giả bèn thị hiện đại thần thông, do đó họ đều phát tâm bồ đề và đồng thời xuất gia.

Sư bèn bảo Di-già-ca:

- Xưa Như Lai đem đại pháp nhãn tạng thâm giao cho Ca-diếp, lần lượt trao nhau rồi đến ta. Nay ta trao cho ông, hãy nhớ giữ gìn. Rồi nói kệ:

Thông đạt bốn pháp tâm,  
Vô pháp vô phi pháp.  
Ngộ liễu đồng vị ngộ,  
Vô tâm diệt vô pháp.

Dịch:

Thông đạt tâm bốn pháp,  
Không pháp không phi pháp.  
Ngộ rồi đồng chưa ngộ,  
Không tâm cũng không pháp.

Nói kệ xong thân Tôn giả vọt lên không trung làm 18 phép biến, hóa hỏa quang tam muội tự thiêu thân thể.

Di-già-ca cùng 8000 tỳ kheo cùng thu xá lợi, xây tháp cúng dường trong núi Ban-trà. Nhằm năm Trang Vương thứ 7, năm kỷ sữu (năm 271 trước công nguyên) (Đúng là năm Trang Vương thứ 5).

## **6. Tổ Di-già-ca.**

(Misaka)

Người miền Trung Ấn độ. Sau khi được Đề-đa-ca truyền pháp, Ngài du hóa đến miền Bắc Ấn độ, thấy phía trên bức tường ngăn trên thành có mây lành sắc vàng, khen rằng:

- Đây là khí tượng của đạo nhân, ắt có bậc đại sĩ nổi pháp ta.

Ngài đi vào thành. Trong chốn thị tứ có một người tay cầm bình rượu dốc xuống và hỏi:

- Thầy từ phương nào đến đây, rồi định đi đâu?

Sư đáp:

- Từ tự tâm đến, định đến chỗ không.

Hỏi:

- Biết cái gì trong tay tôi không?

Sư nói:

- Đó là đồ đựng vật làm cho mất thanh tịnh.

Hỏi:

- Thầy biết tôi chẳng?

Sư nói:

- Tôi thì chẳng biết, biết thì chẳng phải tôi.

Rồi lại bảo:



- Ông hãy thử tự xưng tên họ, ta sẽ chỉ cho nhân đời trước của ông.

Người kia nói kệ đáp:

Ngã tông vô lượng kiếp,  
Chí vụ sanh thử quốc.  
Bốn tánh Phả-la-đọa,  
Danh tự Bà-tu-mật.

Dịch:

Tôi từ vô lượng kiếp,  
Đến nay sanh nước này.  
Dòng họ Phả-la-đọa,  
Tên là Bà-tu-mật.

Sư nói:

- Thầy ta là ĐỀ-đa-ca nói: Xưa Đức Thế Tôn du hóa Ấn độ, có nói với A-nan “Trong nước này ta diệt độ 300 năm sau có một thánh nhân, dòng họ Phả-la-đọa, tên Bà-tu-mật và sẽ được đời thứ bảy trong các tổ sư thiên”. Thế Tôn đã thọ ký cho ông, vậy ông nên xuất gia.

Người kia liền để bầu rượu xuống mà đánh lễ Sư. Rồi đứng qua một bên, thưa:

- Con nhớ lại kiếp xa xưa thường làm đàn na, cúng dường bảo tòa cho một Như Lai. Phật đó thọ ký cho con: “Người vào hiền kiếp trong thời pháp của Phật Thích ca, sẽ tuyên truyền giáo pháp tối thượng”. Nay phù hợp với lời nói của thầy, con mong được độ thoát hơn nữa.

Sư liền vì Bà-tu-mật cho cạo tóc xuất gia và thọ đầy đủ giới tướng. Rồi bảo: “Nay ta trao cho ông chánh pháp nhãn tạng, chớ để đứt mất”. Sư bèn nói kệ:

Vô tâm vô khả đắc,  
Thuyết đắc bất danh pháp.  
Nhược liễu tâm phi tâm,  
Thủy giải tâm tâm pháp.

Dịch:

Không tâm không thể được,  
Nói được chẳng gọi pháp.  
Nếu rõ tâm phi tâm,  
Mới hiểu tâm tâm pháp<sup>(17)</sup>.

---

<sup>(17)</sup> Pháp (chánh pháp nhãn tạng) thì vô tâm, vô khả đắc. Vì trong đó không có mảy bụi, không gì làm ô nhiễm và không nói về nó được.

Sư nói kệ xong nhập sư tử phấn tấn tam muội, vọt thân lên không trung cao gấp bảy cây Sa-la rồi trở lại tòa cũ hóa lửa tự thiêu thân.

Bà-tu-mật thu linh cốt đựng trong hộp bằng thất bảo, xây tháp thờ và đặt hộp ở tầng cao.

Nhằm năm Tương Vương thứ 17, năm giáp thân (năm 216 trước công nguyên) (Đúng là năm Tương Vương thứ 15).

### **7. Tổ Bà-tu-mật.**

(Vasumitra cũng gọi là Thế Hữu).

Người nước Bắc Thiên Trúc, dòng họ Phả-la-đọa. Ngài thường ăn mặc sạch sẽ, tay cầm bầu rượu đi chơi ở cổng làng khi ngâm kệ khi thổi sáo, người đời cho là ông nông cuồng. Đến khi gặp Tôn giả Di-già-ca nhắc lại lời huyền ký trước kia của Như Lai thì Ngài tự tỉnh nhớ duyên xưa mà quảng bầu rượu xin xuất gia.

Nhận pháp xong đi giáo hóa, đến nước Ca-ma-la quảng bá làm hưng thịnh Phật sự. Trước pháp tòa bỗng có một trí giả tự xưng: “Tôi tên là Phật-đà Nan-đề, đề nghị hôm nay cùng Sư luận nghĩa lý”.

---

Nếu thật thấy phi tâm (pháp) và tâm vốn không hai thì mới hiểu được tâm và tâm pháp (pháp của tâm) vốn huyền hiện ở phi tâm.

---

Sư nói:

- Nay nhân giả! Nếu luận thì chẳng phải (thật) nghĩa, nghĩa thì chẳng phải luận. Nếu nghĩ về nghĩa để luận thì rốt cuộc chẳng phải nghĩa luận (đó).

Nan-đề biết nghĩa Sư nói là đúng, tâm liền kính phục, nói:

- Tôi muốn cầu đạo thấm nhuần vị cam lồ.

Tôn giả liền cho xuất gia và truyền giới cụ túc. Lại bảo ông:

- Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai, nay ta trao cho ông, ông phải giữ gìn.

Rồi Tôn giả nói kệ:

Tâm đồng hư không giới,  
Thị đẳng hư không pháp.  
Chứng đắc hư không thời,  
Vô thị vô phi pháp.

Dịch:

Tâm đồng cõi hư không,  
Dạy pháp bằng hư không.  
Khi chứng được hư không

Pháp không phải không quấy.

Tôn giả liền nhập từ tam tam muôi. Bấy giờ trời Phạm vương Đế Thích và chư thiên chúng đều đến làm lễ và nói kệ:

Hiền kiếp chúng thánh Tổ,

Nhi đương đệ thất vị.

Tôn giả ai niệm ngã,

Thỉnh vị tuyên Phật địa.

Dịch:

Các thánh Tổ Hiền kiếp,

Ngài là vị thứ bảy.

Tôn giả thương xót con,

Xin cho nghe Phật địa.

Tôn giả từ tam muôi xuất định, dạy chúng:

- Pháp ta đã được và chẳng phải cái có, muốn biết Phật địa phải lìa cái có và không.

Nói xong lời này, Tôn giả nhập tam muôi thị hiện tướng niết bàn. Nan-đề liền cho xây tháp thất bảo táng toàn thân ngay chỗ ngồi của Tôn giả.

Nhằm năm Định Vương thứ 19, năm tân mùi (169 trước công nguyên) (Đúng là năm Định Vương thứ 17).

### **8. Tổ Phật-đà Nan-đề.**

(Buddhanandi)

Người nước Ca-ma-la, dòng họ Cồ Đàm. Trên đỉnh đầu có nhục kế, biện tài vô ngại. Ban đầu gặp Tôn giả Bà-tu-mật xuất gia thọ giáo, sau lãnh đạo đồ chúng đi giáo hóa đến quốc thành Đề-già, thấy trên nóc nhà họ Tỳ-xá-la có hào quang trắng xông lên. Ngài nói với đồ chúng:

- Nhà này hiện đang có thánh nhân, tuy miệng không nói một lời mà thật là bậc chơn pháp khí đại thừa. Tuy không ra ngoài đường mà biết chạm đến vật bản.

Nói xong có trưởng giả trong nhà bước ra làm lễ, hỏi:

- Ngài cần việc gì?

Tôn giả đáp:

- Ta cần thị giả.

Đáp:

- Tôi có một đứa con trai tên Phục-đà Mật-đa, tuổi đã 50 mà miệng chưa từng nói chân chưa từng bước.

Tôn giả nói:

- Như điều ông nói, đó đúng là đệ tử ta.

Tôn giả vào nhà, vừa gặp Phục-đà Mật-đa vội vàng đứng dậy lễ bái và nói kệ:

Phụ mẫu phi ngã thân,  
Thùy thị tối thân giả?  
Chư Phật phi ngã đạo,  
Thùy vi tối đạo giả?

Dịch:

Cha mẹ chẳng gần ta,  
Cái gì là gần nhất?  
Chư Phật chẳng đạo ta,  
Cái gì là tốt đạo?

Tôn giả nói kệ đáp:

Nhữ ngôn dữ tâm thân,  
Phụ mẫu phi khả tử.  
Nhữ hạnh dữ đạo hợp,

Chư Phật tâm tức thị.  
Ngoại cầu hữu tướng Phật,  
Dữ nhữ bất tương tự.  
Dục thức nhữ bốn tâm,  
Phi hợp điệc phi ly.

Dịch:

Lời ông, gần với tâm,  
Cha mẹ đâu thể sánh.  
Hạnh ông, hợp với đạo,  
Chư Phật chính là tâm.  
Cầu Phật ngoài có tướng,  
Cùng ông không giống nhau.  
Muốn biết bốn tâm ông,  
Chẳng hợp cũng chẳng ly.

Phục-đà Mật-đa nghe diệu kệ của Sư liền bước đi bảy bước. Sư nói:

- Thầy này xưa đã từng gặp Phật, với bi nguyện rộng lớn nghĩ tình yêu cha mẹ khó bỏ cho nên không nói không đi.



Lúc đó trưởng giả xả bỏ hết tình cha con, cho xuất gia. Chẳng bao lâu Tôn giả truyền giới cụ túc, rồi bảo:

- Nay ta đem chánh pháp nhãn tạng của Như Lai giao phó cho ông, chớ để đứt mất.

Bèn nói kệ:

Hư không vô nội ngoại,  
Tâm pháp diệt như thử.  
Nhược liễu hư không cố,  
Thì đạt chơn như lý.

Dịch;

Hư không không trong ngoài,  
Tâm pháp cũng như thế.  
Nếu biết rõ hư không,  
Thì đạt lý chơn như.

Phục-đà Mật-đa vâng lời Sư phó chúc, dùng kệ khen ngợi:

Ngã sư thiên Tổ trung,  
Đương đắc vi đệ bát.  
Pháp hóa chúng vô lượng,

Tất hoạch A-la-hán.

Dịch:

Thầy tôi trong Tổ thiên,

Đang là vị thứ tám.

Giáo hóa đông vô lượng,

Đều đạt A-la-hán.

Bấy giờ Tôn giả Phật-đà Nan-đề liền hiện thân biến, rồi trở lại toà cũ nghiêm trang tịch diệt. Chúng xây tháp báu táng toàn thân.

Nhằm năm Cảnh Vương thứ 12, năm bính dần (114 trước công nguyên) (Đúng là năm Cảnh Vương thứ 10).

### **9. Tổ Phục-dà Mật-đa.**

(Buddhamitra)

Người nước Đề-già, dòng họ Tỳ-xá-la. Ngài đã được Tôn giả Phật-đà Nan-đề phó chúc, về sau đến miền Trung Ấn độ giáo hóa.

Bấy giờ có trưởng giả tên Hương Cái dẫn người con trai đến chiêm lễ Tôn giả. Trưởng giả nói:

- Đứa con này ở bào thai 60 năm, do đó gọi là Nan Sanh. Lại thường gặp một tiên nhân bảo rằng

bé này phi phạm và sẽ là pháp khí. Nay gặp Tôn giả xin cho xuất gia.

Tôn giả liền cho xuống tóc truyền giới. Trong buổi lễ thọ giới thấy ánh sáng lành chiếu khắp chỗ ngồi (của Nan Sanh), lại còn cảm sanh 30 hạt xá lợi (có chỗ ghi là 7) trước mặt. Từ đó Nan Sanh tinh tấn quên mệt nhọc.

Về sau Sư bảo:

- Đại pháp nhãn tạng của Như Lai nay ta trao cho ông, ông nhớ giữ gìn. Rồi nói kệ:

Chơn lý bốn vô danh,  
Nhân danh hiển chơn lý.  
Thọ đắc chơn thật pháp,  
Phi chơn diệc phi ngụy.

Dịch:

Chơn lý vốn không tên,  
Nhờ tên hiển chơn lý.  
Nhận được pháp chơn thật,  
Chẳng thật cũng chẳng giả.

Tôn giả truyền pháp xong liền nhập diệt tận tam muội mà bát niết bàn. Chúng đem dầu thơm gõ

chiên đàn hỏa thiêu chơn thể Ngài, thu xá lợi xây tháp ở chùa Na-lan-đà.

Nhằm năm Kính Vương thứ 35, năm giáp dần (66 trước công nguyên) (Đúng ra năm Kính Vương thứ 33).

### **10. Tổ Hiếp Tôn giả.**

(Pārsva)

Người miền Trung Ấn độ, tục danh là Nan Sanh. Lúc sắp đản sanh, cha Ngài nằm mộng thấy một con bạch tượng, trên lưng có chở một bảo tòa trên đó có để một hạt minh châu, từ ngoài cửa vào nhà chiếu sáng bốn chúng. Thức dậy thì Sư sanh ra đời.

Sau gặp Tôn giả Phục-đà, Sư theo hầu bên cạnh cần cù quên ngủ, ý nói hông Ngài không chạm đến cái chiếu. Do đó có tên là Hiếp Tôn Giả.

Ban đầu Ngài đến nước Hoa Thị, tạm nghỉ dưới một cây đại thọ. Tay phải Ngài chỉ xuống đất, bảo chúng:

- Đất này biến thành màu vàng thì sẽ có một thánh nhân vào pháp hội ta.

Ngài nói xong đất biến thành màu vàng. Bây giờ có con nhà trưởng giả tên là Phú-na Dạ-xa đứng chấp tay trước Ngài.

Tôn giả hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Dạ-xa đáp:

- Tâm con chẳng đến.

Tôn giả hỏi:

- Ông ở đâu?

Đáp:

- Tâm con chẳng ở đâu.

Tôn giả hỏi:

- Ông bất định ư?

Đáp:

- Chư Phật cũng như thế.

Tôn giả nói:

- Ông chẳng phải chư Phật.

Đáp:

- Chư Phật cũng chẳng phải Tôn giả.

Tôn giả nói kệ:

Thử địa biến kim sắc,  
Dự tri ư thánh chí.  
Đương tọa bồ đề thọ,  
Giác hoa nhi thành dĩ.

Dịch:

Đất này hóa màu vàng,  
Biết có thánh nhân đến.  
Ngồi dưới cây bồ đề,  
Hoa giác đã nở rồi.

Dạ-xa đáp kệ lại:

Sư tọa kim sắc địa,  
Thường thuyết chơn thật nghĩa.  
Hồi quang nhi chiếu ngã,  
Linh nhập tam ma đề.

Dịch:

Thầy ngồi đất màu vàng,  
Thường thuyết nghĩa chơn thật.  
Xoay ánh sáng chiếu con,

Khiến con vào chánh định.

Tôn giả biết ý Dạ-xa, liền độ cho xuất gia với đầy đủ giới phẩm. Rồi bảo Dạ-xa:

- Đại pháp nhãn tạng của Như Lai nay trao cho ông, ông hãy giữ gìn đó.

Tôn giả nói kệ:

Chơn thể tự nhiên chơn,  
Nhơn chơn thuyết hữu lý.  
Lĩnh đắc chơn chơn pháp,  
Vô hành diệc vô chỉ.

Dịch:

Chơn thể vốn sẵn chơn,  
Nhơn chơn nói đúng lý.  
Hội được pháp chơn chơn,  
Không đi cũng không ở.

Tôn giả trao pháp xong liền thị hiện thân biến mà nhập niết bàn, hóa lửa tự thiêu. Tứ chúng dùng vật áo đựng xá lợi, tùy địa phương xây tháp cúng dường.

Nhằm năm Trinh Vương thứ 22, năm kỷ hợi (năm 21 trước công nguyên) (Đúng ra năm Trinh Vương thứ 27).

**11. Tổ Phú-na Dạ-xa.**

(Punyayaśa)

Dòng họ Cồ Đàm, người xứ Hoa Thi, cha là Bảo Thân. Sau khi đắc pháp nơi Hiếp Tôn Giả, chẳng bao lâu Ngài đến nước Ba-la-nại. Có Mã Minh Đại sĩ đón tiếp và lễ bái. Nhân đó Mã Minh hỏi:

- Tôi muốn biết Phật, cái gì là phải?

Sư đáp:

- Ông muốn biết Phật, cái chẳng biết là phải.

Hỏi:

- Phật đã chẳng biết, sao biết là phải ư?

Sư hỏi lại:

- Đã chẳng biết Phật, sao biết chẳng phải?

Đáp:

- Cái này là nghĩa kéo cưa.

Sư nói:



- Cái kia là nghĩa cây. Lại hỏi: Nghĩa kéo cửa là thế nào?

Đáp:

- Cùng với thầy đối đáp ngang nhau. Lại hỏi: Nghĩa cây là thế nào?

Sư đáp:

- Ông bị ta cửa đứt.

Mã Minh tỉnh ngộ thông suốt, rập đầu quy ngưỡng xin xuất gia.

Sư dạy chúng:

- Vị đại sĩ này, xưa là vua nước Tỳ-xá-ly. Nước ấy có một giống người tợ như ngựa thân thể lỏa lồ, vua vận chuyển thần lực phân thân làm con tầm nhả tợ, nhờ đó họ mới có y phục che thân. Về sau vua tái sanh vào miền Trung Ấn, giống người tợ ngựa thương tiếc kêu tiếng bi ai. Do đó có tên là Mã Minh.

Xưa Như Lai huyền ký rằng: “Sau khi ta diệt độ khoảng 600 năm, sẽ có hiền giả Mã Minh bẻ gãy ngoại đạo ở trong nước Ba-la-nại, độ người vô số”.

Nối tiếp ta truyền thừa giáo hóa là vị này, nay chính phải lúc. Rồi Sư bảo Mã Minh: “Đại pháp nhãn tạng của Như Lai nay trao cho ông”.

Rồi nói kệ:

Mê ngộ như ẩn hiển,  
Minh ám bất tương ly.  
Kim phó ẩn hiển pháp,  
Phi nhất diệc phi nhị.

Dịch;

Mê ngộ như ẩn hiện,  
Sáng tối chẳng rời nhau.  
Nay trao pháp ẩn hiện,  
Chẳng một cũng chẳng hai<sup>(18)</sup>.

Tôn giả trao pháp xong, liền hiện thần biến lạng lẽ viên tịch. Chúng xây bảo tháp để giấu kín toàn thân.

---

<sup>(18)</sup> Chơn với vọng như sữa với nước hòa hợp, ngộ thì sữa hiện mê thì sữa ẩn. Sáng tối đều là nước chẳng rời sữa, không hai với sữa.

Nay trao pháp đối đãi sáng tối. Sáng tối đoạt nhau, nghĩa là tương nó chẳng một, nhưng sáng tối cùng một thể (một sữa) nghĩa là tánh nó chẳng hai.

Nhằm năm An Vương thứ 14, năm mậu tuất (năm 38 công nguyên) (Đúng ra năm An Vương thứ 19).

**12. Tổ Mã Minh Đại sĩ.**

(Asvagosā)

Người nước Ba-la-nại. Còn có tên là Công Thắng, vì Ngài đã tạo những công đức vô tác rất thù thắng nên đặt tên này.

Thọ pháp nơi Tôn giả Dạ-xa, sau Ngài chuyển diêu pháp luân ở nước Hoa Thị. Trong hội chúng nghe pháp chợt thấy ông lão ngồi phía trước ngã lăn ra đất. Sư bảo chúng:

- Đây chẳng phải bọn tầm thường, sẽ có chuyện lạ.

Sư nói xong ông già biến mất. Giây lát từ dưới đất vọt lên một người toàn màu vàng, rồi lại hóa thành người con gái đưa tay phải lên chỉ Sư và nói kệ:

Khể thủ trưởng lão tôn,

Đương thọ Như Lai ký.

Kim ư thử địa thương,

Tuyên thông đệ nhất nghĩa.

Dịch:

Cúi lạy đấng trưởng lão,

Đang nhận Phật thọ ký.

Nay ở trong xứ này,

Nói thông đệ nhất nghĩa.

Nói kệ xong, trong nháy mắt người đó biến mất.

Sư nói:

- Sẽ có ma (ngoại đạo) đến đấu sức với ta.

Bỗng chốc mưa gió âm âm kéo đến khiến trời đất mù mịt. Sư nói:

- Đó là điềm báo ma (ngoại đạo) đến, ta sẽ trừ chúng.

Ngài chỉ tay lên không trung, hiện một con rồng vàng thật lớn phấn phát oai thần làm rung động núi rừng. Sư ngồi trang nghiêm trên tòa, ma sự dần dần tan biến. Qua bảy ngày có một con sâu nhỏ, cỡ con tiêu minh (loài sâu), dẫu mình dưới tòa của Ngài. Ngài dùng tay nắm con sâu đưa lên cho chúng xem và nói:

- Con sâu này do ma (ngoại đạo) biến hóa ra, ẩn núp ở đây để nghe trộm pháp ta.

Nói xong Ngài ném con sâu ra, bảo “Đi ngay”.  
Nhưng con sâu vẫn nằm im.

Sư bảo nó:

- Người chỉ cần quy y tam bảo thì được thần thông.

Sau đó ma sâu hoàn trở lại nguyên hình làm lễ sám hối. Sư hỏi:

- Người tên gì nhỉ, quyến thuộc bao nhiêu?

Đáp:

- Tôi tên là Ca-tỳ-ma-la, có đến ba ngàn quyến thuộc.

Sư hỏi:

- Dụng hết thần lực thì người biến hóa thế nào?

Đáp:

- Tôi hóa ra biển lớn rất dễ dàng.

Sư hỏi:

- Người hóa tánh hải (biển) được chăng?

Hỏi:

- Tánh hải nghĩa là gì tôi chưa từng biết.

Sư bèn nói cho nghe về tánh hải:

- Sơn hà đại địa đều nương theo đó mà thành lập, tam muội lục thông (bản cựu ghi là “Lục thần thông”, căn cứ Chánh Tông Ký bỏ đi chữ thần) từ đó phát sanh.

Ca-tỳ-ma-la nghe nói liền phát tín tâm, cùng 3000 đồ chúng xin xuất gia. Sư bèn gọi 500 vị La-hán truyền giới cụ túc cho họ. Rồi bảo Ca-tỳ-ma-la: “Đại pháp nhãn tạng của Như Lai nay trao cho ông”.

Hãy nghe ta nói kệ:

Ẩn hiển tức bốn pháp,  
Minh ám nguyên bất nhị.  
Kim phó ngộ liễu pháp,  
Phi thủ diệt phi ly.

Dịch:

Ẩn hiển tức bốn pháp,  
Sáng tối vốn không hai.  
Nay trao pháp ngộ xong,  
Chẳng lấy cũng chẳng bỏ.

Truyền pháp rồi, Mã Minh Đại sĩ liền nhập long phần tấn tam muội, đứng thẳng người trong không

trung giống như mặt trời tròn hình bánh xe, sau đó hiện tướng nhập diệt. Tứ chúng đem chơn thể cất trong khám rỗng.

Nhằm năm Hiển Vương thứ 37, năm giáp ngọ (năm 94 công nguyên) (Đúng ra là năm Hiển Vương thứ 42).

### **13. Tổ Ca-tỳ-ma-la.**

(Kapimala)

Người nước Hoa Thị. Lúc đầu là ngoại đạo có 3000 đồ chúng, thông hiểu các luận của ngoại đạo. Về sau đắc pháp nơi Tôn giả Mã Minh, lãnh đạo đồ chúng đến miền Tây Ấn độ.

Xứ này có thái tử tên là Vân Tự Tại, ngưỡng mộ danh tiếng Tôn giả, mời Tôn giả vào cung để cúng dường. Tôn giả nói:

- Như Lai có dạy rằng sa môn chẳng được thân cận những nhà quyền thế như quốc vương đại thần.

Thái tử nói:

- Hiện nay phía bắc kinh thành nước tôi có một ngọn núi lớn, trong núi có một hang đá. Thầy có thể thiền định ở đó được không?

Tôn giả đáp:

- Được.

Rồi Tôn giả đi một số dặm vào núi đó, gặp một con rắn lớn. Tôn giả thản nhiên cứ đi chẳng ngó tới, nó bèn quấn vòng quanh thân Ngài, nhân đó Ngài cho thọ tam quy y. Rắn nghe xong rồi bỏ đi.

Tôn giả sắp đến hang đá, lại có một ông già mặc đồ trắng bước ra chấp tay thăm hỏi.

Tôn giả hỏi:

- Người ở đâu?

Đáp:

- Xưa tôi từng là tỳ kheo rất thích tịch tĩnh (vắng lặng). Có một số tỳ kheo sơ học đến thỉnh ích nhưng tôi chán nản đối với việc hỏi đáp và sinh ý tưởng bực mình, mạng sống hết tôi đọa làm thân rắn lớn ở trong hang đá này đến nay đã ngàn năm. Vừa mới gặp Tôn giả nghe được giới pháp nên đến để tạ ơn.

Tôn giả hỏi:

- Núi này còn có người nào ở nữa chẳng?

Đáp:

- Ở phía bắc cách đây mười dặm có một tàng cây đại thọ, che bóng cho năm trăm vị đại long (bậc hiền tài) ở dưới. Người làm lãnh tụ cây đó tên là



Long Thọ, thường vì long chúng nói pháp, tôi cũng đến nghe.

Tôn giả bèn dẫn đồ chúng đến đó. Long Thọ ra đón tiếp Tôn giả, hỏi:

- Núi sâu vắng vẻ, nơi hang ổ của loài rắn dữ, đại đức chí tôn sao hạ mình đoái tưởng mà đến đây?

Sư nói:

- Ta chẳng phải là chí tôn, chỉ đến để thăm hỏi hiền giả.

Long Thọ thâm nghĩ: “Sư này quyết định đắc tánh và đạo nhãn sáng chưa? Có phải là bậc đại thánh, thừa kế chơn thừa chăng?”

Sư nói:

- Tuy ông nghĩ trong lòng, ta đã biết ý ông rồi. Chỉ cần xuất gia, lo chi ta chẳng phải thánh?

Long Thọ nghe qua tạ lỗi sám hối. Tôn giả liền độ cho xuất gia và 500 long chúng đều thọ giới cụ túc.

Sư bảo Long Thọ:

- Nay đem đại pháp nhãn tạng của Như Lai phó chúc cho ông. Hãy lắng nghe ta nói kệ:

Phi ẩn phi hiển pháp,  
Thuyết thị chơn thực tế.  
Ngộ thử ẩn hiển pháp,  
Phi ngu diệc phi trí.

Dịch:

Pháp chẳng ẩn chẳng hiện,  
Gọi là chơn thật tế.  
Ngộ pháp ẩn hiện này,  
Chẳng ngu cũng chẳng trí<sup>(19)</sup>.

Trao pháp rồi Tôn giả liền hiện thân biến hóa lửa đốt thân. Long Thọ thu xá lợi ngũ sắc xây tháp cất giữ.

Nhằm năm Noãn Vương thứ 41, năm nhâm thìn (152 công nguyên) (Đúng ra là năm Noãn Vương thứ 46).

#### **14. Tổ Long Thọ Tôn Giả.**

(Nagarjuna)

---

<sup>(19)</sup> Pháp (đại pháp nhân tạng) chẳng phải ẩn, chẳng phải hiện.

Gọi đó là chơn thật vì nó là thể của hai tướng ẩn hiện.

Muốn ngộ pháp này thì ngay nơi ẩn hiện mà ngộ.

Pháp này là thể của ngu trí cho nên nó không ngoài tướng ngu, tướng trí mà chẳng phải là tướng ngu, tướng trí.

---

Người miền Tây nước Thiên Trúc, còn tên là Long Thắng. Ban đầu đắc pháp nơi Tôn giả Ca-tỳ-ma-la, sau đó đến miền Nam Ấn độ. Người vùng này rất tin phước nghiệp, nghe Tôn giả thuyết cho diệu pháp, họ truyền bảo với nhau: “Người có phước nghiệp là đứng hạng nhất trên đời, nói suông tin Phật ai thấy được gì đâu?”.

Tôn giả nói:

- Các người muốn thấy Phật tánh trước hết hãy bỏ tâm ngã mạn đi.

Họ hỏi:

- Phật tánh lớn hay nhỏ?

Tôn giả đáp:

- Chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng rộng chẳng hẹp, không phước không báo, chẳng tử chẳng sanh.

Họ nghe qua lý tột đều chuyển tâm ban đầu. Tôn giả ở trên pháp tòa lại biểu hiện thân tự tại như vàng trắng đầy, tất cả chúng chỉ nghe pháp âm mà chẳng thấy tướng (thân) của Sư.

Trong chúng đó có con nhà trưởng giả tên Ca-na Đề-bà (Thánh Thiên), bảo với chúng:

- Biết tướng đó không?

Chúng đáp:

- Mắt chưa từng thấy cái đó, làm sao nhận biết được?

Đề-bà nói:

- Đó là Tôn giả biểu hiện thể tướng Phật tánh để chỉ dạy chúng ta. Lấy gì để biết nó? Lấy vô tướng tam muội biểu hiện giống như trăng tròn đầy để biết nghĩa Phật tánh rộng không mà sáng suốt.

Nói xong tướng vành trăng liền ẩn mất, lại thấy Tôn giả vẫn ngồi tòa cũ và nói kệ:

Thân hiện viên nguyệt tướng,  
Dĩ biểu chư Phật thể.  
Thuyết pháp vô kỳ hình,  
Dụng biện phi thanh sắc.

Dịch:

Thân hiện tướng trăng tròn,  
Để trình thể chư Phật.  
Nói pháp không thân hình,  
Để rõ chẳng thanh sắc.

Chúng đó nghe kệ đốn ngộ vô sanh, đều nguyện xuất gia để cầu giải thoát. Tôn giả liền cho xuống tóc, lệnh chư thánh truyền giới cụ túc.

Trước kia nước đó có ngoại đạo trên 5000 người, làm đại huyễn thuật dân chúng đều quy ngưỡng theo. Nhờ Tôn giả giáo hóa khiến họ đều quy y tam bảo.

Tôn giả tạo Đại Trí Độ Luận, Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận để lại cho đời.

Sau Tôn giả bảo đệ tử thượng thủ là Ca-na Đề-bà:

- Đại pháp nhãn tạng của Như Lai nay trao cho ông.

Hãy nghe ta nói kệ:

Vị minh ẩn hiển pháp,  
Phương thuyết giải thoát lý.  
Ủ pháp tâm bất chứng,  
Vô sân diệc vô hỷ.

Dịch:

Vì rõ pháp ẩn hiện,  
Mới nói lý giải thoát.

Nơi pháp tâm chẳng nhận,

Không giận cũng không mừng.

Truyền pháp xong Tôn giả nhập nguyệt luân tam muội quảng hiện thần biến. Về lại tòa cũ mài miết vào thiền tịch (niết bàn).

Ca-na Đề-bà và các tứ chúng cùng xây bảo tháp để mai táng.

Nhằm năm Tần Thủy Hoàng thứ 35, năm kỷ sửu (năm 209 công nguyên)<sup>(20)</sup>.

## **HẾT QUYỂN I**

---

<sup>(20)</sup> Năm Tần Thủy Hoàng thứ 35, là năm 212 trước công nguyên, năm mậu tý. Sai lệch khoảng 400 năm! Theo Phật Quang Đại Từ Điển, Tổ Long Thọ sống khoảng thế kỷ thứ 2-3 sau công nguyên.

CẢNH ĐỨC  
TRUYỀN ĐĂNG LỤC  
(QUYỂN II)

No. 2076

DƯƠNG THANH KHẢI (dịch)

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)





## QUYỂN II

Thiên Trúc 35 Tổ (trong đây, 13 Tổ được ghi, 22 Tổ bìa xuất<sup>(21)</sup> không ghi).

15. Tổ Ca-na Đề-bà (Thánh Thiên), 16. Tổ La-hầu-la-đa, 17. Tổ Tăng-già Nan-đề, 18. Tổ Tăng-già Xá-đa, 19. Tổ Cưu-ma-la-đa, 20. Tổ Xà-dạ-đa, 21. Tổ Bà-tu Bàn-đầu (Thế Thân)<sup>(22)</sup>, 22. Tổ Ma-noa-la, 23. Tổ Hạc-lặc-na, 24. Tổ Sư Tử Tôn giả.

Đạt-ma-đạt (Bìa xuất từ Sư Tử Tôn giả).

Nhân-đà-la, Cô-la Kị-lợi-bà (Hai Tổ bìa xuất từ Đạt-ma-đạt).

Đạt-ma Thi-lợi-đế, Na-già Nan-đề, Phá-lâu-cầu Đa-la, Ba-la-bà-đề (Bốn Tổ bìa xuất từ Nhân-đà-la).

Ba-la Bạt-ma, Tăng-già La-xoa (Hai Tổ bìa xuất từ Cô-la Kị-lợi-bà).

Ma-đế-lệ Bạt-la, Ha-lợi-bạt-mậ (Hai Tổ bìa xuất từ Đạt-ma Thi-lợi-đế).

---

<sup>(21)</sup> Bìa xuất: Đệ tử đặc pháp, nối pháp Tổ nhưng thuộc dòng phụ.

<sup>(22)</sup> Thế Thân này là Tổ thứ 21 thuộc Thiên tông, không phải là Bồ tát Thế Thân – em của Bồ tát Vô Trước – của Duy Thức học thuộc phái Đại thừa Du-già (Theo Phật Quang Đại Từ Điển)

Hòa-tu Bàn-đầu, Đạt-ma Ha-đế, Chiên-đà-la-đa (Ba Tổ bàng xuất từ Phá-lâu-câu Đa-la).

Lặc-na Đa-la, Bàn-đầu Đa-la, Bà-la Bà-đa (Ba Tổ bàng xuất từ Ba-la Bạt-ma).

Tỳ-xá-dã Đa-la, Tỳ-lâu-la Đa-ma, Tỳ-lật-sô Đa-la, Ưu-ba-thiên-đà, Bà-nan-đề-đa (Năm Tổ bàng xuất từ Tăng-già La-xoa).

(Hai mươi hai vị Tổ trên đây không có ngữ cú, chẳng ghi).

25. Tổ Bà-xá Tư-đa, 26. Tổ Bất-như Mật-đa, 27. Tổ Bất-nhã Đa-la.

Thiên Trúc gồm 35 Tổ (13 Tổ được ghi trong quyển II này).

15. Tổ Ca-na Đề-bà, 16. Tổ La-hầu-la-đa, 17. Tổ Tăng-già Nan-đề, 18. Tổ Già-da Xá-đa (Tăng-già Xá-đa), 19. Tổ Cưu-ma-la-đa, 20. Tổ Xà-dạ-đa, 21. Tổ Bà-tu Bàn-đầu, 22. Tổ Ma-noa-la, 23. Tổ Hạc-lặc-na, 24. Tổ Sư Tử Tôn giả, 25. Tổ Bà-xá Tư-đa, 26. Tổ Bất-như Mật-đa, 27. Tổ Bất-nhã Đa-la.

Từ Tổ Sư Tử Tôn giả bàng xuất Đạt-ma-đạt.

Từ Đạt-ma-đạt có hai Tổ: 1. Nhân-đà-la, 2. Cồ-la Kị-lợi-bà.

Từ Nhân-đà-la có bốn Tổ: 1. Đạt-ma Thi-lợi-đế, 2. Na-già Nan-đề, 3. Phá-lâu-câu Đa-la, 4. Ba-la-bà-đề

Từ Cô-la Kị-lợi-bà có hai Tổ: 1. Ba-la Bạt-ma, 2. Tăng-già La-xoa.

Từ Đạt-ma Thi-lợi-đế có hai Tổ: 1. Ma-đế-lệ Bạt-la, 2. Ha-lợi-bạt-mậu.

Từ Phá-lâu-câu Đa-la có ba Tổ: 1. Hòa-tu Bàn-đầu, 2. Đạt-ma Ha-đế, 3. Chiên-đà-la-đa.

Từ Ba-la Bạt-ma có ba Tổ: 1. Lặc-na Đa-la, 2. Bàn-đầu Đa-la, 3. Bà-la Bà-đa.

Từ Tăng-già La-xoa có năm Tổ: 1. Tỳ-xá-dã Đa-la, 2. Tỳ-lâu-la Đa-ma, 3. Tỳ-lật-sô Đa-la, 4. Ưu-ba-thiên-đà, 5. Bà-nan-đề-đa.

(Trên đây bàn xuất 22 Tổ không có cơ duyên ngữ cú, chẳng ghi).

## **15. Tổ Ca-na Đề-bà.**

(Kanadeva, Thánh Thiên)

Người nước miền Nam Thiên Trúc, dòng họ Tỳ-xá-la. Ban đầu Ngài cầu phước nghiệp và thích biện luận, sau đến yết kiến Long Thọ Đại sĩ. Sắp tới cửa, Long Thọ biết là người trí, trước đó sai thị giả đem

cái bình bát đổ đầy nước đến đặt trước chỗ Tổ ngồi. Tôn giả thấy vậy liền lấy một cây kim bỏ vào bát nước rồi thẳng đến yết kiến Tổ, thầy trò gặp nhau vui vẻ lãnh hội.

Long Thọ bèn vì Ngài mà nói pháp, tại chỗ ngồi hiện tướng vầng trăng tròn, chúng chỉ nghe tiếng nói mà không thấy hình của Tổ.

Tôn giả bảo chúng:

- Với điềm lành này, hôm nay Thầy muốn trình hiện Phật tánh để tiêu biểu cho việc thuyết pháp chẳng phải là âm thanh sắc tướng.

Sau khi đắc pháp Tôn giả đến nước Tỳ-la. Xứ đó có trưởng giả tên là Phạm ma Tịnh Đức, một hôm cây trong vườn trưởng giả sanh tai nấm lớn hương vị rất thơm ngon. Chỉ có trưởng giả và người con trai thứ hai La-hầu-la-đa hái và ăn được nấm đó, khi hái hết những nấm lớn thì lại sanh ra lớp khác, trừ những người thân của gia đình còn người ngoài không thấy nấm được.

Bấy giờ Tôn giả biết nhân duyên đời trước nên đến nhà đó. Trưởng giả hỏi về duyên cớ ấy, Tôn giả nói:

- Nhà ông đời trước từng cúng dường cho một tỳ kheo, nhưng tỳ kheo này đạo nhân chưa sáng mà luống thọ ơn tín thí cho nên chịu quả báo làm nấm cây. Chỉ có ông và con trai (Chánh Tông ghi: và con trai thứ) tinh thành cúng dường mới có thể hưởng nấm, người khác thì không hưởng được.

Lại hỏi:

- Trưởng giả tuổi bao nhiêu?

Đáp:

- Bảy mươi chín.

Tôn giả bèn nói kệ:

Nhập đạo bất thông lý,  
Phục thân hoàn tín thí.  
Nhữ niên bát thập nhất,  
Thử thọ bất sanh nhĩ.

Dịch:

Vào đạo chẳng thông lý,  
Đem thân đền tín thí.  
Tuổi ông tám mươi mốt,  
Cây này hết sanh nấm.

Trưởng giả nghe kệ càng thêm thán phục. Lại nói: Đệ tử già yếu theo thờ Thầy không được, muốn xin đưa con thứ theo Thầy xuất gia.

Tôn giả nói:

- Xưa Như Lai đã thọ ký cho người con trai này, vào năm trăm năm thứ hai\* sẽ làm đại giáo chủ. Nay gặp nhau âu cũng phù hợp với nhân xưa.

Tôn giả bèn cho người con trai thứ hai xuống tóc làm thị giả.

Tôn giả đến thành Ba-liên-phất, nghe các ngoại đạo gây trở ngại Phật pháp kể ra đã lâu. Tôn giả bèn cầm cây phướn dài đi vào trong chúng ngoại đạo.

Ngoại đạo hỏi Tôn giả:

- Sao ông chẳng (thấy đấng) trước?

Tôn giả đáp:

- Sao ông chẳng (thấy đấng) sau?

Lại nói:

- Ông giống như tiện nhân (người ti tiện).

Tôn giả đáp:

---

\* Hai lần năm trăm năm, nghĩa là 1000 năm sau khi Phật nhập niết bàn

- Ông giống như lương nhân (người tốt).

Lại hỏi:

- Ông biết pháp gì?

Tôn giả đáp:

- Ông không biết đủ điều.

Lại nói:

- Tôi muốn đắc Phật.

Tôn giả nói:

- Tôi so đo (mới có) đắc Phật.

Lại nói:

- Ông chẳng đắc đâu.

Tôn giả nói:

- Trước ông nói “tôi muốn đắc”, thực ra ông chẳng đắc đâu.

Lại hỏi:

- Ông đã chẳng đắc, nói đắc là thế nào?

Tôn giả nói:

- Ông có ngã vì vậy chẳng đắc, ta không ngã ngã cố<sup>(23)</sup> tự nhiên phải đắc.

Lời đối đáp bị bẻ gãy, ngoại đạo bèn hỏi:

- Tên ông là gì?

Tôn giả nói:

- Tôi tên là Ca-na Đề-bà.

Ngoại đạo đã nghe danh Sư nên hối lỗi và cảm ơn. Bấy giờ trong chúng còn đang sôi nổi vấn nạn nhau, Tôn giả dùng biện tài vô ngại phân giải nhờ đó họ quy phục.

Sắp quy tịch, Tôn giả bảo với môn đệ thượng thủ là La-hầu-la-đa và truyền pháp nhãn cho, kệ rằng:

Bổn đối truyền pháp nhân,

Vị thuyết giải thoát lý.

Ư pháp thực vô chứng,

Vô chung diệc vô thủy.

Dịch:

Vốn cho người truyền pháp,

Mà nói lý giải thoát.

---

<sup>(23)</sup> Nguyên là ngã cố, nghĩa như ngã sở (ND)



Nơi pháp thực không chứng,

Không chung cũng không thủy.

Tôn giả nói kệ xong, nhập phấn tấn định, thân phóng ra tám đạo hào quang rồi thu trở về tịch diệt. Học chúng xây tháp cúng dường Tôn giả.

Nhằm nhà Tiền Hán Văn đế năm thứ 19, năm canh thìn (năm 160 trước công nguyên)<sup>(24)</sup>.

## **16. Tổ La-hầu-la-đa.**

(Rahulabhadra)

Người nước Ca-tỳ-la, đi hóa đạo đến thành Thất-la-phiệt. Ở đây có con sông gọi là Kim Thủy, sông này nước có mùi vị thơm ngon đặc biệt, giữa dòng sông lại hiện ra năm hình Phật.

Tôn giả nói với chúng:

- Cách đây khoảng 500 dặm đến nguồn con sông này, có vị thánh tên là Tăng-già Nan-đề đang ở đó, Phật chí ghi 1000 năm sau<sup>(25)</sup> sẽ tiếp nối ngôi thánh vị.

---

<sup>(24)</sup> Tiền Hán Văn đế (179-157 trước công nguyên), năm thứ 19 là năm 161 trước công nguyên, nhằm năm kỷ mao. Năm canh thìn là năm 160 trước công nguyên! Có thể là năm 140 sau công nguyên (ND).

<sup>(25)</sup> Sau khi Phật nhập niết bàn.

Nói xong Tôn giả dẫn các học chúng ngược dòng sông đi lên. Đến nơi thấy Tăng-già Nan-đề đang ngồi yên nhập định. Tôn giả và chúng quan sát chờ đợi, trải qua ba thất (21 ngày) Nan-đề mới xuất định.

Tôn giả hỏi:

- Thân ông định hay tâm ông định?

Đáp:

- Thân tâm đều định.

Tôn giả hỏi:

- Thân tâm đều định sao có xuất nhập?

Đáp:

- Tuy có xuất nhập mà không mất tướng định, như vàng trong giếng thể vàng thường tịch.

Tôn giả hỏi:

- Vàng ở trong giếng hoặc vàng ra ngoài giếng, (thể) vàng không động tịnh thì có vật gì ra vào?

Đáp:

- (Thể) Vàng chẳng phải động tịnh mà cho là vàng ra vào nghĩa là vàng động tịnh thì có vật gì ra vào?

Tôn giả nói:

- Nếu vàng trong giếng thì cái ra ngoài là vàng nào? Nếu vàng ngoài giếng thì cái ở trong là vật gì?

Đáp:

- Vàng nếu ngoài giếng thì cái ở trong chẳng phải vàng, vàng nếu trong giếng thì cái ra ngoài chẳng phải vật.

Tôn giả nói:

- Nghĩa này không đúng.

Đáp:

- Lý kia chẳng nhầm.

Tôn giả nói:

- Nghĩa này phải hỏng.

Đáp:

- Nghĩa kia chẳng thành.

Tôn giả nói:

- Nghĩa kia chẳng thành mà nghĩa của ta thành.

Đáp:

- Nghĩa của ta tuy thành vì pháp chẳng phải ta.

Tôn giả nói:

- Nghĩa của ta đã thành vì ngã mà vô ngã.

Hỏi:

- Vì ngã mà vô ngã lại thành nghĩa gì?

Tôn giả nói:

- Vì ngã mà vô ngã nên thành nghĩa của ông.

Hỏi:

- Này nhân giả! Thầy được vô ngã đó nơi vị thánh nào?

Tôn giả đáp:

- Thầy ta là Ca-na Đề-bà chứng được vô ngã đó.

Nan-đề nói:

- Cúi đầu lễ Sư Đề-bà, người làm nên nhân giả. Vì nhân giả vô ngã, tôi muốn thờ nhân giả làm thầy.

Tôn giả nói:

- Vì ta đã vô ngã, ông nên thấy cái (chơn) ngã của ta. Nếu ông xem ta là thầy thì nên biết ta đây chẳng phải (chơn) ngã của ta.

Nan-đề nghe qua tâm ý rỗng rang, xin được độ thoát.

Tôn giả nói;

- Tâm ông tự tại chẳng bị cái ngã trói buộc.

Nói xong, Tôn giả dùng tay phải đưa cái bát vàng lên đến Phạm cung lấy cơm thơm ở đó về thết trai đại chúng. Nhưng đại chúng bỗng sanh tâm chán chê, Tôn giả nói:

- Do nghiệp các ông, chẳng phải lỗi ta.

Rồi bảo Tăng-già Nan-đề chia tào cho ngồi, cùng ăn. Chúng lại ngờ vực Nan-đề. Tôn giả nói:

- Các ông ăn không được, đều bởi cố này: Nên biết việc chia tào với ta, chính là Đức Như Lai Ta-la Thọ vương trong quá khứ thương vạn vật để lại điềm báo. Các ông trong kiếp Trang nghiêm cũng đã đến tam quả (A-na-hàm) mà chưa chứng vô lậu.

Chúng nói:

- Thần lực của thầy chúng tôi mới đáng tin thôi. Kia là Phật quá khứ mới thâm nghi vậy.

Biết chúng sanh ngã mạn, Tăng-già Nan-đề bèn nói:

- Ngày Thế Tôn còn thì thế giới bình chánh, không có gò nống sỏi khe sông ngòi, nước đều ngon ngọt thảo mộc sum sê, đất nước được mùa thanh trị, người dân hành thập thiện không có tám

khổ. Trên 800 năm từ khi Ngài thị hiện nhập diệt dưới cây Song Thọ thì thế giới gò nống, cây cối khô cằn, người không tin sâu, chánh niệm xem nhẹ, không tin chơn như chỉ thích thần lực.

Nói xong, dùng tay phải từ từ mở rộng đi sâu vào đất, đến chỗ Kim cang luân lấy nước cam lộ, đựng bình lưu ly đem đến pháp hội. Đại chúng thấy vậy liền kính mến hối lỗi mà làm lễ, do đó Tôn giả trao mạng mạch cho Tăng-già Nan-đề và truyền pháp nhãn.

Kệ rằng:

Ứ pháp thật vô chứng,

Bất thủ diệc bất ly.

Pháp phi hữu vô tướng

Nội ngoại vân hà khởi?

Dịch:

Nơi pháp thật không chứng,

Chẳng giữ cũng chẳng lìa.

Pháp chẳng tướng có không,

Trong ngoài làm sao khởi?

Tôn giả trao pháp xong ngồi yên quy tịch, tứ chúng xây tháp thờ.

Nhằm nhà Tiền Hán, năm Vũ đế thứ 28, năm mậu thìn (năm 112 trước công nguyên!)(<sup>26</sup>).

### **17. Tổ Tăng-già Nan-đề.**

(Samghanandi, Chúng Hà).

Ngài là con trai vua Bảo Trang Nghiêm ở thành Thất la phiệt. Mới sanh ra đời đã biết nói và thường tán thán Phật sự. Năm bảy tuổi chán thú vui thế gian, Ngài nói kệ xin cha mẹ cho xuất gia:

Khể thủ đại từ phụ,  
Hòa nam cốt huyết mẫu  
Ngã kim dục xuất gia,  
Hạnh nguyện ai mẫn cố.

Dịch:

Cúi lạy đấng từ phụ,  
Kính lễ mẹ tình thâm.  
Nay con muốn xuất gia,  
Mong được thương xót cho.

---

(<sup>26</sup>) Năm mậu thìn này, có thể là năm 188 sau công nguyên. (ND).

Cha mẹ quyết khuyên ngăn con, Ngài trọn ngày không ăn khiến cho cha mẹ phải nhượng bộ, cho tạm xuất gia hiệu Tăng già Nan đề, tu ở hoàng cung. Vua cho mời Sa môn Thiên-lợi-đa làm thầy dạy Ngài, trải 19 năm tu tại gia Ngài chưa từng mỗi một. Ngài thường tự nghĩ: “Thân ta ở trong cung vua, sao gọi là xuất gia?”.

Chợt một buổi chiều trời quang mây tạnh, Ngài gặp một con đường bằng phẳng bất giác bước đi thông thả, được khoảng mười dặm đến một ngọn núi cao, thấy có hang đá bèn vào ngồi thiền trong đó.

Sáng hôm sau vua nghe mất tích thái tử liền đuổi Thiên-lợi-đa ra khỏi nước, cho người tìm kiếm thái tử khắp nơi mà không được. Trải qua mười năm Ngài đã được thọ ký và đắc pháp nơi Tổ La-hầu-la-đa.

Sau Tôn giả du hóa đến nước Ma đề, chợt có luồng gió mát ập đến, chúng đều cảm thấy thân tâm khoan khoái lạ thường mà không biết tại sao thế. Tôn giả nói:

- Đây là gió do đạo đức cảm nên, sẽ có bậc thánh ra đời nối tiếp đèn Tổ.



Nói xong, Tôn giả dùng thần lực đưa đại chúng du lịch qua các sơn cốc. Chẳng bao lâu đến dưới một ngọn núi, Tôn giả bảo chúng:

- Đỉnh núi này có mây tía phủ như lộng che ở trên, thánh nhân ở đây rồi!

Cùng đại chúng bần khoản đợi chờ. Chợt thấy một đồng tử từ nhà nghỉ trong núi đi đến trước mặt Tôn giả, tay cầm cái gương tròn. Tôn giả hỏi:

- Ông tuổi bao nhiêu?

Đáp:

- Trăm tuổi!

Tôn giả hỏi:

- Tuổi ông còn nhỏ, sao nói trăm tuổi?

Đáp:

- Tôi không biết lý lẽ, tôi đúng 100 tuổi.

Tôn giả hỏi:

- Ông có cơ duyên với Phật chăng?

Đáp:

- Phật dạy: Nếu người sống trăm tuổi, không biết cơ duyên Phật, sao bằng sống một ngày, mà hiểu được rõ ràng?

Tôn giả hỏi:

- Vật (gương tròn) trong tay ông biểu thị điều gì?

Đồng tử đáp:

Chư Phật đại viên giám,

Nội ngoại vô hà ế.

Lưỡng nhân đồng đắc kiến,

Tâm nhãn giai tương tự.

Dịch:

Gương tròn lớn chư Phật,

Trong ngoài không dấu vết.

Hai người cùng thấy được,

Tâm nhãn đều tương tự.<sup>(27)</sup>

Cha mẹ đồng tử nghe được lời đối đáp của con thì cho con xuất gia. Tôn giả nắm tay chú bé dẫn về tinh xá, cho thợ giới cụ túc xong và đặt tên là Già-da Xá-đa.

Một hôm gió thổi, nghe tiếng kêu của linh đồng treo trên điện Phật, Tôn giả hỏi Sư Xá-đa.

---

<sup>(27)</sup> Tâm nhãn: Mắt của tâm hằng có khắp nơi, dùng được thì các tướng có không đều rõ không.

- Linh kêu hay gió kêu?

Sư đáp:

- Chẳng phải linh kêu, chẳng phải gió kêu mà tâm con kêu.

Tôn giả hỏi:

- Tâm là gì nhỉ?

Sư đáp:

- Tất cả đều vắng lặng.

Tôn giả nói:

- Lành thay, lành thay! Người nối đạo ta, phi người còn có ai?

Tôn giả bèn nói kệ trao pháp:

Tâm địa bốn vô sanh,  
Nhân địa tông duyên khởi.  
Duyên chủng bất tương phương,  
Hoa quả diệc phục nhĩ.

Dịch:

Tâm địa vốn vô sanh,  
Nhân tâm tùy duyên khởi.

Duyên giống chẳng ngại nhau,

Hoa quả cũng như thế.

Tôn giả truyền pháp xong, đưa tay phải vin cành cây mà thiên hóa. Đại chúng bàn: Tôn giả quy tịch dưới tàng cây, có lẽ cây ấy rủ bóng che mát con cháu chăng? Rồi định đưa toàn thân Tôn giả đến cao nguyên xây tháp thờ, nhưng sức của chúng không nâng nổi mà phải xây tháp tại gốc cây.

Nhằm nhà Tiền Hán Chiêu đế năm thứ 13, năm đĩnh mùi (năm 73 trước công nguyên).

### **18. Tổ Già-da Xá-đa.**

(Samghayathata, Chúng Xưng)

Người nước Ma-đê, dòng họ Uất-đầu-lam. Cha là Thiên Cái, mẹ là Phương Thánh. Nhân lúc bà mang thai, có lần mộng thấy vị thần cao lớn tay cầm tấm gương, rồi bảy ngày sau đản sanh. Ngài mới sanh thân thể trong sáng như ngọc lưu ly, tự nhiên sạch sẽ thơm tho chưa từng tắm gội. Khi còn nhỏ Ngài đã thích an nhàn yên tĩnh, nói lời phi thường, hay cầm tấm gương đi vân du gặp Tổ Nan-đê độ cho.

Sau khi đắc pháp, Tôn giả nắm đồ chúng đến nước Đại Nguyệt Chi, thấy nhà một Bà la môn họ

có khí tượng lạ. Tôn giả muốn vào nhà đó, gia chủ Cưu-ma-la-đa ra hỏi:

- Đây là đồ chúng nào?

Đáp:

- Đây là đệ tử Phật.

Gia chủ nghe tên hiệu Phật, tâm thần sợ hãi liền đóng cửa lại. Tôn giả đứng chờ hồi lâu rồi tự gõ cửa.

La-đa nói:

- Nhà này không có người.

Tôn giả hỏi:

- Ai đáp “Không có người” đó!

La-đa nghe hỏi biết đó là dị nhân, vội vã mở cửa tiếp nước.

Tôn giả nói:

- Xưa Đức Thế Tôn huyền ký: “Sau khi ta nhập diệt một ngàn năm có vị đại sĩ (Bồ tát) xuất hiện ở nước Nguyệt Chi, tiếp nối và làm hưng thịnh việc giáo hóa của ta”. Nay ông gặp ta ứng hợp vận lành đó.

Nhờ thế Cưu-ma-la-đa khai phát túc mệnh trí, đem lòng thành kính xuất gia thọ giới cụ túc.

Truyền pháp xong, Tôn giả nói kệ:

Hữu chủng hữu tâm địa,  
Nhân duyên năng phát minh.  
Ư duyên bất tương ngại,  
Đương sanh sanh bất sanh.

Dịch:

Có giống có tâm địa,  
Nhân duyên giúp nảy mầm.  
Nơi duyên không ngại nhau,  
Đương sanh sanh chẳng sanh.<sup>(28)</sup>

Trao pháp xong, Tôn giả vọt thân lên không trung hiện 18 loại thần biến, hóa hỏa quang tam muội tự thiêu thân. Chúng nhật xá lợi xây tháp thờ.

Nhằm nhà Tiền Hán Thành đế năm thứ 20, năm mậu thân (Năm 12 trước công nguyên).

---

<sup>(28)</sup> Sẵn có hạt giống có đất tâm, nhân duyên giúp các pháp sanh khởi. Duyên sanh pháp mà tâm pháp không trở ngại nhau, ngay lúc pháp sanh là cơ hội tốt khả dĩ nhận ra “cái chẳng sanh” (tâm địa, chơn như). Vì tâm pháp vốn không hai.

## 19. Tổ Cưu-ma-la-đa.

(Kumāralāta, Đồng Thụ)

Ngài con nhà Bà-la-môn, thuộc nước Đại Nguyệt Chi. Đời trước làm người của Tự Tại thiên (Trời dục giới thứ 6), Ngài thấy Bồ tát Anh Lạc bỗng khởi tâm yêu mến mà đọa sanh xuống Trời Đao Lợi (Trời dục giới thứ 2), ở đây nghe Kiền-thi-ca thuyết bát nhã Ba-la-mật-đa, nhờ nghe pháp ưu thắng nên thăng lên Phạm thiên (Trời sắc giới). Nhờ lợi căn khéo thuyết pháp yếu mà chư thiên tôn làm đạo sư tiếp nối Tổ vị, thời đến giáng sanh ở nước Nguyệt Chi.

Sau khi đắc pháp, Tôn giả đến nước thuộc miền trung Thiên Trúc. Ở đây có vị đại sĩ tên là Xà-dạ-đa đến hỏi:

- Phụ mẫu nhà tôi vốn tin tam bảo mà bệnh tật cứ đeo đuổi, phàm việc làm ăn tạo tác đều không như ý. Trái lại, nhà hàng xóm tôi làm việc chiêng đàn la (xấu ác hạ tiện) mà thân họ thường khỏe mạnh, công việc hanh thông. Chẳng biết họ có may mắn gì và nhà tôi mắc phải tội gì?

Tôn giả đáp:

- Sao mà nghi được (nhân quả) ư? Vả lại việc quả báo của thiện ác bao gồm ba thời. Người đời

thường gặp: Người nhân từ chết yếu kẻ bạo tàn lại sống lâu, kẻ phản nghịch gặp may người trung nghĩa mắc nạn, thì bác là không nhân quả, chuyện tội phước là hảo huyền. Họ hoàn toàn đâu biết ảnh hưởng của nhân quả tội phước theo nhau như hình với bóng, hào ly chẳng lệch. Dù cho trải qua trăm ngàn vạn kiếp cũng không tiêu mất.

Bấy giờ Xà-dạ-đa nghe nói xong, liền giải tỏa mối nghi.

Tôn giả nói:

- Ông tuy đã tin tam nghiệp nhưng chưa biết: nghiệp do hoặc sanh, hoặc do thức mà có, thức tùy theo bất giác, bất giác tùy theo tâm. Tâm xưa nay thanh tịnh không sanh diệt không tạo tác, không báo ứng không hơn thua, thường vắng lặng mà linh tri. Nếu ông vào được pháp môn này thì có thể đồng với chư Phật, tất cả pháp thiện ác hữu vi vô vi đều như mộng huyễn.

Xà-dạ-đa thừa dịp nghe Tôn giả dạy, lĩnh hội yếu chỉ, liền khởi phát túc tuệ<sup>(29)</sup> khẩn cầu xuất gia. Xà-dạ-đa thọ giới cụ túc xong, Tôn giả bảo:

---

<sup>(29)</sup> Túc tuệ: Trí tuệ vốn sẵn có, do duyên đời mà quên đi.



- Nay ta tới lúc tịch diệt. Ông sẽ tiếp nối ta du hành tùy phương tiện giáo hóa.

Rồi truyền trao pháp nhãn. Kệ rằng:

Tánh thượng bốn vô sanh,

Vị đối câu nhân thuyết.

Ư pháp ký vô đắc,

Hà hoài quyết bất quyết?

Dịch:

Trên tánh vốn không sanh,

Vì người cần mà nói.

Nơi pháp đã vô đắc,

Đâu mong quyết chẳng quyết?<sup>(30)</sup>

Tôn giả nói:

- Đây là câu Như Lai diệu âm kiến tánh thanh tịnh, ông nên truyền bá cho hậu học.

Nói xong, liền ở trên tòa dùng móng tay rạch mặt hiện màu đỏ như đóa sen hồng mới nở. Từ đóa

---

<sup>(30)</sup> Quyết: Thấy được lý vô sanh vô đắc thì không cần phải quyết nghi và cũng không phải quả quyết nhất định điều gì.

sen phóng đại quang minh chiếu soi tứ chúng rồi vào tịch diệt. Xà-dạ-đa xây tháp thờ.

Nhằm năm Tân Thất thứ 14, năm nhâm ngọ (năm 22 công nguyên).

## **20. Tổ Xà-dạ-đa.**

(Sayata)

Người miền Bắc Thiên Trúc, trí tuệ thâm trầm mà lạnh lẽ, dạy người đông vô lượng.

Về sau đến thành La duyệt biểu dương đốn giáo. Người học đạo ở đây chỉ chuộng biện luận, người đứng đầu họ tên là Bà-tu Bàn-đầu (Hoa dịch là Biến Hành). Biến Hành thường thì ngày ăn một lần, không nằm, sáu thời lễ Phật, tâm thanh tịnh đạm bạc thế nên chúng quy ngưỡng rất đông.

Muốn độ Ngài, trước tiên Tôn giả hỏi chúng của Ngài:

- Đầu đà<sup>(31)</sup> Biến Hành đây hay tu Phạm hạnh, có thể thành Phật đạo chăng?

---

<sup>31</sup> Đầu đà: Nghĩa là rũ sạch những ô nhiễm. Phương tiện tu khổ hạnh, gồm 13 hạnh đầu đà: 1. Mặc đồ rách vá; 2. Mặc đồ ba phần; 3. Khất thực; 4. Khất thực theo thứ tự; 5. Ngày ăn một lần; 6. Chỉ ăn một phần; 7. Không ăn giữa bữa; 8. Ở rừng; 9. Ở gốc cây; 10. Ở giữa trời; 11. Ở nghĩa địa; 12. Ngủ đầu cũng được; 13. Ngồi không nằm.

Chúng hỏi lại:

- Thầy chúng tôi tinh tấn cố sao không thành?

Tôn giả nói:

- Thầy các ông còn xa đạo. Giả sử khổ hạnh dài lâu với số kiếp như vi trần cũng đều là gốc của hư vọng.

Chúng hỏi:

- Tôn giả có đức hạnh gì mà chê bai thầy chúng tôi?

Tôn giả đáp:

- Ta chẳng cầu đạo cũng chẳng điên đảo, ta chẳng lễ Phật cũng chẳng xem thường, ta chẳng ngồi hoai cũng chẳng giải đãi, ta chẳng ăn ngày một bữa cũng chẳng tạp thực, ta chẳng tri túc cũng chẳng tham muốn. Tâm không có gì để mong cầu, đó gọi là đạo.

Bấy giờ Biện Hành nghe qua phát trí vô lậu, hoan hỉ khen ngợi. Tôn giả lại nói với chúng kia:

- Các ông hiểu lời ta nói không? Sở dĩ ta nói thế là vì tâm cầu đạo của Thầy kia tha thiết quá, dây căng quá ắt phải đứt nên ta không tán thành, khiến cho Thầy kia trụ trong chỗ an lạc mà nhập vào trí tuệ chư Phật.

Rồi Tôn giả nói với Biến Hành:

- Tôi vừa nói trước chúng như vậy có oan khuất nhân giả không? Nhân giả khỏi phải phiền lòng chăng?

Đáp:

- Nhớ lại bảy kiếp trước tôi sanh ở nước Thường An Lạc, thờ ngài trí giả Nguyệt Tịnh làm thầy. Ngài Nguyệt Tịnh thọ ký tôi chẳng bao lâu sẽ chứng quả Tư-đà-hàm. Bấy giờ có Bồ tát Đại Quang Minh ra đời, vì già tôi phải chống gậy đến làm lễ yết kiến Bồ tát.

Thầy Nguyệt Tịnh la rầy tôi: “Trọng con khinh cha, sao mà người dốt quá vậy?”. Lúc ấy tôi tự xét mình không có lỗi và xin thầy Nguyệt Tịnh chỉ lỗi cho. Thầy nói: “Người lễ Bồ tát Đại Quang Minh, đem cây gậy dựng tựa vào mặt Phật vẽ trên vách, vì lỗi bất kính này mà mất hai quả vị”. Từ đó về sau tôi trách mình hối lỗi (chẳng dám không tin), dù nghe những lời chửi mắng cũng như gió thoảng như âm vang.

Hướng hồ nay được Tôn giả cho uống cam lồ vô thượng mà lại sanh hờn giận ư? Chỉ mong Tôn giả đại từ đem diệu đạo rủ lòng dạy cho.

Tôn giả nói:

- Ông đã vun trồng nhiều phước đức, sẽ thừa kế tông ta. Hãy nghe ta nói kệ:

Ngôn hạ hợp vô sanh,  
Đồng ư pháp giới tính.  
Nhược năng như thị giải,  
Thông đạt sự lý cánh.

Dịch:

Nói ra hợp vô sanh,  
Đồng với tánh pháp giới.  
Nếu hay hiểu như thế,  
Ắt thông đạt sự lý.

Tôn giả trao pháp xong, không rời khỏi tòa bồng nhiên quy tịch. Chúng thiêu thân thu xá lợi dựng tháp thờ.

Nhằm nhà Hậu Hán Minh đế năm thứ 17, năm giáp tuất (năm 74 công nguyên).

## **21. Tổ Bà-tu Bàn-đầu.**

(Vasubandhu, Thế Thân, Thiên Thân)

Người thành La-duyệt, dòng họ Tỳ-xá-khư. Cha là Quang Cái, mẹ là Nghiêm Nhất, nhà giàu có mà không con. Cha mẹ Ngài đến cúng ở tháp thờ Phật mong cầu có con nối dõi, một đêm nọ mẹ mộng thấy nuốt hai hạt châu: hạt sáng hạt tối, tỉnh giấc bà biết có mang.

Trải qua bảy ngày có một vị La-hán tên là Hiền Chúng đến nhà. Quang Cái thiết lễ tiếp, Hiền Chúng ngồi ngay ngắn nhận lễ; khi Nghiêm Nhất bước ra lễ bái, Hiền Chúng tránh lễ không dám nhận và nói:

- Hãy xoay trở lại mà lễ pháp thân đại sĩ đi.

Quang Cái không hiểu được tại sao vậy, rồi cầm một hạt bảo châu quý dâng lên Hiền Chúng nhờ xem châu thật hay giả. Hiền Chúng liền nhận lấy châu không chút khách sáo từ tạ.

Quang Cái không chịu nổi, hỏi:

- Tôi là trượng phu (chồng) làm lễ Ngài chẳng để mắt tới, vợ tôi có đức gì mà Tôn giả kiêng tránh?

Hiền Chúng đáp:

- Tôi nhận lễ dâng châu quý giúp phước cho ông thôi. Vợ ông mang con thánh, ra đời sẽ là mặt trời

trí tuệ làm đèn tiếp nối Tổ vị, vì thế tôi kiêng nề chữ đầu phải tôi coi trọng nữ nhân.

Hiền Chúng lại tiếp:

- Vợ ông sắp sanh hai người con trai: Một người tên là Bà-tu Bàn-đầu, người mà ta tôn kính; người thứ hai tên là Sô-ni (Hoa dịch nghĩa dã thước tử – con chim khách). Xưa Đức Như Lai tu đạo trên núi Tuyết, con Sô-ni làm tổ trên đầu Ngài. Phật đã thành đạo con Sô-ni chịu quả báo làm vua nước Na-đề. Phật đã thọ ký cho nó: “Sau khi ta nhập diệt, đến năm trăm năm lần thứ hai người sanh ở thành La-duyệt, nơi nhà Tỳ-xá-khư cùng bào thai với vị thánh. Hiện nay (tâm người) không sáng”.

Một tháng sau quả nhiên bà Nghiêm Nhất sanh hai người con trai. Đến mười lăm tuổi, Bà-tu Bàn-đầu xin xuất gia với La hán Quang Độ, cảm đến Bồ tát Tỳ-bà-ha truyền giới cho.

Sau khi đắc pháp nơi Tổ Xà-dạ-đa, Tôn giả đi hóa đạo đến nước Na-đề. Vua nước ấy tên là Thường Tự Tại, có hai người con trai: một người tên Ma-ha-la, người kế tên Ma-noa-la.

Vua hỏi Tôn giả:

- Phong thổ thành La-duyệt so với đây là giống hay khác?

Tôn giả đáp;

- Nước kia từng có ba vị Phật ra đời, nay vương quốc của bệ hạ có hai thầy hóa đạo.

Vua hỏi:

- Hai thầy đó là ai?

Tôn giả đáp:

- Phật đã thọ ký năm trăm năm lần thứ hai, sau Phật nhập diệt, có một đại sĩ thần lực xuất gia kế thừa thánh vị. Chính người con thứ của nhà vua, Ma-noa-la là một trong hai thầy đó. Tôi tuy đức mỏng dám nhận là một.

Vua nói:

- Nếu đúng như lời Tôn giả nói, tôi sẽ cho đứa con thứ làm sa môn.

Tôn giả nói:

- Lành thay! Đại vương hay noi theo lời Phật dạy.

Tôn giả cho Ma-noa-la thọ giới cụ túc, rồi nói kệ truyền pháp:

Bào huyễn đồng vô ngại,



Như hà bất liễu ngộ?

Đạt pháp tại kỳ trung,

Phi kim diệc phi cổ.

Dịch:

Bào huyễn hòa vô ngại,

Tại sao chẳng liễu ngộ?

Đạt pháp ngay trong huyễn,

Chẳng xưa cũng chẳng nay.

Tôn giả trao pháp xong, vọt thân lên không trung cao nửa do tuần, đứng một mình cao chót vót. Tứ chúng ngược xem, kính thỉnh Ngài trở lại tòa. Thân Tôn giả trở về tòa ngồi kiết già tịch. Chúng trà tỳ lượm xá lợi xây tháp thờ.

Nhằm nhà Hậu Hán Thương đế năm thứ 12, năm đình tị (năm 117 công nguyên).

## **22. Tổ Ma-noa-la.**

(Manorata)

Người nước Na-đề, con của vua Thường Tự Tại. Năm 30 tuổi gặp Tổ sư Bà-tu được xuất gia và truyền pháp.

Tôn giả đến miền Tây Ấn-độ. Vua nước đó tên là Đắc Độ, thuộc chủng tộc Cồ-đàm, quy y Phật thừa tinh tấn tu hành. Một hôm bỗng hiện một cái tháp nhỏ chỗ vua tu hành, vua muốn đem tháp cúng dường nhưng đông người nhắc nó lên không nổi. Sau vua mở đại hội triệu tập ba chúng: phạm hạnh, thiên quán và chú thuật, để hỏi chỗ nghi.

Bấy giờ Tôn giả cũng đến dự hội này. Ba chúng trên đều không biện giải được, Tôn giả nói rộng cho vua nghe về nguồn gốc của tháp (Vua A-dục tạo tháp, đây chẳng cần ghi nhiều), nay tháp hiện ra là do năng lực tạo phước của vua chiêu cảm.

Vua nghe lý giải như thế, bèn nói:

- Bạc chí thánh khó gặp, thú vui ở thế gian chẳng phải bền lâu.

Vua liền truyền ngôi cho thái tử theo Tổ xuất gia. Trong bảy ngày vua chứng bốn quả vị.

Tôn giả vỗ về vua và dạy bảo thêm, nói:

- Ông ở nước này tự khéo độ người. Hiện nay có đại pháp khí ở vùng khác, ta sẽ giáo hóa cho được độ.

Vua nói:

- Thầy ứng thân động niệm đến mười phương thì họ sẽ đến, há phải nhọc nhằn đi xa ư?

Tôn giả: - Vâng.

Sau đó Tôn giả đốt hương nói từ xa với tỳ kheo Hạc-lặc-na đang ở nước Nguyệt Chi: “Ông ở nước kia dạy dỗ và dẫn dắt chúng hạc, sắp chứng đạo quả, ông nên tự biết”.

Lúc đó Hạc-lặc-na đang nói kệ giảng kinh cho vua nước kia (Nguyệt Chi) là Bảo Ấn. Họ bỗng thấy có mùi hương lạ tụ lại thành bông hoa.

Vua hỏi:

- Đó là điềm lành gì vậy?

Đáp:

- Đó là Tổ sư Ma-noa-la truyền tâm ấn Phật từ Tây Ấn-độ sắp tới đây, trước hết ban mùi thơm để làm tin vậy.

Hỏi:

- Thầy đó thần lực ra sao?

Đáp:

- Thầy đó được Phật thọ ký từ lâu, hiện ở trong nước kia (Tây Ấn độ) rộng thuyết dạy đồ pháp thậm thâm.

Bấy giờ vua và Hạc-lặc-na đều làm lễ từ xa. Tôn giả biết rồi, liền từ giả tỳ kheo Đắc Độ đến nước Nguyệt Chi, nhận sự cúng dường của nhà vua và Hạc-lặc-na.

Sau đó Hạc-lặc-na hỏi Tôn giả:

- Tôi ở khu rừng này đã trải qua chín năm (Ấn độ tính một bạch là một năm), tôi có đệ tử là Long Tử tuy còn nhỏ mà thông minh trí tuệ. Tôi với khả năng biết ba đời quá khứ, suy cho cùng mà chẳng biết gốc gác nó ở đâu?

Tôn giả nói:

- Học trò đó trong kiếp thứ năm về trước, sanh trong nước Diệu Hỉ thuộc nhà Bà-la-môn, từng đem gỗ chiên đàn cúng chùa Phật làm chày động chuông, vì thế được quả báo thông minh lanh lợi và được chúng kính mộ.

Lại hỏi:

- Tôi có nhân duyên gì mà loài hạc cảm mến?

Tôn giả đáp:

- Ông từng làm tỳ kheo trong kiếp thứ tư về trước, sắp đi long cung phó hội trai, các đệ tử ông đều muốn đi theo. Ông quán xét trong chúng 500 người, không có được một người đủ phước kham nhận sự cúng dường tuyệt diệu ấy.

Bấy giờ các đệ tử trách: Thầy ta thường thuyết pháp “Đối với sự ăn uống bình đẳng, với pháp cũng bình đẳng. Nay đã không như vậy, dù cho các ông bỏ đời này qua đời khác thay đổi các cõi nước, các ông có gì là thánh đâu mà đi phó hội?”. Năm trăm đệ tử ấy vì phước kém đức bạc thác sanh vào loài chim, nay còn cảm mến ân huệ ông nên làm hạc chúng theo nhau.

Hạc-lặc-na nghe nói, hỏi:

- Dùng phương tiện nào giúp họ giải thoát?

Tôn giả đáp:

- Ta có vô thượng pháp bảo, ông nên nghe nhận và giáo hóa đến suốt vị lai.

Rồi nói kệ:

Tâm tùy vạn cảnh chuyển,

Chuyển xứ thật năng u.

Tùy lưu nhận đặc tánh,

Vô hỉ phục vô ưu.

Dịch:

Tâm tùy muôn cảnh chuyển,

Chỗ chuyển thật sâu xa.

Theo dòng nhận được tánh,

Không mừng lại không lo.

Bây giờ hạc chúng nghe kệ xong, bay lên vừa kêu và bỏ đi. Tôn giả ngời kiết già yên lặng bỗng thiên hóa. Hạc-lặc-na và vua Bảo Ấn xây tháp thờ.

Nhằm nhà Hậu Hán Hoàn đế năm thứ 19, năm ất tỵ (năm 165 công nguyên).

### **23. Tổ Hạc-lặc-na.**

(Haklenayaśa)

(Lặc-na là Phạn ngữ, Hạc là Hoa ngữ. Vì Tôn giả ra đời thường cảm đến đàn hạc luyện mền đi theo, nên có tên đó).

Người nước Nguyệt Chi, dòng dõi Bà-la-môn. Cha là Thiên Thắng, mẹ là Kim Quang, vì không có con nên cha mẹ Ngài phải đến bầy vị Phật thờ ở Kim Tràng cầu con. Bà Kim Quang mộng thấy một thần đồng đứng trên đỉnh núi Tu-di, tay cầm cái

vòng bằng vàng đến nói với bà “Tôi đến đây”. Khi thức giấc bà biết mình có thai.

Năm 7 tuổi Ngài đi chơi trong thôn xóm thấy dân gian thờ cúng không chơn chánh, bèn vào miếu quở:

- Các người bày đặt chuyện giáng họa ban phước mà đánh lừa người ta. Giết vật cúng tế hằng năm hao phí, làm tổn hại người và vật quá lắm!

Ngài nói xong ngôi miếu bỗng sụp đổ, từ đó dân làng gọi Ngài là ông “Thánh con” (Thánh tử). Năm 22 tuổi xuất gia, 30 tuổi gặp Tôn giả Ma-noa-la trao pháp nhãn tạng.

Tôn giả đi du hóa đến miền Trung Ấn độ, vua nước ấy tên là Vô Úy Hải sùng tín đạo Phật. Tôn giả đang nói chánh pháp cho vua nghe, kế đến vua bỗng thấy hai người mặc áo lụa trắng đến lễ bái Tôn giả.

Vua hỏi:

- Đây là ai vậy?

Sư đáp:

- Đây là hai thiên tử Nhật, Nguyệt (Nhật thần, Nguyệt thần). Xưa tôi từng thuyết pháp cho họ nghe nên họ đến lễ.

Hồi lâu họ biến mất, chỉ còn nghe mùi hương lạ.

Vua hỏi;

- Quốc độ (cõi nước) của hai thần Nhật, Nguyệt có tất cả là bao nhiêu?

Tôn giả đáp:

- Ba ngàn thế giới do Phật Thích ca giáo hóa. Mỗi thế giới có trăm ức tu di sơn mặt trời mặt trăng, nếu ta nói đầy đủ thì không thể hết.

Vua nghe nói hân hoan. Bấy giờ Tôn giả diễn thuyết đạo vô thượng độ chúng có duyên. Long Tử đề cập ở trên, tới lúc chết sớm, có anh là Sư Tử học rộng nhớ dai theo đạo Bà-la-môn. Thầy mình đã mất rồi, em cũng đã mất, Sư Tử bèn đến quy y với Tôn giả và hỏi:

- Muốn cầu đạo, tôi phải dụng tâm thế nào?

Tôn giả đáp:

- Ông muốn cầu đạo, dụng tâm không có đối tượng (dụng tâm)<sup>(32)</sup>.

Hỏi:

---

<sup>(32)</sup> Thấy nghe hay biết mà không đối tượng (rỗng không) sắc thanh hương ..., nghĩa là vô trụ vô tướng (ND).



- Đã không đối tượng dụng tâm thì ai làm Phật sự?

Tôn giả đáp:

- Nếu ông có đối tượng dụng (tâm) tức là phi công đức, nếu ông vô tác (không có cái tạo tác) mới là Phật sự. Kinh nói: “Ta làm ra công đức mà không có cái để ta làm”.

Sư tử nghe lời đó xong liền nhập trí tuệ Phật. Lúc ấy Tôn giả bỗng nhiên chỉ tay về hướng đông bắc, hỏi:

- Đó là khí tượng gì?

Sư Tử đáp:

- Tôi thấy khí tượng như cầu vòng trắng che phủ đất trời, lại có năm đường khí đen giăng ngang trong đó.

Tôn giả hỏi:

- Điều đó thế nào?

Đáp:

- Chẳng thể biết.

Tôn giả nói:

- Năm mươi năm sau khi ta diệt độ, nước miền Bắc Thiên Trúc sẽ sanh ra tai nạn, nhằm vào thân

ông. Ta sắp nhập diệt, nay đem pháp nhãn trao lại cho ông, ông hãy khéo tự giữ gìn.

Bèn nói kệ:

Nhận đắc tâm tánh thời,  
Khả thuyết bất tư nghị.  
Liễu liễu vô khả đắc,  
Đắc thời bất thuyết tri.

Dịch:

Khi nhận được tâm tánh,  
Mới nói chẳng nghĩ bàn.  
Rõ ràng không thể đắc,  
Khi đắc, biết chẳng nói.

Tỳ kheo Sư Tử nghe kệ vui thích nhưng chưa hiểu mình sẽ mắc nạn gì, Tôn giả mới nói riêng cho Ngài biết. Nói xong, Tôn giả thị hiện 18 phép thần biến và quy tịch.

Thiêu xác xong phân chia xá lợi, mỗi bên muốn xây tháp thờ riêng. Tôn giả lại hiện ở trên không và nói kệ:

Nhất pháp nhất thiết pháp,

Nhất thiết nhất pháp nhiếp.

Ngô thân phi hữu vô,

Hà phân nhất thiết tháp?

Dịch:

Một pháp tất cả pháp,

Một pháp thu tất cả.

Thân ta chẳng có không,

Sao phân ra nhiều tháp?

Đại chúng nghe kệ thôi chia xá lợi nữa, cùng đến sân Đà đô xây tháp thờ ở đó.

Nhằm nhà Hậu Hán Hiến đế năm thứ 20, năm kỷ sửu (năm 209 công nguyên).

#### **24. Tổ Sư Tử Tỳ-kheo.**

(Còn gọi là Sư Tử Tôn giả, Sư tử Bồ-đề, Simhabodhi)

Người miền Trung Ấn độ, dòng họ bà la môn.

Đắc pháp nơi Tổ Hạc-lặc-na, rồi Tôn giả du phương đến nước Kế Tân. Có người tên Ba-lợi-ca vốn dĩ thực tập thiền quán, môn đồ ông sẵn có năm nhóm: 1. Thiền định, 2. Tri kiến, 3. Chấp tướng, 4. Xả tướng, 5. Tịnh khẩu. Tôn giả chất vấn và dạy họ,

bốn nhóm đều mặc nhiên tâm phục, chỉ có Đạt-ma-đạt là thầy của nhóm thiền định, nghe bốn nhóm kia bị hàng phục thì tức giận mới đến gặp Tôn giả để vấn nạn.

Tôn giả hỏi:

- Nhân giả tập định sao lại đến đây? Đã đến rồi sao bảo là tập định?

Đáp:

- Tôi tuy đến đây mà tâm cũng không loạn, định tùy người tập chớ đâu phải do nơi chốn?

Tôn giả nói:

- Nhân giả đã đến thì người tập (định) kia cũng đến. Đã không do nơi chốn thì đâu còn người tập mà tùy?

Đáp:

- Vì cái định tập con người, chẳng phải con người tập cái định. Tôi tuy đến đây mà cái định kia vẫn thường tập.

Tôn giả hỏi:

- Người chẳng tập cái định mà cái định tập người. Vậy chính khi ông đến đây thì cái định ấy tập ai?

Đáp:

- Như ngọc minh châu trong sạch trong ngoài không vết che, nếu cái định thông đạt ắt phải giống như thế.

Sư nói:

- Nếu cái định thông đạt thì y hết minh châu mà nay thấy nhân giả chẳng phải môn đồ của minh châu.

Kia nói:

- Châu ấy sáng thông suốt trong ngoài đều định, tâm tôi không loạn ví như cái tịnh (sạch) ấy.

Sư nói:

- Châu ấy không trong ngoài (năng sở), nhân giả làm sao hay (năng) định vật như (sở) mà chẳng dao động? Định như thế không phải cái tịnh (sạch) của minh châu.

Đạt-ma-đạt nhờ Tôn giả khai ngộ tâm địa sáng suốt. Tôn giả đã thu phục trọn năm nhóm, danh tiếng đồn xa gần. Tôn giả còn đi tìm người nối pháp, gặp một trưởng giả dẫn theo người con trai.

Trưởng giả hỏi:

- Con tôi đây tên là Tư-đa, mới sanh ra thì bàn tay trái đã nắm chặt, nay nó đã lớn rồi mà vẫn chưa chịu mở ra. Xin Tôn giả chỉ cho tôi biết cái nhân duyên đời trước của nó.

Tôn giả nhìn Tư-đa, vừa nói vừa đưa tay tiếp nhận:

- Trả hạt châu lại ta.

Đồng tử liền mở bàn tay dâng châu lên Ngài. Chúng đều kinh ngạc, Tôn giả nói:

- Thân nghiệp báo đời trước của ta làm tăng, ta có đồng tử thị giả tên Bà-xá. Ta thường cùng đồng tử dự trai ở Tây Hải, nhận hạt châu cúng dường rồi đưa cho đồng tử. Nay nó trả ta hạt châu là lẽ tất nhiên thôi.

Trưởng giả bèn cho con trai ông xuất gia, Tôn giả cho thọ giới cụ túc. Do tiền duyên đó Tôn giả đặt tên là Bà-xá Tư-đa.

Tôn giả lại nói với Tư-đa:

- Thầy ta có lần riêng huyền ký, ta sắp mắc nạn. Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai nay chuyển giao cho người, người nên giữ gìn và làm thấm nhuần suốt tới bờ mé vị lai.

Kệ rằng:

Chánh thuyết tri kiến thời,  
Tri kiến câu thị tâm.  
Đương tâm tức tri kiến,  
Tri kiến tức vu kim.

Dịch:

Chánh thuyết lúc tri kiến,  
Tri kiến đều là tâm.  
Chính tâm tức tri kiến,  
Tri kiến tức bây giờ<sup>(33)</sup>.

Tôn giả nói kệ xong, đem y tăng già lê thâm trao cho Tư-đa, dạy đi nước khác tùy cơ duyên giảng dạy. Tư-đa vâng lời đi thẳng đến Nam Thiên Trúc.

Tôn giả cho là tai nạn không nên mong thoát, một mình ở lại nước Kế Tân. Bấy giờ nước này có hai người ngoại đạo, một người tên là Ma-mục-đa, người kia tên Đô-lạc-già. Họ học những pháp huyền

---

<sup>33</sup> Lúc nói có sự tỏ rõ của tri kiến vô kiến (Tri kiến Phật) thì nói chi cũng hợp với đạo, gọi là chánh thuyết.

Tri kiến Phật là không hai với thân tâm (Tri kiến lập tri-dụng). Vì chơn vọng không hai, muốn nhận tri kiến Phật thì ngay lúc động dụng của thân tâm này, tức là ngay bây giờ.

thuật, muốn cùng nhau mưu phản loạn, mới giả mạo ra hình dáng và cách ăn mặc như tăng đoàn của Tôn giả, rồi lén vào cung vua làm thích khách. Họ còn nói: “Nếu việc không thành thì quy tội cho Thích tử”. Yêu quái tự gây họa cũng chưa tới đâu thì việc đã bại lộ.

Vua rất phẫn nộ, nói:

- Lâu nay ta đem lòng quy kính tam bảo, vì sao muốn gây sát hại quá đáng như thế?

Vua tức thời ra lệnh phá hủy chùa chiền, bài trừ Thích chúng. Rồi tự cầm gươm đến gặp Tôn giả, vua hỏi:

- Thầy được uẩn (ngã) không chưa?

Tôn giả đáp:

- Đã được ngã không.

Hỏi:

- Là sanh tử chưa?

Tôn giả đáp:

- Đã là sanh tử.

Vua hỏi:

- Đã là sanh tử, có thể cho ta cái đầu chăng?



Tôn giả nói:

- Thân này chẳng phải ta, còn tiếc gì cái đầu.

Vua liền vung đao chặt đầu Tôn giả. Sứa trắng phun vọt lên cao mấy thước. Cánh tay phải của vua cũng liền theo đầu rơi xuống đất, bảy ngày sau vua mất. Thái tử Quang Thủ than:

- Cha tôi vì cố gì tự chuốc lấy tai họa ấy?

Bấy giờ có tiên nhân ở núi Tượng Bạch biết rõ việc nhân quả ấy, đến nói đầy đủ nhân đời trước cho Quang Thủ nghe mà giải tỏa lưới nghi (Duyên sự đời trước giữa Tôn giả và vua có ghi đủ trong Thánh Trụ Tập và Bảo Lâm Truyện). Rồi nhận thi thể của Tôn giả Sư Tử mà xây tháp tại đó thờ.

Nhằm nhà Ngụy Tề vương năm thứ 20, năm kỷ mao (259 công nguyên) (Đúng ra là năm Cao Quý Hương công thứ 6, vì Tề vương tên là Phương lên ngôi được 15 năm bị phế đi. Chánh Tông Ký ghi “Bảo Lâm Truyện chép lầm là kỷ mao, đúng ra là Tề vương Phương năm đinh mao” – 247 công nguyên. Vậy thì là năm Tề vương thứ 8).

Tôn giả Sư Tử trao cho Bà-xá Tư-đa tâm pháp tín y làm chánh tự (chánh truyền), ngoài ra còn bàn giao xuất Đạt-ma-đạt qua bốn đời gồm 22 vị.

## 25. Tổ Bà-xá Tư-đa.

(Baṣaṣita)

Người nước Kế Tân, dòng họ Bà-la-môn, cha tên là Tịch Hạnh, mẹ là Thường An Lạc. Lúc đầu mẹ mộng thấy cây gươm thần, nhân đó mà có thai. Sinh ra đời là Ngài đã nắm bàn tay trái rồi, cho đến khi gặp Sư Tử Tôn giả hiển phát nhân duyên đời trước, và Ngài thâm nhận tâm ấn Tổ.

Sau đi về phương Nam đến miền Trung Ấn-độ, vua nước đó là Ca Thắng thiết lễ cúng dường. Bảy giờ có ngoại đạo hiệu là Vô Ngã Tôn, ban đầu vì thấy vua lễ trọng Ngài mà sanh tật đố, đến nỗi muốn thách Tổ cùng luận nghĩa, may ra thắng được mà củng cố sự nghiệp mình.

Rồi có mặt vua, Vô Ngã Tôn nói với Tổ:

- Tôi lý giải mặc luận mà chẳng dùng ngôn thuyết.

Tổ hỏi:

- (Chẳng dùng ngôn thuyết thì) Biết ai hơn thua?

Đáp:

- Cốt không tranh luận hơn thua, chỉ cần nắm nghĩa ấy.

Tổ hỏi:

- Ông lấy cái gì làm nghĩa?

Đáp:

- Vô tâm làm nghĩa?

Tổ hỏi:

- Ông đã vô tâm sao có thể thành nghĩa được?

Đáp:

- Tôi gọi “vô tâm”, chính là danh chẳng phải nghĩa?

Tổ nói:

- Ông nói vô tâm chính là danh chẳng phải nghĩa, tôi nói phi tâm chính là nghĩa chẳng phải danh.

Hỏi:

- Chính là nghĩa chẳng phải danh thì ai hay biện nghĩa?

Tổ hỏi:

- Ông nói chính là danh chẳng phải nghĩa thì danh đó là danh gì?

Đáp:

- Vì biện cái phi nghĩa mà mượn danh nên danh đó là vô danh.

Tổ nói:

- Danh đã phi danh và nghĩa cũng phi nghĩa thì người biện là ai, cần biện việc gì?

Bàn qua luận lại như thế đến 59 lần ngoại đạo mới ngậm miệng tin phục. Lúc bấy giờ Tổ bỗng nhiên nhìn về phương bắc, chấp tay cất tiếng than: “Thầy ta, Sư Tử Tôn giả! Hôm nay gặp nạn, đau thương lắm thay!”.

Rồi từ giả vua đi về phương nam, đến Nam Thiên Trúc Tổ tìm ẩn nơi sơn cốc. Bấy giờ vua nước ấy tên là Thiên Đức đón mời cúng dường. Vua có hai người con trai: người thì tánh tình hung bạo mà thân thể khỏe mạnh, người thì nhu hòa mà bệnh tật liên miên. Tổ bèn tường thuật nhân quả của hai người cho vua nghe, vua liền tan hết mối nghi.

Lại có thầy về chú thuật, ganh ghét đạo của Tổ nên họ bí mật đầu độc dưng vào đồ ăn uống. Tổ biết nhưng vẫn dùng, họ trở lại bị tai họa, xin đầu Tổ xuất gia, Tổ cho họ thọ giới cụ túc.

Mười sáu năm sau, thái tử Đắc Thắng lên ngôi lại tin ngoại đạo, muốn hại Tổ. Thái tử Bất-như

Mật-đa, con vua Đắc Thắng, vì can gián vua cha bị bỏ tù.

Vua nóng, vội hỏi Tổ:

- Nước ta vốn hết yêu ma, điều thầy truyền dạy chính thuộc tông phái nào?

Tổ đáp:

- Nước của nhà vua xưa nay thật không có tà pháp, cái điều tôi được chính là tông của Phật.

Vua hỏi:

- Phật diệt độ đã 1200 năm nay, thầy nhờ ai mà đắc ư?

Tổ đáp:

- Ấm Quang Đại sĩ đích thân nhận tâm ấn Phật, lần lượt truyền trao đến đời thứ 24 là Sư Tử Tôn giả, tôi đắc nhờ Tôn giả.

Vua nói:

- Ta nghe Sư Tử Tỳ kheo không tránh khỏi bị chém đầu, làm sao có thể truyền pháp cho người sau được?

Tổ đáp:

- Lúc tai nạn của thầy tôi chưa tới, thầy mật truyền cho tôi pháp kệ và tín y để làm biểu tín sự truyền thừa của thầy.

Vua hỏi:

- Y đó còn không?

Tổ liền lấy y trong đây ra trình vua. Vua ra lệnh đốt y. Thấy tướng hào quang ngũ sắc vẫn tươi đẹp, củi tàn mà y vẫn còn nguyên vẹn như trước, vua hối hận việc làm của mình mới bày lễ truy hỏi với Tổ Sư Tử. Việc chơn truyền từ Tổ Sư Tử đã xác minh, vua bèn ân xá thái tử. Từ đó thái tử xin Tổ xuất gia.

Tổ hỏi thái tử.

- Ông muốn xuất gia sẽ vì việc gì?

Đáp:

- Nếu con xuất gia sẽ không vì việc ấy.

Tổ hỏi:

- Không vì việc gì?

Đáp:

- Không vì việc thế tục.

Tổ hỏi:

- Sẽ vì việc gì?

Đáp:

- Sẽ vì việc Phật.

Tổ nói:

- Trí tuệ thái tử vốn tự nhiên đến, nhất định chư Thánh sẽ báo điềm.

Tổ bèn cho thái tử xuất gia. Sáu năm làm thị giả, sau thái tử thọ giới cụ túc ở trong cung vua. Lúc truyền giới đại địa chấn động, có khá nhiều điều linh dị.

Tổ dạy Ngài:

- Ta đã già yếu chẳng còn ở đời lâu. Ông phải khéo giữ chánh pháp nhãn tạng, độ khắp quần sanh.

Hãy nghe ta nói kệ:

Thánh nhân thuyết tri kiến,

Đương cảnh vô thị phi.

Ngã kim ngộ chơn tánh,

Vô đạo diệc vô lý.

Dịch:

Thánh nhân chỉ tri kiến,

Đối cảnh không thị phi.

Ta nay ngộ chơn tánh,

Không đạo cũng không lý.

Bất-như Mật-đa nghe kệ xong lại bạch Tổ:

- Pháp y nên truyền trao chăng?

Tổ nói:

- Thầy ta gặp nạn nên tạm mượn y này để chứng minh. Thân ông không tai nạn cần gì y này, ông giáo hóa được người mười phương tin theo.

Bất-như Mật-đa nghe dạy làm lễ rồi lui. Tổ thị hiện với thần biến, hóa tam muội hỏa tự thiêu thân. Xá lợi cao hơn đất bằng khoảng một thước, vua Đắc Thắng cho xây tháp chôn cất.

Nhằm nhà Đông Tấn vua Minh đế, năm Thái Ninh thứ 3, năm ất dậu (325 công nguyên).

## **26. Tổ Bất-như Mật-đa.**

(Pun̄yamitra)

Ngài là thái tử con vua Đắc Thắng ở miền Nam Ấn độ.

Đã được Tổ Bà-xá Tư-đa hóa độ và đắc pháp. Tôn giả đến miền Đông Ấn độ, vua nước này tên là



Kiên Cố theo ngoại đạo, thờ Phạm chí Trường Trảo (móng tay để dài) làm thầy.

Khi Tôn giả sắp đến, vua và chúng Phạm chí đều thấy bạch khí xông khắp trời đất. Vua hỏi:

- Đó là điềm lành gì?

Phạm chí dự biết Tôn giả đang nhập cảnh, sợ nhà vua ngã về phía thiện, bèn đáp:

- Đó là điềm ma đến đấy. Có gì là lành đâu?

Rồi Phạm chí cho hợp các đồ cúng lại, bàn rằng:

- Bất-như Mật-đa sắp vào đô thành, người nào có thể ngăn hãm lại?

Các đệ tử thưa:

- Chúng tôi mỗi người có chú thuật, có thể gây chấn động trời đất vào nước vào lửa được, lo gì chứ?

Tôn giả đi tới, trước hết thấy tường vách của hoàng cung có khí màu đen, bèn nói: “Tiểu nạn thôi”. Rồi thẳng đến cung xin yết kiến vua. Vua hỏi:

- Thầy đến đây để làm gì?

Tôn giả đáp:

- Để độ chúng sanh.

Hỏi:

- Dùng pháp gì để độ?

Tôn giả đáp:

- Tùy theo mỗi loại chúng sanh mà độ họ.

Bấy giờ chúng Phạm chí nghe Tổ nói, không kèm được sự phẫn nộ, liền dùng huyền pháp hóa ra hòn núi lớn ở trên đỉnh đầu của Tôn giả. Ngón tay Tôn giả chỉ bọn Phạm chí thì hòn núi chột ở trên đầu bọn Phạm chí, chúng Phạm chí hoảng sợ xin tha mạng. Tôn giả xót thương họ mê lầm, lại chỉ ngón tay thì hòn núi biến hóa kia tan mất, rồi diễn thuyết pháp yếu khiến nhà vua hướng đến chơn thừa. Lại nói với vua:

- Nước này sẽ có thánh nhân thừa kế tôi.

Bấy giờ trong nước có con trai nhà Bà-la-môn tuổi khoảng 20, còn nhỏ mà cha mẹ đã mất, chẳng biết tên họ là gì. Có lúc y tự xưng là Anh Lạc nên người đời gọi là đồng tử Anh Lạc, đồng tử đi lang thang trong làng mạc ăn xin sống qua ngày, đại khái như Bồ tát Thường Bất Khinh vậy.

Có người hỏi:

- Sao anh đi nhanh vậy?

Liên đáp:

- Sao anh đi chậm vậy?

Có người hỏi:

- Anh họ gì?

Bền đáp:

- Cùng họ với anh.

Không ai biết anh làm gì. Về sau, có lần vua và Tôn giả đi cùng xe ra khỏi thành, gặp đồng tử Anh Lạc đứng trước xe làm lễ. Tôn giả hỏi:

- Ông còn nhớ việc xưa chăng?

Đáp:

- Tôi nhớ trong kiếp xa xưa cùng pháp hội với thầy, thầy diễn Ma-ha Bát-nhã, tôi giảng Tu-đa-la (Kinh) thậm thâm. Việc gặp lại hôm nay cũng hợp với nhân xưa.

Tôn giả lại nói với vua:

- Đồng tử này chẳng phải ai khác, chính là Bồ tát Đại Thế Chí. Sau vị Thánh này lại có hai vị thánh ra đời: một vị giáo hóa Nam Ấn độ, một vị có duyên ở nước Chấn đán (Trung Hoa) nhưng trong chín năm lại trở về xứ này.

Do nhân xưa, Tôn giả đặt tên Bát-nhã Đa-la<sup>(34)</sup>  
và truyền pháp nhãn tạng.

Kệ rằng:

Chơn tánh tâm địa tàng,

Vô đầu diệc vô vĩ.

Ứng duyên nhi hóa vật,

Phượng tiện hô vi trí.

Dịch:

Chơn tánh ẩn tâm địa<sup>(35)</sup>

Không đầu cũng không đuôi.

Ứng duyên mà hóa vật,

Phượng tiện gọi là trí.

Tôn giả truyền pháp xong, từ giả vua:

- Tôi hóa duyên đã mãn sẽ quy về tịch diệt. Đối  
với pháp tối thượng thừa mong vua chớ quên việc  
ngoại hộ.

---

<sup>(34)</sup> Thầy giảng Bát-nhã, trò thuyết Tu Đa-la

<sup>(35)</sup> Tâm địa: Ở đây hiểu như tám thức: tâm, ý và thức của Duy Thức Học.  
Chơn tánh và tâm địa, trí và thức hòa hợp như sữa với nước.

Nói xong, Tổ hiền trở lại chỗ ngồi cũ, ngồi kiết già và tịch, hóa lửa tự thiêu. Vua thu xá lợi xây tháp chôn cất.

Nhằm nhà Đông Tấn vua Hiếu Vũ đế, năm Thái Nguyên thứ 13, năm mậu tý (388 công nguyên).

### **27. Tổ Bát-nhã Đa-la.**

(Prajñādhāra)

Ngài là người miền Đông Ấn độ.

Nơi Tổ Bát-như Mật-đa, đặc pháp rồi Tôn giả đi du hóa đến Nam Ấn độ. Vua nước ấy tên là Hương Chí, tôn thờ Phật thừa, kính trọng tặng cúng dường cứu giúp chúng sanh vượt qua thường tình, vua thí cả vô giá bảo châu.

Bấy giờ vua có ba vương tử, người thứ ba (út) là khai sĩ. Tôn giả muốn thử nghiệm cái sở đắc của vị này, bèn lấy vô giá bảo châu do vua cúng ra hỏi ba vị vương tử rằng:

- Châu này tròn sáng, trên đời có chi bằng được cái này chăng?

Vị thứ nhất là Mục-tĩnh Đa-la, vị thứ hai là Công-đức Đa-la đều đáp:

- Trong hàng thất bảo, châu này là quý báu vốn không có gì hơn được. Trừ phi Tôn giả có đạo lực, có ai giữ được nó đâu?

Vị thứ ba, Bồ-đề Đa-la đáp:

- Cái này là đồ quý báu của thế gian chưa đủ làm tốt, trong các thứ quý báu thì sự quý báu của **pháp** là tốt đỉnh. Đây là ánh sáng của thế gian chưa đủ làm tốt, trong các thứ ánh sáng thì **ánh sáng trí tuệ** là tốt đỉnh. Đây là sự trong sáng (vô nhiễm) của thế gian chưa đủ làm tốt, trong các sự trong sáng thì sự trong sáng của **tâm** là tốt đỉnh.

Châu này sáng tỏ mà không thể tự chiếu sáng tỏ được, phải nhờ ánh sáng trí tuệ mới hay biện biệt đến sự sáng tỏ đó; đã biện biệt sự sáng tỏ đó mới biết đó là châu, đã biết đó là châu thì hiểu rõ sự quý báu của nó. Nếu hiểu rõ sự quý báu của nó, nó quý báu mà không tự hiểu mình quý báu. Cũng như biện biệt cho nó là châu mà châu không tự biện cho mình là châu, châu không thể tự cho mình là châu mà phải nhờ **châu trí tuệ** mới biện biệt được châu thế gian; châu quý báu mà không thể tự cho mình quý báu, phải nhờ sự quý báu của trí tuệ mới hiểu rõ sự quý báu của pháp (châu).

Thế mà thầy đã có cái đạo kia thì cái báu kia liền hiển lộ, chúng sinh có đạo thì sự quý báu của tâm cũng thế.

Tôn giả khen ngợi trí tuệ biện luận của Bồ-đề Đa-la, lại hỏi thêm:

- Trong các vật, vật nào vô tướng?

Đáp:

- Trong các vật, (tâm) chẳng khởi là vô tướng.

Lại hỏi:

- Trong các vật, vật nào tối cao?

Đáp:

- Trong các vật, (tâm) nhân ngã là tối cao.

Lại hỏi:

- Trong các vật, vật nào tối đại?

Đáp:

- Trong các vật, pháp tánh là tối đại.

Tôn giả biết đây là pháp tự (người nổi pháp), nhưng thời tiết chưa đến Tổ vẫn giữ yên lặng và chưa phân định cho Đa-la. Đến lúc vua Hương Chí chán đời thì mọi người đều kêu khóc tuyệt vọng, chỉ có người con thứ ba là Bồ-đề Đa-la nhập định trước

linh cứu, trải qua bảy ngày mới xuất định rồi xin Tổ xuất gia.

Sau khi thọ giới cụ túc, Tôn giả bảo Đa-la:

- Như Lai đem chánh pháp nhân trao cho Đại Ca-diếp, lần lượt như thế mới đến tay ta. Nay ta trao cho ông, hãy nghe ta nói kệ:

Tâm địa sanh chư chủng,  
Nhân sự phục sanh lý.  
Quả mãn bồ đề viên,  
Hoa khai thế giới khởi.

Dịch:

Tâm địa sanh các giống,  
Do sự lý sống lại.  
Quả đầy bồ đề đủ,  
Hoa nở thế giới bày.

Tôn giả truyền pháp xong liền từ tòa đứng dậy, giơ thẳng hai tay. Mỗi tay phóng ánh sáng thành 27 đạo hào quang ngũ sắc, lại vọt thân lên không trung cao bảy cây đa-la, rồi hóa lửa tự thiêu. Từ trên không xá lợi rơi xuống như mưa, chúng thu gom xá lợi xây tháp thờ.



Nhằm nhà Tiền Tống Hiếu Vũ đế, năm Đại Minh thứ nhất, năm đinh dậu (457 công nguyên).

(Chánh Tông Ký ghi là “Đời Tống Hiếu Vũ”. Lại chú: Lấy năm Đạt-ma 67 tuổi mà tính năm. Đúng ra là đời Tống Hiếu Vũ đế, năm Kiến Nguyên thứ nhất, năm giáp ngọ – 454 công nguyên).

## **HẾT QUYỂN II**



CẢNH ĐỨC  
TRUYỀN ĐĂNG LỤC  
(QUYỂN III)

No. 2076

DƯƠNG THANH KHẢI (dịch)

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)



## QUYỂN III

Năm Tổ Trung Hoa và những vị tôn túc bồng xuất gồm có 25 người.

### 28. Tổ Bồ đề Đạt ma.

Ba người bồng xuất từ Bồ đề Đạt ma: Thiền sư Đạo Dục, thiền sư Đạo Phó, ni Tổng Trì.

(Ba người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, chẳng ghi).

### 29. Tổ Huệ Khả Đại sư.

Mười bảy người bồng xuất từ Huệ Khả qua bảy đời:

Thiền sư Tăng Na, cư sĩ Hướng, thiền sư Tương Châu Huệ Mãn (ba người trên đây được ghi).

Thiền sư Hiện Sơn Thần Định, thiền sư Bảo Nguyệt, cư sĩ Hoa Nhàn, Hóa Công Đại sĩ, Hòa Công, cư sĩ Liêu.

Đàm Thúy (từ cư sĩ Hoa Nhàn).

Duyên Lăng Huệ Giản, Bành Thành Huệ Thả (hai người này từ Đàm Thúy).

Định Lâm tự Huệ Cương (từ Đàm Thúy).

Lục Hợp Đại Giác (từ Huệ Cương).

Cao Bưu Đàm Ảnh (từ Đại Giác).

Thái Sơn Minh Luyện (từ Đàm Ảnh).

Dương Châu Tĩnh Thái (từ Minh Luyện).

(Mười bốn người trên không có cơ duyên ngữ cú, chẳng ghi).

**30. Tổ Tăng Xán Đại sư.**

**31. Tổ Đạo Tín Đại sư.**

(Bàng xuất 76 người, ghi trong quyển IV).

**32. Tổ Hoằng Nhẫn Đại sư.**

(Bàng xuất 107 người, ghi trong quyển IV).

---

Năm Tổ Trung Hoa và các vị tôn túc bàng xuất gồm có 25 người.

• Ba người bàng xuất từ Tổ thứ 28 Bồ đề Đạt ma:

1. Thiên sư Đạo Dục, 2. Thiên sư Đạo Phó, 3. Ni Tổng Trì (ba người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, chẳng ghi).

• Tổ thứ 29 Huệ Khả Đại sư (bàng xuất 17 người qua bảy đời). Ba người được ghi: Thiên sư Tăng Na, cư sĩ Hướng, thiên sư Tương Châu Huệ Mãn.

Thiên sư Hiện Sơn Thần Định, thiên sư Bảo Nguyệt, cư sĩ Hoa Nhàn, Hóa Công Đại sĩ, Hòa Công, cư sĩ Liêu.

Hoa Nhàn lại xuất hiện một người là Đàm Thúy.

Đàm Thúy lại xuất hiện ba người: 1. Duyên Lăng Huệ Giản; 2. Bành Thành Huệ Thả; 3. Định Lâm tự Huệ Cương.

Huệ Cương lại xuất hiện một người là Lục Hợp Đại Giác.

Đại Giác lại xuất hiện một người là Cao Bư Đàm Ảnh.

Đàm Ảnh lại xuất hiện một người là Thái Sơn Minh Luyện.

Minh Luyện lại xuất hiện một người là Dương Châu Tĩnh Thái.

(Mười bốn người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, chẳng ghi).

- Tổ thứ 30 Tăng Xán Đại sư.
- Tổ thứ 31 Đạo Tín Đại sư.

(Bàng xuất 76 người, ghi trong quyển IV).

- Tổ thứ 32 Hoàng Nhân Đại sư.

(Bàng xuất 107 người, ghi trong quyển V).

---

## **28. Tổ Bồ đề Đạt ma.**

Ngài là con thứ ba của vua Hương Chí, nước Nam Thiên Trúc, dòng họ Sát đế lợi. Tên ban đầu là Bồ đề Đa-la, sau gặp Tổ thứ 27 Bát nhã Đa-la đến bốn quốc thọ sự cúng dường của phụ vương; nhân cuộc nghiệm vấn giữa Tổ với Sư và hai anh, biện luận về bảo châu vua cha cúng dường Tổ, Tổ biết Sư đã phát minh tâm yếu và là hiện thân của mật ấn.

Sau đó, Tôn giả bảo:

- Đối với các pháp tâm ông đã được rỗng suốt, mà Đạt ma nghĩa là rỗng khắp nên đặt tên là Đạt ma. Nhân đó đổi hiệu là Bồ đề Đạt ma.

Sư bèn thưa với Tôn giả:

- Con đã đắc pháp nên đi nước nào để hành Phật sự? Xin rủ lòng chỉ dạy.

Tôn giả đáp:



- Tuy ông đắc pháp chưa thể đi xa. Hãy cứ ở lại Nam Thiên Trúc, chờ ta nhập diệt rồi 67 năm sau sẽ đi nước Chấn Đán (Trung Hoa), đem đại pháp được tiếp thăng bậc thượng căn. Hãy cẩn thận, hễ đi vội sẽ làm suy tổn cho các nước viễn đông.

Sư lại hỏi:

- Nước kia có bậc đại sĩ kham làm pháp khí chẳng? Trong khoảng ngàn năm có gây khó dễ gì chẳng?

Tôn giả đáp:

- Nơi ông giáo hóa, số người được bồ đề không thể kể xiết. Ta diệt độ trên 60 năm sau, nước kia gặp nạn như vạc lặn trong nước tự nó khéo qua. Ông gặp đúng cơ hội chớ ở phương nam. Người nước kia chỉ ham công nghiệp hữu vi, chẳng thấy lý Phật, ông đến nước kia cũng không thể ở lâu.

Hãy nghe ta nói kệ:

Lộ hành khóa thủy phục phùng dương,

Độc tự thê thê ám độ giang.

Nhật Hạ khả lân song tượng mã,

Nhị chu nộn quế cửu xương xương.

Dịch:

Đường đi vượt biển lại gặp dê,  
Đơn thân buồn bã lén qua sông.  
Nhật Hạ <sup>(36)</sup> khá thương đôi tượng mã,  
Quế non hai gốc mãi xanh tươi.

Tổ Bát nhã Đa-la lại diễn thuyết tám bài kệ, đều dự sấm sự thịnh suy của Phật giáo (sự tích ghi đủ trong Bảo Lâm Truyện và Thánh Trụ Tập). Sư kính vâng giáo nghĩa, phục vụ siêng năng bên Tổ gần 40 năm chưa từng chểnh mảng, đến khi Tôn giả thuận thế ( tịch) mới nói pháp giáo hóa tại bốn quốc.

Bấy giờ có hai thầy: một người tên là Phật Đại Tiên, một người tên là Phật Đại Thắng Đa. Hai người này trước đã cùng Sư học pháp thiền quán tiểu thừa với thầy Phật đà Bạt đà. Phật Đại Tiên đã gặp Tôn giả Bát nhã Đa-la, vượt tiểu hưởng đại thừa nên cùng Sư giáo hóa, khi ấy có biệt hiệu là “hai cửa cam lộ”.

Nhưng Phật Đại Thắng Đa lại chia đồ chúng làm sáu tông: Thứ nhất là tông Hữu tướng, thứ hai là

---

<sup>(36)</sup> Nhật Hạ: Chỉ những nước ở xa về phía Đông đối với nước Ấn Độ như Trung Hoa, Hàn Quốc, Nhật, Việt Nam ...

tông Vô tướng, thứ ba là tông Định huệ, thứ tư là tông Giới hạnh, thứ năm là tông Vô đặc, thứ sáu là tông Tịch tĩnh. Mỗi tông bảo thủ kiến giải của mình, triển khai riêng nguồn giáo hóa, đồ chúng anh tài tụ tập rất thịnh.

Đại sư bùi ngùi than:

- Chỉ có một thầy kia mà đã vùi lấp dấu trâu, huống chi lại chi ly đông đúc phân làm sáu tông. Làm sao ta không trừ tà kiến ràng rịt họ mãi được?

Nói xong Sư ngậm hiện thần lực đến chỗ của tông thứ nhất Hữu tướng, hỏi:

- Thế nào gọi là thật tướng của tất cả các pháp?

Trong chúng đó có một tôn trưởng là Tát bà la trả lời:

- Ở trong các tướng mà chẳng liên kết với các tướng, gọi đó là thật tướng.

Sư nói:

- Ở trong tất cả các tướng mà chẳng liên kết với các tướng, nói thật tướng như thế thì làm sao xác định đúng nó ư?

Kia đáp:

- Ở trong các tướng mà thật ra không có cái để xác định, làm thế nào xác định các tướng mà bảo là thật được?

Sư nói:

- Trong các tướng mà bất định (không xác định) mới gọi là thật tướng, nay ông bất định phải làm sao đắc nó?

Kia đáp:

- Tôi nói các tướng bất định bất thuyết, chính là nói về các tướng mà nghĩa nó cũng như thế.

Sư nói:

- Ông nói bất định chính là thật tướng, vì xác định “cái bất định” nên “cái bất định” tức chẳng phải thật tướng.

Kia nói:

- Xác định “cái đã bất định” thì cái bất định tức chẳng phải thật tướng, vì biết “ngã chẳng phải” nên bất định bất biến.

Sư hỏi:

- Nay ông bất biến, gọi gì là thật tướng? (Các tướng) Đã biến đổi đã đi qua, nghĩa kia (thật tướng) cũng như thế ư?

Kia đáp:

- Bất biến đang còn (tại) vì “còn chẳng còn”, cho nên thật tướng biến hóa để xác định nghĩa kia.

Sư hỏi:

- Thật tướng bất biến, biến tức chẳng thật. Trong các pháp hữu vô gọi gì là thật tướng?

Tâm Tát bà la biết đây là thánh sư lý giải không còn vướng mắc, thâm đạt đến chỗ sâu kín, bèn đưa tay chỉ hư không, hỏi:

- Đây là thế gian hữu tướng cũng có thể không (hóa rỗng), chính thân tôi đây được như vậy không?

Sư đáp:

- Muốn hiểu thật tướng tức là thấy phi tướng. Nếu rõ phi tướng thì sắc kia cũng như thế, chính ở trong sắc chẳng mất đi thể của sắc vì trong phi tướng chẳng ngại (tướng) có (không). Nếu hay hiểu như thế, đó gọi là thật tướng.

Chúng kia nghe qua tâm ý sáng suốt, kính lễ tín tâm thọ trì.

\*

\*       \*

Giây lát Sư lại biến mất, đến chỗ tông thứ hai Vô tướng. Sư hỏi:

- Các ông nói vô tướng, chính ai chứng đó (vô tướng)?

Trong chúng này, có người trí là Ba-la-đề đáp:

- Tôi tỏ rõ vô tướng vì tâm (vọng) chẳng hiện hành (sinh khởi).

Sư hỏi:

- Tâm ông chẳng hiện hành, chính ai tỏ rõ đó (chẳng hiện)?

Kia đáp:

- Tôi tỏ rõ vô tướng thì tâm không thủ xả, đang lúc tỏ rõ cũng không có ai tỏ rõ.

Sư nói:

- Đối với các tướng hữu vô mà tâm chẳng thủ xả, lại không có ai tỏ rõ chúng vì là không.

Kia nói:

- Nhập tam muội của Phật lại vô sở đắc, hướng chi vô tướng mà muốn biết nó.

Sư hỏi:

- Đã chẳng biết tướng thì ai nói là hữu vô? Vả vô sở đắc thì gọi gì là tam muội?

Kia đáp:

- Tôi nói không chứng nghĩa là chứng “cái không chỗ chứng”, vì chẳng phải (phi) tam muội nên tôi nói tam muội.

Sư hỏi:

- Phi tam muội, thì ai đang gọi đó (phi tam muội)? Ông đã chẳng (bất) chứng, chẳng phải (phi) chứng thì chứng cái gì?

Ba-la-đề nghe Sư biện luận giải thích liền ngộ bốn tâm. Lễ tạ Sư và sám hối lỗi lầm trước.

Sư thọ ký:

- Ông sẽ đắc quả, không lâu chứng tam muội. Xứ này có ngoại đạo, chẳng bao lâu ông sẽ hàng phục nó .

\*

\*       \*

Nói xong Sư bỗng nhiên biến mất, đến trụ sở của tông thứ ba Định huệ.

Sư hỏi:

- Các ông học định huệ, định huệ là một hay là hai?

Trong chúng này có người tên là Bà lan đà đáp:

- Định huệ của chúng tôi đây, chẳng một chẳng hai.

Sư hỏi:

- Đã chẳng phải một chẳng hai, gọi gì là định là huệ?

Kia đáp:

- Đang định chẳng phải chỗ định, nơi huệ chẳng phải chỗ huệ; một tức chẳng phải một, hai cũng chẳng hai.

Sư nói:

- Đang khi một chẳng một, đang khi hai chẳng hai. Đã chẳng phải định chẳng phải huệ thì đại khái là định, huệ nào?

Kia đáp:

- Định huệ hay biết chẳng một chẳng hai, chẳng phải định chẳng phải huệ cũng lại như vậy.

Sư hỏi:



- Vì huệ chẳng ngoài định, nhưng ai biết đây?  
Chẳng một chẳng hai thì ai định ai huệ?

Ba lan đà nghe được, tâm nghi cõi mở như băng tan.

\*

\*     \*

Sư đến chỗ tông thứ tư Giới hạnh. Sư hỏi:

- Cái gì gọi là giới? Thế nào gọi là hạnh? Đang lúc thực hành giới hạnh thì giới, hạnh là một hay là hai?

Trong chúng này có một hiền giả đáp:

- Một hai hai một đều do kia sanh, y theo giáo mà vô nhiễm đó gọi là giới hạnh.

Sư nói:

- Ông nói “y theo giáo” tức là có nhiễm, một hai đều phá sao nói là y theo giáo? Cái hai đó là sai trái bất cập đối với hạnh, trong ngoài chưa sáng sao gọi là giới?

Kia đáp:

- (Có) Ngã (thì) có nội ngoại, tự kỷ<sup>(37)</sup> kia biết hết nội ngoại, đã thông đạt kia rồi mới là giới hạnh. Nếu nói là sai trái (hoặc) đều đúng đều sai, mà lời nói theo kịp thanh tịnh thì chính là giới là hạnh.

Sư hỏi:

- (Bảo) Điều đúng điều sai thì nói gì là thanh tịnh? Đã thông đạt rồi thì bàn gì là nội ngoại?

Hiền giả nghe đó liền tự thẹn mà phục Sư.

\*

\*      \*

Sư đến chỗ tông thứ năm Vô đắc. Sư hỏi:

- Các ông chủ trương vô đắc, làm sao được vô đắc ư? Đã không có sở đắc mà còn đắc vô đắc.

Trong chúng này có người tên Bảo Tĩnh đáp:

- Tôi nói vô đắc chẳng phải đắc vô đắc, chính là nói “đắc được” cái vô đắc, đó là đắc.

Sư nói:

---

<sup>(37)</sup> Tích bản y cứ Quảng Đăng, chữ kỷ ghi là dĩ ; Thiệu bản y cứ Bảo Lâm ghi là chữ vô; Hồng Cựu bản ghi là chữ dĩ ; Chánh Tông Ký ghi là chữ dĩ . Chưa biết ai đúng.

- Đắc đã là chẳng đắc (bất đắc), mà đắc cũng là chẳng phải đắc (phi đắc), rồi lại nói “đắc được”. Làm sao có thể đắc được (đắc đắc)?

Kia đáp:

- Thấy được thì chẳng phải đắc, chẳng phải đắc là đắc. Nếu thấy không được thì gọi là “đắc được”.

Sư nói:

- Đắc đã chẳng phải đắc, không có đắc “đắc được”, đã không có sở đắc thì chính lúc đó “đắc được” gì?

Bảo Tĩnh nghe qua liền dứt hết lưới nghi.

\*

\*      \*

Sư đến chỗ tông thứ sáu Tịch tĩnh. Sư hỏi:

- Thế nào gọi là tịch tĩnh? Ở trong pháp hội này ai tịch ai tĩnh?

Trong đây có Tôn giả đáp:

- Tâm ấy chẳng động gọi là tịch, nơi pháp không nhiệm gọi đó là tĩnh.

Sư hỏi:

- Bốn tâm chẳng tịch nên cần mượn tịch tĩnh, xưa nay vốn tịch thì cần gì tịch tĩnh?

Kia đáp:

- Vì (bốn tâm) không không nên chư pháp vốn rỗng không, do không không đó nên gọi là tịch tĩnh.

Sư nói:

- Không không đã rỗng không, các pháp cũng như thế. Tịch tĩnh vô tướng thì có cái nào tĩnh cái nào tịch?

Tôn giả kia nghe Sư chỉ dạy bỗng nhiên khai ngộ.

Rồi thì sáu chúng đều thệ nguyện quy ngưỡng Sư. Từ đó việc giáo hóa được nức tiếng vùng Nam Thiên Trúc, rồi lan dần khắp Ngũ Ấn<sup>(38)</sup>. Các học giả gần xa mặc nhiên hâm mộ hưởng ứng theo, trên 60 năm Sư độ chúng vô lượng.

\*

\*      \*

---

<sup>(38)</sup> Ngũ Ấn: Khắp nước Ấn độ. Thời Trung cổ, Ấn độ chia làm năm vùng: Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung.

Về sau gặp phải vua Dị Kiến<sup>(39)</sup> khinh chê hủy báng Tam bảo. Có lần vua nói: “Tổ tông ta đều tin Phật đạo mà mắc vào tà kiến nên tuổi thọ chẳng lâu, vận lành cũng ngắn. Vả thân ta là Phật sao còn cầu ở ngoài? Việc báo ứng thiện ác đều bởi con người trí mưu mà hơn”. Kết xằng với lời nói đó, đến nỗi trong nước hàng kì cựu được các tiên vương phụng mệnh từ đó đều bị phế truất.

Sư đã biết, tự than: “Vua kia đức bạc, bằng cách nào để cứu đây?” Lại nhớ đến hai thủ lĩnh trong tông Vô tướng: Một là Ba-la-đề sắp chứng quả vị, lại có duyên với vua; hai là Tông Thắng không phải là không biện luận uyên bác, nhưng không có nhân duyên đời trước với vua.

Bấy giờ đồ chúng sáu tông, mỗi người cũng tự nghĩ: “Phật pháp có nạn, các sư tăng làm sao tự an tĩnh được?” Sư biết ý các chúng liền khảy ngón tay đáp ứng với chúng, sáu chúng ở xa nghe biết, nói: “Đây là tín hiệu hưởng ứng của thầy ta Đạt ma, chúng ta nên tốc hành đến để phù tá từ mệnh”. Nói xong họ đến gặp Sư thăm hỏi lễ bái.

Sư hỏi:

---

<sup>39</sup> Dị Kiến: Thái tử nối ngôi vua Nguyệt Tịnh, cháu ruột gọi Bồ đề Đạt ma là chú.

- Nay có một cánh hoa hư tàn, ai có thể cắt bỏ?

Tông Thắng đáp:

- Tôi tuy thiển bạc sao dám từ chối việc ấy.

Sư bảo:

- Ông tuy có trí tuệ biện tài nhưng đạo lực chưa đủ.

Tông Thắng tự nghĩ: “Thầy ta sợ ta yết kiến nhà vua làm đại Phật sự, danh dự hiển đạt chiếu át uy quang bậc trên. Dù cho người kia có phước đức trí tuệ làm vua, nhưng ta là sa môn nhận yếu chỉ Phật giáo há ngại đối đầu sao?”. Nói xong lên đi đến gặp vua, quảng thuyết pháp yếu và những vụ việc về thiện ác người trời, khổ vui của thế gian ... Ông cùng vua chất vấn qua lại không có gì chẳng thấu lý.

Vua hỏi:

- Nay theo chỗ ông hiểu biết thì pháp ấy ở đâu?

Tông Thắng đáp:

- Như nhà vua cảm hóa người dân, trị nước thăng bình đúng là hợp với đạo ấy, đạo nhà vua sở hữu ở đâu?

Vua đáp:

- Đạo ta sở hữu để trừ tà pháp, pháp ông sở hữu để hàng phục ai?

Sư chẳng rời chỗ ngồi, bần khoản biết nghĩa lý của Tông Thắng bị hổng, vội vã bảo Ba-la-đề:

- Tông Thắng chẳng vâng lời ta dạy, lên hóa duyên ở cung vua, chốc lát nữa thua, ông nên cứu gấp.

Ba-la-đề kính vâng mệnh Sư, thưa:

- Xin mượn thần lực.

Nói xong mây hiện dưới chân, đến trước vua lặng lẽ dừng lại. Bây giờ vua đang hỏi Tông Thắng, bỗng thấy Ba-la-đề cỡi mây đến, vua ngạc nhiên quên câu hỏi đáp của mình. Vua hỏi:

- Người từ không trung đến là chánh hay tà?

Ba-la-đề đáp:

- Tôi chẳng phải chánh tà mà tâm vua có tà chánh đến. Nếu tâm vua chánh ngã<sup>(40)</sup> thì không có chánh tà.

---

<sup>(40)</sup> Chánh ngã: Không lầm chấp bản ngã, như ngã kiến ngã ái ngã mạn ngã si, dẫn tới phiền não sanh ác kiến.

Tuy vua có kinh dị nhưng lòng kiêu mạn vừa rồi bốc lên mạnh, liền lệnh đuổi Tông Thảng ra khỏi nước. Ba-la-đề hỏi:

- Vua đã có đạo sao lại đuổi sa môn? Tôi tuy không hiểu biết, xin vua đặt câu hỏi.

Vua giận nhưng hỏi:

- Ai là Phật?

Đáp:

- Thấy tánh là Phật.

Vua hỏi:

- Sư thấy tánh không?

Đáp:

- Tôi thấy Phật tánh.

Vua hỏi:

- (Phật) tánh ở đâu?

Đáp:

- (Phật) tánh ở tác dụng.

Vua hỏi:

- Đó là tác dụng nào nay ta chưa thấy?

Đáp:



- Hiện đang thấy tác dụng, tự nhà vua chẳng thấy.

Vua hỏi:

- Nơi ta có (Phật tánh) không?

Đáp:

- Nếu vua tác dụng thì không có chỗ nào chẳng phải. Nếu vua không tác dụng cũng khó thấy thể (tánh kia).

Vua hỏi:

- Như lúc đang tác dụng có mấy chỗ (tánh) xuất hiện?

Đáp:

- Như lúc xuất hiện phải có tám chỗ.

Vua nói:

- Phải nói cho ta nghe tám chỗ xuất hiện đó.

Ba-la-đề bèn nói kệ:

Tại thai vi thân,  
Xử thế danh nhân,  
Tại nhãn viết kiến,  
Tại nhĩ viết văn,

Tại tỹ biện hương,  
Tại khẩu đàm luận,  
Tại thủ chấp tróc,  
Tại túc vận bồn.  
Biển hiện câu cai sa giới,  
Thu nhiếp tại nhất vi trần.  
Thức giả tri thị Phật tánh,  
Bất thức hoán tác tinh hồn.

Dịch:

Ở thai là thân,  
Ở đời là người,  
Ở mắt là thấy,  
Ở tai là nghe,  
Ở mũi xét mùi,  
Ở miệng đàm luận,  
Ở tay cầm bắt,  
Ở chân đi chạy.  
Hiện khắp bao trùm sa giới,  
Thâu lại trong một vi trần.

Biết được, đó là Phật tánh,

Không biết, gọi là tinh hồn.

Vua nghe kệ xong tâm liền khai ngộ, bèn hối hận tạ lỗi trước, rồi hỏi thêm về pháp yếu sớm tối quên mệt cho đến chín tuần.

Lúc đó Tông Thắng đã bị xua đuổi, lui về ẩn nơi chốn thâm sơn, nghĩ rằng:

- Ta nay tám mươi của đời người mà còn lầm, hai mươi năm nữa lại quy về Phật đạo. Tu hành đã đoạn tuyệt dấu vết nhưng còn ngu mê tâm tánh, không phòng được nạn tai, chi bằng chết còn hơn sống.

Nghĩ xong liền tự gieo mình xuống vực, giây lát có thần nhân dùng tay hứng đỡ, đặt trên tảng đá bình an vô hại. Tông Thắng nói:

- Ta tự trách mình làm sa môn nhục nhã, muốn đem chánh pháp chuyển hóa nhà vua mà không kiềm chế hết được sự lầm lẫn của vua, đến nỗi tổn hại đến thân. Thần nhân nào trợ giúp ta đến thế này, xin ban cho một lời giúp ta bảo tồn đời tàn này.

Do đó thần nhân nói kệ:

Sư thọ ư bách tuế,	Dịch: Thầy thọ đến trăm tuổi,
Bát thập nhi tạo phi.	Tám mươi còn làm quấy.
Vị cận chí tôn cố,	Nhờ gần đáng chí tôn,
Huân tu nhi nhập đạo.	Huân tu và nhập đạo.
Tuy cụ thiếu trí tuệ,	Nhưng trí tuệ chưa toàn,
Nhi đa hữu bỉ ngã.	Mà sanh nhiều đây kia.
Sở kiến chư hiền đấng,	Gặp những bậc hiền đức,
Vị thường sanh trân kính.	Chưa hề tỏ kính trọng.
Nhi thập niên công đức,	Hai mươi năm công đức,
Kỳ tâm vị điền tĩnh.	Tâm ấy chưa điền tĩnh.
Thông minh khinh mạn cố,	Bởi thông minh khinh mạn,
Nhi hoạch chí ư thử.	Mới chịu quả đến thế.
Đắc vương bất kính giả,	Bị vua bất kính đó,
Đương cảm quả như thị.	Sẽ cảm quả như vậy.
Tự kim bất sơ đãi,	Xưa nay không bỏ sót,
Bất cứu thành kỳ trí.	Chẳng lâu thành tự trí.
Chư thánh tất tôn tâm,	Chư thánh đều giữ tâm,
Như Lai diệc phục nhĩ.	Như Lai cũng như thế.

Tông Thắng nghe kệ hân hoan rồi ngồi tịnh nơi hang núi cao. Lúc đó vua Dị Kiến lại hỏi Ba-la-đề:

- Trí tuệ biện luận như nhân giả, ai đáng làm thầy nhân giả đây?

Đáp:

- Tôi xuất gia ở chùa Ta-la, ngài tam tạng Ô-sa-bà là thầy thợ nghiệp. Người thầy xuất thế của tôi chính là Bồ-đề Đạt-ma, chú của đại vương đó.

Vua nghe đến tên Sư kinh sợ hồi lâu, nói:

- Ta hèn mọn, không xứng đáng nối dõi ngôi vua, bội chánh hưởng tà mà quên đi người chú cao quý.

Rồi sắc mệnh cận thần đặc biệt tiến hành nghênh thỉnh. Sư tùy theo sứ giả mà đến, cho vua sám hối lỗi lầm trước; vua nghe những quy tắc răn dạy và khóc tạ lỗi với Sư, lại ban chiếu cho Tông Thắng trở lại vương quốc.

Đại thần tâu:

- Sau khi bị đui Tông Thắng gieo mình xuống vực, nay đã mất rồi.

Vua nói với Sư:

- Tông Thắng chết đều bởi chính ta, bậc đại từ làm sao giúp ta thoát tội ấy?

Sư nói:

- Tông Thắng hiện đang thiền định trong hang núi, chỉ cần sai sứ mời thì y sẽ đến.

Vua bèn sai sứ vào núi, quả thật thấy Tông Thắng ngồi ngay gần thiền tịch. Được triệu hồi Tông Thắng nói:

- Rất hổ thẹn với nhã ý nhà vua, bần đạo thệ nguyện ở chốn lâm tuyền. Vả vương quốc có người hiền đức đông đúc, Đạt ma là chú của vua, làm thầy sáu chúng, Ba-la-đề là hàng long tượng trong pháp hội. Xin vua tôn kính hai vị thánh ấy để làm phước điền cho cơ nghiệp nhà vua.

Sứ giả vâng mệnh trở về chưa tới, Sứ hỏi vua:

- Vua biết Tông Thắng có đến không?

Vua đáp:

- Chưa biết.

Sứ nói:

- Mời một lần chưa đến, mời lần nữa mới đến.

Hồi lâu sứ giả trở về quả nhiên như lời Sứ nói.

Sứ bèn từ giả vua, bảo:

- Hãy khéo tu đức, chẳng bao lâu có bệnh. Ta phải đi thôi.

Bảy ngày sau vua mắc bệnh, ngự y đã chẩn trị mà bệnh không đỡ lại tăng. Hàng quý thích và cận thần nhớ lời thọ ký trước, vội vã phát sứ đến báo Sứ:

- Vua bệnh nặng kéo dài không bớt, xin Ngài từ bi nghĩ tình ruột thịt chịu khó đến cứu giúp.

Sứ đến gặp vua thăm bệnh vấn an. Lúc bấy giờ Tông Thắng vâng theo lời mời lần thứ hai, từ bỏ hang núi trở lại. Ba-la-đề thọ ân vua đã lâu cũng đến thăm bệnh, hỏi:

- Phải làm gì giúp vua thoát khổ?

Sứ liền bảo thái tử thay cha thi ân, thả tội nhân và kính thờ tăng bảo. Lại vì nhà vua sám hối “Nguyện tội tiêu diệt”, làm như vậy ba lần. Chẳng bao lâu bệnh vua hết.

Sứ nghĩ: “Duyên với nước Chấn Đán (Trung Hoa) đã chín, tới lúc hành hóa ở đó”. Trước tiên Sứ lễ từ tháp Tổ, rồi giã từ những đồng học, sau đó đến an ủi và khuyên nhủ nhà vua:

- Nên siêng tu bạch nghiệp (thiện nghiệp), hộ trì tam bảo. Ta đi chẳng lâu, một lần đi chín năm trở lại.

Vua nghe Sứ dạy, nước mắt đầm đìa, hỏi:

- Nước này mắc tội gì, lãnh thổ kia (Trung Hoa) có phước gì mà hoàng thúc hữu duyên, không ở nước ta? Chỉ mong Ngài đừng quên tổ quốc mẹ cha, xong việc sớm về.

Vua bèn cụ bị đồ dùng cùng tiền lộ phí cho thuyền lớn, đích thân đốc suất quan liêu tiền Sư đến bến cảng. Sư lên đênh giữa trùng dương, ấm lạnh khoảng ba năm thì đến Nam Hải (Quảng Châu), đó là ngày 21 tháng 9 năm đinh mùi (527 Công nguyên), tức năm Phổ Thông thứ 8 nhà Lương. Thứ sử Quảng Châu là Tiêu Ngang làm chủ lễ tiếp rước trọng thể, dâng biểu trình Vũ đế. Đế xem xét y tấu, sai sứ giả mang chiếu đi nghênh thỉnh Sư về Kim Lăng.

Ngày 1 tháng 10 Sư đến Kim Lăng.

(Thiền sư Tung căn cứ Tục Pháp Ký của tăng Bảo Xướng nhà Lương mà viết Chánh Tông Ký. Chánh Tông Ký ghi: “Đạt ma đến nước này (Lương) vào năm canh tý 520, tức năm Phổ Thông nguyên niên, đời vua Lương Vũ đế”. Năm này là năm Chánh Quang nguyên niên, đời vua Minh đế nhà Hậu Ngụy. Nếu như thế thì niên biểu đều hợp với năm nhập diệt, quật mồ ... của Sư về sau.



Nếu bằng cứ trên là đúng thì ngày 21 tháng 9 năm đinh mùi (527), năm Phổ Thông thứ 8 và ngày mùng 1 tháng 10 Sư đến Kim Lăng ắt rất sai. Vì tháng 3 năm Phổ Thông thứ 8 đã cải niên hiệu là Đại Thông nguyên niên, thì tháng 9 đâu còn gọi là năm Phổ Thông thứ 8.

Nam Hải ngày nay là Quảng Châu, cách Kim Lăng cả ngàn dặm, thứ sử tâu vua và Vũ đế ban chiếu nghênh thỉnh, nhưng đâu thể nào mà đến Kim Lăng trong khoảng 10 ngày ư? Hơn nữa chiếu theo Tiêu Ngang Bản Truyện của Nam sử thì không thấy nói Ngang làm thứ sử Quảng Châu, nhưng phần cuối của Vương Mậu Truyện thì có Tiêu Ngang làm trưởng sử Quảng Châu, nhưng không biết ngang tại nhiệm năm nào. Nay chỉ có thể nói: “Sư đến Nam Hải đúng năm Phổ Thông nguyên niên, thứ sử Quảng Châu làm chủ lễ tiếp rước trọng thể, dâng biểu trình Vũ đế. Đế xem biểu tấu, sai sứ giả mang chiếu nghênh thỉnh. Ngày mùng 1 tháng 10 đến Kim Lăng”).

Đế hỏi:

- Từ lúc trẫm lên ngôi tới nay, tạo chùa in kinh độ tăng không thể ghi chép hết, có công đức gì không?

Sư đáp:

- Đều không công đức.

Đế hỏi:

- Tại sao không công đức?

Sư đáp:

- Đó chỉ là nhân hữu lậu của tiểu quả nhân thiên, như bóng theo hình, tuy có mà chẳng phải thật.

Đế hỏi:

- Thế nào là công đức chơn thật?

Đáp:

- Trí thanh tịnh và thể diệu viên vốn không tịch<sup>(41)</sup>. Công đức như thế không thể đem việc thế gian mà cầu được.

Đế lại hỏi:

- Thế nào là đệ nhất nghĩa thánh đế?

Sư đáp:

---

<sup>(41)</sup> Diệu: Vi diệu, mầu nhiệm. Viên: Viên mãn, tròn đầy khắp nơi.

Không: Rỗng không, vô tướng. Tịch: Không có tướng hữu vi, không một vật.

Thế chơn thật tuyệt đối vốn không một vật mà hằng linh tri, không thể nghĩ bàn, cũng gọi là đệ nhất nghĩa thánh đế.

- Rõng không không có thánh.

Đế hỏi:

- Đối diện trẫm là ai?

Sư đáp:

- Chẳng biết (bất thức)!

Lương Vũ đế không lãnh ngộ. Sư biết cơ duyên không khế hợp, ngày 19 tháng đó (tháng 10) Sư lên rút lui (chữ hồi , Quảng Đăng chép là chữ quá) qua Giang Bắc. Ngày 23 tháng 11 Sư đến Lạc Dương nhằm năm Thái Hòa thứ 10, đời vua Hiếu Minh nhà Bắc Ngụy. (Đúng ra là năm Chánh Quang nguyên niên 520, đời vua Hiếu Minh nhà Hậu (Bắc) Ngụy. Nếu cho là năm Thái Hòa thứ 10 thì là đời Văn đế nhà Hậu Ngụy, năm này tức là năm binh dần 486, năm Vĩnh Minh thứ 4 đời vua Vũ đế nhà Nam Tề). Sư ở chùa Thiếu Lâm núi Tung Sơn, suốt ngày lặng thinh ngồi xoay mặt vào vách, không ai lường được và thời nhân gọi Sư là Bích quán Bà-la-môn.

Khi đó có vị tăng tên Thần Quang, bậc tu học tâm đã khoáng đạt (thông suốt minh mông), ngụ ở Y Lạc đã lâu, xem rộng biết nhiều sách nên giỏi đàm luận huyền lý. Quang thường than: “Khổng

Lão dạy lễ ký, phương thuật, phong thủy, pháp quy; các sách Trang tử, kinh Dịch nói chưa tột diệu lý. Mới đây có nghe Đạt ma Đại sĩ đến ở chùa Thiếu Lâm, đang tạo cảnh giới sâu mầu, bậc chí nhân chẳng xa”. Bèn đến đó sớm hôm vâng hầu. Sư luôn ngồi kiết già xoay mặt vào vách, không ai nghe Sư dạy bảo gì. Quang tự tư duy: “Người xưa cầu đạo đập xương lấy tủy, chích máu cứu đói, trải tóc che bùn, gieo mình xuống vực cho hổ đói ăn thịt. Xưa mà như thế, còn ta là người nào?”.

Ngày mùng 9 tháng 12 năm đó (520), tuyết rơi đầy suốt đêm, Quang đứng vững bất động, trời sáng muện tuyết phủ quá đầu gối. Sư thấy thương cảm, quay ra hỏi:

- Ông đứng chờ lâu ngoài tuyết, muốn cầu việc gì?

Quang bi lệ đáp:

- Chỉ mong Hòa thượng từ bi mở cửa cam lồ, quảng độ chúng sanh.

Sư đáp:

- Diệu đạo vô thượng của chư Phật, phải nhiều kiếp tinh cần, làm được việc khó làm nhẫn được việc khó nhẫn, hàng thiếu đức thiếu trí lòng còn rẻ

rúng ngã mạn há cầu được sao? Muốn được chơn thừa phải nhọc công cần khổ.

Quang nghe Sư khuyên bảo, lén lấy dao bén tự chặt cánh tay trái rồi dâng lên trước mặt Sư. Sư biết đây là pháp khí, bèn bảo:

- Lúc ban sơ cầu đạo chư Phật vì pháp quên thân, ông nay chặt cánh tay trước mặt ta, tâm cầu đạo cũng khá đấy!

Rồi nhân đó ban cho tên Huệ Khả. Quang thưa:

- Pháp ấn chư Phật con có thể nghe được chăng?

Sư đáp:

- Pháp ấn chư Phật không thể được từ người khác.

Quang nói:

- Tâm con chưa an, xin thầy an cho.

Sư bảo:

- Đem tâm ra đây, ta an cho ông.

Thưa:

- Con tìm tâm trọn không thể được.

Sư nói:

- Ta an tâm cho ông rồi.

\*

\*       \*

Về sau vua Hậu Ngụy Hiếu Minh đế nghe Sư kỳ đặc, sai sứ mang chiếu đến mời Sư trước sau ba lần. Sư không rời Thiếu Lâm, đế càng thêm kính mến lại ban ca sa ma nạp hai bộ, bát bằng vàng bình nước bằng bạc, lụa dày ... Sư cố từ nhượng ba phen, ý vua càng cương quyết, Sư mới nhận. Từ đó chúng tăng và tại gia cư sĩ tin tưởng và quy hướng gia tăng bội phần.

Sư ở Thiếu Lâm đến chín năm, muốn trở về Tây, nước Thiên Trúc, bèn gọi môn nhân đến, bảo:

- Thời sắp đến rồi, các ông sao chẳng nói lên sở đắc mỗi người đi?

Bấy giờ môn nhân Đạo Phó bước ra thưa:

- Theo chỗ con thấy, chẳng chấp văn tự chẳng lia văn tự, đó là tác dụng của đạo.

Sư nói:

- Ông được phần da của ta.

Ni Tổng Trì <sup>(42)</sup> thưa:

- Chỗ con hiểu hiện nay cũng như Ngài Khánh Hỉ (A-nan) thấy cõi Phật A-súc <sup>(43)</sup>, chỉ thấy một lần không còn thấy nữa.

Sư nói:

- Người được phần thịt của ta.

Đạo Dục thưa:

- Tứ đại vốn rộng không, ngũ ấm (uẩn) chẳng phải có, và chỗ thấy của con không một pháp có thể được.

Sư nói:

- Ông được phần xương của ta.

Cuối cùng Huệ Khả bước ra lễ bái rồi trở lại đứng chỗ cũ. Sư nói:

- Ông được phần tủy của ta.

Rồi Sư nhìn Huệ Khả và bảo:

- Xưa Đức Như Lai đem chánh pháp nhãn trao cho Ca diếp Đại sĩ, lần lượt trao liên tục đến ta, nay ta trao ông, ông nên giữ gìn. Và trao cho ông ca sa

---

<sup>42</sup> Theo truyền thuyết, ni Tổng Trì là con gái vua Lương Vũ đế.

<sup>43</sup> A-súc Phật, Phạn aksobhya, dịch âm Hán Việt, nghĩa là Bất động Phật.

để làm pháp tín, ông nên biết mỗi thứ tiêu biểu cho mỗi việc.

Khả thưa:

- Xin thầy chỉ cho mọi việc.

Sư nói:

- Bên trong truyền pháp ẩn để khế hợp với tâm chứng, ngoài trao ca sa để xác định tông chỉ. Về sau lòng người sanh khinh bạc, nghĩ suy ngờ vực và tranh giành, họ nói “Ta là người Tây Thiên, ông là người Trung Hoa, căn cứ vào đâu mà đặc pháp, lấy gì để minh chứng?”. Nay ông nhận y pháp này, sau gặp nạn chỉ cần trình y và kệ truyền pháp của ta để minh chứng thì sự giáo hóa không trở ngại. Hai trăm năm sau khi ta nhập diệt, không truyền y nữa vì Phật pháp thanh hành khắp nơi, lúc đó người biết đạo thì nhiều người hành đạo lại ít, người nói lý thì nhiều người thông lý lại ít, nhưng những người thâm hợp mật chứng có hơn ngàn vạn. Ông đảm đang việc xiển dương chớ xem thường người chưa ngộ, trong một niệm hồi tâm liền đồng người được trước. Hãy nghe ta nói kệ:

Ngô bốn lai tư độ,

Truyền pháp cứu mê tình.



Nhất hoa khai ngũ diệp,

Kết quả tự nhiên thành.

Dịch:

Ta vốn đến xứ này,

Truyền pháp cứu người mê.

Một hoa nở năm<sup>(44)</sup> cánh,

Kết quả tự nhiên thành.

Sư lại bảo:

- Ta có bốn quyển kinh Lăng Già cũng để trao ông (Đây y cứ theo Bảo Lâm Truyện mà nói. Căn cứ Tục Cao Tăng Truyện của Luật sư Tuyên, Khả Đại Sư Truyện thì “Ban đầu Đạt-ma đem kinh Lăng Già trao cho Huệ Khả, nói: Ta xem đất Hán chỉ có Kinh này, hạng nhân giả y theo đó mà hành sẽ tự độ độ người”. Theo như truyện trên chép, khi Nhị Tổ chưa đắc pháp, Đạt-ma trao kinh Lăng Già cho Nhị Tổ xem. Nay Truyền Đăng nói sau khi đã phó pháp truyền y rồi, Sư lại nói “Ta có bốn quyển kinh Lăng Già cũng để trao ông”, chỉ sợ hiểu lầm mới nói “ta

---

<sup>44</sup> Một hoa: Một dòng thiền của Tổ Đạt-ma truyền sang Trung Hoa; năm cánh: gồm năm Tông Lâm Tế, Quy Nguỡng, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn.

có”, tợ như thế gian chưa có. Chỗ này chỉ nên y cứ lời Mã Tổ nói “Lại dẫn văn kinh Lăng Già để ấn chứng tâm địa chúng sanh” thì không hại cho lý vậy) chính là yếu môn dẫn vào tâm địa Như Lai, khiến chúng sanh khai thị ngộ nhập. Từ khi đến xứ này, ta đã bị năm phen đầu độc, ta thường tự mửa ra mà thử nó, chạm đá đá tan; duyên ta vốn rời Nam Ấn để đến Đông độ đây vì thấy Xích Huyện Thần Châu (tên nước Trung Hoa thời xưa) có khí tượng đại thừa, bèn vượt biển qua sa mạc tìm người truyền pháp, gặp vận chưa thông phải như cặm như dại. Nay được ông để truyền trao, ý ta đã mãn.

(Biệt Ký chép: Ban đầu Sư ở chùa Thiếu Lâm chín năm vì Nhị Tổ thuyết pháp, chỉ dạy rằng “Ngoài ngưng các duyên, trong theo hơi thở, tâm như tường vách, có thể vào đạo”. Huệ Khả trình Sư đủ thứ lý về tâm tánh vẫn chưa khế hợp đạo, Sư chỉ ngừa lỗi đó mà không thuyết cho Huệ Khả nghe về tâm thể vô niệm. Huệ Khả nói “Con đã ngưng hết các duyên”. Sư hỏi “Hẳn là thành đoạn diệt rồi chăng?” Khả đáp “Chẳng thành đoạn diệt”. Sư hỏi: “Lấy gì nghiệm xét đó mà bảo chẳng đoạn diệt?” Khả đáp “Rõ ràng thường biết, nói không thể đến được”. Sư nói “Đó là tâm thể chư Phật truyền trao, chớ có hồ nghi”).

Nói xong Sư cùng đồ chúng đến chùa Thiên Thánh ở Vũ Môn dừng lại ba ngày. Thành ấy có quan thái thú Dương Huyền Chi sớm mến mộ Phật thừa, hỏi Sư:

- Ở Tây Thiên Ngũ Ấn (năm miền Ấn độ Tây Thiên) Thầy được kế thừa làm Tổ, đạo ấy như thế nào?

Sư đáp:

- Rõ được tâm tông của Phật, hạnh và giải hợp nhau, đó gọi là Tổ.

Lại hỏi:

- Ngoài lý này thì thế nào?

Sư đáp:

- Nên rõ tâm kia biết suốt xưa nay, chẳng chán có không, nơi pháp không chấp, chẳng trí chẳng ngu, không mê không ngộ. Nếu hay hiểu như thế cũng gọi là Tổ.

Lại hỏi:

- Đệ tử hồi tâm tam bảo cũng lâu rồi mà trí tuệ ngu tối còn mê mờ chơn lý. Vừa nghe thầy nói không lãnh hội và thực hành được, mong thầy từ bi khai thị tông chỉ.

Sư biết tâm tha thiết, mới nói kệ:

Diệc bất đồ ác nhi sanh hiềm,  
Diệc bất quán thiện nhi cần thố,  
Diệc bất xả trí nhi cận ngu,  
Diệc bất phao mê nhi tự ngộ.  
Đạt đại đạo hề quá lượng,  
Thông Phật tâm hề xuất độ,  
Bất dữ phạm thánh đồng triền,  
Siêu nhiên danh chi viết Tổ.

Dịch:

Cũng đừng thấy dữ mà sanh chê,  
Cũng đừng thấy lành mà siêng làm,  
Cũng đừng bỏ trí mà gần ngu,  
Cũng đừng quăng mê mà lấy ngộ.  
Đạt đạo lớn chừ quá lượng,  
Thông tâm Phật chừ vượt mức,  
Chẳng cùng phạm thánh chung bước,  
Vượt hết, gọi đó là Tổ.

Huyền Chi nghe kệ vui buồn lẫn lộn, thưa:

- Xin thầy trụ thế gian dài lâu, hóa đạo quần sanh.

Sư nói:

- Ta sắp đi không nên ở lâu. Người đời căn tánh muôn sai khác, gặp nhiều hoạn nạn.

Huyền Chi thưa:

- Chưa biết ai hại thầy, đệ tử sẽ giải trừ cho thầy.

Sư nói:

- Ta vì truyền sự bí mật của Phật, đem lợi ích cho những người lầm lạc. Hại họ để an thân nhất định không có lý đó.

Huyền Chi nói:

- Nếu thầy không nói, sao biểu hiện thần lực quán chiếu biến hóa thông suốt được?

Sư bất đắc dĩ nói bài sấm:

Giang tra phân ngọc lãng,

Quản cự khai kim tỏa.

Ngũ khẩu tương cộng hành,

Cửu thập vô bỉ ngã.

Dịch:

Bè sông rẽ sóng ngọc,  
Dụng đuốc mở khóa vàng.  
Năm miệng cùng nhau đi,  
Chín mươi không ta người.

Huyền Chi nghe lời sấm, không xét suy ra manh mối, thâm ghi nhớ trong lòng rồi làm lễ từ tạ. Ý bài sấm Sư nói tuy lúc đó không lường được nhưng về sau đều linh nghiệm.

Bấy giờ nhà Ngụy kính trọng Sư và bậc thiên tuấn của Phật rất đông. Các ngài Luật sư Quang Thống, Tam tạng Lưu Chi là những vị tăng vào hàng loan phụng, thấy Sư nói đạo chỉ tâm bài tướng, mỗi vị cùng Sư luận nghĩa phải trái quyết liệt. Sư chấn chỉnh huyền phong tới cùng, phổ thí pháp vũ, và các ngài xét thấy cuộc tranh luận lệch về phía Sư, không thể đương đầu được, cùng nhau muốn hại Sư, thường cho thuốc độc vào thức ăn. Đến lần thứ sáu, vì có người truyền pháp việc hóa duyên đã xong, Sư ngồi ngay ngắn tịch không cho cứu chữa nữa.

Nhằm ngày mùng 5 tháng 10 năm bính thìn (536), tức năm Thái Hòa thứ 19 đời vua Hiếu Minh

đế nhà Hậu Ngụy <sup>(45)</sup>. (Theo Tục Pháp Ký thì là ngày 5 tháng 10 năm Vĩnh An nguyên niên đời vua Hiếu Trang đế 528, nhằm năm Đại Thông thứ hai nhà Lương, năm mậu thân. Năm này tức là năm Vũ Thái nguyên niên đời vua Minh đế, tháng hai Minh đế băng tháng tư Trang đế tức vị đổi niên hiệu là Kiến Nghĩa, đến tháng chín lại đổi là Vĩnh An. Về sau chép: (Sư nói) “Chủ ông đã chán đời”, nghĩa là năm này 528 Minh đế băng.

Theo Truyền Đăng chép: Năm bính thìn 536 tức là năm Đại Thống thứ hai vua Văn đế nhà Tây Ngụy, là năm Thiên Bình thứ ba vua Tĩnh đế nhà Đông Ngụy, là năm Đại Đồng thứ hai nhà Lương. Nếu như thế thì thuyết “Chán đời” hoàn toàn trái ngược, hơn nữa năm Thái Hòa thứ 19 là năm ất hợi 495, đời Văn đế nhà Hậu Ngụy, cũng là năm Kiến Vũ thứ hai đời vua Minh đế nhà Nam Tề. Cách nhau quá xa!). Ngày 28 tháng 12 năm đó, an táng và xây tháp thờ ở chùa Định Lâm núi Hùng Nhĩ.

Ba năm sau Tống Vân của Hậu Ngụy phụng sứ đi Tây vực trở về, gặp Sư ở Thông Lĩnh, thấy tay xách một chiếc giày bay vùn vụt về Tây.

---

<sup>45</sup> Năm Thái Hòa thứ 19 vua Hiếu Minh đế nhà Hậu Ngụy nhằm năm ất hợi 495 (!), không phải năm bính thìn 536.

Tống Vân hỏi:

- Thầy đi đâu?

Sư đáp:

- Về Tây Thiên.

Lại bảo Vân:

- Chủ ông đã chán đời rồi.

Vân nghe qua sững sờ, từ giả Sư đi về Đông. Đến khi phục mệnh thì vua Minh đế đã băng rồi và Hiếu Trang đế lên ngôi. Vân tâu đầy đủ việc gặp Sư, vua ra lệnh cho quật mồ, chỉ thấy một chiếc giày da trong quan tài trống không.

(Nếu y theo Tục Pháp Ký thì ba năm sau là năm canh tuất 530 tức là năm Vĩnh An thứ ba vua Trang đế, nhằm năm Trung Đại Thông thứ hai vua Vũ đế nhà Lương. Năm này tháng 12 Trang đế mới băng, lúc phụng sứ trở về thì Trang đế còn.

Nếu căn cứ theo Truyền Đăng thì ba năm sau lại là năm Kỷ Mùi 539, tức là năm Đại Thống thứ năm vua Văn đế nhà Tây Ngụy, nhằm năm Hưng Hòa nguyên niên vua Tĩnh đế nhà Đông Ngụy, nhằm năm Đại Đồng thứ năm vua Vũ đế nhà Lương. Như vậy thì sao lại có Hiếu Trang đế ư? Lại bảo Tống



Vân gặp Sư ở Thông Lãnh thì càng lằm, vì lúc Tống Vân đi sứ Tây vực trở về vào năm Chánh Quang thì vua Hiếu Minh đế nhà Hậu Ngụy hã còn!

Vậy thì người gặp Sư ở Thông Lãnh, có thể là cuối nhà Ngụy có sứ giả khác đi Tây vực trở về gặp Sư chẳng? Chỉ nên nói: Ba năm sau có sứ giả của Ngụy từ Tây vực trở về, gặp Sư ở Thông Lãnh, thấy tay xách một chiếc giày bay vùn vụt về Tây. Hỏi Sư đi đâu? Đáp: Về Tây Thiên. Sư lại bảo sứ: Chủ ông đã chán đời rồi. Sứ nghe qua sững sờ từ giả Sư đi về Đông. Đến khi phục mệnh thì vua Minh đế đã băng và Hiếu Trang lên ngôi, phụng sứ tâu đầy đủ việc gặp Sư. Vua ra lệnh quật mồ, chỉ còn thấy một chiếc giày da trong quan tài trống không).

Cả triều đình đều kinh sợ và cảm phục về việc đó, vâng chiếu đem chiếc giày còn lại cúng dường ở chùa Thiếu Lâm. Đến năm đinh mao, năm Khai Nguyên thứ 15 nhà Đường (727) bị một người học đạo tin Sư lấy trộm giày đem thờ trong chùa Hoa Nghiêm ở Ngũ Đài. Nay (1004) không biết chiếc giày thất lạc về đâu.

Ban đầu Lương Vũ đế gặp Sư nhân duyên chưa khế hợp, đến khi nghe Sư hóa duyên ở nước Ngụy thì muốn tự soạn bia tỏ lòng với Sư, nhưng bận việc

mãi. Sau đó khi nghe chuyện Tống Vân gặp Sư mới hoàn thành bia.

Vua Đại Tông nhà Đường ban Sư hiệu Viên Giác Đại Sư, tháp hiệu Không Quán.

Từ năm bính thìn 536 Sư báo tịch ở Ngụy, đến năm giáp thìn Cảnh Đức nguyên niên 1004, niên hiệu của Tống Chơn Tông có 467 năm.

(Đúng ra là từ năm canh tý 520<sup>(46)</sup> báo tịch ở Ngụy, đến năm giáp thìn Cảnh Đức nguyên niên, đời vua Tống Chơn Tông, có 475 năm. Phạm có sai về niên đại này là do sự sai sót của Bảo Lâm Truyền và Dương Văn công\* không khảo cứu lại).

## **29. Tổ Huệ Khả Đại sư.**

Người ở Vũ Lao, họ Cơ. Cha là Tịch, lúc chưa có con thường tự nghĩ: “Nhà ta chuộng việc thiện, cầu con đã lâu tại sao không có con tốt?”. Một đêm nọ cảm nhận ánh sáng lạ chiếu nhà, từ đó mẹ Sư có mang. Đến lớn vì điềm lành ánh sáng chiếu nhà mới đặt tên Ngài là Quang.

---

<sup>46</sup> Năm canh tý 520, Bồ đề Đạt ma đến Trung Hoa. Năm kỷ dậu 529, Tổ Bồ đề Đạt ma báo tịch: 1004 – 529 là 475 năm.

\* Dương Văn công là Dương Úc, được vua Tống giao cho trách nhiệm đọc và sửa lại bộ sách này.

Từ nhỏ chí khí Ngài khác người, lịch thiệp khắp thi thư lại thêm tinh thông huyền lý và chẳng màng đến gia sản mà thích chơi chỗ núi sông. Về sau xem kinh Phật tự được siêu nhiên, rồi đến núi Hương Sơn, chùa Long Môn ở Lạc Dương nương theo thiền sư Bảo Tĩnh xuất gia, sau thọ giới cụ túc ở giảng đường Phù Du chùa Vĩnh Mục. Sư học khắp giáo nghĩa tiểu thừa và đại thừa.

Năm 32 tuổi lại trở về Hương Sơn. Ở đây suốt ngày ngồi yên, trải qua tám năm trong lúc nhập vào thiền tĩnh lặng (tịch mặc), chợt thấy một thần nhân bảo “Muốn được đạo quả sao còn trì trệ ở đây? Đại đạo không xa, ông hãy đi về phương Nam”. Quang biết thần trợ giúp mình, nhân đó đổi tên là Thần Quang. Hôm sau cảm thấy đầu đau như kim châm, thầy Quang muốn tìm thầy thuốc chữa trị, bỗng nghe trong không trung có tiếng nói “Đây là đổi xương, chẳng phải bệnh thường”. Quang bèn đem chuyện thấy thần nhân mà bạch với thầy, thầy xem thấy xương đỉnh đầu Quang nổi lên đẹp như năm ngọn núi, bèn nói:

- Tướng người có điềm lành ắt sẽ đắc đạo. Thần lại bảo người đi về Nam, thế thì Đạt ma Đại sĩ ở Thiếu Lâm chắc là thầy người.

Quang đến Thiếu Thất thọ giáo, về sự tích đặc pháp truyền y có chép đủ trong chương Đạt ma. Từ Thiếu Lâm Đạt ma phó thác việc giáo hóa cho Sư, rồi về Tây.

\*

\*           \*

Đại sư tiếp nối xiển dương huyền phong, khắp tìm người nối pháp. Sư đến Bắc Tề nhằm năm Thiên Bình thứ hai 535 (Đúng ra là năm Thiên Bảo thứ hai, năm tân mùi 551. Năm Thiên Bình thứ hai, niên hiệu nhà Đông Ngụy, nhằm năm ất mão 535), gặp một cư sĩ tuổi trên bốn mươi. Cư sĩ không cho biết tên họ, đến làm lễ và hỏi Sư:

- Đệ tử thân mắc bệnh phong, xin Hòa thượng sám hối tội lỗi cho con.

Sư bảo:

- Dem tội ra ta sám hối cho.

Cư sĩ yên lặng hồi lâu, thưa:

- Con tìm tội không thể được.

Sư nói:

- Ta đã sám hối cho ông rồi. Ông nên nương theo Phật pháp tăng.

Cư sĩ hỏi:

- Nay gặp Hòa thượng con đã biết tăng, nhưng chưa biết thế nào gọi là Phật và pháp?

Sư đáp:

- Tâm ấy là Phật, tâm ấy là pháp. Phật và pháp không hai, tăng bảo cũng vậy.

Cư sĩ nói:

- Hôm nay mới biết tánh của tội lỗi chẳng trong, chẳng ngoài, chẳng ở giữa. Phật và pháp không hai, tâm ấy cũng như vậy.

Đại sư rất thừa nhận cư sĩ là hàng pháp khí, thế phát cho xuất gia, và nói “Là đồ báu của ta” nên đặt tên là Tăng Xán. Năm đó (551) ngày 18 tháng 3, Tăng Xán thọ giới cụ túc ở chùa Quang Phước. Từ đó bệnh giảm dần. Sau hai năm làm thị giả, Đại sư bảo:

- Bồ đề Đạt ma (Cựu bản chép là Đạt ma Bồ đề) từ nước Nam Thiên Trúc xa xôi đến đây, đem chánh pháp nhân tạng riêng truyền cho ta, nay ta trao lại người cùng với tín y của Đạt ma, người nên giữ gìn chớ để đứt mất. Hãy nghe ta nói kệ:

Bỏ lai duyên hữu địa,

Nhân địa chủng hoa sanh.

Bổn lai vô hữu chủng,

Hoa diệt bất tăng sanh.

Dịch:

Xưa nay do có đất,

Nhờ đất giống hoa sanh.

Xưa nay không có giống,

Hoa cũng chưa từng sanh.

Đại sư trao y và pháp xong, lại nói:

- Ông nhận ta dạy thì nên ẩn trong núi sâu, không nên đi giáo hóa, trong nước sẽ có nạn.

Xán thưa:

- Thầy đã biết trước, xin từ bi chỉ dạy.

Sư nói:

- Chẳng phải ta biết, đó là Đạt ma thuật lại lời huyền ký của Bát nhã Đa la rằng “Trong tâm tuy kết bên ngoài hung”. Ta nghiệm xét niên đại đúng vào lúc này, ông nên xét kỹ lời người xưa chớ để mắc nạn đời. Nhưng ta cũng có việc phiền phức do đời trước, nay cần phải trả. Ông khéo xa lánh và khéo hành hóa, chờ thời truyền trao người sau.

Đại sư giao phó dặn dò xong, rồi đến Nghiệp Đô tùy nghi thuyết pháp. Nhất âm diễn sướng bốn chúng quy y, ba mươi bốn năm với thành tích như thế. Rồi Đại sư thay đổi tướng uy nghi hòa quang đồng trần, khi thì vào những quán rượu, khi thì ở chốn đồ tể, khi thì hay đàm luận ngoài đường, khi thì theo bọn đốn củi chặn ngựa, có người thấy vậy hỏi Sư:

- Thầy là đạo nhân tại sao lại như thế?

Sư đáp:

- Ta tự điều phục tâm ta, can hệ gì tới việc người?

\*

\*       \*

Lại ở dưới cửa tam môn chùa Khuông Cứu huyện Quán thành, Sư đàm luận đạo vô thượng, thính giả tụ hội rất đông. Lúc đó có pháp sư Biện Hòa đang giảng Kinh Niết Bàn trong chùa, một số học chúng rủ nhau bỏ, đi ra nghe Sư xiển pháp. Biện Hòa không kiềm chế được sự phẫn nộ, sanh lòng gièm pha với quan huyện Địch Trọng Khản, Trọng Khản lằm nghe theo tà thuyết ấy, buộc tội Sư làm

việc phi pháp, Sư vui vẻ chấp nhận. Người hiểu biết luật nhân quả cho đó là “trả nợ xưa”.

Bấy giờ Đại sư 107 tuổi, nhằm Khai Hoàng thứ 13 đời Tùy Văn đế, ngày 16 tháng 3 năm quý Sửu 593 (Ngài cung phụng Hạo Nguyệt hỏi Hòa thượng Trường Sa Sâm: “Cổ đức nói: Liễu tức nghiệp chướng bốn lai không, vị liễu ứng tu thường tức trái<sup>(47)</sup>. Như Tôn giả Sư Tử, Nhị Tổ Đại sư nhờ cái gì trả hết được nợ?”. Trường Sa nói: “Đại đức chẳng biết cái bốn lai không”. Kia hỏi: “Thế nào là cái bốn lai không?”. Trường Sa đáp: “Nghiệp chướng đó”. Lại hỏi: “Thế nào là nghiệp chướng?”. Trường Sa đáp: “Bốn lai không đó”. Người kia lặng thinh, Trường Sa bèn dạy bằng một bài kệ:

Giả hữu nguyên phi hữu,

Giả diệt diệt phi vô.

Niết bàn thường trái nghĩa,

Nhất tánh cánh vô thù.

Dịch:

---

<sup>47</sup> Liễu thì nghiệp chướng xưa nay rộng,  
Chưa liễu nên đền món nợ xưa.

Liễu, ngộ và nhập được tánh Phật nơi mình. Hai câu này trong Chứng Đạo Ca của Huyền Giác.



Mượn có vốn chẳng có,  
Mượn diệt cũng chẳng không.  
Niết bàn, nghĩa đến nợ,  
Nhất tánh hằng không khác.)

Về sau táng Sư khoảng 70 dặm về phía đông bắc huyện Phũ Dương, Từ Châu. Đường Đức Tông ban thụy hiệu là Đại Tổ Thiên Sư.

Từ khi Sư giáo hóa đến năm giáp thìn, năm Cảnh Đức nguyên niên đời vua Tống Chơn Tông (1004), được 413 (đúng ra là 412 năm).

\*

\*      \*

### **29.1. Thiên Sư Tăng Na.**

Sư họ Mã, còn nhỏ mà tài trí hơn người, nghiên cứu thông hiểu các sách cổ. Năm 21 tuổi Ngài giảng kinh Lễ, kinh Dịch ở Đông Hải, thính giả đông như nhóm chợ.

Ngài đi về Nam rồi đến Tương Bộ, học chúng theo đến. Gặp Nhị Tổ thuyết pháp, Ngài cùng mười bạn đồng chí đầu tổ xuất gia, từ đó tay chẳng cầm bút, bỏ hết sách thế tục, chỉ còn một y một bát một tọạ cụ và ngày ăn một bữa theo hạnh đầu đà.

Sau khi theo hầu Nhị Tổ đã lâu, Sư mới nói với môn nhân Huệ Mãn:

- Tâm ấn của Tổ sư chẳng phải chuyên theo khổ hạnh, khổ hạnh chỉ là pháp trợ đạo thôi. Nếu khế hợp bốn tâm mà tùy ý phát ra cái diệu dụng của chơn quang thì khổ hạnh giống như nắm đất thành vàng; nếu chỉ chuyên về khổ hạnh mà chẳng sáng bốn tâm, sẽ bị ưa ghét trói buộc thì khổ hạnh như bước đi qua đường hiểm trong đêm trăng tối.

Các ông muốn sáng bốn tâm, cần phải quán xét tìm xem lúc đối đãi với sắc tướng âm thanh mà chưa khởi ý thức phân biệt thì tâm đi đâu? Là không ư? Là có ư? Đã chẳng rơi vào chỗ có không thì tâm châu riêng sáng, hằng chiếu thế gian mà không có mảy trần nào gián cách nó được, cũng chưa từng có một khoảnh sát na thời gian nào cắt đứt được tướng thuần nhất ấy. Thế nên Sơ Tổ ta trao pháp kèm theo bốn quyển kinh Lăng Già và nói với Nhị Tổ thầy ta rằng: “Ta xem nước Chấn Đán (Trung Hoa) chỉ có Kinh này có thể dùng ấn tâm, nhân giả y theo đó mà hành thì tự độ được đời”.

Hơn nữa Nhị Tổ phàm là thuyết pháp xong, rồi nói: “Sau bốn đời kinh này biến thành danh tướng, đáng thương xót thay. Nay ta trao ông, ông nên khéo

giữ gìn, cẩn thận chớ truyền nó cho người chẳng đáng”.

Trao và dặn dò xong Sư bèn du phương, chẳng ai biết được cuối đời Sư.

\*

\*       \*

## **29.2. Cư sĩ Hương.**

Ngài thích ở rừng hay miền quê vắng vẻ, ăn rau uống nước suối. Ban đầu niên hiệu Thiên Bảo (551) nhà Bắc Tề, nghe Nhị Tổ giáo hóa thành hành, Ngài bèn biên thư bày tỏ.

Thư viết:

“<Bóng do hình mà hiện, vang theo tiếng mà đến. Muốn tìm hình<sup>(48)</sup> mà bỏ bóng thì chẳng biết hình là gốc của bóng; muốn lớn tiếng mà ngăn vang thì chẳng biết tiếng là cội của vang. Muốn hưởng tới niết bàn mà trừ phiền não thì giống như bỏ hình mà bắt bóng; muốn cầu quả Phật mà lia chúng sanh thì giống như im tiếng mà tìm vang.

---

<sup>(48)</sup> Nguyên là “lao hình”, chúng tôi nghĩ dịch là “tìm hình” hợp lý hơn, thay vì “tránh bóng” như Cảnh Đức chú phía sau.

Thế nên biết mê ngộ một đường, trí ngu chẳng khác. Vốn không tên mà đặt tên, do tên đó mà sanh ra thị phi; vốn không có lý lẽ mà tạo ra lý lẽ, do lý lẽ đó mà khởi tranh luận vậy. Vốn huyền hóa chẳng phải chơn thì ai phải, ai quấy đây? Hư vọng không thật thì cái gì có, cái gì không đây?

Muốn đem cái biết “đắc không sở đắc, thất không sở thất” trình với thầy. Vì chưa kịp ra mắt, nay viết thư tạm bày tỏ ý này.

Kính mong thầy đáp cho.>>

(Lộng ảnh đúng ra là khí ảnh (bỏ bóng), e rằng lúc chép viết sai. Vì trong quyển 30, Hoàng thái tử hỏi về tâm yếu, Trấn Quốc Đại sư đáp “Nếu bỏ vọng mà cầu chơn thì cũng như bỏ bóng tìm hình”. Nếu thể hội thì vọng tức là chơn, cũng như ở trong mát mà quên bóng, đây là thuyết Trang Tử dùng.

Lao hình, nghĩa là bỏ và tránh bóng).

Nhị Tổ Đại sư sai chép thư hồi đáp, dạy:

Bị quán lai ý giai như thật,

Chơn u chi lý cánh bất thù.

Bổn mê ma ni vị ngã lịch,

Hoát nhiên tự giác thị chơn châu.

Vô minh trí tuệ đấng vô dị,  
Đương tri vạn pháp tức giai như.  
Mẫn thử nhị kiến chi đồ bối,  
Thân từ thố bút tác tư thư.  
Quán thân dữ Phật bất sai biệt,  
Hà tu cánh mịch bỉ vô dư?

Dịch:

Xem hết ý ông đều đúng cả,  
Đối lý chơn u có khác gì.  
Châu báu, vốn mê là ngói gạch,  
Rỗng rang tự giác ấy chơn châu.  
Vô minh trí tuệ đồng không khác,  
Liễu tri muôn pháp tức đều như.  
Thương bọn chấp không và chấp có,  
Dem lời mượn bút viết thư này.  
Quán thân với Phật không sai khác,  
Cần gì tìm kiếm niết bàn kia?

Cư Sĩ Hương được thư, mở xem bài kệ Tổ đáp,  
rồi cởi mở đến Tổ làm lễ và riêng thọ nhận ấn ký.

\*

\*      \*

### 29.3. Thiên Sư Huệ Mãn.

Sư ở chùa Long Hóa, Tương Châu. Sư người Huỳnh Dương, họ Trương.

Ban đầu ở bốn tự gặp thiên sư Tăng Na khai thị. Ý chí còn tiết kiệm chỉ giữ hai cây kim khâu, đông thì vá y hạ thì không dùng đến. Tự nhủ một đời tâm không khiếp sợ, thân không có chí rận, lúc ngủ không mộng寐. Thường đi khát thực, nghỉ một chỗ không tới hai đêm, đến chốn già lam chẻ củi, làm giày.

Năm Trinh Quán thứ 16 (642, Đường Thái Tông), Sư đến Lạc Dương ở bên cạnh chùa Hội Thiện, gặp đại tuyệt đêm tá túc trong cổ mộ. Sáng sớm vào chùa gặp pháp sư Đàm Khoáng, Khoáng ngạc nhiên không biết đêm qua Sư ở đâu. Sư hỏi:

- Pháp có đến chăng?

Khoáng sai người tìm chỗ đến, thấy cổ mộ bốn bề tuyệt phủ khoảng năm thước<sup>(49)</sup>. Khoáng nói “Không lường nổi”.

---

<sup>(49)</sup> Thước: Dịch từ chữ xích, thước Tàu, khoảng 1/3 mét.

Chư tăng bỏ trốn, lại nghe có lục sự Quát. Sư mang bát đi khắp thôn xóm không chỗ nào trở ngại, tùy được tùy mất hoàn toàn vô sự.

Có người mời Sư độ trai ở qua đêm, Sư nói: “(Nếu) Thiên hạ không có tăng (ta) mới nhận sự thỉnh mời đó”.

Sư thường dạy người: “Chư Phật nói tâm để người biết tâm mình, biết tướng là hư vọng. Nay thì lại có thêm tướng của tâm, trái xa ý Phật; lại thêm luận bàn làm rất sai lệch lý của đại đạo. Thế nên thường mang theo bốn quyển Kinh Lăng Già để làm tâm yếu (ấn tâm), y như Kinh mà hành. Sao chẳng tuân theo di chúc của các đời truyền thừa trước?”.

Về sau Sư không bệnh, ngồi trong lò gốm mà thiên hóa. Thọ khoảng 70 tuổi.

### **30. Tổ Tăng Xán Đại sư.**

Không biết Sư là người ở đâu. Ban đầu còn cư sĩ Sư đến yết kiến Nhị Tổ được độ và truyền pháp, sau ẩn cư ở chùa Sơn Cốc núi Hoàn Công thuộc Thư Châu.

Gặp lúc vua Võ đế nhà Hậu Chu phá diệt Phật pháp 574, Sư qua lại núi Tư Không huyện Thái Hồ,

hơn mười năm chõ ở bất định, người đương thời không ai biết được.

Đến năm Khai Hoàng thứ 12 nhà Tùy, nhằm năm nhâm tý 592, có sa di Đạo Tín mới 14 tuổi đến lễ Sư và hỏi:

- Mong Hòa thường từ bi, xin ban cho con pháp môn giải thoát.

Sư hỏi:

- Ai trói người?

Đáp:

- Không có ai trói.

Sư nói:

- Sao còn cầu giải thoát ư?

Tín ngay lời nói đại ngộ, phục vụ Sư chín năm. Sau khi thọ giới ở Kiết Châu, làm thị giả càng cẩn trọng. Sư bao phen đem pháp huyền vi xét nghiệm, biết Tín tâm thuần bèn trao y pháp.

Kệ rằng:

Hoa chủng tuy nhân địa,

Tòng địa chủng hoa sanh.

Nhược vô nhân hạ chủng,



Hoa địa tận vô sanh.

Dịch:

Giống hoa tuy nhờ đất,

Từ đất giống hoa sanh.

Nếu không người gieo giống,

Hoa, đất đều không sanh.

Sư lại bảo:

- Trước đây Huệ Khả Đại sư truyền pháp cho ta, rồi đi Nghiệp Đô hành hóa 30 năm mới viên tịch, nay có ông rồi, ta còn mắc mớ gì ở đây?

Rồi Sư đến núi La Phù nhàn rỗi hai năm. Sư lại trở về chỗ cũ (chùa Sơn Cốc) hơn một tháng, sĩ dân\* nghe tin vội đến lập đàn trai lớn cúng dường. Sư quảng tuyên tâm yếu cho bốn chúng nghe, thuyết xong Sư đứng chấp tay dưới gốc đại thọ nơi pháp hội mà thị tịch.

Nhằm năm Đại Nghiệp thứ hai đời Tùy Dạng đế, ngày 15 tháng 10 năm bính dần 606. Vua Đường Huyền Tông ban thụy hiệu Giám Trí Thiên Sư và

---

\* Sĩ dân: Người dân có học thức.

tháp hiệu Giác Tịch. Tính đến năm giáp thìn 1004, Tổng Cảnh Đức nguyên niên, gồm khoảng 400 năm.

\*

\*      \*

Thời Sơ Đường (618-712), Lý Thường làm quan doãn Hà Nam, vốn dĩ ngưỡng mộ Tổ phong và thâm đắc huyền chỉ. Vào năm ất dậu 745 niên hiệu Thiên Bảo, Lý gặp Hà Trạch Thần Hội, hỏi:

- Tam Tổ Đại sư táng ở chỗ nào? Có người nghe Sư vào La Phù không trở lại, có người nói Sư nhập diệt ở Sơn Cốc, chưa biết ai đúng?

Hội đáp:

- Tăng Xán Đại sư từ La Phù trở về Sơn Cốc, được hơn một tháng mới thị hiện nhập diệt. Nay mộ Tam Tổ hiện có ở Thư Châu.

Thường chưa thể tin được việc đó. Sau gặp lúc bị đày làm quan biệt giá ở Thư Châu, nhân đó hỏi thăm chúng tăng ở chùa Sơn Cốc:

- Nghe nói sau chùa có mộ Tam Tổ phải không?

Lúc đó thượng tọa Huệ Quán đáp:

- Có việc đó.

Thường hân hoan cùng các liêu thuộc đến chiêm lễ, rồi quật mồ đem chơn nghi hỏa thiêu. Thu được 300 viên xá lợi ngũ sắc, lấy 100 viên xuất tiền lương mình xây tháp thờ tại đó, 100 viên gửi tặng Hà Trạch Thần Hội để xác chứng lời trước của Hội, 100 viên mang theo mình.

Về sau ở Lạc Trung, Tư Đệ thiết trai để chúc mừng, trong hội bấy giờ có nhóm tam tạng Kiền Na ở Tây vực.

Thường hỏi Tam Tạng:

- Trong thiên môn Thiên Trúc có bao nhiêu Tổ Sư?

Kiền Na đáp:

- Từ Ca diếp đến Bát-nhã Đa-la có 27 Tổ sư. Nếu theo trình tự, tính thêm bốn đời từ Đạt-ma-đạt, bàng xuất từ Sư Tử Tôn giả gồm 22 người, hết thầy có 49 Tổ sư. Nếu từ thất Phật đến Tăng Xán Đại sư đây, chẳng kể những chi nhánh phụ, gồm khoảng 37 đời.

Thường lại hỏi thêm, trong hội có kỳ đức đáp:

- Từng xem qua Tổ đồ, có cái dẫn ra trên 50 Tổ, cho đến những chi phái, tông tộc sai khác thì không định được số lượng, hoặc giả chỉ có hư danh lấy gì chứng nghiệm.

Lúc đó có thiền sư Trí Bản là môn nhân Lục Tổ, đáp:

- Mới bắt đầu nhà Hậu Ngụy, Phật pháp suy dần, có sa môn Đàm Diệu trong tình thế lộn xộn dùng lựa sống một mình ghi lại được danh tự chư Tổ, có lẽ quên mất thứ tự. Ngài giấu y, lánh đời trong hang núi ở Lãnh Trung trải 35 năm, đến Văn Thành đế lên ngôi pháp môn mới trung hưng, sự nghiệp và tiếng tăm Đàm Diệu đều được tôn trọng. Rồi giữ chức tăng thống, tập hợp những sa môn bàn luận thêm và kết tập điều mục, làm thành Phó Pháp Tạng Truyện, trong đó có ít phần so le với nhau là do Đàm Diệu sợ hãi trong khi sao chép.

Và mười ba năm nữa, vua sai quan bác sĩ Quốc tử giám là Hoàng Nguyên Chơn cùng các Ngài Tam tạng Bắc Thiên Trúc là Phật-đà Phiến-đa, Cát-phát-yên vv... nghiên cứu lại Phạn văn, xét duyệt chọn lựa đúng sự truyền thừa các Tổ sư theo tông chỉ và thứ tự, mới không còn sai nữa.

### 31. Tổ Đạo Tín Đại sư.

Ở thế họ Tư Mã, người Hà Nội, sau đời chổ ở đến huyện Quảng Tế thuộc Kì Châu. Sư mới sanh mà siêu việt khác thường tình, còn nhỏ đã mếm mộ không tông và các pháp môn giải thoát, dường như vốn quen đã từng kế thừa Tổ phong rồi. Sư nhiếp tâm không để ngủ say, hông không bén chiếu gần 60 năm.

Năm Đại Nghiệp thứ 13 nhà Tùy 617, Sư lãnh đồ chúng đến Kiết Châu, gặp bọn cướp vây thành bảy tuần (70 ngày) không giải cứu được. Muôn dân kinh sợ, Sư xót thương dạy họ niệm Ma-ha Bát-nhã. Lúc đó chúng giặc ngó lên những bức tường thấp trên mặt thành thấy dường như có thần binh, bèn bảo nhau:

- Trong thành ắt có dị nhân, không nên công phá. Rồi từ từ họ rút lui.

Năm Giáp Thân, niên hiệu Vũ Đức nhà Đường 624, Sư lại trở về Kì Xuân, trụ ở núi Phá Đầu. Học lữ đến đông đúc.

Một hôm Sư đến huyện Hoàng Mai, gặp một chú bé ngoài đường, hình tướng rất đẹp khác với trẻ con bình thường. Sư hỏi:

- Ông họ gì?

Đáp:

- Họ thì có mà chẳng phải họ đời thường.

Sư hỏi:

- Là họ gì?

Đáp:

- Là tánh Phật<sup>(50)</sup>.

Sư hỏi:

- Ông không có tánh chẳng?

Đáp:

- Vì tánh rỗng không.

Sư mặc nhiên biết đây là pháp khí, liền sai thị giả đến nhà chú bé xin cha mẹ cho xuất gia. Vì có túc duyên nên cha mẹ đặc biệt thuận cho không hề do dự, rồi xuất gia làm đệ tử Sư với tên Hoằng Nhẫn cho (Cựu bản không có bốn chữ “danh viết Hoằng Nhẫn – tên là Hoằng Nhẫn”. Nay thêm vào đây, nếu chẳng có tên gọi, thậm chí trao pháp truyền y cho thì người đó là ai đây? Vả về sau có hai chữ

---

<sup>50</sup> Trong chữ Hoa, hai chữ tánh ở đây đồng âm dị nghĩa. Một chữ nghĩa là họ; chữ kia nghĩa là tánh chất, Phật tánh.

“Nhẫn viết – Nhẫn nói”, cũng tự nhiên không rõ ràng vậy) đến trao pháp truyền y. Kệ rằng:

Hoa chủng hữu sanh tánh,  
Nhân địa hoa sanh sanh.  
Đại duyên dữ tín hợp,  
Đương sanh sanh bất sanh.

Dịch:

Giống hoa có tánh sanh,  
Nhân đất hoa sanh sanh.  
Duyên lớn cùng tin hợp,  
Đương sanh, sanh bất sanh.

Rồi đem học đồ ủy nhiệm cho Hoằng Nhẫn.

Một hôm Sư bảo chúng:

- Trong đời Vũ Đức (618-626, Đường Cao Tổ), ta có giếng Lô Sơn, lên đỉnh cao trông về núi Phá Đầu, thấy vầng mây tía như cái lọng, dưới có vùng hơi trắng rẽ ngang thành sáu đường. Các ông biết điềm gì không?

Chúng đều yên lặng. Nhẫn thưa:

- Có lẽ sau này Hòa thượng sanh thêm một nhánh Phật pháp chăng?

Sư khen: “Phải”

Sau đó, vào niên hiệu Trinh Quán (627-649, Đường Thái Tông) năm quý mao 643, vua Thái Tông hưởng ứng đạo vị của Sư, muốn chiêm ngưỡng phong thái, ban chiếu thỉnh Sư về Kinh sư. Sư dâng biểu trước sau ba lần khiêm tốn từ tạ, cuối cùng phải thác bệnh tật. Lần thứ tư vua sai sứ đi thỉnh, vua nói:

- Nếu như không nhận lời thì đem đầu Sư về.

Sứ giả đến núi trình Sư tờ chỉ dụ của vua, Sư liền đưa cổ ra chịu chém với thần sắc thản nhiên. Sứ rất ngạc nhiên trở về kinh, dâng trạng tấu trình vua, vua càng khen ngợi và mến mộ hơn, rồi ban cho lụa quý và để Sư toại nguyện chí mình.

Đến đời Cao Tông, niên hiệu Vĩnh Huy (650-656), ngày mùng 4 tháng 9 năm nhuận tân hợi 651, Sư chột rủ lòng từ bi răn dạy môn nhân:

- Tất cả pháp đều là pháp giải thoát, các ông mỗi người tự giữ gìn ghi nhớ, lưu hành giáo hóa hậu lai.



Nói xong Sư ngồi yên mà tịch, thọ 72 tuổi. Tháp xây tại núi nhà (Phá Đầu Sơn). Năm sau 652, ngày mùng 8 tháng 4 cửa tháp vô cố tự mở, nghi tướng Sư như còn sống, sau đó môn nhân không dám đóng cửa tháp lại.

Vua Đường Đại Tông (763-779) ban Sư thụy hiệu Đại Y Thiền Sư, tháp hiệu Từ Vân.

Từ khi Sư viên tịch đến năm Cảnh Đức nguyên niên vua Tống Chơn Tông, năm giáp thìn 1004, gồm khoảng 356 năm (Đúng ra là 354 năm).

### **32. Tổ Hoàng Nhãn Đại sư.**

Người huyện Hoàng Mai, Kì Châu. Họ Chu, còn bé thơ mà có chí khí cao vút khác người, lúc nhỏ đi chơi gặp một trí giả khen:

- Chú bé này còn kém Đức Như Lai bảy thứ tướng.

Về sau gặp Đạo Tín Đại sư được nối pháp giáo hóa. Trong niên hiệu Hàm Hanh (670-673, Đường Cao Tông), có một cư sĩ ở núi Phá Đầu, họ Lư tên Huệ Năng từ Tân (Cựu bản ghi lầm là chữ Kì) Châu đến tham yết Sư.

Sư hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Đáp:

- Lãnh Nam.

Sư hỏi:

- Muốn cầu việc gì?

Đáp:

- Chỉ cầu làm Phật.

Sư nói:

- Người Lãnh Nam không có Phật tánh, làm sao làm Phật được?

Đáp:

- Người thì có nam bắc, Phật tánh há như vậy sao?

Sư biết người này là dị nhân, bèn quở bảo:

- Xuống nhà sau đi!

Huệ Năng làm lễ rồi lui xuống, vào nhóm đập cối nhọc nhằn phục vụ ở gian nhà giã gạo, ngày đêm không ngớt trải qua tám tháng.

Sư biết đến lúc truyền trao pháp, bèn bảo chúng:

- Chánh pháp khó hiểu, không nên ghi nhớ suông lời ta nói, rồi nắm giữ cho là nhiệm vụ của mình. Các ông mỗi người tùy ý thuật một bài kệ, nếu lời ý thâm phù hợp ta sẽ truyền y và pháp cho.

Khi đó trong hội chúng có hơn 700 tăng, thượng tọa Thần Tú là người học thông cả nội điển và ngoại điển, lại được chúng tôn trọng và ngưỡng mộ.

Mọi người đều suy tôn Thần Tú:

- Nếu phi thầy Tú còn ai dám đảm đang việc đó?

Thần Tú thâm nghe chúng khen mình, không phải suy nghĩ nữa, bèn viết một bài kệ trên vách hành lang. Kệ rằng:

Thân thị bồ đề thọ,  
Tâm như minh cảnh đài.  
Thời thời cần phát thức,  
Mạc khiến hữu trần ai.

Dịch:

Thân là cây bồ đề,  
Tâm như đài gương sáng.  
Thường khi siêng lau chùi,  
Chớ cho có bụi trần.

Nhân lúc Sư đi qua hành lang, chợt thấy bài kệ đó, biết là của Thần Tú làm, khen rằng:

- Người đời sau y theo bài kệ này tu hành cũng được thắng quả.

Chỗ vách đó vốn để nhờ xử sĩ Lư Trân đến vẽ đồ họa “Lãng Già Biến Tướng”, khi kệ được ghi trên vách đó, bèn ngưng thôi vẽ để cho mỗi người tụng niệm. Huệ Năng đang giã gạo ở nhà trù, chợt nghe đồng học tụng bài kệ, bèn hỏi:

- Đó là bài kệ nào?

Đồng học đáp:

- Người biết chẳng, Hòa thượng tìm người nối pháp, bảo mỗi người tự làm bài kệ về tâm. Đó là bài do Thượng tọa Tú làm, Hòa thượng rất khen ngợi, ắt sẽ trao pháp truyền y cho.

Năng hỏi:

- Kệ đó ra sao?

Đồng học đọc lên cho nghe. Yên lặng một hồi, Huệ Năng nói:

- Hay thì hay đấy! Liễu thì chưa liễu.

Đồng học nổi giận mắng:

- Đồ tầm thường biết gì? Không nên phát biểu  
ngông cuồng.

Huệ Năng nói:

- Thầy chẳng tin ư? Xin hứa làm một bài kệ họa  
lại.

Các đồng học nhìn nhau không nói mà cười.  
Đêm khuya Năng thầm bảo một đồng tử dẫn đến  
dưới vách, Năng tự cầm nến nhờ đồng tử viết một  
bài kệ bên cạnh bài của Tú.

Kệ rằng:

Bồ đề bốn phi thọ,  
Tâm cảnh diệc phi đài.  
Bốn lai vô nhất vật,  
Hà giả phát trần ai?

Dịch:

Bồ đề vốn chẳng cây<sup>(51)</sup>,  
Gương tâm cũng chẳng đài<sup>(16)</sup>.

---

<sup>(51)</sup> Nguyên là chữ “phi”, nghĩa là “chẳng phải”, đây tạm dịch là “chẳng”.  
Chữ “phi” ở đây không có nghĩa phủ định; mà nghĩa giống chữ “tức”,  
“bất nhị”, “bất nhất bất dị”. Cũng vậy, chơn như không phải (bất nhất) là  
tướng hữu vi nhưng không ngoài, không khác (bất dị) tướng hữu vi.

Xưa nay không một vật,

Cần chi phủi bụi trần?

Sau đó, Đại sư thấy bài kệ này, nói:

- Ai làm bài kệ này cũng chưa kiến tánh.

Chúng nghe Sư nói vậy, không còn quan tâm đến kệ nữa. Đến khuya Đại sư thăm sai người đến nhà trừ gọi hành giả Huệ Năng vào thất.

Đại sư dạy:

- Chư Phật ra đời chỉ vì một đại sự nhân duyên, tùy căn cơ chúng sanh có tiểu đại mà dẫn đường. Vì thế mới có nhiều tông chỉ như thập địa, tam thừa, đốn tiệm vv... để làm phương tiện giáo hóa. Nhưng Như Lai đem chánh pháp nhãn tạng, pháp vô thượng vi diệu bí mật viên minh chơn thật, trao cho hàng thượng thủ là Đại Ca diếp Tôn giả, lần lượt truyền trao 28 đời. Khi Đạt ma đến xứ này, có Huệ Khả Đại sư tiếp nối rồi đến ta, nay ta đem pháp bảo và ca sa được truyền để trao lại cho ông, ông khéo tự giữ gìn đừng để đứt mất.

Hãy nghe ta nói kệ:

Hữu tình lai hạ chủng,

Nhân địa quả hoàn sanh.

Vô tình ký vô chủng,  
Vô tánh diệt vô sanh.

Dịch:

Hữu tình hãy gieo giống,  
Nhân đất quả lại sanh.  
Vô tình đã không giống,  
Vô tánh cũng không sanh <sup>(52)</sup>

Cư sĩ Huệ Năng quỳ xuống nhận y và pháp, thưa rằng:

- Pháp thì đã truyền rồi, còn y sẽ trao cho ai?

Sư dạy:

- Xưa Đạt ma mới đến, người ở đây chưa biết chưa tin, thế nên truyền y để minh chứng là đắc pháp. Nay lòng tin đã thuần thực mà y là đầu mối tranh giành, đến ông thì dừng lại không nên truyền nữa. Hơn nữa, ông phải đi xa ẩn dấu và chờ thời

---

<sup>(52)</sup> Hữu tình: Có duyên, sẵn có chủng tử vô lậu của Phật thừa. Địa: đất, dụ cho tâm, vì tâm hay sanh muôn pháp cũng như đất sanh muôn loài cỏ cây.

Vô tình trái nghĩa của hữu tình. Vô tánh: không có chủng tử vô lậu của ba thừa. Vô sanh: không thành tựu quả vị của ba thừa.

hành hóa, nghĩa là tánh mạng người nhận y như chỉ mảnh treo.

Huệ Năng thưa:

- Con phải ẩn ở đâu?

Sư đáp:

- Gặp Hoài thì ở, gặp Hội tạm ẩn.

Huệ Năng lễ lạy xong, bưng y bước ra, đêm đó đi xa về Nam, đại chúng không ai hay biết. Từ đó Nhãn Đại sư đến ba ngày không thượng đường nữa, đại chúng thấy lạ sanh nghi đến hỏi.

Tổ nói:

- Đạo của ta đã dời đi rồi, còn hỏi gì nữa?

Lại hỏi:

- Ai được y, pháp ư?

Sư đáp:

- Ai có khả Năng thì được

Do đó chúng bàn luận Lữ hành giả tên Năng, tìm hỏi thì Năng không còn, sớm biết Năng kia được y pháp, liền cùng nhau vội vã đuổi theo. Nhãn Đại sư đã truyền y pháp rồi, lại trải thêm bốn năm, đến năm Thượng Nguyên thứ hai 675 (Năm ất hợi 675,



đời Đường Cao Tông (674-676); đến đời Túc Tông lại có niên hiệu Thượng Nguyên (760-762), năm thứ hai niên hiệu này là năm tân sửu 761), Đại sư bỗng bảo chúng:

- Phận sự ta nay đã xong, đến lúc nên đi vậy.

Rồi vào thất ngồi yên mà tịch, thọ 74 tuổi. Tháp xây ở núi Đông Sơn thuộc huyện Hoàng Mai. Hoàng đế Đại Tông ban thụy hiệu là Đại Mãn Thiên Sư, tháp tên Pháp Vũ.

Từ lúc Đại sư diệt độ đến Cảnh Đức nguyên niên đời Tống Chơn Tông năm giáp thìn 1004, có khoảng 330 năm.

### **HẾT QUYỂN III**



CẢNH ĐỨC  
TRUYỀN ĐĂNG LỤC  
(QUYỂN IV)

No. 2076

DƯƠNG THANH KHẢI (dịch)

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)



## QUYỂN IV

### TỔ THỨ 31 ĐẠO TÍN ĐẠI SƯ, QUA CHÍN ĐỜI BÀNG XUẤT 76 PHÁP TỰ

#### Tổ tông sáu đời ở núi Ngũ Đầu, Kim Lăng.

Đời thứ nhất: Thiền sư Pháp Dung;

Đời thứ hai: Thiền sư Trí Nham;

Đời thứ ba: Thiền sư Huệ Phương;

Đời thứ tư: Thiền sư Pháp Trì;

Đời thứ năm: Thiền sư Trí Oai;

Đời thứ sáu: Thiền sư Huệ Trung.

(Sáu người trên đây được ghi)

Những pháp tự<sup>(53)</sup> của sáu đời Tổ tông trên đây gồm có 70 người.

❖ Từ Thiền sư Pháp Dung, ba đời bàng xuất gồm 12 người:

---

<sup>(53)</sup> Pháp tự: Đệ tử đặc pháp, tiếp nối dòng thiền của thầy

1. Thiền sư Đàm Thôi ở Chung Sơn, Kim Lăng (Một người được ghi);

2. Thiền sư Đại Tố ở Kinh Châu; 3. Thiền sư Nguyệt Không ở U Thê; 4. Thiền sư Đạo Diễn chùa Bạch Mã; 5. Thiền sư Định Trang ở Tân An; 6. Thiền sư Trí Thả ở Bành Thành; 7. Thiền sư Đạo Thọ ở Quảng Châu; 8. Thiền sư Trí Sảng ở Hồ Châu; 9. Thiền sư Đỗ Mặc ở Tân Châu; 10. Thiền sư Trí Thành ở Thượng Nguyên;

11. Thiền sư Định Chơn (Từ Thiền sư Trí Thành);

12. Thiền sư Như Độ (Từ Thiền sư Định Chơn).

(Mười một người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

**❖ Từ Thiền sư Trí Nham, bìa xuất tám người:**

1. Thiền sư Kính Đàm ở Đông Đô; 2. Thiền sư Chí Trường ở Tương Châu; 3. Thiền sư Nghĩa Chơn ở Hồ Châu; 4. Thiền sư Đoan Phục ở Ích Châu; 5. Thiền sư Quy Nhơn ở Long Quang; 6. Thiền sư Biện Tài ở Tương Dương; 7. Thiền sư Pháp Tuấn ở Hán Nam và 8. Thiền sư Mẫn Cổ ở Tây Châu.

(Tám người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

❖ **Từ Thiên sư Pháp Trì, bàn xuất hai người:**

1. Thiên sư Huyền Tố núi Ngưu Đầu;
2. Thiên sư Hoằng Nhơn ở Thiên Trụ.

(Hai người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

❖ **Từ Thiên sư Trí Oai, bốn đời bàn xuất gồm 12 người:**

1. Huyền Đĩnh Đại sư chùa An Quốc, Tuyên Châu;
2. Thiên sư Huyền Tố chùa Hạc Lâm, Nhuận Châu;
3. Thiên sư Sùng Huệ núi Thiên Trụ, Thư Châu;

(Ba người trên từ Thiên sư Trí Oai)

4. Thiên sư Đạo Khâm ở Kính Sơn, Hàng Châu (từ Thiên sư Huyền Tố);
  5. Thiên sư Đạo Lâm Diệu Khòa, Hàng Châu (từ Thiên sư Đạo Khâm);
  6. Thiên sư Hội Thông chùa Chiêu Hiền, Hàng Châu (từ Diệu Khòa bàn xuất);
- (Sáu người trên đây được ghi).

7. Thiên sư Bảo Quán ở Linh Nham (từ Thiên sư Trí Oai);

8. Thiên sư Đàm Ích núi Kim Hoa; 9. Thiên sư Viên Kính ở Ngô Môn (Hai người bàn xuất từ Thiên sư Huyền Tố);

10. Thiên sư Ngô núi Mộc Chử; 11. Thiên sư Quảng Phu ở Thanh Dương; 12. Thiên sư Sùng Huệ núi Cân Tử, Hàng Châu (Ba người bàn xuất từ Thiên sư Khâm ở Kính Sơn).

(Sáu người trên không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

Những vị kể trên, về thế thứ Cựu bản chép không rõ ràng, nay mỗi vị tùy theo bài mà ghi chú thêm pháp tự gồm thành bốn đời.

❖ Từ Thiên sư Huệ Trung, hai đời bàn xuất 36 người (Trừ ra hai người là Vân Cư Trí ở Thiên Thai và Thanh Nguyên chùa Thê Hà ở Nhuận Châu, còn lại đều bàn xuất từ Thiên sư Huệ Trung).

1. Thiên sư Duy Tắc hang Phật Quật, núi Thiên Thai;

2. Thiên sư Vân Cư Trí núi Thiên Thai (từ Thiên sư Duy Tắc); (Hai người trên được ghi).



3. Thiên sư Đạo Tánh núi Ngưu Đầu;
4. Thiên sư Trí Đăng ở Giang Ninh;
5. Thiên sư Hoà Tín ở Giải Huyện;
6. Thiên sư Toàn chùa Hạc Lâm;
7. Thiên sư Hoà Cổ ở Bắc Sơn;
8. Thiên sư Quán Tông ở Minh Châu;
9. Thiên sư Đại Trí núi Ngưu Đầu;
10. Thiên sư Thiện Đạo chùa Bạch Mã;
11. Thiên sư Trí Chơn núi Ngưu Đầu;
12. Thiên sư Đàm Ngung núi Ngưu Đầu;
13. Thiên sư Vân Thao núi Ngưu Đầu;
14. Thiên sư Ngưng núi Ngưu Đầu;
15. Thiên sư Pháp Lương núi Ngưu Đầu;
16. Thiên sư Hành Ứng ở Giang Ninh;
17. Thiên sư Huệ Lương núi Ngưu Đầu;
18. Thiên sư Đạo Dung ở Hưng Thiện;
19. Thiên sư Chiếu Minh ở Tưởng Sơn;
20. Thiên sư Pháp Đăng núi Ngưu Đầu;
21. Thiên sư Định Không núi Ngưu Đầu;

22. Thiên sư Huệ Thiệp núi Ngưu Đầu;
  23. Thiên sư Đạo Ngộ ở U Thê;
  24. Thiên sư Ngưng Không núi Ngưu Đầu;
  25. Thiên sư Đạo Sơ ở Tượng Sơn;
  26. Thiên sư Tạng ở U Thê;
  27. Thiên sư Linh Huy núi Ngưu Đầu;
  28. Thiên sư Đạo Dĩnh ở U Thê;
  29. Thiên sư Cự Anh núi Ngưu Đầu;
  30. Thiên sư Pháp Thường ở Thích Sơn;
  31. Thiên sư Ngưng Tịch ở Long Môn;
  32. Thiên sư Viễn chùa Trang Nghiêm;
  33. Thiên sư Đạo Kiên ở Tượng Châu;
  34. Ni Minh Ngộ;
  35. Cư sĩ Ân Tịnh Kỳ;
  36. Thiên sư Thanh Nguyên chùa Thê Hà, Nhuận Châu (Từ Huệ Thiệp).
- (34 người trên không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

## TỔ THỨ 32 HOÀNG NHÃN ĐẠI SƯ, QUA NĂM ĐỜI BÀNG XUẤT 107 NGƯỜI

❖ **Đời thứ nhất có 13 người:**

1. Thiên sư Thần Tú Bắc Tông;
2. Quốc Sư Huệ An núi Tung Nhạc;
3. Thiên sư Đạo Minh ở Mông Sơn, Viên Châu;  
(Ba người trên được ghi)
4. Thiên sư Đàm Quang chùa Phụng Pháp,  
Dương Châu;
5. Thiên sư Thần Tháo ở Tuyền Châu;
6. Thiên sư Pháp Trì ở Kim Châu;
7. Thiên sư Trí Săn ở Tư Châu;
8. Thiên sư Pháp Chiếu ở Thư Châu;
9. Thiên sư Nghĩa Phương ở Việt Châu;
10. Thiên sư Đạo Tuấn ở Chi Giang;
11. Thiên sư Huyền Trách ở Thường Châu;
12. Thiên sư Tăng Đạt ở Việt Châu;
13. Lưu chủ bả núi Bạch Tùng;

(Mười người trên không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

❖ **Đời thứ hai có 37 người:**

• Thiền sư Thần Tú Bắc Tông có 19 pháp tự:

1. Thiền sư Cự Phương ở Ngũ Đài Sơn; 2. Thiền sư Trí Phong núi Trung Điều, phủ Hà Trung; 3. Thiền sư Hàng Ma Tạng ở Duyện Châu; 4. Thiền sư Đạo Thọ ở Thọ Châu; 5. Thiền sư Toàn Thực núi Đô Lương, Hoài Nam;

(Năm người trên đây được ghi)

6. Thiền sư Từ Lãng ở Kinh Châu; 7. Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn; 8. Thiền sư Hương Dục núi Đại Phật; 9. Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây Kinh; 10. Thiền sư Hốt Lô Trừng; 11. Thiền sư Nhật ở Đông Kinh; 12. Thiền sư Biến Tịnh ở Thái Nguyên; 13. Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc; 14. Thiền sư Đỗ ở Nhữ Nam; 15. Thiền sư Kính ở Tung Sơn; 16. Thiền sư Tiểu Phước ở Kinh Triệu; 17. Thiền sư Quán ở Hoắc Sơn, Tấn Châu; 18. Thiền sư Sùng Khuê ở Mao Sơn, Nhuận Châu; 19. Thiền sư Hoài Không ở An Lục .

(Mười bốn người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

• Pháp tự của Quốc Sư Huệ An núi Tung Nhạc và các Thiên sư đời thứ nhất có 18 người.

Sáu người từ Quốc sư Huệ An:

1. Thiên sư Nhân Kiệm chùa Phước Tiên, Lạc Kinh; 2. Hòa thượng Pháp Táo Đọa núi Tung Nhạc; 3. Thiên sư Nguyên Khuê núi Tung Nhạc;

(Ba người trên đây được ghi)

4. Thiên sư Thản Nhiên ở Thường Sơn; 5. Thiên sư Viên Tịch ở Nghiệp Đô; 6. Thiên sư Đạo Lượng ở Tây Kinh.

Năm người bìa xuất từ Thiên sư Đạo Lượng: 7. Lý Hiếu Dật, Đại tổng quản Dương Châu; 8. Trương Tích, Thượng thư Công bộ; 9. Thôi Dung, Tế tửu Quốc Tử Giám; 10. Hạ Tri Chương, Bí thư giám; 11. Khang Sản, thứ sử Mục Châu.

• Một người từ Thiên sư Thần Tháo, Tỳ Châu: 12. Thiên sư Chánh Thọ.

• Ba người từ Thiên sư Đạo Minh ở Mông Sơn: 13. Thiên sư Sùng Tịch ở Hồng Châu; 14. Thiên sư Khôi ở Giang Tây; 15. Thiên sư Thần Trinh ở Phủ Châu.

• Một người từ Thiên sư Trí Săn ở Tư Châu:  
16. Thiên sư Xử Tịch ở Tư Châu.

• Hai người từ Thiên sư Huyền Trách ở Thường Châu: 17. Thiên sư Thần Phỉ ở Nghĩa Hưng;  
18. Thiên sư Sướng ở Hồ Châu.

(15 người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

❖ **Đời thứ ba có 49 người (Dòng thiền Thần Tú):**

• Ba người là pháp tự đời đầu của Thiên sư Từ Lăng ở Kinh Châu: 1. Thiên sư Huyền Tông ở Tử Kim; 2. Thiên sư Thường núi Đại Mai, Minh Châu;  
3. Thiên sư Thận Huy ở Chuyên Giới;

(Ba người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

• Bốn mươi sáu người là pháp tự từ Thiên sư Phổ Tịch ở Tung Sơn.

. *Hăm bốn người từ Thiên sư Phổ Tịch:*

4. Thiên sư Duy Chánh núi Chung Nam (Một người được ghi); 5. Thiên sư Huệ Không chùa Quảng Phước; 6. Thiên sư Thường Việt; 7. Thiên sư Tư núi Giáp Thạch, Tương Châu; 8. Thiên sư Minh

Toản; 9. Thiền sư Chơn chùa Kính Ái; 10. Thiền sư Thủ Hiền Duyệt Châu; 11. Thiền sư Thạch Tạng Định Châu; 12. Thiền sư Trường Tâm ở Nam Nhạc; 13. Thiền sư Nhật Chiêu ở Nam Nhạc; 14. Thiền sư Cán chùa Đồng Đức, Lạc Kinh; 15. Thiền sư Chơn Lượng ở Tô Châu; 16. Thiền sư Tuyên chùa Ngõa Quan; 17. Thiền sư Pháp Dung ở Dặc Dương; 18. Thiền sư Diễn ở Quảng Lăng; 19. Thiền sư Huệ Không ở Thiểm Châu; 20. Thiền sư Chơn Lượng ở Lạc Kinh; 21. Thiền sư Tuyên Nguyệt ở Trạch Châu; 22. Thiền sư Đàm Chơn ở Bạc Châu; 23. Thiền sư Sùng Diễn núi Đô Lương; 24. Thiền sư Trường chùa Chương Kính, Kinh Triệu; 25. Thiền sư Nhất Hạnh chùa Tung Dương; 26. Thiền sư Dung chùa Sơn Bắc, Kinh Triệu; 27. Cư sĩ Đình ở Định Đào, Tào Châu.

*. Tám người từ Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây Kinh:*

28. Thiền sư Đại Hùng Mãnh; 29. Thiền sư Đại Chấn Động ở Tây Kinh; 30. Thiền sư Thần Phỉ; 31. Thiền sư Đại Bi Quang ở Tây Kinh; 32. Thiền sư Đại Ẩn ở Tây Kinh; 33. Thiền sư Định Cảnh; 34. Thiền sư Đạo Bá; 35. Thiền sư Huyền Chứng.

*. Ba người từ Thiền sư Hàng Ma Tạng:*

36. Thiền sư Tịch Mãn ở Tây Kinh; 37. Thiền sư Định Trang ở Tây Kinh; 38. Thiền sư Huệ Ấn ở Nam Nhạc.

. *Một người từ Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc:*

39. Thiền sư Thần Chiếu.

. *Ba người từ Thiền sư Tiểu Phước ở Kinh Triệu:*

40. Thiền sư Thâm Tịch ở Lam Điền, Kinh Triệu; 41. Thiền sư Nhật Một Vân núi Thái Bạch; 42. Thiền sư Pháp Siêu núi Đông Bạch.

. *Một người từ Thiền sư Quán ở Hoắc Sơn:*

43. Thiền sư U ở Hiện Sơn.

. *Bốn người từ Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu (từ Thiền sư Trí Săn):*

44. Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu; 45. Thiền sư Mã núi Trường Tùng, Ích Châu; 46. Thiền sư Siêu; 47. Thiền sư Hiếu Liễu ở Tử Châu.

. *Hai người từ Thiền sư Thần Phi ở Nghĩa Hưng (từ Thiền sư Huyền Trách):*

48. Thiền sư Trí Du ở Tây Kinh; 49. Thiền sư Trí Thâm ở Đông Đô.



(45 người trên đây không có cơ duyên ngữ cú,  
không ghi).

❖ **Đời thứ tư có bảy người:**

• Hai người là pháp tự của Thiền sư Duy Chánh chùa Hưng Thiện núi Chung Nam (Từ Thiền sư Phổ Tịch):

1. Thiền sư Định Tâm ở Hành Châu; 2. Thiền sư Chí Chơn chùa Kính Ái.

(Hai người trên đây không có cơ duyên ngữ cú,  
không ghi).

• Bốn người từ Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu (Từ Thiền sư Xử Tịch, Tư Châu):

3. Thiền sư Vô Trụ chùa Bảo Đường, Ích Châu (một người được ghi); 4. Thiền sư Dung núi Minh Nguyệt, Kinh Châu; 5. Vương Đầu đà núi Vân Đảnh, Hán Châu; 6. Thiền sư Thần Hội chùa Tịnh Chúng, Ích Châu.

• Một người từ Thiền sư Thận Huy Chuyên Giới (Từ Thiền sư Từ Lãng ở Kinh Châu):

7. Thiền sư Vũ Giới.

(Bốn người trên đây không có cơ duyên ngữ cú,  
không ghi).

❖ **Đời thứ năm có một người** là pháp tự của Thiền sư Chí Chơn chùa Kính Ái (Từ Thiền sư Duy Chánh):

1. Thiền sư Chiếu ở Tung Sơn.

(Một người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

**Pháp tự của Tổ thứ 31 Đạo Tín Đại sư gồm 180 người, ba người bên trong (nội), 76 người bàng xuất.**

❖ **Tổ tông sáu đời ở núi Ngưu Đầu, Kim Lăng được ghi:**

Đời thứ nhất: Thiền sư Pháp Dung;

Đời thứ hai: Thiền sư Trí Nham;

Đời thứ ba: Thiền sư Huệ Phương;

Đời thứ tư: Thiền sư Pháp Trì;

Đời thứ năm: Thiền sư Trí Oai;

Đời thứ sáu: Thiền sư Huệ Trung;

*Tám mươi người là pháp tự Tổ tông qua sáu đời:*

• Mười hai người bàng xuất từ Thiền sư Pháp Dung qua ba đời:

1. Thiền sư Đàm Thôi ở Chung Sơn, Kim Lăng (Một người được ghi); 2. Thiền sư Đại Tố ở Kinh Châu; 3. Thiền sư Nguyệt Không ở U Thê; 4. Thiền sư Đạo Diễn chùa Bạch Mã; 5. Thiền sư Định Trang ở Tân An; 6. Thiền sư Trí Thả ở Bành Thành; 7. Thiền sư Đạo Thọ ở Quảng Châu; 8. Thiền sư Trí Sảng ở Hồ Châu; 9. Thiền sư Đỗ Mặc ở Tân Châu; 10. Thiền sư Trí Thành ở Thượng Nguyên;

11. Thiền sư Định Chơn (Từ Thiền sư Trí Thành);

12. Thiền sư Như Độ (Từ Thiền sư Định Chơn).

(11 người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

• Tám người bìa xuất từ Thiền sư Trí Nham:

1. Thiền sư Kính Đàm ở Đông Đô; 2. Thiền sư Chí Trường ở Tương Châu; 3. Thiền sư Nghĩa Chơn ở Hồ Châu; 4. Thiền sư Đoan Phục ở Ích Châu; 5. Thiền sư Quy Nhân ở Long Quang; 6. Thiền sư Biện Tài ở Tương Dương; 7. Thiền sư Pháp Tuấn ở Hán Nam và 8. Thiền sư Mẫn Cổ ở Tây Xuyên.

(Tám người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

• Hai người bìa xuất từ Thiền sư Pháp Trì:

1. Thiền sư Huyền Tố núi Ngưu Đầu;
2. Thiền sư Hoàng Nhon ở Thiên Trụ.

(Hai người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

• Mười hai người bàng xuất từ Thiền sư Trí Oai qua ba đời:

1. Huyền Đĩnh Đại sư chùa An Quốc, Tuyên Châu;
2. Thiền sư Huyền Tố chùa Hạc Lâm, Nhuận Châu;
3. Thiền sư Sùng Huệ núi Thiên Trụ, Thư Châu;
4. Thiền sư Đạo Khâm Kính Sơn, Hàng Châu;
5. Thiền sư Đạo Lâm Diệu Khòa, Hàng Châu;
6. Thiền sư Hội Thông chùa Chiêu Hiền, Hàng Châu.

(Sáu người trên đây được ghi).

• Hai người xuất hiện từ Huyền Tố:

7. Thiền sư Đàm Ích núi Kim Hoa; 8. Thiền sư Viên Cảnh ở Ngô Môn.

• Ba người xuất hiện từ Đạo Khâm:

9. Thiền sư Ngô núi Mộc Chử; 10. Thiền sư Quảng Phu ở Thanh Dương; 11. Thiền sư Sùng Huệ núi Côn Tử, Hàng Châu.

• Một người xuất hiện từ Đạo Lâm:

12. Thiền sư Bảo Quán ở Linh Nham.

(Sáu người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

• Ba mươi sáu người bằg xuất từ Thiền sư Huệ Trung qua hai đời:

1. Thiền sư Duy Tắc hang Phật Quật núi Thiên Thai; 2. Thiền sư Vân Cư Trí núi Thiên Thai (Bằg xuất từ Thiền sư Duy Tắc, Thiên Thai);

(Hai người trên đợc ghi).

3. Thiền sư Đạo Tánh núi Ngưu Đâu; 4. Thiền sư Trí Đăng ở Giang Ninh; 5. Thiền sư Hoài Tín ở Giải Huyền ; 6. Thiền sư Toàn chùa Hạc Lâm; 7. Thiền sư Hoài Cổ ở Bắc Sơn; 8. Thiền sư Quán Tông ở Minh Châu; 9. Thiền sư Đại Trí núi Ngưu Đâu; 10. Thiền sư Thiện Đạo chùa Bạch Mã; 11. Thiền sư Trí Chơn núi Ngưu Đâu; 12. Thiền sư Đàm Ngung núi Ngưu Đâu; 13. Thiền sư Vân Thao núi Ngưu Đâu; 14. Thiền sư Ngưng núi Ngưu Đâu; 15. Thiền sư Pháp Lương núi Ngưu Đâu; 16. Thiền sư Hành Ứng ở Giang Ninh; 17. Thiền sư Huệ Lương núi Ngưu Đâu; 18. Thiền sư Đạo Dung ở Hưng Thiện; 19. Thiền sư Chiếu Minh ở Tưởng Sơn; 20. Thiền sư Pháp Đăng núi Ngưu Đâu; 21. Thiền sư

Định Không núi Ngưu Đầu; 22. Thiền sư Huệ Thiệp núi Ngưu Đầu; 23. Thiền sư Đạo Ngộ ở U Thê; 24. Thiền sư Ngưng Không núi Ngưu Đầu; 25. Thiền sư Đạo Sơ ở Tưởng Sơn; 26. Thiền sư Tạng ở U Thê; 27. Thiền sư Linh Huy núi Ngưu Đầu; 28. Thiền sư Đạo Dĩnh ở U Thê; 29. Thiền sư Cự Anh núi Ngưu Đầu; 30. Thiền sư Pháp Thường ở Thích Sơn; 31. Thiền sư Ngưng Tịch ở Long Môn; 32. Thiền sư Viễn chùa Trang Nghiêm; 33. Thiền sư Đạo Kiên ở Tương Châu; 34. Ni Minh Ngộ; 35. Cư sĩ Ân Tịnh Kỷ;

Một người từ Huệ Thiệp: 36. Thiền sư Thanh Nguyên chùa Thê Hà, Nhuận Châu.

(34 người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

❖ **Tổ thứ 32 HOÀNG NHÃN ĐẠI SƯ, qua năm đời bần xuất 107 người.**

❖ **Đời thứ nhất có 13 người:**

1. Thiền sư Thần Tú Bắc Tông; 2. Quốc Sư Huệ An núi Tung Nhạc; 3. Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn, Viên Châu;

(Ba người trên được ghi)

4. Thiền sư Đàm Quang chùa Phụng Pháp, Dương Châu; 5. Thiền sư Thần Tháo, Tỳ Châu; 6. Thiền sư Pháp Trì, Kim Châu; 7. Thiền sư Trí Săn, Tư Châu; 8. Thiền sư Pháp Chiếu, Thư Châu; 9. Thiền sư Nghĩa Phương, Việt Châu; 10. Thiền sư Đạo Tuấn, Chi Giang; 11. Thiền sư Huyền Trách, Thường Châu; 12. Thiền sư Tăng Đạt, Việt Châu; 13. Lưu chủ bạ, núi Bạch Tùng.

(10 người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

✧ **Đời thứ hai có 37 người:**

• 19 người là pháp tự Thiền sư Thần Tú Bắc Tông:

1. Thiền sư Cự Phương, Ngũ Đài Sơn; 2. Thiền sư Trí Phong núi Trung Điều, phủ Hà Trung; 3. Thiền sư Hàng Ma Tạng, Duyện Châu; 4. Thiền sư Đạo Thọ ở Thọ Châu; 5. Thiền sư Toàn Thực núi Đô Lương, Hoài Nam;

(Năm người trên đây được ghi)

6. Thiền sư Từ Lãng, Kinh Châu; 7. Thiền sư Phổ Tịch, Tung Sơn; 8. Thiền sư Hương Dục núi Đại Phật; 9. Thiền sư Nghĩa Phước, Tây Kinh; 10. Thiền sư Hốt Lôì Trùng; 11. Thiền sư Nhật, Đông Kinh;

12. Thiền sư Biến Tịnh, Thái Nguyên; 13. Thiền sư Nguyên Quán, Nam Nhạc; 14. Thiền sư Đỗ, Nhữ Nam; 15. Thiền sư Kính ở Tung Sơn; 16. Thiền sư Tiểu Phước ở Kinh Triệu; 17. Thiền sư Quán ở Hoắc Sơn, Tấn Châu; 18. Thiền sư Sùng Khuê ở Mao Sơn, Nhuận Châu; 19 Thiền sư Hoài Không ở An Lục .

(14 người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

- 18 người là pháp tự Quốc Sư Huệ An, TungNhạc.

1. Thiền sư Nhân Kiệm chùa Phước Tiên, Lạc Kinh;

2. Hòa thượng Phá Táo Đọa, Tung Nhạc;

3. Thiền sư Nguyên Khuê, Tung Nhạc;

(Ba người trên được ghi)

4. Thiền sư Thản Nhiên, Thường Sơn; 5. Thiền sư Viên Tịch, Nghiệp Đô; 6. Thiền sư Đạo Lượng, Tây Kinh.

- 5 người xuất hiện từ Đạo Lượng:

7. Lý Hiếu Dật, Đại tổng quản Dương Châu;
8. Trương Tích, Thượng thư Bộ công ; 9. Thôi Dung,



Tế tửu Quốc Tử Giám; 10. Hạ Tri Chương, Bí thư giám; 11. Khang Săn, thứ sử Mục Châu.

• Một người xuất hiện từ Thiên sư Thần Tháo, Tỳ Châu:

12. Thiên sư Chánh Thọ.

• Ba người xuất hiện từ Thiên sư Đạo Minh, Mông Sơn:

13. Thiên sư Sùng Tịch, Hồng Châu; 14. Thiên sư Khôi ở Giang Tây; 15. Thiên sư Thần Trinh, Phủ Châu.

• Một người xuất hiện từ Thiên sư Trí Săn, Tư Châu: 16. Thiên sư Xử Tịch ở Tư Châu.

• Hai người xuất hiện từ Thiên sư Huyền Trách, Thường Châu: 17. Thiên sư Thần Phi, Nghĩa Hưng; 18. Thiên sư Sướng, Hồ Châu.

(15 người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

✧ **Đời thứ ba có 49 người:**

• Ba người là pháp tự Thiên sư Từ Lãng, Kinh Châu:

1. Thiền sư Huyền Tông ở Tử Kim; 2. Thiền sư Thường núi Đại Mai, Minh Châu; 3. Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới.

(Ba người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

• 46 người là pháp tự Thiền sư Phổ Tịch, Tung Sơn.

4. Thiền sư Duy Chánh núi Chung nam (Một người được ghi); 5. Thiền sư Huệ Không chùa Quảng Phước; 6. Thiền sư Thường Việt; 7. Thiền sư Tư núi Giáp Thạch, Tương Châu; 8. Thiền sư Minh Toản; 9. Thiền sư Chơn chùa Kính Ái; 10. Thiền sư Thủ Hiền, Duyệt Châu; 11. Thiền sư Thạch Tạng, Định Châu; 12. Thiền sư Trường Tâm ở Nam Nhạc; 13. Thiền sư Nhật Chiếu ở Nam Nhạc; 14. Thiền sư Cán chùa Đồng Đức, Lạc Kinh; 15. Thiền sư Chơn Lượng ở Tô Châu; 16. Thiền sư Tuấn (hay Tuyên ?) chùa Ngõa Quan; 17. Thiền sư Pháp Dung ở Đặc Dương; 18. Thiền sư Diễn ở Quảng Lăng; 19. Thiền sư Huệ Không ở Thiểm Châu; 20. Thiền sư Chơn Lượng ở Lạc Kinh; 21. Thiền sư Tuyên Nguyệt ở Trạch Châu; 22. Thiền sư Đàm Chơn ở Bạc Châu; 23. Thiền sư Sùng Diễn núi Đô Lương; 24. Thiền sư Trường chùa Chương Kính, Kinh Triệu; 25. Thiền sư

Nhất Hạnh chùa Tung Dương; 26. Thiền sư Dung chùa Sơn Bắc, Kinh Triệu; 27. Cư sĩ Đình ở Đình Đào, Tào Châu.

• Tám người từ Thiền sư Nghĩa Phước, Tây Kinh:

28. Thiền sư Đại Hùng Mãnh; 29. Thiền sư Đại Chấn Động, Tây Kinh; 30. Thiền sư Thân Phỉ; 31. Thiền sư Đại Bi Quang, Tây Kinh; 32. Thiền sư Đại Ân, Tây Kinh; 33. Thiền sư Định Cảnh; 34. Thiền sư Đạo Bá; 35. Thiền sư Huyền Chứng.

• Ba người từ Thiền sư Hàng Ma Tạng:

36. Thiền sư Tịch Mãn ở Tây Kinh; 37. Thiền sư Định Trang ở Tây Kinh; 38. Thiền sư Huệ Ân ở Nam Nhạc.

• Một người từ Thiền sư Nguyên Quán, Nam Nhạc:

39. Thiền sư Thân Chiếu.

. Ba người từ Thiền sư Tiểu Phước:

40. Thiền sư Thâm Tịch ở Lam Điền, Kinh Triệu; 41. Thiền sư Nhật Một Vân núi Thái Bạch; 42. Thiền sư Pháp Siêu núi Đông Bạch.

• Một người từ Thiền sư Quán, Hoắc Sơn:

43. Thiền sư U ở Hiện Sơn.

- Bốn người từ Thiền sư Xử Tịch, Tư Châu:

44. Thiền sư Vô Tướng, Ích Châu; 45. Thiền sư Mã núi Trường Tùng, Ích Châu; 46. Thiền sư Siêu; 47. Thiền sư Hiếu Liễu, Tử Châu.

- Hai người từ Thiền sư Thần Phi, Nghĩa Hưng:

48. Thiền sư Trí Du ở Tây Kinh; 49. Thiền sư Trí Thâm, Đông Đô.

(45 người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

**❖ Đời thứ tư có 7 người:**

- Hai người là pháp tự Thiền sư Duy Chánh, Hưng Thiện:

1. Thiền sư Định Tâm, Hành Châu; 2. Thiền sư Chí Chơn chùa Kính Ái.

(Hai người trên không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

- Năm người là pháp tự Thiền sư Vô Tướng, Ích Châu:

3. Thiền sư Vô Trụ chùa Bảo Đường, Ích Châu (một người được ghi); 4. Thiền sư Dung núi Minh Nguyệt, Kinh Châu; 5. Vương Đầu đà núi Vân Đỉnh, Hán Châu; 6. Thiền sư Thần Hội chùa Tịnh Chúng, Ích Châu.

• Một người từ Thiền sư Thận Huy, Chuyên Giới:

7. Thiền sư Vũ Giới.

(Bốn người trên không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

• **Đời thứ năm có một người** là pháp tự của Thiền sư Chí Chơn chùa Kính Ái:

1. Thiền sư Chiếu ở Tung Sơn.

(Không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

# NHỮNG PHÁP TỰ BÀNG XUẤT TỪ TỔ THỨ 31 ĐẠO TÍN ĐẠI SƯ

## TỔ TÔNG SÁU ĐỜI Ở NÚI NGƯU ĐẦU, KIM LĂNG

### **Đời thứ nhất: THIÊN SƯ PHÁP DUNG.**

Người Duyên Lăng, Nhuận Châu, họ Vi. Năm mười chín tuổi học thông kinh sử, tâm xem bộ Đại bát nhã hiểu thấu lý chơn không. Một hôm chợt than “Nho đạo, sách thế tục chẳng phải pháp cứu cánh, chánh quán Bát nhã là thuyền vượt biển thế gian”.

Rồi ẩn ở Mao Sơn, nương thầy xuất gia. Sau nhập thạch thất trong hang đá phía bắc chùa U Thê núi Ngưu Đầu, có điềm lạ trăm loài chim ngậm hoa đem đến.

Nhà Đường vào năm Trinh Quán (627-649 – Đường Thái Tông), Tứ Tổ từ xa trông thấy khí tượng biết núi ấy có người phi thường. Tổ bèn đích thân tìm đến, hỏi thăm tăng trong chùa xem ở đây có đạo nhân chăng?

Có tăng đáp:

- Kẻ xuất gia thì người nào chẳng là đạo nhân?

Tổ hỏi:

- Ai là đạo nhân?

Tăng ấy không đáp được. Vị tăng khác nói:

- Trong núi cách đây khoảng mười dặm, có một người tên Dung lưỡi biếng, gặp người chẳng đứng dậy cũng không chấp tay chào. Có lẽ người đó là đạo nhân chẳng?

Tổ bèn vào núi gặp Sư, thấy Sư ngồi ngay ngắn tự mình như không có gì phải để mắt đến. Tổ hỏi:

- Ở đây làm gì?

Sư đáp:

- Quán tâm.

Tổ hỏi:

- Quán là ai quán? Tâm là vật nào?

Sư không đáp được, liền đứng dậy làm lễ.

Sư hỏi:

- Cao nhân đại đức cư trú ở đâu?

Tổ đáp:

- Bần đạo không có chỗ ở nhất định, khi đây khi kia.

Sư hỏi:

- Có biết Thiên sư Đạo Tín chăng?

Tổ hỏi:

- Vì sao lại hỏi người ấy?

Sư đáp:

- Từ lâu ngưỡng mộ đức hạnh, mong một lần được lễ ra mắt.

Đáp:

- Thiên sư Đạo Tín chính là bần đạo đây.

Sư hỏi:

- Tại sao Ngài đoái thương mà đến đây?

Tổ nói:

- Đặc biệt để thăm hỏi nhau. Đây không còn chỗ nào để nghỉ ngơi ư?

Sư chỉ phía sau, nói:

- Chỉ có cái am nhỏ đó thôi.

Sư bèn dẫn Tổ đến tại am, quanh am chỉ thấy loài cọp sói. Tổ bèn giơ hai tay lên làm ra vẻ sợ hãi.



Sư hỏi:

- Còn có cái đó ư?

Tổ hỏi lại:

- Vừa rồi thấy cái gì?

Sư không đáp được. Sau giây lát, Tổ lại viết một chữ Phật trên tấm đá ngay chỗ Sư ngồi thiền.

Sư thấy vậy ra vẻ sợ hãi, Tổ hỏi:

- Còn có cái đó ư?

Sư chưa hiểu rõ bèn kính lạy, xin Tổ nói cho nghe yếu chỉ chơn thật.

Tổ nói:

- Phàm trăm ngàn pháp môn đều quy về tác vuông (tâm), diệu đức như hà sa đều ở nguồn tâm. Tất cả giới môn định môn huệ môn và thần thông biến hóa vốn đầy đủ chẳng lìa tâm ông, tất cả nghiệp chướng phiền não xưa nay vốn không tịch, tất cả nhân quả đều như mộng huyễn, không có tam giới để ra khỏi, không có bồ đề để cầu. Tánh của nhân và phi nhân bình đẳng nhau, đại đạo trống không tuyệt tư tuyệt lự.

Ông nay đã được pháp như thế, hoàn toàn không có thiếu sót, không còn pháp nào khác nữa, cùng

Phật có khác gì? Ông chỉ cần đảm đương tâm tự tại ấy, chớ làm quán hạnh cũng đừng trừng tâm, thì không có ai khởi tham sân không có gì mang sầu lo, thân thang vô ngại mặc ý tung hoành. Chẳng làm các việc thiện chẳng làm các việc ác, đi đứng nằm ngồi chạm mắt gặp duyên đều là diệu dụng khoái lạc vô ưu của Phật. Thế nên gọi là Phật.

Sư hỏi:

- Tâm đã đầy đủ thì ai là Phật, cái gì là tâm?

Tổ đáp:

- Chẳng phải tâm chẳng có hỏi Phật, đã hỏi Phật đâu phải là không tâm.

Sư hỏi:

- Đã chẳng cho làm quán hạnh, khi đối cảnh khởi tâm làm sao đối trị?

Tổ đáp:

- Cảnh duyên tự không có tốt xấu, tốt xấu do tâm sanh. Nếu tâm chẳng chịu theo danh thì vọng tình do đâu mà khởi? Vọng tình đã chẳng khởi thì chơn tâm mặc tình biết cùng khắp. Ông chỉ cần tùy theo tâm tự tại mà không cần đối trị nữa thì gọi là pháp thân thường trụ, không có biến dị.

Ta nhận pháp môn đốn giáo từ Tăng Xán Đại sư, nay trao cho ông. Nay ông nhận đúng lời ta, chỉ ở tại núi này, về sau sẽ có năm người đạt lý kế thừa ông giáo hóa huyền môn.

(Ngài Khuê Phong nhận xét: “Làm tiêu mất tông vô ký, bỏ đi giáo tướng mà ấn chứng cho”).

Có tăng hỏi Nam Tuyền:

- Khi Ngưu Đầu chưa gặp Tứ Tổ, vì sao chim thú mang hoa đến cúng dường?

Nam Tuyền đáp:

- Bởi vì từng bước đạp lên bậc thang Phật.

Động Sơn đáp:

- Như xem châu trong bàn tay, ý không tạm rời.

Tăng hỏi:

- Sau khi Ngưu Đầu gặp Tứ Tổ, vì sao chim thú chẳng đến?

Nam Tuyền đáp:

- Dù không đến, còn một tuyến đường tương đối với Vương Lão sư.

Động Sơn đáp:

- Thân đã thông suốt rồi<sup>(54)</sup>.

Lại có một vị tôn túc đáp chung cho hai câu hỏi trước:

- Giặc không đánh nhà của kẻ nghèo.

Tăng hỏi một lão túc:

- Khi Ngưu Đầu chưa gặp Tứ Tổ thì thế nào?

Đáp:

- Như lá liền cành.

Tăng hỏi:

- Gặp rồi thì thế nào?

Đáp:

- Đêm thu lá rơi lả tả.

Lại có tăng hỏi thiền sư Tiềm ở Vĩnh Minh, Ngô Việt:

- Khi Ngưu Đầu chưa gặp Tứ Tổ thì thế nào?

---

<sup>(54)</sup> Ngài là tâm chơn thật tự tại thì ngũ uẩn (ngã) trống không, chim thú biết đâu mà tìm để cúng dường.

Tiền đáp:

- Ngưu Đầu.

Tăng hỏi:

- Gặp rồi thì thế nào?

Tiền đáp:

- Ngưu Đầu.

Các nơi nêu đáp đề tài này rất nhiều, không thể chép hết).

Tổ truyền pháp rồi trở lại núi Song Phong sống đến hết tuổi già, từ đó pháp tịch Sư rất thanh. Trong năm Vĩnh Huy (650 – 656 - Đường Cao Tông), đồ chúng thiếu lương thực, Sư đi Đan Dương tùy duyên giáo hóa, cách núi Ngưu Đầu 80 dặm tự thân gánh gạo một thạch tám đấu, sáng đi chiều về cung cấp cho ba trăm tăng, ngày hai thời đi về suốt ba năm không nghỉ.

Áp tế (huyện trưởng) Tiêu Nguyên Thiện thỉnh Sư đến chùa Kiến Sơ giảng Kinh Đại Bát nhã, thỉnh giả đông đúc. Sư giảng đến phẩm Diệt Tĩnh, trái đất chấn động, Sư báo chúng đã giảng xong trở về núi.

\*

\*

\*

Bác Lăng vương hỏi Sư:

- Khi nương sắc tướng cảnh sanh khởi mà không nói do sắc tướng cảnh sanh khởi, nếu muốn dứt sự sanh khởi ấy phải làm sao biết được duyên khởi?

Sư đáp:

Khi cảnh sắc mới hiện,  
Cảnh sắc đều tánh không.  
Vốn không ai biết duyên,  
Tâm lượng và tri đồng<sup>(55)</sup>.  
Chiếu vốn hiện chẳng hiện,  
Khi ấy khởi tự dứt.  
Giữ mê sanh giác duyên<sup>(56)</sup>.  
Tâm thì chẳng theo duyên  
Đến như trước khi sanh,  
Chẳng dưỡng nuôi tâm sắc.

---

<sup>(55)</sup> Tâm lượng: Tâm vọng tưởng, duyên theo cảnh sắc khởi phân biệt, có năng duyên sở duyên, còn gọi là tâm phan duyên.

Tri: Tâm chơn thật như như bất động, chẳng theo duyên hay chiếu soi.

Vọng và chơn bất nhị, đồng nhất thể.

<sup>(56)</sup> Giác duyên: Tâm phan duyên, tâm tâm sở nương theo duyên cảnh sắc sanh hiểu biết, tâm vọng của phàm phu.

Từ không vốn vô niệm,  
Tưởng thọ gọi niệm sanh.  
Khởi, pháp chưa từng khởi,  
Đâu cần Phật dạy bảo.

---

Hỏi:

Nhắm mắt không thấy sắc,  
Cảnh lự mới là nhiều.  
Đã chẳng quan tâm sắc,  
Cảnh từ chỗ nào hiện?

Sư đáp:

Nhắm mắt không thấy sắc,  
Trong tâm động lự nhiều.  
Huyền thức mượn làm dụng,  
Danh sanh mãi chẳng qua.  
Biết sắc chẳng quan tâm,  
Tâm cũng chẳng có người.

Tùy hành có chuyển tướng<sup>(57)</sup>,  
Chim bay trong thật không.

Hỏi:

Cảnh hiện không nơi chốn,  
Vì giác\* hiểu biết sanh.  
Cảnh lui giác lại chuyển,  
Giác còn biến làm cảnh.  
Nếu đem tâm dặt tâm,  
Lại là giác sở giác.  
Theo đó mà có nhau,  
Đâu qua bờ sanh diệt?

Sư đáp:

Tâm sắc trước sau giữa,  
Thật không cảnh duyên khởi.  
Chăm chú lúc niệm quên,  
Ai hay kể động tịnh?

---

<sup>(57)</sup> Hành: Tâm hành, tâm thức sanh diệt. Ngay nơi tâm hành, dùng cái biết sẵn có bất sanh bất diệt chiếu soi nó. Đó gọi là chuyển tướng, chuyển thức thành trí, vọng như hoa đóm trong hư không.

\* Giác: Hay biết, cảm giác, lập năng sở thuộc về vọng.



Biết ấy tự vô tri,  
Biết, biết duyên không gặp<sup>(58)</sup>.  
Nên tự kiểm thân mình,  
Đâu cần cầu bên ngoài?  
Trước cảnh không mất đi,  
Sau niệm nay chẳng đến.  
Tìm trăng chấp bóng mờ,  
Bàn vết đuổi chim bay.  
Muốn biết tâm bốn tánh,  
Lại như thấy trong mộng.  
Ví như băng tháng sáu,  
Nơi nơi đều giống nhau.  
Lánh không trọn chẳng khỏi,  
Tìm không lại chẳng thành.  
Thử hỏi bóng trong gương,  
Tâm sanh từ chỗ nào?

---

<sup>(58)</sup> Biết: Biết vô tri, chơn tri. Biết duyên: Biết lập tri, vọng tri. Vọng tri không ngoài chơn tri mà không ô nhiễm chơn tri được.

Hỏi:

Khi dụng tâm chính đáng,  
Làm sao an ổn được?

Sư đáp:

Khi dụng tâm chính đáng,  
Chính đáng vô tâm dụng.  
Bàn quanh danh tướng nhọc,  
Nói thẳng không chi nhiều.  
Vô tâm dụng chính đáng,  
Thường dụng chính đáng vô.  
Nay nói chỗ vô tâm,  
Chẳng khác với hữu tâm<sup>(59)</sup>.

---

Hỏi:

Người trí dẫn lời diệu,  
Với tâm phù hợp nhau.

---

<sup>(59)</sup> Vô tâm: Cái biết thường hằng ngay nơi vọng tâm (hữu tâm), tự ta bỏ quên nó theo vọng tâm.

Lời với tâm khác đường,  
Gặp nhau trái muôn phần?

Sư đáp:

Phương tiện nói lời diệu,  
Đạo đại thừa trị bệnh.  
Bàn chẳng nhằm bản tánh,  
Từ không lại tạo tác.  
Vô niệm là chơn thường,  
Mãi sẽ bật đường tâm.  
Tánh bất động lia niệm,  
Sanh diệt mà không lằm.  
Hang vang đã có tiếng,  
Bóng gương hay nhìn lại.

---

Hỏi:

Hành giả có cảnh ngộ,  
Nhân giác biết cảnh mất.  
Giác trước với giác sau,  
Và cảnh thành ba tâm?

Sư đáp:

Cảnh vì quên thể giác,  
Giác xong đừng suy nghĩ.  
Nhờ giác biết cảnh mất,  
Khi giác cảnh chẳng khởi.  
Giác trước với giác sau  
Và cảnh ba trì trệ.

---

Hỏi:

Trụ định hoài không đổi,  
Cho là chánh tam muội,  
Các nghiệp không thể lồi.  
Chẳng biết vô minh tế<sup>(\*)</sup>,  
Thong thả bước đằng sau.

Sư đáp:

Lại nghe có người khác,  
Chấp không, khởi tâm vọng.  
Trong ba, việc bất thành,  
Không chuyển còn hư vọng.

Tâm chánh lại chịu phước,  
Làm thế tịnh nghiệp chướng.  
Tâm trần một trong muôn<sup>(60)</sup>  
Chẳng liễu gọi vô minh.  
Nhỏ nhiệm tập nhân khởi,  
Từ từ danh tướng sanh.  
Gió đến sóng mời dậy,  
Muốn yên, nước lặng ngay.  
Còn muốn nói tiền đồ,  
Chỉ ngại sợ tâm sau.  
Vô niệm đại thú rỗng,  
Tánh không thắng sương đá.  
Sao tan cỏ dại tàn,  
Chim bay ngang dọc rơi.  
Năm đường thôi rồi rắm,  
Tứ ma trước chẳng còn<sup>(61)</sup>.

---

\* Tế: Vi tế

<sup>(60)</sup> Tâm là chủ, chỉ có một; trần là khách có rất nhiều (muôn).

<sup>(61)</sup> Năm đường (Ngũ đạo, ngũ thú): Năm đường luân hồi sanh tử của hữu tình. Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên.

Đã như thế lửa lan,  
Cũng như gươm bén chặt.

---

Hỏi:

Nhờ giác biết muôn pháp,  
Muôn pháp xưa nay như.  
Nếu mượn tâm chiếu dụng,  
Chỉ được tâm chiếu dụng,  
Chẳng nên tâm có việc.

Sư đáp:

Nhờ giác biết muôn pháp,  
Muôn pháp không chỗ tựa.  
Nếu mượn tâm chiếu dụng,  
Nên không ở ngoài tâm.

Hỏi:

Thuận thuận không phân biệt,  
Minh tâm chẳng hiện tiền.

---

Tứ ma: Bốn loại ma đoạt lấy thân mạng và huệ mạng của người. Đó là ma ngũ uẩn, ma phiền não, ma chết, thiên ma (ma vương).

---

Còn lo, tâm mờ tối.  
Nơi tâm hành dụng công,  
Trí chướng lại khó trừ.

Sư đáp:

Có đó không thể có,  
Tìm đó không thể tìm.  
Không chọn tức chọn đúng,  
Ra được tối, minh tâm.  
Lo toan tâm mờ tối,  
Còn tâm để dụng công.  
Bàn gì nạn trí chướng?  
Đến Phật, còn là bệnh.

---

Hỏi:

Chiết trung tin tức xa,  
Thật cũng khó vấn an.  
Tự chẳng cần người đi,  
Khó đó, trọn khó gặp.

Sư đáp:

Cần tin tức chiết trung, tin tức không khó dễ.  
Trước quán tâm nơi tâm, kế tìm trí trong trí.  
Thứ ba chiếu kẻ tìm, thứ tư thông vô ký.  
Thứ năm giải thoát danh, thứ sáu chơn giả đồng.  
Thứ bảy biết pháp bốn, thứ tám vô vi từ.  
Thứ chín toàn uẩn không, thứ mười ân trạch bủa.  
Hết sạch vô giác kia, vô minh sanh bốn trí.  
Tam nghiệp bóng trong gương, người huyễn dạy  
ngã tư.  
Chẳng trụ, hết bờ không; đang chiếu vô trong hữu.  
Chẳng ngoài không trong hữu, khỏi bảo không  
hữu đồng.  
Gọi đó là chiết trung, chiết trung phi ngôn thuyết.  
Vấn an, không chỗ an; còn đi sao đến được?

---

Hỏi:

Riêng có một hạng người, khéo giải không vô tướng.  
Nói “Định loạn là một, lại nói vô trong hữu.



Dụng thường tịch chứng (hữu vô) đồng, thường  
dụng bất tri giác”.

Dụng tâm hội chơn lý, rồi nói dụng không (chỗ)  
dụng.

Trí tuệ phương tiện nhiều, lời nói và lý hợp,

Lý như như tự như, không do thức tâm hội.

Đã biết tâm hội sai, tâm tâm lại đoạt nhau.

Pháp như thế khó biết, vĩnh kiếp không thể biết.

Pháp ấy không dạy được, người (muốn) dụng  
tâm như thế.

Sư đáp:

Riêng có người chứng không, như kệ trước nói bàn.

Hành không thủ tịch diệt, tạm thời thức được  
chuyển.

Biết chơn là tâm lượng (vọng), rõ thấy chưa liễu  
nguồn.

Lại nói dụng dừng tâm, đa trí ngại tương tự.

Thật bởi chẳng rõ tánh, cầu không còn nhọc mình.

Vĩnh kiếp trụ thức mê, ôm tướng đều chẳng biết.

Phóng quang liền động địa, bờ kia định làm gì?

Hỏi:

Đối trước việc, người khán tâm lại gặp trở ngại, còn bị lớp tơ lụa ngăn?

Sư đáp:

Khán tâm gặp trở ngại,  
Tâm huyễn ai cần khán?  
Huống việc không, tâm huyễn,  
Thong dong khó buông lời.

---

Hỏi:

Đại cơ nghiệp có lâu,  
Đường tâm còn cách trở.  
Giác được chướng vi tế,  
Thì đạt đến bờ chơn.  
Tự không thấy thiện xấu,  
Không thể định lý này.  
Kính vâng đại sư ta,  
Sẽ vì mở yếu môn.  
Dẫn dắt kẻ dụng tâm,

Đừng cho mất chánh đạo.

Sư đáp:

Pháp tánh vốn cơ nghiệp,  
Cảnh mộng thành trái nhau.  
Thật tướng, thân vi tế,  
Sắc tâm, thường chẳng ngộ.  
Bỗng gặp thầy hỗn độn,  
Thương giận lo chúng sanh.  
Mượn nghi bày rộng hỏi,  
Giữ lý, trong thường sáng.  
Dứt thẳng mê sanh tử,  
Khen chê tâm chẳng sợ.  
Lão quê đáp rành rọt,  
Pháp tướng, thẹn đến thân.  
Được phát thuốc quần sanh,  
Vẫn còn là tánh sắc.

Năm Hiên Khánh nguyên niên (656 – Đường Cao Tông), quan Ấp Tế Tiêu Nguyên Thiện thỉnh sư xuống núi trụ chùa Kiến sơ. Sư từ chối không được,

bền sai gọi đệ tử nhập thất thượng thủ Trí Nham đến, truyền pháp ấn cho và dặn lần lượt truyền trao.

Sắp xuống núi, Sư bảo chúng:

- Ta không còn đặt chân trở lại núi này nữa.

Bấy giờ chim thú cất tiếng bi thương, hơn một tháng chưa thôi. Trước am Sư có bốn cây ngô đồng cao lớn, vào tháng đang hạ (tháng 5 âm lịch) bỗng lá tự héo rụng. Năm sau ngày 23 tháng giêng năm đinh tị 657, Sư tịch ở chùa Kiến Sơ, thọ 64 tuổi, tuổi lập 41. Ngày 27 an táng ở núi Kê Lung, số người tiễn đưa Sư trên vạn người.

Chỗ ở trước của Sư trên núi Ngưu Đầu, có các suối Kim Nguyên, Hồ Bào, suối Tích Trượng, ao Kim Quy vv..., thạch thất Sư thường tọa thiền nay (1004) đều còn ở đó.

### **Đời thứ hai: THIÊN SƯ TRÍ NHAM**

Người Khúc A, họ Hoa. Vào khoảng tuổi 20 mà dừng khí hơn người, thân cao 7 thước 6 tấc (Tàu). Nhà Tùy trong những năm Đại Nghiệp (605 – 617 – Tùy Dạng đế), làm Lang tướng, thường mang cây cung mắc một cái túi đựng nước lọc, tùy chỗ đi đến mà đem dùng, từng theo đại tướng đánh giặc lập nhiều chiến công.

Vào năm Vũ Đức (618 -626 – Đường Cao Tổ), bốn mươi tuổi mới xin xuất gia ở núi Hoàn Công, Thư Châu, theo làm đệ tử thiền sư Bảo Nguyệt. Về sau, một hôm đang an tọa thấy dị tăng thân cao hơn một trượng, thân thái sáng sủa cất lên từ khí trong veo, nói với Sư: “Khanh 80 đời xuất gia, nên tinh tấn hơn”. Nói xong biến mất.

Sư thường nhập định trong cốc. Có lần nước trên núi đổ xuống tràn ngập mênh mông mà Sư điềm nhiên bất động, rồi nước tự rút lui. Có những thợ săn gặp Sư, nhờ đó họ ăn năn tu thiện. Lại có hai người xưa cùng tòng quân, nghe Sư ở ẩn tránh đời bèn cùng nhau vào núi tìm gặp, rồi nhân đó hỏi Sư.

- Vì sao ở đây? Lang tướng có điên không?

Đáp:

- Ta điên sắp tỉnh còn các ông điên đang phát triển. Phàm háo sắc, thanh âm bất chánh, tham vinh hoa cậy sủng ái thì bị sanh tử lưu chuyển, làm sao tự ra khỏi?

Hai người cảm ngộ khen hay rồi bỏ đi.

Năm Trinh Quán thứ 17 (643 – Đường Thái Tông), Sư trở về Kiến Nghiệp vào núi Ngưu Đầu

tham yết thiền sư Pháp Dung phát minh đại sự.  
Thiền sư Dung dạy:

- Ta nhận bí pháp chơn truyền từ Đạo Tín Đại sư, các sở đắc đều tiêu vong, giả sử có một pháp hơn cả niết bàn, ta cũng nói như mộng huyễn. Phàm một mảy trần dấy lên mà trời bị mờ, một hạt cải rơi mà đất bị che.

Ông nay đã vượt qua cái thấy này, ta còn nói gì nữa. Việc hóa đạo ở sơn môn nay trao cho ông.

Sư vâng mệnh kế thừa đời thứ hai, sau đem chánh pháp trao cho thiền sư Phương. Sư trụ ở hai chùa Bạch Mã và Thê Huyền, lại dời chỗ đến ở thành Thạch Đầu. Năm Nghi Phụng thứ hai (677 – Đường Cao Tông), ngày 10 tháng giêng thị hiện nhập diệt, nhan sắc không đổi tứ chi co duỗi như còn sống, trong thất có mùi hương lạ đến mười ngày chưa hết. Di ngôn thủy táng, thọ 78 tuổi, tuổi lập 39.

---

• **Đời thứ ba: THIÊN SƯ HUỆ PHƯƠNG**

Người Duyên Lăng, Nhuận Châu, họ Bộc. Xuất gia ở chùa Khai Thiện rồi thọ giới cụ túc, thông suốt kinh luận.

VỀ sau vào núi Ngưu Đầu tham yết thiền sư Trí Nham thưa hỏi chỗ bí yếu. Nham xem biết căn khí Sư kham nhận chánh pháp, bèn đem tâm ấn khai thị, Sư hoát nhiên lãnh ngộ, từ đó chẳng rời chỗ ở núi rừng gần quá mười năm. Học giả bốn phương tụ tập đông đúc, một ngày kia Sư bảo chúng:

- Ta sắp đi chỗ khác tùy duyên lợi vật, các ông nên tự an.

Rồi đem chánh pháp trao cho thiền sư Pháp Trì. Sau trở lại Mao Sơn được số năm, định diệt độ thì gặp khoảng 500 người búi tóc buông thòng phía sau giống như BỒ tát, mỗi người cầm phướn kết hoa, nói:

- Mời pháp sư giảng.

Lại cảm đến sơn thần biến hiện thân rắn lớn đến trước sân như muốn khóc từ ly.

Sư bảo thị giả Hồng Đạo:

- Ta đi thôi! Ông báo cho các môn nhân giúp ta.

Khi các môn nhân vội vã đến thì Sư đã nhập diệt. Bấy giờ nhằm năm Thiên Sách nguyên niên 759<sup>(62)</sup>,

---

<sup>62</sup> Năm 759, Sử Tư Minh chiếm ngôi nhà Đường, lập nhà Đại Yên, lấy niên hiệu Thiên Sách nguyên niên.

ngày mừng một tháng tám. Núi rừng biến màu tang trắng, suối khe rẽ ngang mà qua đến bảy ngày, người đạo kẻ tục thương mến tiếng động vang đến thung lũng xa. Sư thọ 67 tuổi, tuổi lập 40.

---

• **Đời thứ tư: THIÊN SƯ PHÁP TRÌ**

Người Giang Ninh, Nhuận Châu, họ Trương. Xuất gia từ nhỏ, năm 30 tuổi đến dưới tòa Hoàng Nhãn Đại sư ở huyện Hoàng Mai, nghe pháp tâm khai mở. Sau gặp lại thiên sư Huệ Phương được ấn khả rồi kế thừa dẫn dắt sơn môn, làm Tổ tông Ngưu Đầu.

Khi Tổ Hoàng Mai sắp tạ thế, có nói với đệ tử Huyền Trách “Về sau có khoảng mười người truyền pháp ta, Pháp Trì ở Kim Lăng là một trong mười người đó”.

Sau Sư đem pháp nhãn trao lại cho thiên sư Trí Oai. Vào năm Trường An thứ hai (702 – Đường Vũ hậu), ngày 5 tháng 9, Sư tịch ở viện Vô Thường chùa Duyên Tộ, Kim Lăng. Sư di chúc bỏ hình hài phơi dưới cây thông cho muông thú ăn.

Ngày rước đi có phước thần trong không trung từ Tây đến nhiều quanh núi mấy vòng, nơi viện Sư ở



trước kia có rừng trúc biến màu tang trắng đến bảy ngày mới hết.

Sư thọ 68 tuổi, tuổi lập 41.

---

• **Đời thứ năm: THIÊN SƯ TRÍ OAI**

Người Giang Ninh, họ Trần. Lúc còn bé, ở tạm núi Nghênh Thanh, bỗng nhiên người trong nhà phát hiện Ngài mất, chẳng biết đi đâu. Đến khi cha mẹ tìm kiếm, mới biết Sư đã xuất gia với pháp sư Thống chùa Thiên Bảo rồi. Năm 20 tuổi thọ giới cụ túc.

Sau nghe thiên sư Pháp Trì ra đời, bèn đến làm lễ yết kiến và được truyền thọ chánh pháp. Từ đó học đồ miền Giang tả đều đổ xô về làm môn hạ, trong đó có Huệ Trung, đủ điều kiện làm pháp khí.

Sư thường dùng kệ dạy:

Mạc hệ niệm niệm,

Thành sanh tử hà.

Luân hồi lục thú hải,

Vô kiến xuất trường ba.

Dịch:

Chớ vọng niệm hoài,

Thành sông sanh tử.  
Luân hồi biến sáu thú,  
Không nhận ra sóng lớn.

Huệ Trung dùng kệ đáp:  
Niệm tưởng do lai huyễn,  
Tánh tự vô chung thủy.  
Nhược đắc thử trúng ý,  
Trường ba đương tự chỉ.

Dịch:

Niệm tưởng từ huyễn đến,  
Tánh vốn không thủy chung.  
Nếu trúng được ý đó,  
Sóng lớn phải tự dừng.

Sư lại có kệ dạy:

Dư bốn tánh hư vô,  
Duyên vọng sanh nhân ngã.  
Như hà tức vọng tình?  
Hoàn quy không xứ tọa.

Dịch:

Bổn tánh ta hư vô,  
Theo vọng sanh nhân ngã.  
Làm sao dứt vọng tình?  
Trở về ngôi chỗ không.

Huệ Trung dùng kệ đáp:  
Hư vô thị thực thể,  
Nhân ngã hà sở tồn?  
Vọng tình bất tu tức,  
Tức phiếm Bát nhã thuyền.

Dịch:

Thật thể là hư vô,  
Nhân ngã ở đâu còn?  
Không nên ngăn vọng tình,  
Mênh mông thuyền Bát nhã.

Sư biết Huệ Trung liễu ngộ, bèn đem sơn môn giao phó. Sau đó tùy duyên hóa đạo. Vào năm Khai Nguyên thứ 17 (729 – Đường Huyền Tông), ngày 18 tháng 2, Sư tịch ở chùa Duyên Tộ.

Sắp thị hiện nhập diệt, Sư bảo đệ tử:

- Hãy mang thầy ta bỏ trong rừng bố thí cho các cầm thú.

Sư thọ 77 tuổi.

---

• **Đời thứ sáu: THIÊN SƯ HUỆ TRUNG**

Người ở Thượng Nguyên, Nhuận Châu, họ Vương.

Năm 23 tuổi thọ nghiệp ở chùa Trang Nghiêm. Sau đó nghe thiên sư Trí Oai ra đời bèn đến yết kiến.

Oai vừa thấy Sư, nói:

- Sơn chủ đến rồi!

Sư cảm ngộ ý chỉ sâu kín, Oai bèn cho làm thị giả thân cận. Về sau Sư từ già thầy, đi quan sát lễ thiện tri thức các nơi.

Trí Oai thấy dây hoa Lăng tiêu (còn gọi là tử oai) ở cụ giới viện, vào hạ bị bỏ phế điếu tàn. Có người định chặt bỏ, nhân đó Trí Oai can bảo:

- Đừng chặt, khi Huệ Trung trở về thì dây tử oai đó đâm chồi lại.

Đến khi Sư về thì ứng nghiệm như lời dự đoán. Oai bèn đem sơn môn giao phó Sư, rồi ra ở chùa Duyên Tộ.

Sư bình sanh chỉ có một áo nạp không thay đổi, đồ dùng chỉ có một cái chõ để đồ xôi. Thường có hai kho chứa lúa cho tăng dùng, kẻ trộm hay rình mò thì có hổ gìn giữ cho.

Huyện lệnh Trương Tốn lên núi yết kiến, hỏi Sư:

- Có đồ đệ nào?

Sư đáp:

- Có dăm ba người.

Tốn hỏi:

- Làm sao gặp được?

Sư gõ thiền sàng, có ba con cọp găm thét vừa bước ra. Tốn sợ hãi thối lui.

Sau chúng thỉnh Sư vào trong thành, ở chùa Trang Nghiêm Cựu. Sư muốn xây dựng pháp đường riêng biệt ở phía đông chánh điện. Đã có sẵn cây cổ thụ, bầy chim khách đóng tổ trên đó, công nhân sắp đốn cây. Sư báo loài chim khách: “Sắp xây pháp đường ở đây, các người sao chẳng đi mau?”. Nói xong, bầy chim khách liền dời tổ qua cây khác. Lúc mới xây

nền có hai thần nhân trấn giữ bốn góc, lại ngầm giúp làm việc ban đêm, chẳng mấy hôm xong việc.

Từ đó học đồ bốn phương vân tập dưới tòa, có 34 người đắc pháp, mỗi người trụ một nơi giáo hóa nhiều chúng.

Sư thường có kệ dạy chúng an tâm, kệ rằng:

Nhân pháp song tịnh,  
Thiện ác lưỡng vong.  
Chơn tâm chơn thật,  
Bồ đề đạo tràng.

Dịch:

Ngã pháp đều rộng,  
Thiện ác quên hết.  
Chơn tâm chơn thật,  
Bồ đề đạo tràng.

Năm Đại Lịch thứ ba (768 – Đường Đại Tông), trước thạch thất cây treo chỗ, dây mây móc áo bỗng nhiên khô chết giữa nắng hạ. Năm thứ tư (769) ngày 15 tháng 6 hộp chúng bố tát xong, Sư sai thị giả cạo sạch tóc tắm rửa. Đến tối có mây lành bao phủ tịnh xá Sư, trên không lại nghe tiếng nhạc trời. Tối sáng sớm Sư thản nhiên ngồi hóa, bấy giờ mưa to gió lớn

gây sấm sét quật ngã cây rừng, lại có cầu vồng trắng bắc qua các hang núi.

Năm thứ năm (770), mùa xuân trà tỳ thu xá lợi nhiều không kể xiết. Thọ 87 tuổi.

---

## **PHÁP TỰ BÀNG XUẤT TỪ THIÊN SƯ PHÁP DUNG**

### **1. THIÊN SƯ ĐÀM THÔI Ở CHUNG SƠN, KIM LĂNG**

Người Ngô Quận, họ Cố. Ban đầu đến yết kiến Đại sư Dung ở Ngưu Đầu, Đại sư trông qua đánh giá Sư là người kỳ đặc, bèn gọi Sư bảo:

- Sắc thanh ... là đồ độc đối với vô sanh, thọ tướng ... là hầm hố đối với bậc chí nhân. Ông biết điều đó chăng?

Sư lặng thinh và suy xét đó, đại ngộ huyền chỉ.

Sư tìm đến ở Chung Sơn, ẩn dấu trải qua nhiều năm, am tranh nổi đất đạm bạc đến hết tuổi già.

Đời Đường năm Thiên Trụ thứ ba (694 - Đường Vũ hậu) ngày mùng 6 tháng 2, điềm nhiên nhập định bảy ngày rồi tịch. Thọ 62 tuổi.

## NHỮNG PHÁP TỰ BÀNG XUẤT BA ĐỜI TỪ THIÊN SƯ TRÍ OAI

### 1. THIÊN SƯ HUYỀN ĐỈNH Ở CHÙA AN QUỐC, TUYÊN CHÂU.

Chẳng biết Sư là người ở đâu. Một hôm có vị tăng từng đến Trường An để giảng kinh Hoa Nghiêm, tăng đó đến hỏi Ngũ Tổ (Trí Oai):

- Chơn tánh duyên khởi, nghĩa đó như thế nào?

Tổ lặng thinh. Lúc đó Sư đứng hầu Tổ, sau đó đáp:

- Đại đức! Lúc đang hỏi dấy lên một niệm, đó là duyên khởi trong chơn tánh.

Ngay lời nói của Sư, tăng đó đại ngộ.

Lại có người hỏi Sư:

- Nam Tông do đâu mà lập?

Sư đáp:

- Tâm tông không có Nam Bắc.

\*

\*            \*



## 2. THIÊN SƯ HUYỀN TỐ Ở CHÙA HẠC LÂM, NHUẬN CHÂU.

Người ở Duyên Lăng, Nhuận Châu, họ Mã. Vào năm Như Ý nhà Đường (692 - Đường Vũ hậu), Sư thọ nghiệp ở chùa Trường Thọ, Giang Ninh.

Tham vấn bữa tối với thiên sư Trí Oai, Sư bèn ngộ chơn tông. Về sau Sư ở chùa Hạc Lâm, Kinh Khẩu.

Từng có lần đồ tể lễ yết kiến Sư, muốn thỉnh Sư đến nhà để lo liệu cúng dường. Sư vui vẻ mà đi, chúng đều ngạc nhiên. Sư nói:

- Phật tánh bình đẳng, trí ngu có một. Chỉ cần người độ được ta liền độ cho, lại có gì là khác biệt đâu?

Hoặc giả có tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tây lai?

Sư đáp:

- Hội tức là chẳng hội (hiếu), nghi tức là chẳng nghi.

Sư lại nói:

- Cái chẳng hội chẳng nghi, cái chẳng nghi chẳng hội.

Lại có tăng gõ cửa, Sư hỏi:

- Ai đó?

Đáp: - Tăng

Sư nói:

- Không những là tăng, Phật đến cũng chẳng được.

Hỏi:

- Phật đến tại sao chẳng được?

Sư đáp:

- Không có chỗ cho ông dừng đậu.

Năm Thiên bảo thứ 11 (752 – Đường Huyền Tông), nửa đêm Sư không bệnh mà tịch, thọ 85 tuổi. Xây tháp thờ ở núi Hoàng Hạc. Sắc ban thụ hiệu là Đại Tân Thiên Sư, tháp hiệu Đại Hòa Bảo Hàng.

\*

\*            \*

### **3. THIÊN SƯ SÙNG HUỆ Ở NÚI THIÊN TRỤ, THƯ CHÂU.**

Người Bành Châu, họ Trần. Đầu niên hiệu Càn Nguyên (758 – Đường Túc Tông), Sư đến lập chùa ở núi Thiên Trụ, Thư Châu. Năm Vĩnh Thái nguyên

niên (765 – Đường Đại Tông) sắc ban hiệu chùa là Thiên Trụ.

Tăng hỏi:

- Thế nào là cảnh Thiên Trụ?

Sư đáp:

- Chủ bạc sơn cao nan kiến nhật,

Ngọc kính phong tiền dị hiểu nhân.

Dịch: Chủ nhật sơn cao khó thấy trời,

Gương báu trên soi dễ biết người.

Hỏi:

- Khi Đạt-ma chưa đến xứ này, ở đây có Phật pháp không?

Sư đáp:

- Khi chưa đến hãy tạm gác qua, việc ngay bây giờ ra sao?

- Con chẳng hội xin Sư chỉ dạy.

Sư nói:

- Trường không muôn thuở, gió trăng nhất thời.

Hồi lâu Sư lại hỏi:

- Xà lê hội chẳng? Trên phận sự chính mình ra sao? Đạt ma kia đến hay chưa đến có can hệ gì?

Nhà kia đến giống hệt gã đi bói toán kiếm ăn, thấy ông chẳng hội mới dùng văn tự cho ông hiểu quẻ. Cát hung vừa sanh, hãy tự xem tất cả ở trên phần của ông.

Tăng hỏi:

- Thế nào là người biết bói?

Sư đáp:

- Lúc ông vừa ra cửa liền chẳng trúng.

Hỏi:

- Thế nào là gia phong của Thiên Trụ?

Sư đáp:

- Thời hữu bạch vân lai bế hộ,

Cánh vô phong nguyệt tứ sơn lưu<sup>(63)</sup>.

Dịch:

Lúc có bạch vân thời đóng cửa,

Đâu còn trăng gió cuốn tứ sơn.

Hỏi:

- Tăng chết thiên hóa đi về đâu?

Sư đáp:

- Tiềm nhạc phong cao trường tích thúy,

---

<sup>(63)</sup> Tứ sơn: Thân vô thường chịu bốn khổ bức bách: sanh, lão, bệnh, tử.

Thư giang minh nguyệt sắc quang huy.

Dịch:

Núi Tiềm cao ngọn mãi xanh tươi.

Sông thư trắng sáng sắc quang huy.

Hỏi:

- Thế nào là Phật Đại Thông Trí Thắng?

Sư đáp:

- Trống không từ đại kiếp đến nay chưa từng che  
đậy, chẳng phải Phật Đại Thông Trí Thắng thì là gì?

Hỏi:

- Tại sao Phật pháp không hiện tiền?

Sư đáp:

- Chỉ vì ông không hội cho nên không hiện tiền.  
Nếu ông hội rồi cũng không có Phật đạo nào để  
thành.

Hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư đáp:

- Mây trắng che núi xanh,

Ong chim lượn sân hoa.

(Bạch vân phú thanh chướng,

Phong điếu bộ đình hoa.)

Hỏi:

- Chư thánh từ trước có lời nói nào?

Sư hỏi:

- Ông nay thấy ta có lời nói nào?

Hỏi:

- Mời Sư cử xứng trong tông môn.

Sư đáp:

- Thạch ngư trường hống chơn không ngoại,  
Mộc mã tê thời nguyệt ẩn sơn.

Dịch:

Trâu đá rống to ngoài chân không,

Ngựa gỗ hí vang trăng khuất núi.

Hỏi:

- Thế nào là chỗ Hòa thượng làm lợi người?

Sư đáp:

- Một trận mưa nhuần khắp, ngàn núi sắc xinh  
tươi.

Hỏi:

- Thế nào là người ở trong núi Thiên Trụ?

Sư đáp:

- Độc bộ thiên phong đỉnh,  
Ưu du cử khúc tuyền.

Dịch:

Một mình vượt bước qua ngàn đỉnh,  
Thong dong chín chỗ suối cong queo.

Hỏi:

- Thế nào là ý Tây lai?

Sư đáp:

- Bạch viên bảo tử lai thanh chướng,  
Phong điệp hàm hoa lục nhị gian.

Dịch:

Vượn trắng bông con đến núi sâu,  
Ong bướm ngậm hoa giữa nhị xanh.

Sư ở núi diễn nói đạo khoảng 22 năm. Năm Đại Lịch thứ 14 (779 – Đường Đại Tông), ngày 22 tháng 7 Sư quy tịch. Tháp xây ở phía bắc chùa, chơn thân hiện còn (1004).

\*

\*       \*

## PHÁP TỰ CỦA THIÊN SƯ HUYỀN TỐ CHÙA HẠC LÂM, NHUẬN CHÂU

### 4. THIÊN SƯ ĐẠO KHÂM Ở KÍNH SƠN, HÀNG CHÂU.

Người thuộc Côn Sơn, Tô Châu, họ Chu. Ban đầu ôm ấp lòng khâm phục Nho giáo, năm 28 tuổi Sư gặp thiên sư Huyền Tố, nhân đó Tố bảo:

- Xem ông thần khí ôn hòa mà tinh thuần, đúng là pháp bảo.

Sư cảm ngộ nhân đó xin làm đệ tử. Tố đích thân xuống tóc truyền giới cho, rồi bảo:

- Ông xuôi dòng sông mà đi, gặp Kính thì ở.

Sư bèn đi về Nam, đến Lâm An thấy một hòn núi phía đông bắc, nhân hỏi thăm một tiều phu. Tiều phu nói:

- Đó là Kính Sơn.

Sư bèn trú ở đó.

Có tăng hỏi:

- Thế nào là đạo?



Sư đáp:

- Sơn thượng hữu lý ngư,  
Thủy đế hữu bông trần.

Dịch: Cá lý ngư trên núi,  
Bụi cỏ bông đáy sông.

\*

\* \*

Mã Tổ sai người đem thư đến, trong thư vẽ một vòng tròn. Sư mở thư, vẽ thêm một vạch trong vòng tròn rồi phong vào bao thư, gửi lại Mã Tổ (Quốc Sư Huệ Trung nghe chuyện, bèn nói “Thầy Khâm còn bị thầy Mã lừa”).

\*

\* \*

Tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Tây đến?

Sư nói:

- Câu hỏi ông chẳng đúng.

Hỏi:

- Thế nào mới đúng?

Sư đáp:

- Chờ khi ta mất rồi mới nói với ông.

\*

\*       \*

Mã Tổ sai môn nhân Trí Tạng đến hỏi:

- Trong 12 giờ (suốt ngày) lấy gì làm cảnh?

Sư đáp:

- Đợi khi ông về thì có tin tức.

Tạng nói:

- Bây giờ về liền.

Sư nói:

- Nói ra rồi lại phải hỏi Tào Khê mới được.

Năm Đại Lịch thứ ba (768), vua Đường Đại Tông ban chiếu mời Sư đến cửa khuyết để tự nhà vua chiêm lễ thêm. Một hôm gặp nhà vua tại cung ở trong, Sư đứng dậy.

Vua hỏi:

- Thầy vì sao phải đứng dậy?

Sư đáp:

- Đàn việt hướng vào bốn oai nghi, làm sao thấy được bản đạo?

Vua đẹp lòng, bảo Quốc sư Huệ Trung:

- Trẫm định ban cho thầy Khâm một danh hiệu.

Trung vui vẻ phụng chiếu, rồi ban cho Sư hiệu Quốc Nhất.

Sau Sư từ giả vua, về núi cũ.

Vào năm Trinh Nguyên thứ 8 (792), tháng 12, Sư thị hiện có bệnh thuyết pháp rồi tịch. Thọ 79 tuổi.

Sắc ban thụy hiệu Đại Giác Thiên Sư.

\*

\*            \*

## **PHÁP TỰ CỦA THIÊN SƯ ĐẠO KHÂM Ở KÍNH SƠN, HÀNG CHÂU**

### **5. THIÊN SƯ ĐẠO LÂM ĐIỀU KHÒA Ở HÀNG CHÂU.**

Người huyện Phú Dương, bốn quận (Hàng Châu), họ Phan. Mẹ là Chu thị mộng thấy ánh sáng mặt trời vào miệng, nhân đó mang thai, đến khi sanh có mùi hương lạ xông khắp nhà, rồi đặt tên Sư là Hương Quang.

Chín tuổi xuất gia, năm 21 tuổi thọ giới ở chùa Quả Nguyện, Kinh Châu. Về sau lại đến pháp sư Phục Lễ, chùa Tây Minh ở Trường An, học Kinh Hoa Nghiêm, luận Khởi Tín; Phục Lễ đem bài tụng về chơn vọng dạy cho, chủ yếu để tập tu thiền định.

Sư hỏi:

- Ban sơ, sao gọi là quán? Dụng tâm thế nào?

Phục Lễ yên lặng hồi lâu mà không nói, Sư lễ bái ba lần rồi lui ra.

Đúng lúc Đường Đại Tông ban chiếu mời thiền sư Kính Sơn Quốc Nhất đến cửa khuyết, Sư bèn yết kiến Ngài rồi được chánh pháp. Đến khi Sư đi về Nam, trước đó có tháp Bích Chi Phật ở chùa Vĩnh Phúc núi Cô Sơn, bấy giờ người đạo kẻ tục cùng nhau tạo pháp hội ở đây. Sư chấn tích<sup>(64)</sup> và vào hội, trong hội có pháp sư Thao Quang chùa Linh Ẩn hỏi:

- Pháp hội ở đây, vì sao (ông) phát ra tiếng?

Sư đáp:

- Không có tiếng ai biết đó là pháp hội?

Về sau thấy núi Tần Vọng có cây tùng lớn, cành lá sum suê quanh co như cái lọng, Sư bèn nương

---

<sup>(64)</sup> Chấn tích: Khua, động tích tượng phát ra tiếng khi vị tăng hành cước muốn dừng lại hoặc đi.

thân ở trên đó. Vì thế thời nhân gọi Sư là thiền sư  
Điểu Khòa (Tổ chim), lại có chim khách đóng tổ kế  
bên tự nhiên thuần quen con người, còn gọi Sư là  
Hòa thượng Thước Sào (Tổ chim khách).

Có thị giả Sư là Hội Thông, bỗng một hôm muốn  
từ giả ra đi. Sư hỏi:

- Nay ông đi đâu?

Đáp:

- Hội Thông vì pháp xuất gia mà Hòa thượng  
không rủ lòng từ dạy bảo, nay đi các nơi để học  
Phật pháp.

Sư nói:

- Nếu là Phật pháp, ở đây ta cũng có chút ít.

Hỏi:

- Thế nào là Phật pháp của Hòa thượng?

Sư rút sợi chỉ vải trên thân đưa lên thổi nó.

Hội Thông liền lãnh ngộ huyền chỉ.

Khoảng năm Nguyên Hòa (806 – 820 – Đường  
Hiến Tông), Bạch Cư Dị ra làm thái thú quận đó  
(Thiệu Hưng, Chiết Giang), nhân lúc vào núi lễ ra  
mắt, bèn hỏi Sư:

- Chỗ thiền sư ở rất nguy hiểm!

Sư nói:

- Chỗ thái thú càng nguy hiểm hơn.

Hỏi:

- Chỗ đệ tử là trấn thủ giang sơn, có gì là nguy hiểm đâu?

Sư nói:

- Củi lửa gặp nhau, thức tánh đâu dừng. Chẳng phải là nguy hiểm ư?

Lại hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư đáp:

- Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.

(Chớ làm các điều ác, vâng làm các điều lành)

Bạch nói:

- Đứa bé ba tuổi cũng biết nói như thế.

Sư đáp:

- Đứa bé ba tuổi tuy nói được mà ông già tám mươi làm không được.

Bạch bèn làm lễ.

Vào năm Trường Khánh thứ tư (824), ngày 10 tháng 2, Sư bảo thị giả: “Thân nghiệp báo ta nay đã

hết”. Nói xong ngồi tịch. Thọ 84 tuổi, tuổi lập 63 (Có chỗ nói Sư tên là Viên Tu, e là thụy hiệu).

\*

\*       \*

## **PHÁP TỰ CỦA THIỀN SƯ ĐẠO LÂM ĐIỂU KHÒA, HÀNG CHÂU**

### **6. THIỀN SƯ HỘI THÔNG CHÙA CHIÊU HIỀN, HÀNG CHÂU.**

Người bốn quận, họ Ngô. Bốn danh là Nguyên Khanh. Hình tướng nghiêm trang, còn nhỏ tuổi mà thông minh mẫn tiệp.

Thời Đường Đức Tông (779 -805) làm lục cung sử. Họ hàng nhà vua đều khen ngợi Ngài. Mùa xuân thấy hoa cỏ cung điện Chiêu Dương phô sắc thắm tươi, thông thả từng bước ngoạn cảnh, chợt nghe trong không có tiếng nói:

- Cảnh sắc hư huyễn nở rồi tàn có chi bền vững, nó hay làm hư hoại thiện căn. Bậc nhân giả sao có thể ham chuộng được?

Sư xét nhớ hồi nhỏ tuổi ưa thích việc thiện mà rất chán hoạn nạn thế gian.

Một hôm vua dạo chơi trong cung, hỏi:

- Khanh sao chẳng vui?

Đáp:

- Thân từ nhỏ không ăn mặn tanh hôi, chí nguyện theo Phật.

Vua nói:

- Trẫm xem khanh như anh em, nếu chí nguyện khanh muốn sẽ giàu sang hơn người thì trẫm không trái ý khanh, xin hãy đừng xuất gia.

Đã trải qua tuần (10 ngày) vua thấy sắc mặt Ngài tiêu tụy, ban chiếu cho trông coi việc tiếp khách nhà vua. Ngài tâu:

- Người đó phải thiệu long tam bảo.

Vua nói với Sư:

- Nếu khanh muốn thì tùy ý chọn một ngày nào đó rồi tâu lên.

Sư mang ơn vua, gửi lời cảm tạ. Chẳng bao lâu nhận được tin ở quê báo mẹ bệnh, xin hãy về coi sóc. Vua ban cho được như sở nguyện, lệnh hữu ty theo tiễn đưa Sư tới bến, chẳng bao lâu về đến nhà.

Gặp lúc pháp sư Thao Quang khích lệ, Sư đến Đạo Lâm Diệu Khòa làm đàn việt kết am dựng chùa. Chùa hoàn thành, Sư quỳ thưa:



- Đệ tử bảy tuổi ăn chay, mười một tuổi thọ ngũ giới. Nay hăm hai tuổi, thôi làm quan vì muốn xuất gia, xin Hòa thượng cho con được làm tăng.

Thiền sư nói:

- Hiện nay làm tăng ít có người tinh tấn chịu khó, phần đông làm chuyện nông nổi phóng túng.

Sư đáp:

- Vốn tịnh không phải mài giũa,  
Sẵn sáng chẳng tùy theo chiếu.

Thiền sư nói:

- Nếu ông liễu đạt tịnh trí, thể diệu viên thì tự không tịch, tức là chơn xuất gia, cần gì tướng bên ngoài? Ông nên làm Bồ tát tại gia, bố thí trì giới đều tu như bọn Tạ Linh Vận vậy.

Sư thưa:

- Dạ, lý tuy như thế, còn về sự có ích lợi gì cho ai? Nếu như thầy rủ lòng thu nhận, con thể tuân theo lời dạy của thầy.

Ba lần Sư thỉnh cầu như thế đều bị từ chối. Lúc đó Thao Quang cương quyết bày tỏ với Điều Khòa:

- Cung sử chưa từng lấy vợ cũng không chứa người nữ làm hầu. Nếu thiền sư không cứu vớt thì ai độ ông ấy?

Điền Khòa mới cho thế phát thọ giới cụ túc. Sư thường độ trai giờ mao (5 – 7 giờ sáng), ngày đêm tinh tấn, tụng đọc Kinh Đại thừa và thực tập An ban tam muội<sup>(65)</sup>.

Rồi Sư cố xin từ giả để du phương, Điền Khòa đưa sợi chỉ vải lên dạy, Sư ngộ huyền chỉ. Bấy giờ thời nhân gọi là thị giả Bố Mao (Đã thuật trong chương nói về Điền Khòa). Đến khi Điền Khòa quy tịch gần 20 năm, vua Đường Võ Tông ra lệnh phế chùa, Sư cùng chúng tăng lễ từ linh tháp Điền Khòa rồi đi xa, về sau không biết nữa.

---

<sup>(65)</sup> An ban tam muội: Một trong những pháp tu cơ bản quan trọng để đạt chánh định (tam muội), đó là sự tỉnh giác biết rõ trong lúc thở. Hành giả thở vào chậm rãi, người đó biết tôi thở vào chậm rãi; thở ra chậm rãi người đó biết tôi thở ra chậm rãi ...

## NHỮNG PHÁP TỰ BÀNG XUẤT HAI ĐỜI TỪ THIÊN SƯ HUỆ TRUNG

### 1. THIÊN SƯ DUY TẮC HANG PHẬT QUẬT, THIÊN THAI.

Người Kinh Triệu, họ Trương Tôn. Ban đầu tham yết thiên sư Huệ Trung ở Ngưu Đầu, đại ngộ huyền chỉ; về sau ẩn cư ở hang núi phá tây Bộc Bố trên núi Thiên Thai. Trong niên hiệu Nguyên Hòa (806 – 820 – Đường Hiến Tông), pháp tịch Sư thanh dần. Lúc đầu ẩn cư, Sư tự đặt tên hang núi mình là Phật Quật.

Một hôm Sư dạy chúng: “Trời đất không có vật gì, ngã (ta) không phải vật, tuy nhiên chưa từng không có vật. Ở đây thì thánh nhân như bóng, trăm năm như mộng, có ai sanh tử đâu? Vì thế bậc chí nhân chiếu soi chỉ có một mình, hay làm chủ muôn vật. Ta biết rồi, các ông biết chưa?”

Có tăng hỏi:

- Thế nào là mũi tên Na la duyên<sup>(66)</sup>?

---

<sup>(66)</sup> Na la duyên: Âm Hán Việt từ chữ Phạn, nghĩa là Kim cang lực sĩ

Sư đáp:

- Trúng đích.

Một hôm Sư chợt báo môn nhân:

- Các ông phải tự cố gắng. Ta có nói chi đâu?

Hai ngày đêm sau đó Sư ngồi yên thị tịch. Thọ 80 tuổi, tuổi lập 58.

\*

\*            \*

## **PHÁP TỰ CỦA HÒA THƯỢNG DUY TẮC HANG PHẬT QUẬT, THIÊN THAI**

### **2. THIÊN SƯ TRÍ CHÙA VÂN CƯ NÚI THIÊN THAI.**

Từng có lần Kế Tông, vị tăng ở viện Hoa Nghiêm, hỏi:

- Kiến tánh thành Phật, nghĩa đó như thế nào?

Sư đáp:

- Tánh thanh tịnh xưa nay trong suốt, không hề dao động, thể ấy chẳng thuộc có không, dơ sạch, dài ngắn, lấy bỏ ... tự nó trùm khắp. Thấy rõ ràng như

thế gọi là kiến tánh, tánh tức Phật Phật tức tánh, thế nên nói “Kiến tánh thành Phật”.

Hỏi:

- Tánh đã thanh tịnh chẳng thuộc có không, tại sao có thấy?

Sư đáp:

- Thấy mà không có cái bị thấy.

Hỏi:

- Không có cái bị thấy tại sao lại có (cái hay) thấy”

Sư đáp:

- Chỗ thấy cũng không.

Hỏi:

- Như thế, khi thấy chính ai thấy đó?

Sư đáp:

- Không có ai hay thấy.

Hỏi:

- Rốt cục lý ấy ra sao?

Sư bảo:

- Ông biết chăng? Vọng kế (tính toán suy lường) làm ra cái có, liền có năng sở mới gọi là mê, nương theo cái thấy sanh ra hiểu biết liền rơi vào sanh tử. Người tỏ rõ cái thấy thì không như thế, suốt ngày thấy mà chưa từng thấy, tìm hình thể tướng mạo của chỗ thấy không thể được, năng sở đều mất, gọi là kiến tánh.

Hỏi:

- Tánh đó biến khắp nơi, phải không?

Sư đáp:

- Không đâu chẳng khắp.

Hỏi:

- Phàm phu có đầy đủ tánh đó không?

Sư đáp:

- Trên nói "Không đâu chẳng khắp". Há bảo phàm phu chẳng đầy đủ ư?

Hỏi:

- Vì sao chư Phật Bồ Tát không bị việc sanh tử bó buộc? Nhưng riêng phàm phu luẩn quẩn với cái khổ đó, có bao giờ họ biến khắp được đâu?

Sư đáp:

- Ở trong tánh thanh tịnh mà phạm phu khởi phân biệt, có năng sở liền rơi vào sanh tử. Chư Phật và bậc đại sĩ khéo biết trong tánh thanh tịnh, không phụ thuộc tướng có không thì năng sở chẳng lập.

Hỏi:

- Nếu nói như thế tức có người liễu và người chẳng liễu?

Sư nói:

- Liễu còn không thể được, há có người hay (năng) liễu ư?

Hỏi:

- Chí lý ra sao?

Sư nói:

- Ta nói tóm tắt, ông nên nhớ rằng trong tánh thanh tịnh không có phạm thánh, cũng không có người liễu hay người chẳng liễu. Phạm và thánh cả hai đều là giả danh, nếu theo danh sanh hiểu biết thì rơi vào sanh tử, nếu biết là giả danh không thực thì không có cái gì tương xứng với tên gọi.

Sư lại nói:

- Đó là chỗ tột cứu cánh. Nếu cho rằng ta hay liễu ngộ, người kia không thể liễu ngộ thì đó là bệnh

nặng; thấy có sạch dơ phàm thánh cũng là bệnh nặng. Khởi kiến giải không có phàm thánh lại thuộc về bác bỏ, không có nhân quả (chấp đoạn). Thấy có tánh thanh tịnh để nương trụ cũng là bệnh nặng, khởi kiến giải không nương trụ cũng là bệnh nặng. Nhưng trong tánh thanh tịnh tuy không dao động mà đầy đủ những ứng dụng và phương tiện không hề hoại; cho đến hưng khởi tâm từ vận dụng tâm bi, chỗ vận dụng hưng khởi như thế chính là tánh thanh tịnh hoàn toàn, nên gọi là kiến tánh thành Phật.

Kế Tông vui mừng nhảy nhót, lễ tạ rồi lui.



# NHỮNG PHÁP TỰ BÀNG XUẤT TỪ TỔ THỨ 32 HOÀNG NHÃN ĐẠI SƯ

## PHÁP TỰ BÀNG XUẤT ĐỜI THỨ NHẤT

### 1. THIÊN SƯ THẦN TÚ BẮC TÔNG.

(Da xá Tam tạng Chí chép: Cấn địa sanh huyền chỉ, thông tôn my diệc tôn. Tỷ kiên tam cửu tộc, tức hạ nhất mao phần. Tạm dịch: Đất Cấn sanh huyền chỉ, thông tôn my cũng tôn. Kề vai năm bảy họ, dưới chân một phần lông).

Người huyện Úy Thị, phủ Khai Phong (Hà Nam), họ Lý. Lúc nhỏ mến nghiệp Nho, học rộng biết nhiều. Chẳng bao lâu bỏ sở thích xuất gia tìm thầy học đạo, đến chùa Đông Sơn núi Song Phong ở Kì Châu, gặp Ngũ Tổ Hoàng Nhãn Đại sư. Lấy tọa thiền làm nhiệm vụ, rồi thán phục:

- Đây đúng là thầy ta.

Sư nguyện với lòng chịu khổ nhọc để giữ tiết, tự phục dịch bằng cách bửa củi xách nước mà cầu đạo.

Hoàng Nhẫn thâm biết Sư sâu sắc, hơn nữa xem là nhân tài, nói với Sư:

- Ta độ nhiều người rồi, cả đến những người ngộ giải thì không ai bằng ông.

Sau khi Hoàng Nhẫn đã thị hiện nhập diệt, Tú mới đến trụ ở núi Đương Dương thuộc Giang Lăng.

Đường Vũ hậu nghe tiếng, triệu Sư đến kinh đô, cúng dường ở đạo tràng nội cung đặc biệt tôn kính. Vua truyền mệnh Sư về núi cũ, ban cho biển ngạch treo trước chùa Độ Môn để vinh danh đức hạnh. Bấy giờ hàng vương công (nhà quý tộc), sĩ thứ (kẻ sĩ và thứ dân) đều hết mực tôn kính bái phục. Đến vua Trung Tông tức vị lại càng kính trọng, đại thần Trương Thuyết thường hỏi về pháp yếu giữ lễ làm đệ tử.

Sư có bài kệ dạy chúng:

Nhất thiết Phật pháp,

Tự tâm bốn hữu.

Tương tâm ngoại cầu,

Xả phụ đào tẩu.

Dịch:

Tất cả Phật pháp,

Tâm mình vốn có.  
Đem tâm cầu ngoài,  
Chạy trốn bỏ cha.

Năm Thần Long thứ 2 (706 – Đường Trung Tông), Sư nhập diệt ở chùa Thiên Cung, Đông Đô. Vua ban thụy hiệu là Đại Thông Thiền Sư, Vũ Nghi Pháp Vật (chỗ chứa pháp làm tiêu biểu cho người noi theo). Đưa đi an táng ở Long Môn, vua tiễn đến đầu cầu, vương công sĩ thứ đều đưa đến nơi an táng. Trương Thuyết và Trưng sĩ Lô Hồng mỗi người làm bài văn viếng khắc trên bia. Môn nhân Phổ Tịch, Nghĩa Phước ... đều được triều đình và thôn dã kính trọng.

\*

\*       \*

## **2. QUỐC SƯ HUỆ AN Ở TUNG NHẠC.**

(Da xá Tam tạng Chí chép: Cửu nữ xuất nhân luân, bát nữ tuyệt hôn nhân. Hủ sàng thêm lục cước, tâm tổ chúng trung tôn. Tạm dịch: Cô Chín vượt đạo thường, cô Tám dứt hôn nhân. Giường hư thêm sáu chân, tâm Tổ quý trong chúng).

Người ở Chi Giang, Kinh Châu, họ Vệ. Năm Khai Hoàng thứ 17 (597), Tùy Văn đế cho khám xét về tư độ tăng ni (tăng ni được chánh quyền đã cấp cho độ điệp xuất gia) khắp trong nước. Khám Sư, Sư nói: “Chất phác, không tên tuổi”, rồi lánh vào hang núi.

Trong năm Đại Nghiệp (605 – 617 – Tùy Dạng đế), tổng phát động đình phu khai thông kinh vận hà. Phu phen chết đói chồng chất lên nhau, Sư khát thực để cứu họ, số người cứu được rất đông. Dạng đế cho mời, Sư không đi mà lên vào núi Thái Hòa. Lúc vua mướn ở Giang Đô (tỉnh Giang Tô), tình hình trong nước nhiễu loạn, Sư bèn chống gậy lên chùa Hành Nhạc tu hạnh đầu đà.

Trong những năm Trinh Quán (627 – 649 – Đường Thái Tông), Sư đến Hoàng Mai tham yết Tổ Hoàng Nhãn rồi được tâm yếu. Năm Lân Đức nguyên niên (663 - Đường Cao Tông), nhân du phương đến Thạch Bích núi Chung Nam rồi dừng trụ ở đó. Vua Cao Tông thường cho mời, Sư đều từ chối; Sư dạo khắp các danh tích rồi đến chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn, Sư nói: “Đây là nơi ta ở suốt đời”. Từ đó thiền giả tụ họp đông đúc.

\*

\*            \*

Có hai người là Thản Nhiên và Hoài Nhượng đến tham vấn, hỏi:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Tây đến?

Sư hỏi:

- Sao chẳng hỏi ý tự mình?

Hỏi:

- Thế nào là ý tự mình?

Sư đáp:

- Ngay lúc xem tác dụng thầm kín.

Hỏi:

- Thế nào là tác dụng thầm kín?

Sư nhắm mắt con mắt để chỉ dạy họ, như thế ngay lời nói biết trở về thì đâu còn chỗ thích hợp nào khác nữa. Nhưng cơ duyên Nhượng không hợp bèn từ giã Sư, đi Tào Khê.

\*

\*           \*

Vũ hậu mời Sư đến kinh thành vua, đăi Sư theo lễ thầy trò. Sư và thiền sư Thần Tú càng được thêm kính trọng. Vũ hậu có lần hỏi tuổi tác Sư. Sư đáp:

- Chẳng nhớ.

Hậu hỏi:

- Sao lại không nhớ ư?

Sư đáp:

- Cái thân sanh tử nó tuần hoàn như vậy, luân chuyển không có sự bắt đầu và chấm dứt, cần nhớ làm gì? Huống nữa tâm kia không ngừng làm môi giới tưới tắm, từ cái thức ban đầu dẫn đến tướng thô động, thấy tâm sanh diệt như hòn bọt chỉ là vọng tưởng thôi. Hết sanh diệt rồi cũng chỉ như thế, có năm tháng nào đáng nhớ đâu?

Vũ hậu nghe qua cú đầu lay tín thọ.

Đến năm Thần Long thứ hai (706), vua Đường Trung Tông ban cho Sư ca sa tí. Mười bốn đệ tử đắc độ của Sư, vẫn được mời vào trong cung cấm cúng dường ba năm và ban cho mỗi vị một bộ y ma nạp.

Năm Cảnh Long thứ ba 709, Sư từ già kinh đô trở về Tung Nhạc ngày 3 tháng 3 năm đó (709), dặn dò môn nhân:

- Sau khi ta chết, đem thân ta vô rừng, đọi dã hỏa (lửa ma trời) thiêu.

Chốc lát thì Vạn Hồi công đến gặp Sư, nắm tay Sư bàn luận càn rỡ, thị giả bên cạnh nghiêng tai lắng nghe đều không lãnh hội. Đến ngày mùng 8, Sư cho đóng cửa nằm an nghỉ và tịch.

Tuổi Sư là 128 (sinh năm nhâm dần, năm Tùy Khai Hoàng thứ hai 582; mất năm kỷ dậu, năm Đường Cảnh Long thứ ba 709. Đương thời gọi Lão An Quốc Sư).

Môn nhân tuân theo lời dạy đem thầy đặt trong rừng, quả thật dã hỏa thiêu tự nhiên, được 80 viên xá lợi. Trong đó có năm viên màu đỏ tía, được giữ ở trong cung.

Đến năm Tiên Thiên thứ hai 711, môn nhân xây tháp thờ.

\*

\*            \*

### **3. THIÊN SƯ ĐẠO MINH Ở MÔNG SƠN, VIÊN CHÂU.**

Người Bà Dương, là con cháu xa của Trần Tuyên đế, nước -Trần (557 – 588), mất dòng dõi vua lưu lạc vào chốn nhân gian. Lấy tư cách là vương tôn nên từng tạm nhận chức vụ, nhân đó có hiệu là tướng quân.

Lúc nhỏ xuất gia ở chùa Vĩnh Xương, lòng mộ đạo rất tha thiết. Sau đến nương tựa pháp hội Ngũ Tổ hết lòng nghiên tâm, ban đầu không giải ngộ, đến khi nghe tin Ngũ Tổ mật truyền y pháp cho Lữ hành giả, Sư liền đốc suất khoảng mười người đồng ý theo dấu truy đuổi đến Đại Dữu Lãnh. Sư vượt xa về trước thấy bọn còn lại chưa theo kịp. Lữ hành giả thấy Sư chạy đến, liền để y bát trên tảng đá, nói:

- Y này là vật làm tin, khá dùng sức mạnh giành được ư? Mặc cho ông ta lấy đi.

Sư bèn xách y lên, y bất động như núi. Sư ngập ngừng lo sợ rồi nói:

- Tôi đến để cầu pháp chẳng phải vì y, mong hành giả khai thị giúp tôi.

Lục Tổ nói:

- Không nghĩ thiện không nghĩ ác, chính lúc đó cái nào là bản lai diện mục<sup>(67)</sup> của thượng tọa Minh?

Ngay lời nói Sư đại ngộ, khắp thân xuất mồ hôi, khóc lạy mấy lần.

Sư hỏi:

---

<sup>(67)</sup> Bản lai diện mục: Nghĩa là bộ mặt xưa nay, từ hồi nào tới giờ vẫn như vậy. Từ này chỉ Phật tánh, chơn như bất sanh bất diệt hằng sẵn có nơi mỗi chúng sanh. Thấy bản lai diện mục tức là kiến tánh.



- Ngoài mật ý mật ngữ vừa rồi, còn có ý chỉ nào khác không?

Tổ nói:

- Cái mà tôi đang nói với ông tức chẳng phải mật, nếu ông phản chiếu diện mục tự mình thì mật lại ở bên ông.

Sư nói:

- Tôi tuy ở Hoàng Mai theo chúng mà thật ra chưa tỉnh biết diện mục tự mình. Nay nhờ chỉ dạy, nhận được chỗ vào như người uống nước nóng lạnh tự biết. Nay hành giả là thầy của tôi.

Tổ nói:

- Nếu ông như thế thì tôi và ông cùng thầy Hoàng Mai. Hãy khéo tự giữ gìn.

Sư lại hỏi:

- Sắp tới tôi nên đi đâu?

Tổ đáp:

- Gặp Viên nên dừng, gặp Mông thì ở.

(Phùng Viên khả chỉ, ngộ Mông tức cư)

Sư lễ tạ rồi vội vã xuống chân núi, bảo với chúng nhân:

- Lên đỉnh cao ngất trông xa hoàn toàn bật dấu vết, phải qua đường khác tìm.

Chúng đều tin là vậy. Sau khi trở về, Sư một mình đến Bồ Thủy Đài ở Lô Sơn trải ba năm. Sau đó mới đến Mông Sơn thuộc Viên Châu đại xướng việc giáo hóa thiên tông. Ban đầu Sư tên Huệ Minh, vì tránh chữ đầu của tên thầy (Huệ Năng) nên đổi tên là Đạo Minh.

Các đệ tử Sư đều được sai đi Lãnh Nam tham lễ Lục Tổ.

\*

\*            \*

## **PHÁP TỰ BÀNG XUẤT ĐỜI THỨ HAI**

### **1. PHÁP TỰ CỦA THIÊN SƯ THẦN TÚ BẮC TÔNG**

#### **1.1. Thiên sư Cự Phương Ngũ Đài Sơn**

Người An Lục, họ Tào. Hồi nhỏ thọ nghiệp với thiên sư Lãng ở viện Minh Phước, lúc đầu giảng kinh luận sau mới tham thiền.

Lúc đến Bắc Tông, sư Tú hỏi:

- Mây trắng tan, chỗ đó ra sao?

Sư đáp:

- Chẳng mê.

Tú lại hỏi:

- Đến trong đó rồi thì sao?

Sư đáp:

- Thấy đúng một cảnh sanh năm lá.

Tú mặc nhiên thừa nhận cho vào thất hầu bên cạnh, hy vọng hết sai lầm. Rồi Sư đến ở Hàn Lãn, Thượng Đẳng, khoảng mấy năm chúng đông đúc hàng ngàn. Sau đó Sư xiển hóa ở Ngũ Đài Sơn hơn 20 năm mới nhập diệt, thọ 81 tuổi. Vào ngày mùng 3 tháng 9 năm Đường Khai Nguyên thứ 15 (727), chúng đem toàn thân Sư nhập tháp.

## **1.2. Thiền sư Trí Phong núi Trung Điều phủ Hà Trung.**

Sư họ Ngô. Ban đầu học tập luận Duy thức vương mặc danh tướng, bị tri thức vấn nạn rồi nổi giận thôi giảng.

Sư du hành lên núi Vũ Dương, gặp thiền sư Thần Tú tâm nghi liền tiêu tan, muốn nuôi dưỡng thánh thai bèn từ già ra đi, đến núi An Phong ở Bồ Tân, ăn rau uống nước suốt không dưới mười năm. Gặp lúc châu mục Vệ Văn Thăng thỉnh vô nội thành, xây quốc viện Tân An rồi ở đó, tăng tục quy y tới lui không ngắt.

Sứ quân hỏi:

- Tôi từ nay về sau ra sao?

Sư đáp:

- Mặt trời từ mông phiếm<sup>(68)</sup> mọc,

Chiếu cây hoàn toàn vô ảnh.

Lúc đầu sứ quân không thể hiểu, chấp tay xá chào rồi lui, chẳng bao lâu mới hiểu ra, từ đó tự được thành thoi.

Sư qua lại núi Trung Điều trên 20 năm, những người đắc đạo với Sư không thể ghi hết.

Sư nhập diệt rồi, môn nhân xây tháp thờ ở phía bắc châu thành.

---

<sup>(68)</sup> Mông phiếm: Cổ nhân gọi chỗ mặt trời lặn là mông phiếm, phía tây.

### 1.3. Thiên sư Hàng Ma Tạng ở Duyệt Châu

Người Triệu Quận, họ Vương, cha làm hào duyệt (chức quan phó). Bảy tuổi Sư xuất gia. Bảy giờ cánh đồng Chúc có nhiều yêu ma quấy nhiễu làm mê hoặc người dân, Sư một mình đến hàng phục chúng chưa từng có một chút sợ sệt, thế nên có tên Hàng Ma.

Sau lại nương tựa thiên sư Minh Tán viện Quảng Phước xuất gia phục vụ chuyên cần. Thọ pháp rồi gặp lúc Bắc Tông giáo hóa thành hành, Sư thệ vén áo đi theo.

Sư Tú hỏi:

- Ông tên Hàng Ma, ở đây không có sơn tinh mộc quái. Trái lại ông làm ma chẳng?

Sư đáp:

- Có Phật thì có ma.

Tú nói:

- Nếu ông là ma ắt ở cảnh giới bất tư nghì?

Sư đáp:

- Làm Phật cũng rộng không, có gì là cảnh giới đâu?

Tú huyền ký Sư, bảo:

- Ông có duyên với gò Thiếu Hạo.

Rồi Sư vào Thái Sơn, ít năm học giả quy tụ đông đúc. Một hôm Sư bảo môn nhân:

- Nay thân ta già mà vô dụng, sự vật đến cùng cực thì trở về.

Sư nói xong rồi đi, thọ 91 tuổi.

#### **1.4. Thiền sư Đạo Thọ ở Thọ Châu.**

Người Đường Châu, họ Văn. Lúc nhỏ tìm học kinh sách, tuổi gần năm mươi nhân gặp cao tăng khuyên bảo, rồi thệ nguyện xuất gia.

Đến lễ ngài Huệ Văn núi Minh Nguyệt ở Bản Bộ làm thầy. Tuổi lớn cầu pháp chậm trễ, Sư tự lấy làm thẹn, gắng chí du phương không đâu không đến. Sau trở lại Đông Lạc gặp thiền sư Thần Tú, qua lời nói Tú biết nhỏ muộn nhưng thành pháp khí.

Rồi chọn chỗ kết am trên núi Tam Phong, Thọ Châu mà ở đó. Thường có con dã nhân vồ cây che thân, nói bàn chuyện kỳ dị, ngoài việc nói cười còn biến hóa làm hình Phật và hình Bồ tát, la-hán, thiên tiên ... Có khi phóng thần quang hoặc trình diễn âm nhạc. Học đồ của Sư thấy vậy, đều không đánh giá

được, việc như thế trải qua mười năm, sau đã nhân chết không còn hình ảnh nào, Sư dạy chúng:

- Đã nhân biến hóa ra nhiều sắc tướng, có tài khéo huyền hoặc người. Chỉ là trò tiêu khiển, lão tăng không thấy không nghe; tài năng y có giới hạn, cái không thấy không nghe của ta là vô tận.

Năm Đường Bảo Lịch nguyên niên 825, Sư thị hiện có bệnh rời mắt. Thọ 92 tuổi.

Tháng giêng năm sau xây tháp thờ.

### **1.5. Thiên sư Toàn Thực núi Đô Lương, Hoài Nam.**

Người Quang Châu, họ Nhuế. Ban đầu kết am tạm ở, thái thú Vệ Văn Khanh mời Sư khai pháp, tụ tập đồ chúng ở chùa Trường Thọ tại châu nhà.

Văn Khanh hỏi:

- Về sau Phật pháp thịnh suy ra sao?

Sư đáp:

- Vật chơn thật thì không xưa không nay cũng không dấu vết. Pháp hữu vi chịu bốn tướng đổi đời, pháp này hẳn phải trở ngại, quân hầu nên biết.

Sư 93 tuổi mới mất. Năm Hội Xương thứ tư nhà Đường, ngày mùng 7 tháng 9 năm Giáp Tý 844 nhập tháp.

## **2. PHÁP TỰ CỦA QUỐC SƯ HUỆ AN TUNG NHẠC**

### **2.2. Thiền sư Nhân Kiệm chùa Phước Tiên, Lạc Kinh.**

Từ khi Tung Sơn thôi dạy, Sư phóng khoáng chỗ đông người (hàng quán), người bấy giờ gọi Sư là Hòa thượng Đăng Đăng. Vào năm Đường Thiên Sách Vạn Tuế (niên hiệu Đường Vũ hậu) 694, Thiên Hậu mời Sư vào trước điện. Ngược nhìn Thiên Hậu (Vũ hậu) một hồi lâu, Sư hỏi:

- Hội chăng?

Hậu đáp:

- Không hội.

Sư nói:

- Lão tăng giữ giới “không nói”.

Nói xong rồi đi ra. Hôm sau dâng lên tập đoản ca gồm 19 bài, Thiên Hậu xem qua khen Sư và ban thưởng hậu hĩ. Sư đều không nhận. Hậu lệnh Sư viết lời ca từ truyền bá trong thiên hạ, lời ca đó phô diễn



đầy đủ chơn lý nhằm cảnh tỉnh người thế tục đương thời, riêng bài Liễu Nguyên Ca là thanh hành ở đời.

## **2.2. Hòa thượng Phá Táo Đọa ở Tung Nhạc.**

Không có danh xưng và họ. Lời nói và việc làm không thể lường, Sư ẩn cư ở núi Tung Nhạc.

Sơn ổ có cái miếu rất linh, trong điện thờ chỉ đặt một ông táo. Người gần xa đến cúng tế không ngớt, sát hại sanh mạng loài vật rất nhiều.

Một hôm Sư dẫn theo tăng thị giả cùng vô miếu. Sư dùng gậy gõ táo ba cái, nói:

- Thôi đi táo này! Chỉ là đất bùn nặn thành, thánh từ đâu đến, linh từ đâu có? Sát hại sanh mạng loài vật như thế sao?

Rồi đánh táo ba gậy, táo đổ bể rơi xuống đất (nhân đó An Quốc Sư đặt tên là Phá Táo Đọa), chốc lát có một người mặc áo xanh vận mũ cao bỗng nhiên xuất hiện trước mặt Sư và lạ. Sư hỏi:

- Đó là ai?

Đáp:

- Tôi vốn là thần táo của miếu này, thọ nghiệp báo lâu rồi. Hôm nay nhờ ân Hòa thượng nói pháp

vô sanh, thoát được chốn này sanh vào cõi trời, đặc biệt đến để cảm tạ.

Sư nói:

- Đó là tánh vốn có của ông, đâu phải ta nói ép buộc ông.

Thần lễ Sư lần nữa rồi biến mất. Chốc lát trong những tầng theo Sư, có thị giả hỏi:

- Chúng con ở lâu bên cạnh Hòa thượng mà chưa được Hòa thượng đĩnh ninh dạy bảo, đặc biệt vì chúng con. Táo thần được gì mà thầy chỉ thẳng liền được sanh thiên?

Sư đáp:

- Ta chỉ nói với y đó là ngồi bùn hợp thành, ngoài ra không có đạo lý nào cho y.

Các tầng theo Sư đều đứng lên, không nói lời nào.

Sư hỏi:

- Hội chăng?

Chủ sự đáp:

- Không hội.

Sư hỏi:

- Tánh đã sẵn có, tại sao không hội?

Các tăng bèn lễ bái.

Sư nói:

- Đổ, đổ đi! Bể, bể đi!

\*

\*       \*

Sau có thiền sư Nghĩa Phong, nêu chuyện trên hỏi An Quốc sư. Quốc sư khen:

- Ông ấy hội suốt ngã vật nhất như, có thể nói như trăng sáng trên không trung không gì chẳng thấy. Khó nghe được ngữ mạch của y.

Thiền sư Phong bèn cúi đầu, chấp tay hỏi:

- Chưa biết ai nghe được ngữ mạch của ông ấy?

Quốc sư đáp:

- Cái chẳng biết.

\*

\*       \*

Lại có tăng hỏi:

- Mọi vật đều không hình tướng thì thế nào?

Sư đáp:

- Lễ thì chỉ có ông chẳng có ta, không lễ thì chỉ có ta chẳng phải ông.

Tăng ấy bèn lễ tạ. Sư nói:

- Vật vật vốn sẵn có đó mà chẳng phải vật. Vì vậy nói “Tâm chuyển được vật tức đồng Như Lai”.

\*

\*       \*

Lại có tăng hỏi:

- Thế nào là người tu thiện hạnh?

Sư đáp:

- Cầm binh khí, mang giáp.

Hỏi:

- Thế nào là người làm ác hạnh?

Sư đáp:

- Tu thiện nhập định.

Tăng nói:

- Con căn cơ thiển cận, xin thầy chỉ thẳng.

Sư nói:

- Ông hỏi ta về ác, ác thì không theo thiện. Ông hỏi ta về thiện, thiện thì không theo ác.

Hồi lâu Sư lại hỏi:

- Hội chẳng?

Tăng đáp:

- Chẳng hội.

Sư nói:

- Người ác không có nghĩ thiện, người thiện không có tâm ác. Thế nên nói “Thiện ác như phù vân, đều không có chỗ sanh diệt”.

Qua lời Sư nói, tăng ấy đại ngộ.

\*

\*       \*

Có vị tăng từ đạo tràng Ngưu Đầu đến. Sư hỏi:

- Đến từ pháp hội của ai?

Tăng đến gần trước mặt Sư, chấp tay nhiễu Sư một vòng, rồi bỏ đi ra. Sư nói:

- Trong pháp hội Ngưu Đầu không thể có người này.

Tăng bèn trở lại, bước lên gần bên Sư, chấp tay mà đứng. Sư nói:

- Đúng vậy! Đúng vậy!

Tăng lại hỏi:

- Vật ứng hiện (ở đó) mà (đó) chẳng theo vật thì thế nào?

Sư hỏi:

- Sao không theo vật được?

Tăng hỏi:

- Thế nào là thuận theo chánh (trí) về nguồn?

Sư hỏi:

- Về nguồn còn thuận gì?

Tăng nói:

- Nếu chẳng là Hòa thượng thì chuốc mấy lỗi lầm.

Sư nói:

- Vì thế khi chưa gặp Tứ Tổ thì nói lý, gặp rồi thì thông suốt tương lai.

Tăng lại nhiều Sư một vòng rồi bỏ đi, Sư nói:

- Cái đạo thuận theo chánh xưa nay vẫn như vậy.

Tăng lễ bái.

\*

\*

\*

Có tăng đứng hầu lâu. Sư nói:

- Chư Phật Tổ chỉ tùy theo người mà nói, riêng bốn tâm bốn tánh thì không có nói lý. Hãy hội lấy, hội lấy!

Tăng lễ tạ. Sư bèn lấy phất tử đánh, nói:

- Một chỗ như thế, ngàn chỗ cũng thế.

Tăng bèn chấp tay đến trước mặt Sư, ứng “ạ” một tiếng. Sư nói:

- Còn chưa tin, còn chưa tin.

Tăng hỏi:

- Thế nào là người đại xiển đề?

Sư đáp:

- Tôn trọng lễ bái.

Lại hỏi:

- Thế nào là người đại tinh tấn?

Sư đáp:

- Hủy báng sân hận.

Về sau chẳng biết Sư tịch ở đâu.

### 2.3. Thiên sư Nguyên Khuê núi Tung Nhạc.

Người Y Khuyết, họ Lý. Xuất gia hồi nhỏ. Năm Đường Vĩnh Thuần thứ hai (683), Sư thọ giới cụ túc thuộc chùa Nhân Cư, thực tập luật (Tỳ-ni) không biết mệt.

Sau yết kiến Quốc sư An ấn chứng đốn ngộ huyền chỉ đối với chơn tông, rồi chọn dinh lớn trong núi Tung Nhạc cất am tranh ở. Một hôm có dị nhân đến, đội mũ cao quần cụt áo kép với người tùy tùng rất đông, y nhẹ bước thong thả tuyên bố đến yết kiến đại sư.

Sư thấy y hình mạo kỳ vĩ phi thường, bèn bảo:

- Hãy lại đây, nhân giả! Cớ sao mà đến đây?

Kia đáp:

- Sư lẽ nào lại biết tôi ư?

Sư nói:

- Ta xem Phật với chúng sanh bình đẳng, ta thấy qua nào có phân biệt đâu?

Kia nói:

- Tôi là thần nhân ở núi này, có quyền sanh sát với người. Sư làm sao nhìn qua mà biết tôi được?



Sư đáp:

- Ta vốn chẳng sanh, ông làm sao chết được? Ta thấy thân ta đồng với hư không, thấy ta với ông đồng. Ông có thể làm hoại hư không và ông được chẳng mà mong làm hoại hư không và làm hoại ông được? Ta thì bất sanh bất diệt, ông còn chưa thể như thế thì làm sao đoạt quyền sanh tử nơi ta ư?

Thần cúi lạy nói:

- Tôi đây thông minh chính trực hơn những thần khác, há biết Sư có trí tuệ biện tài quảng đại đâu? Xin đem chánh giới trao cho, giúp tôi độ đời.

Sư nói:

- Ông đã xin giới thì đã thọ giới rồi. Tại sao vậy? Ngoài giới không có giới, còn ai truyền giới đâu?

Thần nói:

- Lý này, nghe qua tôi mờ mịt. Chỉ xin Sư truyền giới để thân tôi làm môn nhân đệ tử.

Sư vì thần liền cho xếp đặt chỗ ngồi, đem lò hương và cái bàn con đặt ở giữa, rồi nói:

- Truyền cho ông năm giới. Nếu hay phụng trì thì đáp là “được” (năng), không giữ được thì đáp là “không” (phủ).

Thần thưa:

- Kính xin vâng lời.

Sư hỏi:

- Ông không dâm được chăng?

Đáp:

- Cũng có vợ rồi.

Sư bảo:

- Đừng nói vậy, mà nói là không bị ái dục ràng buộc.

Đáp:

- Được.

Sư hỏi:

- Ông không trộm cắp được chăng?

Đáp:

- Tôi đây có thiếu cái gì? Sao có thể trộm cắp được!

Sư bảo:

- Đừng nói vậy, mà nói là phước lộc và hưởng thụ xa xỉ lãng phí quá, không nghĩ tới cung dưỡng người khác mà điều lành thành tai vạ<sup>(\*)</sup>.

Đáp:

- Được.

Sư hỏi:

- Ông không sát sanh được chăng?

Đáp:

- Thật tôi đang nắm quyền đó, sao nói không sát được?

Sư bảo:

- Đừng nói vậy, mà nói là có lạm sát, ngộ sát, nghi sát và hỗn sát<sup>(69)</sup>.

Đáp:

- Được.

Sư hỏi:

- Ông không nói láo được chăng?

Đáp:

- Tôi chánh trực làm sao có nói láo đây?

---

\* Chúng tôi không tra được những từ “phước dâm, họa thiện”; theo ngữ cảnh tạm dịch như vậy.

<sup>69</sup> Lạm sát: Vô tội mà giết; Ngộ sát: Vì vô ý hoặc lầm lỡ mà giết; Nghi sát: Giết không có chứng cứ rõ ràng; Hỗn sát: Nhân thời loạn, mất an ninh mà giết.

Sư bảo:

- Đừng nói vậy, mà nói là trước sau chẳng hợp lòng trời\*.

Đáp:

- Được.

Sư hỏi:

- Ông không uống rượu say sưa được chăng?

Đáp:

- Được.

Sư nói:

- Như trên đây là giới của Phật. Sư lại nói:

- Với tấm lòng phụng trì giới mà không có tâm cố chấp, với tấm lòng vì sự vật mà không có tâm nghĩ cho mình. Hay như thế thì sống trước trời đất mà chẳng phải là tinh hồn, chết sau trời đất mà chẳng phải là già; suốt ngày biến hóa mà chẳng là động, hoàn toàn vắng lặng chẳng phải là nghỉ.

Ngộ được cái đó dù lấy vợ mà chẳng có vợ, dù hưởng thụ mà chẳng có thụ, dù nắm quyền mà chẳng phải quyền, dù làm mà chẳng cố ý, dù say mà

---

\*\* Thiên tâm: Lương tâm.

chẳng hôn mê. Nếu hay vô tâm với muôn vật thì dục bủa vây chẳng phải là dâm; phước thừa (phước dâm) lành mắc nạn (họa thiện) chẳng phải là trộm cắp; sát không lý do, lầm lỡ, còn nghi ngờ, loạn lạc mà chẳng phải là sát; trước sau nói trái thiên lý mà chẳng phải là vọng; mê loạn điên đảo mà chẳng phải say.

Đó gọi là vô tâm. Vô tâm thì không có giới, không có giới chính là vô tâm, không Phật không chúng sanh, không có ông cũng không có ta. Không có ông thì cái gì là giới đây?

Thần nói:

- Thần thông của tôi dưới Phật một bậc.

Sư nói:

- Thần thông ông, trên thập cú năm phần được năm phần chưa được. Phật thì trên thập cú bảy phần được ba phần chưa được.

Thần sợ hãi rời chỗ ngồi, quỳ thưa:

- Có thể cho nghe được chăng?

Sư nói:

- Ông có thể đến thượng đế, hành sự ở Trời Đông mà vận dụng bảy vì sao<sup>(70)</sup> ban phước giáng họa cho thiên hạ ở Trời Tây được chăng?

Đáp:

- Không được.

Sư hỏi:

- Ông có thể đoạt quyền Địa thần, làm chảy tan năm ngọn núi lớn, rồi kết thành bốn bể chăng?

Đáp:

- Không được.

Sư nói:

- Đó là năm điều ông không làm được. Phật có khả năng rộng không hóa tất cả tướng, chuyển thành trí nơi muôn pháp, nhưng không thể diệt liền định nghiệp. Phật có khả năng biết sự việc suốt ức kiếp và tánh khí chúng sanh mà không thể hóa đạo người không có duyên. Phật độ được vô lượng hữu tình mà không thể độ hết chúng sanh giới. Đó là ba điều Phật không làm được.

---

<sup>(70)</sup> Thất diệu: Bảy thiên thể: Nhật, nguyệt, kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Theo tín ngưỡng nhân gian, chúng có ảnh hưởng cát hung đến thiên hạ.

Định nghiệp cũng chẳng bền vững, vô duyên cũng nghĩa là một thời kỳ, chúng sanh giới vốn không tăng giảm. Không có ai làm chủ tể pháp hữu vi, pháp hữu vi không có chủ tể gọi đó là vô pháp, vô pháp vô chủ tể gọi đó là vô tâm. Theo chỗ ta hiểu thì Phật cũng không thần thông, chỉ hay dụng pháp vô tâm thông đạt tất cả pháp mà thôi.

Thần nói:

- Tôi quả thật thiếu cận mê muội, chưa nghe về nghĩa không. Giới thầy truyền cho, tôi phải phụng hành, nay đem hết sức mình làm theo, nguyện báo đáp từ đức.

Sư nói:

- Ta quán thân không là vật gì, quán các pháp vô thường, trở trở một mình còn có gì để ham muốn?

Thần nói:

- Thầy phải sai bảo tôi làm việc thế gian, thi triển công năng tiểu thần của tôi, khiến cho năm hạng người đã phát tâm, sơ phát tâm, chưa phát tâm, bất tín tâm ắt đều được tín tâm. Thế gian dối theo vết chân thần tôi mà biết có Phật, có thần, có cái làm nổi, có cái không làm nổi, có cái tự nhiên, có cái không tự nhiên.

Sư nói:

- Vô vi đó, vô vi đó.

Thần nói:

- Phật cũng bảo thân hộ pháp, lẽ nào thầy lại làm trái Phật ư? Xin thầy tùy ý dạy cho.

Sư bất đắc dĩ mới nói:

- Bờ đê Chùa Đông Lãn không có cây lớn, cỏ hoang rậm rạp. Hang Bắc có cây lớn, nhưng đều (Cụ bản ghi là chữ bối, thay vì chữ giai) chẳng có công dụng che chắn. Ông có thể dời cây ở hang Bắc đến đê chùa Đông Lãn chăng?

Thần đáp:

- Xin nghe lời dạy, nhưng giữa đêm tối ắt có ồn náo, mong thầy đừng sợ.

Nói xong liền làm lễ từ già. Sư tiễn đưa tới cổng mà còn trông theo, thấy nghi vệ uốn dài như bậc vương giả, khí mây khói rắng quấn quít nhau thỉnh thoảng tách ra rồi nhập vào, tràng phan vòng ngọc nhô lên rồi chìm mất trong không trung.

Đêm ấy quả nhiên có cuồng phong nổi dậy, tiếng sấm vang dội, mây cuốn theo ánh chớp rung chuyển,



phòng ốc rung động, loài chim đang ngủ rối rít kêu vang.

Sư bảo chúng:

- Đừng sợ, đừng sợ! Thần với chúng ta hợp nhau thôi.

Sáng hôm sau trời yên tĩnh, những cây tùng cây quất nơi hang Bắc đời hết đến núi Đông, thành hàng ngay thẳng vẫn xanh tươi rậm rạp.

Sư nói với đồ chúng:

- Sau khi ta chết rồi các ông không được để người bên ngoài biết việc này, làm cho người ta có cố gắng ta là yêu quái.

Vào năm Khai Nguyên thứ tư, năm bính thìn 716.  
Sư dặn dò môn nhân:

- Lúc đầu ta ở chùa Đông Lĩnh, ta mất rồi các ông phải an trí hài cốt ta ở đó.

Nói xong hầu như bỏ xác rồi. Tuổi đời 73. Môn nhân xây tháp tại chỗ đó.

## PHÁP TỰ BÀNG XUẤT ĐỜI THỨ BA

### • PHÁP TỰ CỦA THIỀN SƯ PHỔ TỊCH TUNG SƠN (DÒNG THẦN TỬ).

#### THIỀN SƯ DUY CHÁNH NÚI CHUNG NAM.

Người Bình Nguyên (tỉnh Sơn Đông), họ Châu. Thọ nghiệp tại châu nhà với pháp sư Thuyên Trừng, chùa Duyên Hòa.

Đắc pháp nơi thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn, đã quả quyết liễu ngộ chơn thuyên Sư bèn vào ở trong núi Thái Nhất. Học giả đầy thất.

Nhà Đường trong năm Thái Hòa (827 – 835), vua Văn Tông thích ăn sò. Quan lại miền duyên hải lần lượt phải dâng nạp sò trước mùa, người dân cũng tỏ vẻ mệt mỏi.

Một hôm trong ban ngự soạn có người dùng ngón tay cái tách con sò không ra. Vua lấy làm lạ, thấp hương cầu xin, giầy lát con sò đó biến thành hình Bồ tát đầy đủ phạm tướng. Vua sai đem tiền gạo trăm hương bày biện, lấy gấm đẹp trùm lên, ban hiệu là chùa Hưng Thiện. Lệnh chúng tăng đến chiêm lễ, nhân đó hỏi quần thần:

- Thế ấy có điềm lành nào?

Có người đáp:

- Có thiền sư Duy Chánh ở núi Thái Nhất thâm minh Phật pháp, học rộng biết nhiều.

Vua liền sai sứ mời Sư đến kinh thành để hỏi việc ấy. Sư nói:

- Thần nghe sự vật ứng hiện đâu phải không duyên cớ, đây là điềm khai mở tín tâm cho bệ hạ vậy. Thế nên khế kinh nói: “Ứng dùng thân ấy để độ, liền hiện thân ấy mà nói pháp cho nghe”.

Vua hỏi:

- Thân Bồ tát đã hiện, vẫn chưa nghe nói pháp?

Sư hỏi:

- Bệ hạ thấy như thế là thường hay phi thường, tin hay chẳng tin ư?

Vua đáp:

- Việc lạ hiếm có trẫm rất tin cậy.

Sư nói:

- Như thế bệ hạ đã nghe thuyết pháp rồi.

Bấy giờ lòng vua hân hoan chưa từng có, ban chiếu cho các tự viện trong dân gian, mỗi nơi lập

tượng Bồ tát Quan Âm để đáp đền sự đặc biệt tốt lành đó.

Nhân đó vua lưu Sư ở lại đạo tràng trong cung. Sư nhiều phen cáo từ xin về núi, vua lại ban chiếu cho trụ trì chùa Thánh Thọ. Đến khi vua Võ Tông tức vị<sup>(71)</sup> Sư vội vào núi Chung Nam ẩn cư, có người hỏi duyên cớ, Sư đáp:

- Ta đi lánh kẻ thù.

Về sau Sư tịch ở sơn xá, thọ 87 tuổi, thiêu xác thu xá lợi được 49 hạt, đem nhập tháp vào ngày mùng 4 tháng 9 năm Hội Xương thứ ba 843.

## **PHÁP TỰ BÀNG XUẤT ĐỜI THỨ TƯ**

**• PHÁP TỰ CỦA THIÊN SƯ VÔ TƯỚNG ÍCH CHÂU (DÒNG TRÍ SẴN).**

**THIÊN SƯ VÔ TRỤ CHÙA BẢO ĐƯỜNG ÍCH CHÂU.**

---

<sup>71</sup> Pháp nạn lần thứ ba. Có tất cả bốn lần pháp nạn, đạo Phật bị vua phế: Lần đầu đời Bắc Ngụy, triều Võ đế; lần nhì đời Bắc Chu, triều Võ đế; lần ba đời Đường, triều Võ Tông; lần bốn đời Hậu Chu, triều Thế Tông. Sử gọi là “Tam Võ, nhất Tông pháp nạn”.

Ban đầu Sư đắc pháp nơi Đại sư Vô Tướng, rồi đến ở núi Bạch Nhai, Nam Dương (Hà Nam). Sư chuyên về tu định trải qua nhiều năm, học giả dần dần đến siêng năng thừa hỏi không ngớt. Từ đó Sư bắt đầu dạy, tuy Sư nói rộng về ngôn giáo nhưng chỉ lấy vô niệm làm tông.

Tướng quốc nhà Đường Đỗ Hồng Tiệm xuất quân phủ dụ một vùng trọng yếu, nghe danh Sư muốn đến chiêm lễ một lần. Tháng 9 năm Đại Lịch nguyên niên 766, Đỗ công sai sứ đến núi thỉnh mời Sư, bảy giờ tiết độ sứ Thôi Ninh cũng lệnh cho tăng đồ các chùa từ xa đi đón rước. Ngày mồng một tháng 10 Sư đến chùa Không Tuệ, bảy giờ Đỗ công và nhung soái triệu tập hạng thạc đức về tam học câu hội trong chùa.

Làm lễ xong, Đỗ công hỏi:

- Vừa nghe thầy dừng trụ ở đây, rồi còn đi đâu nữa chẳng?

Sư đáp:

- Tánh vô trụ thích quê mùa thường ghé trong núi. Đạo khắp các thắng cảnh từ Hạ Lan đến Ngũ Đài; nghe ở chỗ tiên sư, chùa Đại Từ Quý Phong có thuyết pháp tối thượng thừa, bèn từ xa vội vã đến

lạm dự ngồi ghế giảng; sau đó nương thân ở Bạch Nhai trải qua nhiều năm. Nay được mời, may gặp tướng công, sao dám không nghe mệnh.

Công hỏi:

- Đệ tử nghe Hòa thượng Kim thuyết “không nhớ, không nghĩ, đừng vọng”, là pháp môn tam cú phải không?

Đáp:

- Phải.

Công hỏi:

- Tam cú đó là một hay là ba?

Đáp:

- Không nhớ gọi là giới, không nghĩ gọi là định, đừng theo vọng gọi là huệ. Nhất tâm bất sanh gồm đủ giới định huệ, không là một không là ba.

Công hỏi:

- Chử vọng ở cú sau có lẽ là quên chúng từ tâm khởi chằng?

Đáp:

- Đó là vọng từ tâm ông khởi.

Công hỏi:

- Có chứng cứ chằng?

Đáp:

- Kinh Pháp Cú nói: “Nếu khởi tâm tinh tấn, đó là vọng chằng phải tinh tấn. Nếu hay tinh tấn tâm không vọng thì không có bờ bến”.

Công nghe qua nghi tình hết sạch. Lại hỏi:

- Thầy có dùng tam cú dạy người không?

Đáp:

- Đối với học nhân sơ tâm, dạy họ dừng niệm lắng đọng sống thức, nước trong ảnh hiện, ngộ niệm không tự thể thì tịch diệt hiện tiền. Vô niệm cũng là không thành lập vậy.

Khi ấy quạ khoang cất tiếng kêu trên cây trước sân.

Công hỏi:

- Thầy nghe chằng?

Đáp:

- Nghe

Quạ bay đi rồi, Công lại hỏi:

- Thầy nghe chằng?

Đáp:

- Nghe

Công hỏi:

- Quạ khoang bay đi không có tiếng, sao bảo là nghe?

Sư bèn bảo tất cả đại chúng:

- Phật ra đời khó gặp, chánh pháp khó nghe. Mỗi người hãy lắng nghe! Nghe mà không có cái để nghe, cái để nghe (tiếng) không dính dáng với tánh nghe, tánh nghe xưa nay chẳng sanh chưa từng có diệt. Lúc có tiếng đó là thanh trần tự sanh, lúc không có tiếng đó là thanh trần tự diệt, nhưng tánh nghe ấy không theo tiếng mà sanh cũng không theo tiếng mà diệt. Ngộ tánh nghe ấy thì thoát khỏi sự ràng buộc của thanh trần, nên biết (tánh) nghe không sanh diệt, (tánh) nghe không khứ lai.

Công cùng liêu thuộc đại chúng kính lạ.

Công lại hỏi:

- Sao gọi là đệ nhất nghĩa, theo thứ lớp nào nhập được đệ nhất nghĩa?

Sư đáp:



- Đệ nhất nghĩa không có thứ lớp cũng không có xuất nhập. Thế đế có tất cả, đệ nhất nghĩa không tất cả. Tánh vô tự tánh của các pháp (tánh không) gọi là đệ nhất nghĩa. Phật dạy: “Pháp có gọi là tục đế, vô tự tánh gọi là đệ nhất nghĩa”.

Công nói:

- Khai thị như thầy quả thật bất khả tư nghì!

Công lại nói:

- Đệ tử tánh thức thiện cận. Trước đây nhân việc công rồi rảnh, có soạn được hai quyển “Khởi Tín Luận Chương Sơ”, gọi là Phật pháp được chăng?

Sư đáp:

- Phàm tạo chương sơ đều dùng tâm thức, suy nghĩ phân biệt hữu vi hữu tác, khởi tâm động niệm đúng là tạo thành tâm thức. Cứ theo Luận văn nói: “Nên biết tất cả pháp từ xưa đến nay là tướng ngôn thuyết, là tướng danh tự, là tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không có biến dị, chỉ có nhất tâm thể nên gọi là chơn như”.

Nay tướng công mắc tướng ngôn thuyết, mắc tướng danh tự, mắc tướng tâm duyên. Đã mắc nhiều tướng sao gọi là Phật pháp?

Công đứng dậy làm lễ, thưa:

- Đệ tử cũng từng hỏi chư đại đức quan cung phụng, họ đều khen đệ tử là bất khả tư nghì. Nên biết họ chỉ thuận theo nhân tình, nay thầy theo lý giảng giải phù hợp với pháp môn tâm địa, đúng là chơn lý bất khả tư nghì.

Công lại hỏi:

- Thế nào là bất sanh, thế nào là bất diệt? Làm sao được giải thoát?

Sư đáp:

- Thấy cảnh “Cái tâm chẳng khởi” gọi là bất sanh, bất sanh tức là bất diệt. Đã không sanh diệt thì không bị tiền trần trói buộc, ngay đó giải thoát.

Bất sanh gọi là vô niệm, vô niệm tức là vô diệt, vô niệm tức là vô phược (không trói buộc), vô niệm tức là vô thoát (không có giải thoát).

Nói tóm lại: Tâm thức tức là ly niệm<sup>(72)</sup>, kiến tánh tức là giải thoát, lìa tâm thức cách xa kiến tánh. Há

---

<sup>72</sup> Ly niệm là an trú đúng pháp vô niệm. Vô niệm là thể của niệm, nó chẳng phải niệm cũng chẳng ngoài niệm, khi niệm sanh diệt thì vô niệm bất sanh bất diệt, không nhiễm niệm, thế nên nói nó ly niệm. Nhận được thể vô niệm nơi tâm niệm mình, gọi là kiến tánh.

có cái gọi là pháp môn chứng vô thượng bồ đề ư?  
Không có chuyện đó.

Công hỏi:

- Sao gọi là kiến tánh nơi tâm thức?

Sư đáp:

- Tất cả người học đạo tùy theo niệm mà trôi giạt là vì chẳng biết chơn tâm. Chơn tâm đó, niệm sanh nó chẳng sanh theo, niệm diệt cũng chẳng theo đó mà diệt, không đến không đi, không định không loạn, không chấp không bỏ, không chìm không nổi, vô vi vô tướng, hoạt bát bình thường tự tại. Tâm thể ấy rất ráo bất khả đắc, không thể tri giác được, chạm mắt đều như, đều là kiến tánh.

Công và đại chúng làm lễ, xưng tán vui mừng rồi lui.

Về sau Sư ở chùa Bảo Đường và tịch tại đó.

## **HẾT QUYỂN IV**



CẢNH ĐỨC  
TRUYỀN ĐĂNG LỤC  
(QUYỂN V)

No. 2076

DƯƠNG THANH KHẢI (dịch)

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)



## QUYỂN V

### TỔ THỨ BA MƯỜI BA HUỆ NĂNG ĐẠI SƯ. 43 PHÁP TỰ CỦA TỔ THỨ BA MƯỜI BA HUỆ NĂNG ĐẠI SƯ.

1. Quạt đa Tam tạng, Tây Ấn độ; 2. Thiền sư Pháp Hải Thiệu Châu; 3. Thiền sư Chí Thành Kiết Châu; 4. Thiền sư Hiếu Liễu núi Biển Thiêm; 5. Thiền sư Trí Hoàng Hà Bắc; 6. Thiền sư Pháp Đạt Hồng Châu; 7. Thiền sư Trí Thông Thọ Châu; 8. Thiền sư Chí Triệt Giang Tây; 9. Thiền sư Trí Thường Tín Châu; 10. Thiền sư Chí Đạo Quảng Châu; 11. Hòa thượng Ấn Tông chùa Pháp Tánh, Quảng Châu; 12. Thiền sư Hành tư núi Thanh Nguyên, Kiết Châu; 13. Thiền sư Hoài Nhượng Nam Nhạc; 14. Thiền sư Huyền Giác Vĩnh Gia, Ôn Châu; 15. Thiền sư Bồn Tịnh núi Tư Không; 16. Thiền sư Huyền Sách Vụ Châu; 17. Thiền sư Linh Thao Tào Khê; 18. Thiền sư Huệ Trung chùa Quang Trạch, Tây Kinh; 19. Thiền sư Thần Hội chùa Hà Trạch, Tây Kinh;

(Mười chín người trên đây được ghi)

20. Thiền sư Kì Đà Thiều Châu; 21. Thiền sư Tịnh An Phủ Châu; 22. Thiền sư Tâm Tung Sơn; 23. Thiền sư Định Chơn núi La Phù; 24. Thiền sư Kiên Cố Nam Nhạc; 25. Thiền sư Đạo Tấn núi Chế Không; 26. Thiền sư Thiện Khoái; 27. Thiền sư Duyên Tố Thiều Sơn; 28. Thiền sư Tông Nhất; 29. Thiền sư Thiện Hiện núi Tần Vọng, Cối Kê; 30. Thiền sư Phạm Hạnh Nam Nhạc; 31. Thiền sư Tự Tại Tinh Châu; 32. Thiền sư Hàm Không Tây Kinh; 33. Thiền sư Thái Tường Giáp Sơn; 34. Thiền sư Pháp Tịnh Quang Châu; 35. Thiền sư Biện Tài Thanh Lương; 36. Ngô Đầu đà Quảng Châu; 37. Thiền sư Đạo Anh; 38. Thiền sư Trí Bồn; 39. Thiền sư Pháp Chơn Thanh Uyển, Quảng Châu; 40. Thiền sư Huyền Giai; 41. Thiền sư Đàm Thôi; 42. Thứ sử Vi Cừ Thiều Châu; 43. Bồ tát Tôn Nghĩa Hưng.

(Hăm bốn người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi)



### 33. TỔ HUỆ NĂNG ĐẠI SƯ

Họ ngoài đời là Lư. Gốc người Phạm Dương (miền Bắc), cha là Hành Thao năm Võ Đức (618 – 626 – Đường Cao Tổ) làm quan bị giáng chức, đày đi Nam Hải, đến Tân Châu rồi làm dân ở đó.

Ba tuổi cha mất, mẹ Ngài thủ tiết nuôi con. Đến lớn gia cảnh càng nghèo khó, Ngài kiếm củ bán nuôi sống qua ngày. Một hôm gánh củ vào chợ, nghe khách tụng kinh Kim Cang, giật mình hỏi khách:

- Đó là pháp gì? Được từ thầy nào?

Khách đáp:

- Pháp đó tên Kinh Kim Cang, được từ Nhân Đại sư ở Hoàng Mai.

Sư bèn thưa với mẹ, bày tỏ ý tìm thầy để cầu pháp. Thẳng đến Thiều Châu, gặp kẻ sĩ cao hạnh Lưu Chí Lược, kết bạn giao hữu. Ni Vô Tận Tạng là cô của Chí Lược, thường tụng kinh Niết Bàn, Sư nghe qua liền giải nghĩa kinh cho nghe. Ni cầm quyển kinh lên hỏi về chữ, Sư nói:

- Chữ thì không biết, nghĩa thì cứ hỏi.

Ni nói:

- Chử còn không biết, làm sao hiểu nghĩa được?

Sư đáp:

- Diệu lý chư Phật chẳng quan hệ gì đến văn tự.

Ni nghe hết sức ngạc nhiên, thông báo các cụ lớn tuổi (trên 50 – 60) trong thôn xóm rằng Năng là người hữu đạo, nên thỉnh cúng dường. Từ đó người địa phương đua nhau đến chiêm lễ. Gần đó có nền đất cũ chùa Bảo Lâm, chúng bàn bạc sửa chữa xây cất thêm, mời Sư đến ở. Bốn chúng tụ tập đông đúc, chẳng bao lâu chùa trở thành ngôi bảo phường. Một hôm Sư chợt nghĩ:

- Ta cầu đại pháp đâu được dừng lại giữa đường.

Hôm sau liền đến trong thạch thất, núi Tây Sơn huyện Xương Lạc, gặp thiền sư Trí Viễn. Sư bèn thỉnh ích, Viễn nói:

- Xem ông thần tư sáng sủa hơn hết, có lẽ là người phi thường. Ta nghe Bồ đề Đạt ma từ Tây vực đến đây, truyền tâm ấn ở Hoàng Mai, ông nên đến đó tham quyết.

Sư từ già, đến thẳng chùa Đông Thiên huyện Hoàng Mai, nhằm năm Đường Hàm Hanh thứ hai 671. Hoàng Nhãn Đại sư gặp một lần thăm lạng mà

biết Sư, sau truyền y pháp và dạy Sư ẩn trong vùng Hoài Tập, Tứ Hội.

Đến ngày mùng 8 tháng giêng năm Nghi Phụng nguyên niên, năm bính tý (676 - Đường Cao Tông), Sư tới Nam Hải gặp pháp sư Ấn Tông giảng kinh Niết Bàn ở chùa Pháp Tánh. Sư tạm ngụ dưới chái chùa, chiều tối gió tốc thổi lá phướn chùa, nghe hai ông tăng tranh luận, người thì nói phướn động người thì nói gió động, đối đáp qua lại mãi mà chưa chịu ngã ngũ. Sư nói:

- Cho kẻ dung tục này tham dự cao luận ngay được không ạ? Thật ra gió phướn chẳng động, tâm mình động thôi!

Ấn Tông tình cờ nghe lời nói đó rất ngạc nhiên mà kính sợ, hôm sau mời Sư vào thất hỏi về nghĩa gió phướn. Sư viện lý giảng giải đầy đủ, Ấn Tông bất giác đứng dậy hỏi:

- Nhất định hành giả là người phi thường, thầy của hành giả là ai?

Sư không còn gì để giấu tiếng, rồi tự sự nhân do đắc pháp. Từ đó Ấn Tông giữ lễ làm đệ tử, xin được thọ nhận thiền yếu và báo tứ chúng:

- Ấn Tông thật đáng là phạm phu, nay gặp nhục thân Bồ tát.

Liên chỉ Lư cư sĩ đang dưới toà, bảo:

- Chính là người đó.

Nhân mời Sư xuất trình tín y được Ngũ Tổ truyền để mọi người chiêm lễ.

Đến ngày rằm tháng giêng, Ấn Tông hội các bậc danh đức xuống tóc Sư. Ngày mùng 8 tháng hai, Sư thọ giới cụ túc ở chùa Pháp Tánh với luật sư Trí Quang. Giới đàn ấy do Ngài Tam tạng Cầu na Bạt đà la dựng nên vào triều Tiền Tống (420 – 479), Ngài Tam tạng huyền ký:

- Sau sẽ có nhục thân Bồ tát thọ giới tại giới đàn này.

Lại cuối triều Lương (502-556), Ngài Tam tạng Chơn Đế tự tay trồng hai cây bồ đề ở gần bên giới đàn, bảo chúng:

- Một trăm hai mươi năm sau, có đại khai sĩ diễn thuyết vô thượng thừa dưới hai cây này, độ vô lượng chúng.

Sư thọ giới cụ túc rồi, khai diễn pháp môn Đông Sơn dưới hai cây đó, đúng như lời huyền ký.

Năm sau 677, ngày mùng 8 tháng hai, bỗng nhiên Sư báo chúng:

- Ta không muốn ở đây, cần trở lại chỗ ẩn trước.

Bấy giờ Ấn Tông cùng tăng chúng và tại gia cư sĩ hơn nghìn người, tiễn Sư về chùa Bảo Lâm.

Thứ sử Thiệu Châu là Vi Cừ thỉnh Sư đến chùa Đại Phạm trong thành, chuyển diệu pháp luân và thọ giới vô tướng tâm địa. Môn nhân ghi chép các điều mục thành Đàn Kinh lưu truyền thanh hành ở thế gian. Nhưng Sư lại trở về Tào Khê, ở chùa Bảo Lâm thuyết đại pháp vũ, học giả không dưới số nghìn.

Năm Thần Long nguyên niên 705, vua Trung Tông ban chiếu:

“Trẫm đã thỉnh hai thầy An và Tú vào trong cung cúng dường, mỗi khi rồi rảnh trong muôn một mà tham cứu nhất thừa.

Hai thầy đều khiêm tốn từ nhượng: “Phương Nam có thiền sư Huệ Năng mật thọ y pháp từ Nhãn Đại sư, bệ hạ nên mời người đó đến thưa hỏi”.

Nay sai nội thị Tiết Giản đem chiếu nghênh thỉnh. Mong Sư thương nghĩ mau phó thượng kinh.”

Sư dâng biểu thác bệnh để từ chối, nguyện được hết đời ở chốn núi rừng.

Tiết Giản thưa:

- Các vị thiền đức ở kinh thành đều nói: “Muốn hội được đạo ắt phải tọa thiền tập định, nếu không nhờ thiền định mà được giải thoát thì chưa có chuyện đó”. Chưa biết Sư nói pháp như thế nào?

Sư nói:

- Đạo do ngộ tâm, há do ngồi đâu? Kinh nói: “Nếu thấy Như Lai hoặc ngồi hoặc nằm, người đó hành tà đạo. Tại sao vậy? Như Lai không từ đâu đến cũng không đi đâu”. Thế thì, không sanh diệt là Như Lai thanh tịnh thiền, chư pháp không tịch là Như Lai thanh tịnh tọa, rốt ráo không có chứng đắc, huống chi là ngồi ư?

Giản thưa:

- Đệ tử trở về chúa thượng ắt hỏi, xin hòa thượng từ bi chỉ dạy tâm yếu.

Sư nói:

- Đạo không có sáng tối, sáng tối là nghĩa đắp đổi nhau. Sáng, sáng hoài cũng có lúc hết.

Giản nói:

- Sáng dụ cho trí tuệ, tối dụ cho phiền não. Người tu đạo nếu không đem trí tuệ chiếu phá phiền não thì sanh tử từ vô thủy nhờ đâu mà xuất ly được?

Sư nói:

- Nếu đem trí tuệ chiếu phá phiền não thì đó là căn cơ nhỏ của hàng nhị thừa, xe dê nai ... Hàng đại căn thượng trí đều không như thế.

Giản hỏi:

- Thế nào là kiến giải đại thừa?

Sư nói:

- Minh và vô minh tánh chúng không hai, tánh không hai tức là thật tánh. Tánh thật đó nơi phàm ngu mà không giảm, ở thánh hiền mà không tăng, ở phiền não mà không loạn, trong thiền định mà không lặng. Không đoạn không thường, không đến không đi, không ở trung gian cùng với trong ngoài, chẳng sanh chẳng diệt tánh tướng như như, thường trụ không đổi đời. Đó gọi là đạo.

Giản nói:

- Sư nói chẳng sanh chẳng diệt có khác gì ngoại đạo?

Sư dạy:

- Cái mà ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt, là đem cái diệt ngăn cái sanh, lấy cái sanh làm rõ cái diệt; diệt cũng như chẳng diệt, (cũng như) sanh nói là không sanh\*. Cái mà ta nói chẳng sanh chẳng diệt, là xưa vốn không sanh nay cũng không diệt, vì thế chẳng đồng ngoại đạo.

Ông muốn biết tâm yếu, chỉ cần tất cả việc thiện ác đều chớ nghĩ suy, tự nhiên được vào tâm thể thanh tịnh, trạm nhiên (trong trẻo) thường tịch mà diêu dụng như hằng sa.

Giản nhờ chỉ dạy hoá nhiên (thông suốt) đại ngộ. Lễ từ trở về cửa khuyết, dâng biểu tâu lên lời Sư nói. Vua ban chiếu cảm tạ Sư và ban tặng ca sa ma nạp, 500 xấp lụa và một bảo bát. Ngày 19 tháng chạp ban sắc đổi tên Bảo Lâm cổ tự thành chùa Trung Hưng.

Ngày 18 tháng 11 năm Thần Long thứ ba 707, vua lệnh thứ sử Thiều Châu (Vi Cừ) sửa sang xây cất và trang trí thêm chùa Trung Hưng, ban biển ngạch là Pháp Tuyên Tự. Và chùa tại quê nhà Sư ở Tân Châu là Quốc Ân Tự.

---

\* Tâm vọng sanh ra tướng “có” gọi là sanh, sanh ra tướng “không” cũng là sanh. Vậy, sanh sao nói là không sanh?



Một hôm Sư dạy chúng:

- Nay các thiện tri thức, mỗi người các ông hãy tịnh tâm lắng nghe ta thuyết pháp. Tự tâm mỗi người các ông là Phật, chớ nên hồ nghi, ngoài tự tâm không một vật nào có thể kiến lập, muôn thứ pháp đều do bốn tâm sanh. Thế nên Kinh nói: “Tâm sanh các thứ pháp sanh, tâm diệt các thứ pháp diệt”.

Nếu muốn thành tựu chủng trí, phải đạt nhất tướng tam muội và nhất hạnh tam muội. Nếu đối với tất cả chỗ mà không trụ tướng, nơi tướng ấy chẳng sanh ưa ghét cũng không lấy bỏ, không nghĩ đến các việc lợi ích thành hoại ... mà an nhàn điềm tĩnh hư dung đạm bạc, đó gọi là nhất tướng tam muội. Nếu ở mọi nơi đi đứng nằm ngồi, hành trực tâm thuần nhất thì chỗ nào cũng là đạo tràng bất động, mới thành chơn tịnh độ, đó gọi là nhất hạnh tam muội.

Nếu người gồm đủ hai thứ tam muội này, tựa như đất có sẵn hạt giống, chỉ hay gìn giữ trưởng dưỡng sẽ thành tựu cái thật kia, nhất tướng và nhất hạnh cũng giống như vậy. Nay ta thuyết pháp như trời mưa thấm nhuần khắp cả đại địa, Phật tánh các ông dụ như những hạt giống, gặp mưa thấm ướt đều được phát sanh.

Ai theo ý chỉ ta quyết định được bồ đề, y theo ta dạy mà hành nhất định chứng diệu quả.

Năm Tiên Thiên nguyên niên (cuối năm 712 – Đường Huyền Tông), Sư báo đồ chúng:

- Ta lường thẹn thọ y pháp Nhẫn Đại sư, nay thuyết pháp cho các ông mà không truyền y. Bởi vì tín căn các ông đã thuần thực, nhất định không nghi, kham nhận đại sự. Hãy nghe ta nói kệ:

Tâm địa hàm chư chủng,  
Phổ vũ tất giai sanh.  
Đốn ngộ hoa tình dĩ,  
Bồ đề quả tự thành.

Dịch:

Tâm địa chứa các giống,  
Gặp mưa ất nảy mầm.  
Đốn ngộ hoa tình rồi<sup>(73)</sup>,  
Quả bồ đề tự thành.

Sư thuyết kệ xong, lại nói:

---

<sup>(73)</sup> Hoa tình: Tánh Phật sẵn có ngay nơi chúng sanh hữu tình.

- Pháp ấy không hai, tâm ấy cũng vậy. Đạo ấy thanh tịnh cũng không có các tướng, các ông cẩn thận đừng quán tâm ấy là tịnh và không ngơ. Tâm vốn tịnh đó không thể lấy hay bỏ được.

Mỗi người hãy tự nỗ lực tùy duyên đi nhé.

\*

\*            \*

Sư thuyết pháp lợi sanh trải qua bốn mươi năm. Ngày mùng 6 tháng bảy năm đó 712, Sư bảo các đệ tử đến chùa Quốc Ân ở Tân Châu, lo xây tháp Báo Ân và lại sai gia công đôn đốc.

Lại có vị tăng xứ Thục tên Phương Biện, đến yết kiến Sư, thưa:

- Chuyên đắp tượng.

Sư nghiêm sắc mặt, bảo:

- Đắp thử xem!

Phương Biện không lãnh hội yếu chỉ. Rồi đắp chơn tượng Sư, cao khoảng 7 tấc, đường nét rất tinh xảo. Sư nhìn Biện, nói:

- Ông khéo đắp tính chất, không khéo đắp tính Phật.

Sư lấy y vật đền đáp cho, tặng lễ tạ rồi đi.

Năm Tiên Thiên thứ hai 713, ngày mùng một tháng bảy, Sư báo môn nhân:

- Ta muốn về Tân Châu, các ông mau chuẩn bị thuyền chèo phương tiện.

Lúc đó, đại chúng thương mến xin Sư tạm ở lại. Sư nói:

- Chư Phật ra đời còn thị hiện niết bàn, có đến tất phải đi, lý ấy cũng thường nhiên. Hình hài ta đây về tất phải có chỗ.

Chúng thưa:

- Từ đây thầy đi, sớm muộn gì xin thầy cũng trở về.

Sư nói:

- Lá rụng về cội, không hẹn ngày về.

(Diệp lạc quy căn, lai thời vô nhật)

Lại hỏi:

- Chánh pháp nhãn tạng thầy truyền trao cho ai?

Sư đáp:

- Người có đạo thì được, người vô tâm thì thông.

Lại hỏi:

- Ngày sau có tai nạn gì chẳng?

Sư đáp:

- Năm sáu năm sau khi ta nhập diệt, sẽ có một người đến lấy đầu ta. Hãy nghe ta nói sấm ký:

Đầu thượng dưỡng thân,

Khẩu lý tu xan.

Ngộ Mãn chi nạn,

Dương Liễu vi quan.

Dịch:

Dốc lòng nuôi thân<sup>(\*)</sup>,

Miệng cần phải ăn.

Gặp nạn tên Mãn,

Dương, Liễu làm quan.

Sư lại nói:

- Ta tịch rồi, bảy mươi năm sau có hai vị Bồ tát từ phương Đông đến, một người tại gia một người xuất

gia, đồng thời kiến lập tông ta giáo hóa hưng thịnh, sáng lập già lam, pháp tự đông đức<sup>(74)</sup>.

Nói xong Sư đi đến chùa Quốc Ân ở Tân Châu, tắm gội xong ngồi kiết già mà hóa. Khi ấy có mùi thơm xông người, cầu vồng trắng liên giao giáp đất, nhằm ngày mùng 3 tháng tám năm đó 713.

Bấy giờ hai quận Thiệu Châu và Tân Châu đều tu tạo tháp linh, người đạo kẻ tục hai quận không quyết định được sẽ rước chơn thân Sư đi đâu. Thứ sử hai quận cùng thấp hương khẩn vái:

- Khói nhang bay đi đâu thì ý Sư muốn về đó.

Khi đó hương trong lò bốc lên cao, bay thẳng đến Tào Khê. Chúng chọn ngày 13 tháng 11 rước chơn thân về Tào Khê nhập tháp<sup>(75)</sup>. Sư thọ 76 tuổi. Bấy giờ Vi Cừ là thứ sử Thiệu Châu soạn văn bia.

Môn nhân nhớ lại lời sấm ký, có kẻ lấy đầu Sư, mới lấy lá sắt bọc vải sơn quấn chặt cổ Sư. Trong tháp có tín y do Đạt ma truyền (loại vải co giãn sáng nhấp nháy, may từ bông cứng thêu hoa ở giữa mỗi

---

(\*) Thân, nghĩa là cha mẹ.

(74) Người xuất gia là Mã Tổ Đạo Nhất, người tại gia là Bàn Cư Sĩ Đạo Huyền

(75) Tháp Sư bên bờ khe Tào Hầu, nay thuộc chùa Nam Hoa, xưa là chùa Bảo Lâm.

phần, người sau dùng lụa bích lót trong), áo ma nạp bảo bát vua Trung Tông ban, chơn thân do Phương Biện đắp, đạo cụ ... do thị giả chủ tháp chủ quản

Năm Khai Nguyên thứ 10, ngày mùng 3 tháng tám năm nhâm tuất 722, nửa đêm bỗng nghe trong tháp như có tiếng kéo sắt. Tăng chúng sợ hãi thức dậy, thấy một người mặc đồ tang từ trong tháp chạy ra, rồi thấy cổ Sư có vết thương. Đem việc trộm tường trình đầy đủ lên châu huyện, huyện lệnh Dương Khản và thứ sử Liễu Vô Thiểm được đơn tố giác, cấp bách truy nã kẻ trộm. Ngày mùng 5 tìm bắt được kẻ trộm ở thôn Thạch Giác, giải đến Thiều Châu tra hỏi. Khai rằng: Họ Trương tên Tịnh Mãn người huyện Lương, Nhữ Châu, ở chùa Khai Nguyên Hồng Châu, y nhận 20.000 đồng của vị tăng nước Tân La tên Kim Đại Bi, mượn y lấy đầu Lục Tổ Đại sư đem về Hải Đông để cúng dường.

Liễu thái thú nghe lấy lời khai, chưa vội gia hình, bèn thân đến Tào Khê hỏi ý Linh Thao, cao đệ của Sư, xem nên xử đoán thế nào? Thao nói: “Nếu luận theo phép nước mà nói thì đáng lý phải tru di. Nhưng Phật giáo từ bi, kẻ thù người thân đều bình đẳng, huống nữa kẻ kia cầu mong để cúng dường, nên tha tội vậy”. Liễu thái thú vui lòng, khen: “Thế

mới hay cửa Phật thật rộng lớn”, rồi tha kẻ trộm (sau đó, có rất nhiều bậc danh hiền trước thuật cùng tổ chức cúng dường đồ quý hiếm, văn rườm không ghi).

Năm Thượng Nguyên nguyên niên 760, Đường Túc Tông sai sứ đến thỉnh y bát Sư về nội cung cúng dường. Đến năm Vĩnh Thái nguyên niên 765, ngày mùng 5 tháng 5 vua Đại Tông mộng thấy Lục Tổ Đại sư đến đòi y bát. Ngày mùng 7 vua lệnh thứ sử Dương Giám rằng:

“Trẫm mộng thấy thiền sư Huệ Năng đến, bảo đưa ca sa truyền pháp trở về Tào Khê. Nay trẫm nhờ Trấn quốc Đại tướng quân Lưu Sùng Cảnh kính cẩn đưa đi, trẫm xem đó là quốc bảo, các khanh nên an trí tại bốn tự đúng pháp tắc, đặc biệt lệnh tăng chúng có nhiệm vụ giữ gìn tông chỉ Sư phải bảo hộ nghiêm túc, chớ để cho thất lạc hư hỏng”.

Thế mà về sau có người lấy trộm y bát, nhưng mang đi không xa rồi cũng được lấy lại, bị mất như vậy đến bốn lần.

Vua Đường Hiến Tông ban thụy hiệu Đại Giám Thiền Sư, tháp tên Nguyên Hòa Linh Chiếu.



Những năm đầu Khai Bảo (968 – 975 – Tống Thái Tổ), quân triều đình (Bắc Tống) bình định vùng Nam Hải, nơi tàn binh của họ Lưu (Nhà Nam Hán) chống lại vào năm 971, tháp miếu thờ Sư nhiều lần bị nạn binh lửa tàn phá, nhưng chơn thân được tăng giữ tháp bảo hộ không hề hư hao, về sau có người sửa chữa lại mà chưa xong. Gặp lúc Tống Thái Tông tức vị, lưu tâm đến thiên môn, tháp có phần tráng lệ hơn.

Đại sư từ năm Đường Tiên Thiên thứ hai, nhằm năm quý sửu 713, nhập diệt đến nay, Cảnh Đức nguyên niên năm giáp thìn 1004, gồm khoảng 292 năm. Trừ phái Ấn Tông, số người đắc pháp là 33, mỗi vị giáo hóa một nơi, tiêu biểu cho việc kế thừa chánh thức, ngoài ra số người mai danh ẩn tích không thể ghi hết.

Nay đối với chư gia, trong truyện ký lược ghi mười người, gọi là bàng xuất.

\*

\*       \*

## **1. QUẬT ĐA TAM TẠNG TÂY VỰC.**

Người Thiên Trúc. Đông du đến Thiều Dương gặp Lục Tổ, ngay lời nói Sư khế ngộ.

Sau du phương Ngũ Đài, đến thôn Lịch huyện Định Tương, gặp một tăng kết am ngồi tọa thiền.

Tam Tạng hỏi:

- Ông ngồi một mình ở đây làm gì?

Đáp:

- Quán tịnh.

Tam Tạng hỏi:

- Quán đó là ai quán? Tịnh đó là vật gì?

Tăng ấy làm lễ, hỏi:

- Lý đó ra sao?

Tam Tạng hỏi:

- Sao ông không tự quán tự tịnh?

Tăng ấy mờ mịt, không biết đối đáp.

Tam Tạng hỏi:

- Ông xuất thân từ pháp môn của ai vậy?

Đáp:

- Thân Tú Đại sư.

Tam Tạng nói:

- Ở Tây Vực tôi, ngoại đạo căn cơ thấp nhất cũng không hỏng với kiến giải đó. Ngồi không trơ trơ như vậy, với đạo có ích lợi gì?

Tăng ấy lại hỏi Tam Tạng:

- Thầy ông là ai?

Tam Tạng đáp:

- Thầy tôi là Lục Tổ. Sao ông không mau đến Tào Khê để quyết nghị yếu chỉ chơn thật?

Tăng ấy liền rời am đi tham Lục Tổ, thuật đầy đủ việc trước. Lời Lục Tổ dạy phù hợp với Tam Tạng, tăng ấy tin theo.

Về sau không biết Tam Tạng mất ở đâu.

\*

\*       \*

## **2. THIÊN SƯ PHÁP HẢI Ở THIỀU CHÂU.**

Người Khúc Giang. Ban đầu tham kiến Lục Tổ, hỏi:

- Tức tâm là Phật, xin thầy rủ lòng chỉ dạy:

Tổ nói:

- Trước niệm không sanh là tâm, sau niệm không diệt là Phật. Tạo thành tất cả tướng là tâm, lìa tất cả tướng là Phật.

Nếu ta nói đầy đủ cùng kiếp không hết. Hãy nghe ta nói kệ:

Tức tâm danh huệ,	Dịch: Tức tâm là huệ,
Tức Phật nãi định.	Tức Phật là định.
Định huệ đẳng trì,	Định huệ đồng tu,
Ý trung thanh tịnh.	Thanh tịnh trong ý.
Ngộ thử pháp môn,	Ngộ pháp môn này,
Do nhữ tập tánh.	Do ông tập quen.
Dụng bốn vô sanh,	Dụng vốn không sanh,
Song tu thị chánh.	Song tu mới đúng.

Pháp Hải tin nhận, dùng kệ tán thán:

Tức tâm nguyên thị Phật,  
Bất ngộ nhi tự khuất.  
Ngã tri định huệ nhân,  
Song tu ly chư vật.

Dịch:

Tức tâm vốn là Phật,

Chẳng ngộ mà tự khuất.

Tôi biết nhân định huệ,

Song tu lia các vật.

(Đàn Kinh ghi “Môn nhân Pháp Hải”, đó là thiền sư vậy)

\*

\*       \*

### **3. THIỀN SƯ CHÍ THÀNH Ở KIẾT CHÂU.**

Người Thái Hòa, Kiết Châu. Lúc còn nhỏ theo phụng sự thiền sư Thần Tú ở chùa Ngọc Tuyền, núi Dương Dương, Kinh Nam. Sau nhân hai Tông giáo hóa thành hành, đồ chúng của Thần Tú thường hay chê Nam Tông:

- Đại sư Huệ Năng không biết một chữ, có tài năng đặc biệt nào?

Tú nói:

- Người đó được trí vô sư, thâm ngộ thượng thừa, ta chẳng bằng. Vả thầy ta Ngũ Tổ đích thân truyền y pháp, há phải hồ đồ đâu? Ta hận không thể đi xa được thân cận, ở đây luống thọ quốc ân. Những người các ông không nên trì trệ nơi đây, nên đi Tào

Khê hỏi lại những chỗ còn nghi ngờ, ngày kia trở về nói lại cho ta nghe.

Sư nghe thầy mình nói như vậy, lễ từ đi đến Thiều Dương, theo chúng tham thỉnh mà không nói từ đâu đến. Bấy giờ Lục Tổ bảo chúng:

- Bữa nay có người trộm pháp, trà trộn trong pháp hội này.

Sư bước ra lễ bái trình đầy đủ sự việc. Tổ hỏi:

- Thầy ông dạy chúng như thế nào?

Đáp:

- Thường chỉ bảo đại chúng trụ tâm quán tịnh, ngồi hoài không nằm.

Tổ nói:

- Trụ tâm quán tịnh là bệnh đau phải thiền. Ngồi hoài câu thúc thân, với lý thiền có ích gì?

Hãy nghe ta nói kệ:

Sanh lai tọa bất ngộ,	Dịch: Khi sống ngồi không nằm,
Tử khứ ngộ bất tọa.	Chết rồi nằm không ngồi.
Nguyên thị xú cốt đầu,	Vốn là khúc xương hôi,
Hà vi lập công quả?	Làm sao lập công quả?

Sư hỏi:

- Chưa biết Đại sư dùng pháp gì dạy người?

Tổ đáp:

- Nếu ta nói có pháp cho người tức là đối gạt ông.  
Chỉ tạm tùy phương tiện cởi trói, tạm gọi là tam muội.

Hãy nghe ta nói kệ:

Nhất thiết vô tâm tự tánh giới,  
Nhất thiết vô ngại tự tánh huệ.  
Bất tăng bất thoái tự kim cang,  
Thân khứ thân lai bốn tam muội.

Dịch:

Vô tâm tất cả, tự tánh giới,  
Vô ngại tất cả, tự tánh huệ.  
Không tăng không giảm, tự kim cang,  
Thân đến thân đi, vốn tam muội.

Sư nghe kệ bèn sám hối tạ lỗi, xin được trở về  
nương theo. Rồi trình một bài kệ:

Ngũ uẩn huyễn thân,	Dịch: Thân huyễn ngũ uẩn,
Huyễn hà cứu cánh?	Huyễn đâu cứu cánh?
Hồi thú chơn như,	Hướng tới chơn như,
Pháp hoàn bất tịnh.	Pháp còn bất tịnh.

Tổ thừa nhận, sau đó Sư trở về Ngọc Tuyền.

\*

\*       \*

#### 4. THIÊN SƯ HIẾU LIỄU NÚI BIỂN THIỀM.

Truyện ký không ghi, chỉ có môn nhân Bắc Tông là Hốt Lôì Trùng viết văn bia ở tháp Sư, được truyền thành hành ngoài đời.

Tóm lược: Sư trụ núi Biển Thiềm, pháp hiệu Hiếu Liễu, là đích tự (pháp tự chánh truyền) của Lục Tổ.

Sư được vô tâm nơi tâm, liễu vô tướng nơi tướng; vô tướng là sum la vạn tượng bày chói mắt, vô tâm là phân biệt rõ ràng. Dứt tuyệt bên tiếng bên vang, vang không thể truyền truyền là đi (hành) rồi, tiếng không thể cùng cùng là chẳng phải (phi) rồi. Sư tự được không, không là không chẳng không nơi không vậy; ta nay đang có, có là có chẳng có nơi có vậy. Chẳng có là đến đi có mà chẳng phải tăng, chẳng không là niết bàn không mà chẳng phải giảm.

Than ôi!

Sư trụ thế chừ Tào Khê tỏ,

Sư tịch diệt chừ thuyền pháp nghiêng.



Sư nói hay nín chừ hoàn vũ đầy,  
Sư dạy chúng mê chừ thừa liễu nghĩa.  
Màu núi Biển Thiêm phô sắc thắm,  
Hang không còn mãi Hiếu Liễu danh.

\*

\*           \*

## 5. THIÊN SƯ TRÍ HOÀNG Ở HÀ BẮC.

Ban đầu tham học nơi pháp tịch Ngũ Tổ, tuy thường thưa hỏi nhờ quyết nghi nhưng lại thuận theo đường tiệm. Về sau đến Hà Bắc kết am chuyên tọa thiền, trên hai mươi năm không hề biếng nhác.

Khi gặp môn nhân Lục Tổ là Thiền sư Huyền Sách du phương đến đó, khích lệ Sư phải đi cầu pháp yếu. Sư bèn bỏ am đi tham vấn Lục Tổ.

Tổ thương ông từ phương xa đến mà rủ lòng khai mở. Qua lời Tổ dạy Sư hoá nhiên khế ngộ, tâm sở đắc 20 năm trước không còn ảnh hưởng. Đêm ấy ở Hà Bắc, đàn việt sĩ thứ bỗng nghe có tiếng nói trong không trung: “Thiền sư Hoàng hôm nay đắc đạo”.

Sau Sư về Hà Bắc khai hóa tứ chúng.

\*

\*           \*

## 6. THIÊN SƯ PHÁP ĐẠT Ở HỒNG CHÂU.

Người ở Phong Thành, Hồng Châu. Bảy tuổi xuất gia tụng kinh Pháp Hoa. Sau khi thọ giới cụ túc, đến lễ Tổ Sư đầu không chắm đất, Tổ quở:

- Lễ mà đầu không sát đất chi bằng đừng lễ. Trong tâm ông ắt có một vật tích chứa đã lâu, việc gì vậy?

Sư đáp:

- Tụng Kinh Pháp Hoa đã tới 3.000 bộ.

Tổ nói:

- Ông nếu tụng đến muôn bộ, đạt ý kinh đó mà không cho là hơn thì cùng ta đồng hành. Nay ông mang sự nghiệp đó, hoàn toàn không biết lỗi. Hãy nghe ta nói kệ:

Lễ bỗn chiết mạn tràng, Dịch: Lễ vốn gãy cờ mạn,

Đầu hề bất chí địa?           Đầu sao không chắm đất?

Hữu ngã tội tức sanh,           Có ngã tội liền sanh,

Vong công phước vô tỉ.           Quên công phước vô cùng.

Tổ lại hỏi:

- Ông tên gì?

Đáp:

- Tên Pháp Đạt.

Tổ nói:

- Ông tên Pháp Đạt, đâu từng đạt pháp?

Tổ lại nói kệ:

Nhữ kim danh Pháp Đạt,	Dịch: Ông nay tên Pháp Đạt,
Cần tụng vị hư hiết.	Siêng tụng chưa bỏ sót.
Không tụng dẫn tuần thanh	Chỉ tụng sông theo tiếng,
Minh tâm hiệu Bồ tát.	Minh tâm hiệu Bồ tát.
Nhữ kim hữu duyên cố,	Ông nay có duyên cố,
Ngô kim vị nữ thuyết.	Nay ta thuyết cho ông.
Đã tin Phật vô ngôn,	Chỉ tin Phật không lời,
Liên hoa tòng khẩu phát.	Hoa sen từ miệng sanh.

Sư nghe kệ hối lỗi, thưa:

- Từ nay về sau phải khiêm cung tất cả. Chỉ mong Hòa thượng đại từ lược nói nghĩa lý trong kinh.

Tổ hỏi:

- Ông tụng kinh này lấy gì làm tông?

Sư đáp:

- Học nhân ngu độn, từ nào đến giờ chỉ y theo văn tụng niệm, đâu biết tông thú.

Tổ nói:

- Ông thử tụng một biến cho ta nghe, ta sẽ giải thuyết cho ông.

Sư liền cất tiếng tụng kinh đến phẩm Phương Tiện. Tổ bảo:

- Thôi! Kinh này hóa ra lấy nhân duyên xuất thế làm tông, dù cho có nói nhiều thứ thí dụ cũng không ngoài ý này: Cái gì là nhân duyên? – Chỉ có một đại sự thôi, một đại sự đó tức là tri kiến Phật.

Ông thận trọng chớ hiểu sai ý kinh. Thấy kinh nói khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, thì hiểu tất nhiên là tri kiến của Phật, chúng ta lại vô phần. Nếu hiểu như thế lại là báng kinh hủy Phật, kia đã là Phật đã đầy đủ tri kiến, cần gì khai nữa? Ông nay phải tin tri kiến Phật chỉ là tự tâm ông, không còn cái thể nào khác nữa.

Bởi vì tất cả chúng sanh tự che đậy quang minh, tham ái trần cảnh duyên bên ngoài, rối loạn bên trong, đành chịu rong ruổi. Làm nhọc đến Phật kia, phải rời tam muội, mỗi miệng lẩm mà đình ninh

khuyên bảo “Hãy thôi nghĩ đi, đừng hương ngoại tìm cầu nữa thì cùng Phật không hai”. Thế nên nói khai tri kiến Phật.

Ông chỉ khư khư chấp tụng, gọi đó là công khóa, có khác gì con trâu ly mấn cái đuôi của nó?<sup>(76)</sup>

Sư thưa:

- Như vậy chỉ cần hiểu được nghĩa, khỏi phiền tụng kinh ư?

Tổ nói:

- Kinh có lỗi gì, đâu không cho ông tụng? Chỉ là mê ngộ bởi người, lợi hại do ông. Hãy nghe ta nói kệ:

Tâm mê Pháp Hoa chuyển, Dịch:Tâm mê Pháp Hoa chuyển,	
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa.	Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa.
Tụng cứu bất minh kỷ,	Tụng lâu không rõ mình,
Dữ nghĩa tác thù gia.	Với nghĩa thành oan gia.
Vô niệm niệm tức chánh,	Niệm vô niệm tức chánh,
Hữu niệm niệm thành tà.	Niệm hữu niệm thành tà <sup>(77)</sup> .

---

<sup>(76)</sup> Con trâu ly có cái đuôi đẹp, nó bảo hộ quý mấn không dám dùng, thành ra cái đuôi nó vô dụng còn mắc công giữ.

<sup>(77)</sup> Niệm vô niệm như tri kiến vô kiến; Niệm hữu niệm như tri kiến lập tri trong Kinh Lăng Nghiêm.

Hữu vô câu bất kể,

Hữu vô đều chẳng kể,

Trường ngự bạch ngư xa.

Hàng ngồi xe trâu trắng.

Sư nghe kệ xong, lại thưa:

- Kinh nói: “Chư đại thanh văn cho đến bồ tát đều cùng nhau hết sức nghĩ lường, còn không thể lường nổi trí Phật”. Nay muốn cho phàm phu chỉ cần ngộ tự tâm thì gọi là tri kiến Phật, tự họ chẳng phải hạng thượng căn ắt khó tránh nghi báng. Hơn nữa kinh nói ba xe: xe dê nai trâu, với xe trâu trắng khác nhau như thế nào? Xin Hòa thượng rủ lòng tuyên thuyết lại.

Tổ nói:

- Ý kinh rõ ràng, tự ông mê thành trái. Các người tam thừa không thể đo lường trí Phật, lỗi họ tại đo lường, dù cho họ hết sức cùng nhau nghĩ suy thì trái lại họ càng cách xa. Phật vốn thuyết cho phàm phu nghe, chẳng thuyết cho Phật, vì không tin nhận lý này nên họ thối tịch theo kia mà hoàn toàn không biết mình đã ngồi xe trâu trắng rồi, còn tìm ba xe ở ngoài cửa. Huống nữa kinh vẫn nói rõ ràng với ông rằng không có hai cũng không có ba, sao ông không xét rõ?

Tam xe là giả lập vì việc trước, nhất thừa là thật vì việc bây giờ, chỉ cần dạy ông bỏ giả về thật, sau khi về thật rồi thì thật cũng không tên. Nên biết tài sản quý báu sở hữu đều thuộc về ông, do ông thọ dụng, lại không khởi nghĩ đến cha, cũng không khởi nghĩ đến con, cũng không cần nghĩ.

Như thế gọi là trì kinh Pháp Hoa từ kiếp này đến kiếp kế, tay không rời quyển kinh, suốt ngày lẫn đêm không lúc nào không tụng.

Sư đã nhờ khai mở, lòng hớn hở vui mừng, làm kệ tán thán:

Kinh tụng tam thiên bộ,	Dịch: Kinh tụng ba ngàn bộ,
Tào Khê nhất cú vong.	Tào Khê một câu không.
Vị minh xuất thế chỉ,	Chưa rõ lối xuất thế,
Ninh hiết lũy sanh cuồng.	Đâu hết cuồng nhiều đời.
Dương lộc ngư quyền thiết,	Dê nai trâu quyền lập,
Sơ trung hậu thiện dương.	Trước giữa sau khéo bày.
Thùy tri hỏa trạch nội,	Ai biết trong nhà lửa,
Nguyên thị pháp trung vương?	Vốn là đáng pháp vương?

Tổ nói:

- Từ nay về sau ông mới đáng tên là tăng tụng kinh.

Từ lúc Sư lãnh hội huyền chỉ rồi, cũng chẳng bỏ việc tụng kinh.

\*

\*            \*

## 7. THIÊN SỰ TRÍ THÔNG Ở THỌ CHÂU.

Người An Phong, Thọ Châu. Lúc đầu xem kinh Lăng Già đến hơn ngàn lần mà không hiểu tam thân tứ trí. Đến lễ Đại sư cầu giải nghĩa này.

Tổ nói:

- Tam thân là: Thanh tịnh pháp thân, là tánh của ông; viên mãn báo thân, là trí tuệ của ông; thiên bá ức hóa thân, là hạnh của ông.

Nếu lìa bốn tánh, riêng nói ba thân thì gọi là có thân mà không có trí. Nếu ngộ ba thân không có tự tánh<sup>(78)</sup> thì gọi là tứ trí bồ đề. Hãy nghe ta nói kệ:

Tự tánh cụ tam thân,            Dịch: Tự tánh đủ ba thân,

Phát minh thành tứ trí,            Phát minh thành tứ trí,

---

<sup>(78)</sup> Ở đây, chữ tự tánh nghĩa là ngã, tự ngã. Không có tự tánh (vô tự tánh) tức là vô ngã, là không (rỗng không). Chữ tự tánh thường dùng trong thiên tông Trung Quốc chỉ cho bản thể, đồng nghĩa với Phật tánh, chơn ngã.



Bất ly kiến văn duyên,                      Chẳng lìa duyên thấy nghe,  
Siêu nhiên đấng Phật địa.                Siêu nhiên lên Phật địa.  
Ngô kim vị nữ thuyết,  
Đế tón vĩnh vô mê,  
Mạc học trì cầu giả,  
Chung nhật thuyết bồ đề.                Nay tôi vì ông nói,  
Tin chắc hằng không mê,  
Chớ học kẻ tìm cầu,  
Suốt ngày nói bồ đề.

Sư hỏi:

- Nghĩa về tứ trí có thể nghe được chăng?

Tổ nói:

- Đã hiểu ba thân thì rõ tứ trí, sao còn hỏi nữa?  
Nếu lìa ba thân mà riêng bàn tứ trí, đó gọi là có trí  
mà không thân, theo đó có trí lại thành không trí.

Tổ lại nói kệ:

Đại viên cảnh trí, tánh thanh tịnh,  
Bình đẳng tánh trí, tâm vô bệnh,  
Diệu quan sát trí, kiến phi công,  
Thành sở tác trí, đồng viên cảnh,  
Ngũ bát lục thất quả nhân chuyển.  
Chỉ dùng danh ngôn không thật tánh,  
Nếu ngay chỗ chuyển chẳng lưu tình,

Chỗ luôn ồn náo Na già định.

(Chuyển thức thành trí. Trong giáo nói: Chuyển tiền ngũ thức làm thành sở tác trí, chuyển thức thứ sáu làm diệu quan sát trí, chuyển thức thứ bảy làm bình đẳng tánh trí, chuyển thức thứ tám làm đại viên cảnh trí. Tuy thức thứ sáu thứ bảy chuyển trong nhân, tiền ngũ thức và thức thứ tám chuyển trên quả, nhưng chỉ chuyển cái tên nó mà không chuyển cái thể nó)<sup>(79)</sup>.

Sư lễ tạ, dùng kệ tán thán:

Tam thân nguyên ngã thể, Dịch: Ba thân vốn thân ta,

Tứ trí bốn tâm minh.                      Bốn trí vốn tâm sáng.

Thân trí dung vô ngại,                      Thân trí thông vô ngại,

Ứng vật nhậm tùy hình.                      Ứng vật mặc tùy hình.

Khởi tu giai vọng động,                      Nghĩ tu đều vọng động,

---

<sup>79</sup> Ý căn phóng quang trực tiếp qua năm cửa (căn), đủ duyên năm trần (tướng sở) huyền hiện, nhưng vì không bỏ quên ánh sáng trí tuệ (phóng quang) nên năm trần hóa rộng không, đạt nghĩa vô trụ vô tướng. Trần đã không, ý căn không lập tướng năng cho nên ngã không thì thức thứ bảy chuyển thành bình đẳng tánh trí. Ngã pháp (căn trần) đều rộng không thì thức thứ tám phục hồi tự thể tròn đầy mà linh tri diệu dụng, như tấm gương tròn sáng đồng thái hư; năm trần ứng duyên tự đến tự đi trong thể như như bất động này, như hoa đóm trong hư không. Vậy chỉ cần chuyển thức thứ sáu thứ bảy (trong nhân) thì thức thứ tám và tiền ngũ thức (năm thức thân) sẽ chuyển theo (trên quả).

Thủ trụ phải chơn tinh.

Giữ trụ trái chơn tinh.

Diệu ngôn nhân sư hiểu,

Lời diệu nhờ Tổ rõ,

Chung vong ô nhiễm danh.

Quên hết danh nhiễm ô.

\*

\*

\*

## 8. THIÊN SƯ CHÍ TRIỆT Ở GIANG TÂY

Người ở Giang Tây, họ Trương, tên Hành Xương. Lúc nhỏ Xương làm hiệp khách, từ khi thiên tông phân hóa thành Nam Bắc, chủ hai tông tuy không có bỉ ngã nhưng đồ lũ tranh nhau sanh ứa ghét, khi đó môn nhân Bắc Tông tự lập sư Tú làm Tổ thứ sáu, mà đổ kỵ việc truyền y cho Huệ Năng Đại sư được thiên hạ đều biết. Nhưng Tổ là Bồ tát dự biết chuyện đó, để trước mười lượng vàng ở phương trượng. Bấy giờ Hành Xương nhận lời với môn nhân Bắc Tông, nửa đêm giấu đao vào thất Tổ sắp muốn ra tay, Tổ đưa cổ mà nhận, Hành Xương vung đao chém ba lần đều không gây tổn hại.

Tổ nói:

- Gươm chánh chẳng làm việc tà, gươm tà chẳng làm việc chánh. Ta chỉ nợ ông vàng không nợ ông mạng.

Hành Xương sợ hãi ngã xuống đất, hồi lâu mới tỉnh lại, xót xa hối lỗi bèn xin xuất gia. Tổ đưa vàng cho, nói:

- Ông hãy đi đi. Sợ đồ chúng biết được lại hại ông, ngày khác nên đổi hình dạng mà đến, ta sẽ thu nhận ông.

Hành Xương tuân lời bỏ trốn trong đêm. Sau xuất gia đầu tăng, thọ giới cụ túc, tinh tấn tu hành. Một hôm nhớ lời Tổ dặn, từ xa đến lễ ra mắt, Tổ nói:

- Ta trông ông lâu rồi, sao ông đến muộn vậy?

Đáp:

- Xưa nhờ ân Hòa thượng tha tội, nay tuy xuất gia khổ hạnh trọn khó báo đáp thâm ân. May ra chỉ được truyền pháp độ sanh mà thôi!

Đệ tử thường xem kinh Niết bàn chưa hiểu nghĩa thường, vô thường, xin Hòa thượng từ bi tóm lược nói rõ nghĩa cho.

Tổ nói:

- Vô thường tức là Phật tánh; hữu thường tức là tâm phân biệt, tất cả các pháp thiện ác.

Đáp:

- Lời Hòa thượng nói đó rất trái kinh văn.

Tổ nói:

- Ta truyền tâm ấn Phật, sao dám trái với Kinh Phật?

Đáp:

- Kinh nói Phật tánh là thường, Hòa thượng lại nói vô thường. Các pháp thiện ác cho đến tâm bồ đề đều là vô thường, Hòa thượng lại nói là thường. Thế thì trái ngược nhau, khiến học nhân càng sanh thêm nghi hoặc.

Tổ nói:

- Kinh Niết bàn trước đây ta đã nghe ni Vô Tận Tạng đọc tụng một lần rồi vì ni giảng thuyết. Không có một chữ một nghĩa nào chẳng hợp với kinh văn, cho đến nay vì ông trọn không có hai lời.

Đáp:

- Học nhân trình độ trí thức mê mờ nông cạn, mong Hòa thượng uyển chuyển khai thị.

Tổ nói;

- Ông biết chăng? Phật tánh nếu thường thì còn nói gì các pháp thiện ác, cho đến cùng kiếp không có một người nào phát tâm bồ đề. Thế nên ta nói Phật tánh vô thường, chính là Phật thuyết đạo chơn thường vậy.

Lại nữa, tất cả các pháp nếu vô thường thì vật vật đều có tự tánh (ngã) ắt phải chịu đựng sanh tử và tánh chơn thường ắt phải có chỗ chẳng biến khắp. Thế nên ta nói tất cả các pháp là thường, chính là Phật thuyết nghĩa chơn vô thường vậy.

Đức Phật lúc đầu vì phàm phu ngoại đạo chấp với tà thường, những người nhị thừa với thường cho là vô thường cộng thành tám cái điên đảo<sup>(80)</sup>. Thế nên trong kinh Niết bàn liễu nghĩa, Phật dạy nhằm phá cái thiên kiến của họ mà chỉ rõ cái chơn thường, chơn ngã, chơn tịnh. Ông nay theo lời trái nghĩa, cho vô thường là đoạn diệt và hiểu thường như trơ trơ chết cứng, mà hiểu sai đi vì ngôn tối hậu viên diệu

---

<sup>80</sup> Tám cái chấp điên đảo của phàm phu và nhị thừa: Nhị thừa chấp vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh mà phàm phu chấp ngược lại thường, ngã, lạc, tịnh. Kinh Niết bàn thuyết về chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh.

của Phật. Giá có xem kinh đến ngàn lần phỏng có ích lợi gì?

Hành Xương chột như người tỉnh cơn say, mới nói kệ:

Nhân thủ vô thường tâm, Dịch:Nhân chấp tâm vô thường,	
Phật diễn hữu thường tánh. Phật nói tánh hữu thường.	
Bất tri phương tiện giả,	Người chẳng hiểu phương tiện,
Do xuân trì chấp lịch.	Như ao xuân mò gạch.
Ngã kim bất thi công,	Tôi nay chẳng dụng công,
Phật tánh nhi hiện tiền.	Mà Phật tánh hiện tiền.
Phi sư tương thọ dĩ,	Không phải thầy truyền cho,
Ngã diệc vô sở đắc.	Tôi cũng không sở đắc.

Tổ nói:

- Ông nay triệt ngộ, nên gọi tên là Chí Triệt.

Sư lễ tạ rồi rút lui.

\*

\* \*

## **9. THIÊN SƯ TRÍ THƯỜNG Ở TÍN CHÂU.**

Người Quý Khê, bốn châu. Tuổi nhỏ xuất gia, chí cầu kiến tánh. Một hôm tham kiến Lục Tổ, Tổ hỏi:

- Ông từ đâu đến, muốn cầu việc gì?

Sư đáp:

- Gần đây học nhân đến núi Bạch Phong, huyện Kiến Xương, Hồng Châu, lễ Hòa thượng Đại Thông, nhờ dạy cho nghĩa kiến tánh thành Phật. Lòng còn hồ nghi chưa quyết định, đến Kiệt Châu gặp người mách bảo, khuyên đến yết kiến Hòa thượng. Cúi xin Hòa thượng từ bi thu nhận.

Tổ hỏi:

- Hòa thượng kia có lời nói nào? Ông thử thuật lại, ta sẽ chứng minh cho ông.

Sư nói:

- Từ khi mới đến đó, tới ba tháng chưa được Hòa thượng kia khai thị. Vì tâm cầu pháp tha thiết, nên nửa đêm một mình vào phương trượng lễ bái khẩn cầu. Đại Thông mới hỏi: “Ông thấy hư không chăng?” Đáp “Thấy”. Kia hỏi “Ông thấy hư không có tướng mạo không?” Đáp “Hư không vô hình, có tướng mạo nào?”. Kia nói “Bổn tánh ông giống như hư không. Phản quan tự tánh thì hoàn toàn không có một vật nào để thấy, đó gọi là chánh kiến; không có một vật nào để biết, đó gọi là chơn tri; không có xanh vàng dài ngắn, chỉ thấy bản nguyên thanh tịnh, thể giác tròn sáng, đó gọi là kiến tánh thành Phật,



cũng gọi là thế giới cực lạc, cũng gọi là tri kiến Như Lai”.

Học nhân tuy nghe được lời đó, còn chưa hết nghi. Xin Hòa thượng chỉ dạy khiến cho không còn ngưng trệ.

Tổ nói:

- Lời thầy kia dạy còn có thấy biết cho nên ông chưa liễu. Nay ta dạy ông một bài kệ:

Bất kiến nhất pháp tồn vô kiến,  
Đại tợ phù vân già nhật diện.  
Bất tri nhất pháp thủ không tri,  
Hoàn như thái hư sanh thiếu diện.  
Thử chi tri kiến miết nhiên hưng,  
Thác nhận hà tăng giải phương tiện?  
Nhữ đương nhất niệm tự tri phi,  
Tự kỷ linh quang thường hiển hiện.

Dịch:

Chẳng thấy pháp nào, còn thấy không,  
Y như mây nổi che mặt trời.  
Chẳng biết một pháp, chấp biết không,

Lại như thái hư sanh ánh chớp.

Thấy, biết đó bỗng nhiên sanh khởi,

Lâm nhận bao giờ hiểu phương tiện?

Ông nên một niệm tự biết lỗi,

Tự kỷ linh quang thường hiển hiện.

Sư nghe kệ xong tâm ý thông suốt, bèn thuật một bài kệ:

Vô đoan khởi tri giải	Dịch: Vô cố sanh hiểu biết,
Trước tướng cầu bồ đề.	Chấp tướng cầu bồ đề.
Tình tồn nhất niệm ngộ,	Tình còn một niệm ngộ,
Ninh việt tích thời mê?	Sao vượt mê thử trước?
Tự tánh giác nguyên thể,	Tự tánh nguồn giác thể,
Tùy chiếu uổng thiên lưu.	Theo chiếu uổng đổi đời.
Bất nhập Tổ sư thất,	Chẳng vào thất Tổ sư,
Mang nhiên thú lưỡng đầu.	Mờ mịt hưởng hai đầu.

\*

\* \*

## 10. THIÊN SƯ CHỈ ĐẠO Ở QUẢNG CHÂU.

Người Nam Hải. Ban đầu đến tham vấn Lục Tổ, thưa:

- Từ khi học nhân xuất gia, xem kinh Niết bàn có hơn mười năm mà chưa rõ đại ý. Mong Hòa thượng rủ lòng dạy bảo.

Tổ hỏi:

- Ông chưa rõ chỗ nào?

Đáp:

Chư hành vô thường,	Dịch: Chư hành vô thường,
Thị sanh diệt pháp.	Là pháp sanh diệt.
Sanh diệt diệt dĩ,	Sanh diệt diệt rồi,
Tịch diệt vi lạc.	Tịch diệt là vui <sup>(81)</sup> .

Còn nghi hoặc chỗ đó.

Tổ hỏi:

- Vì sao ông sanh nghi?

Đáp:

- Tất cả chúng sanh đều có hai thân, là sắc thân và pháp thân. Sắc thân vô thường có sanh có diệt, pháp thân hữu thường vô tri vô giác. Kinh nói “Sanh

---

<sup>(81)</sup> Có chủ tâm tạo tác một sự việc, cả ý định và việc làm đều gọi là hành. Hành bao gồm thân khẩu ý, có khả năng tạo nghiệp và dẫn đến tái sanh. Hành còn là uẩn thứ tư trong ngũ uẩn, là chi thứ hai trong mười hai nhân duyên.

diệt diệt rồi, tịch diệt là vui” đó, chưa biết thân nào tịch diệt thân nào thọ vui?

Nếu là sắc thân tịch diệt, khi sắc thân diệt thì tứ đại phân tán, toàn là khổ, khổ đâu thể nói vui. Nếu là pháp thân tịch diệt tức đồng với cỏ cây gạch đá, thì ai sẽ thọ lạc? Hơn nữa pháp tánh là thể của sanh diệt, ngũ uẩn là dụng của sanh diệt; năm dụng luôn sanh diệt trong nhất thể, sanh thì từ thể khởi dụng, diệt thì thâm dụng quy về thể. Nếu để mặc cho năm dụng sanh lại, tức là loài hữu tình không đoạn không diệt; nếu không cho năm dụng sanh lại thì mãi mãi quy về tịch diệt, tức là hữu tình đồng với vật vô tình.

Như vậy, tất cả các pháp đều bị niết bàn chế phục cấm chỉ, sanh còn không được thì có gì là vui đâu?

Tổ nói:

- Ông là Thích tử sao còn quen thói tà kiến đoạn thường của ngoại đạo mà nghị luận pháp tối thượng thừa? Cứ theo chỗ ông hiểu thì ngoài sắc thân riêng có pháp thân, lìa sanh diệt cầu nơi tịch diệt; lại suy luận niết bàn là thường vui, nói có thân thọ vui. Đó là chấp trước luyến tiếc sự sanh tử, tham đắm cái vui thế gian.

Nay ông phải biết, Phật vì tất cả những người mê nhận năm uẩn hòa hợp làm tướng thân của mình (ngã), họ phân biệt tất cả pháp là tướng trần bên ngoài, ưa sống ghét chết niệm niệm đổi dời, chẳng biết ngã pháp là mộng huyễn hư giả mới luống chịu luân hồi, đến nỗi niết bàn thường vui lại cho là tướng khổ mà suốt ngày tìm cầu niết bàn. Vì thế Phật thương mới chỉ cho cái vui thật của niết bàn (chơn lạc): “Trong sát na không có tướng sanh, trong sát na không có tướng diệt, lại cũng không có sự sanh diệt nào để diệt. Đó là tịch diệt hiện tiền. Đương lúc tịch diệt hiện tiền, cũng không có sự nghĩ tưởng về hiện tiền mới gọi là thường vui (thường lạc)”. Cái vui đó không có người thọ cũng không có người chẳng thọ, há có tên gọi “một thể năm dụng”, huống chi còn nói niết bàn chế phục cấm chỉ các pháp khiến cho mãi mãi không sanh. Đó là báng Phật hủy pháp, hãy nghe ta nói kệ:

Vô thượng đại niết bàn,	Dịch: Vô thượng đại niết bàn,
Viên minh thường tịch chiếu,	Viên minh hằng tịch chiếu <sup>(82)</sup> ,
Phàm ngu vị chi tử,	Phàm ngu gọi là chết,

---

<sup>(82)</sup> Viên minh: Sáng suốt tròn đầy. Tịch: Thể không tịch, ngã pháp đều không, vắng lặng tuyệt đối, vượt qua tất cả đối đãi, hay lìa các pháp; Chiếu: Dụng, tác dụng chiếu soi, hay sanh các pháp. Tịch chiếu không hai.

Ngoại đạo chấp vi đoạn,  
Chư cầu nhị thừa nhân,  
Mục dĩ vô vi tác.  
Tận thuộc tình sở kế,  
Lục thập nhị kiến bản,  
Vọng lập hư giả danh,  
Hà vi chơn thực nghĩa?  
Duy hữu quá lượng nhân,  
Thông đạt vô thủ xả,  
Dĩ tri ngũ uẩn pháp,  
Cập dĩ uẩn trung ngã,  
Ngoại hiện chúng sắc tướng,  
Nhất nhất âm thanh tướng,  
Bình đẳng như mộng huyễn,  
Bất khởi phàm thánh kiến,  
Bất tác niết bàn giải,  
Nhị biên tam tế đoạn,

Ngoại đạo chấp là đoạn,  
Những người cầu nhị thừa,  
Gọi đó tu vô vi.  
Đều thuộc tình sở chấp,  
Gốc sáu mươi hai kiến<sup>(83)</sup>,  
Vọng lập tên hư giả,  
Sao là nghĩa chơn thật?  
Chỉ có người quá lượng<sup>(84)</sup>,  
Thông đạt không thủ xả,  
Vì biết pháp ngũ uẩn,  
Và vì ngã trong uẩn,  
Ngoài hiện các hình sắc,  
Mỗi mỗi tướng âm thanh,  
Bình đẳng như mộng huyễn,  
Không khởi thấy phàm thánh,  
Không sanh hiểu niết bàn,  
Nhị biên tam tế đoạn<sup>(85)</sup>,

---

<sup>(83)</sup> Sáu mươi hai kiến.

Tứ cú (hữu thường, vô thường, thường vô thường, phi thường phi vô thường) × ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) = 20

20 × tam tế (quá khứ, hiện tại, vị lai) = 60

60 + hữu (chấp thường) và vô (chấp đoạn) = 62

<sup>(84)</sup> Người quá lượng: Người kiến tánh.

Thường ứng chư căn dụng,	Thường ứng dụng các căn,
Nhi bất khởi dụng tưởng,	Mà không khởi tưởng dụng,
Phân biệt nhất thiết pháp,	Phân biệt tất cả pháp,
Bất khởi phân biệt tưởng.	Không khởi tưởng phân biệt.
Kiếp hỏa thiêu hải đế,	Kiếp lửa thiêu đáy biển,
Phong cổ sơn tướng kích,	Gió động kích tướng núi,
Chơn thường tịch diệt lạc,	Vui tịch diệt chơn thường,
Niết bàn tướng như thị.	Tướng niết bàn như thế.
Ngô kim cương ngôn thuyết,	Nay ta buộc phải nói,
Linh nhữ xả tà kiến,	Cho ông bỏ tà kiến,
Nhữ vật tùy ngôn giải,	Ông chớ theo lời hiểu,
Hứa nhữ tri thiếu phần.	Hứa ông biết ít phần.
Sư nghe kệ hớn hở vui mừng, làm lễ rồi lui.	

\*

\*       \*

---

<sup>85</sup> Nhị biên: Có hai bên đối đãi, biên kiến. Chấp hữu vô là nguồn gốc của nhị biên đối đãi.

Tam tế: Quá khứ, hiện tại, vị lai.

## 11. HÒA THƯỢNG ẮN TÔNG CHÙA PHÁP TÁNH QUẢNG CHÂU.

Người Ngô Quận, họ Ắn. Từ khi Sư xuất gia đã nghiên cứu tinh tường toàn bộ kinh Niết bàn. Năm Đường Hàm Hanh nguyên niên (670 – Đường Cao Tông) Sư đến kinh sư, vua ban chiếu cho ở chùa Đại Kính Ái, Sư rất mực từ chối rồi đi Kì Xuân yết kiến Hoàng Nhẫn Đại sư.

Về sau Sư giảng kinh Niết bàn ở chùa Pháp Tánh, Quảng Châu. Gặp Lục Tổ Huệ Năng Đại sư mới ngộ huyền lý, Sư xem Huệ Năng là thầy truyền pháp. Sư góp nhặt lời nói của những bậc đạt giả các nơi từ đời Lương đến Đường mà soạn thuật “Tâm Yếu Tập” thành hành ở đời.

Năm Tiên Thiên thứ hai (713 – Đường Huyền Tông), ngày 21 tháng 2 Sư tịch ở chùa Diệu Hỉ núi Cối Kê, thọ 87 tuổi.

Vương Sư Càn lập tháp thờ ở Cối Kê và làm bài minh.

\*

\*

\*



## 12. THIÊN SƯ HÀNH TỬ NÚI THANH NGUYÊN, KIẾT CHÂU.

Người An Thành, bốn châu (Kiết Châu), họ Lưu. Xuất gia hồi còn trẻ thơ. Mỗi lần những người ở chung bàn luận đạo lý, chỉ có Sư giữ im lặng.

Sau nghe tiếng pháp tịch Tào Khê, bèn đến tham lễ.

Sư hỏi:

- Phải chuyên làm gì thì không rơi vào giai cấp?

Tổ hỏi:

- Ông đã từng làm việc gì?

Sư đáp:

- Thánh đế cũng chẳng làm.

Tổ hỏi:

- Vậy rơi vào giai cấp nào?

Đáp:

- Thánh đế còn chẳng làm, có gì là giai cấp đâu?

Tổ rất thừa nhận Sư. Trong pháp hội Tào Khê học đồ dù đông người, Sư là người đứng đầu, cũng như ở Thiếu Lâm Nhị Tổ không nói vì thế mà được tủy vậy.

Một hôm Tổ bảo Sư:

- Từ trước y pháp cả hai lần lượt thầy truyền cho trò, y tiêu biểu để tin, pháp để ấn tâm. Nay ta có được người, lo gì người chẳng tin? Ta từ nhận y đến nay gặp nhiều tai nạn, huống chi đời sau sự cạnh tranh ắt càng nhiều, y thì giữ lại ở sơn môn, ông nên tách ra giáo hóa một nơi, không để cho đứt mất.

Sau khi đắc pháp, Sư trụ trì chùa Tĩnh Cư núi Thanh Nguyên, Kiệt Châu.

Lục tổ sắp thị hiện nhập diệt, có sa di Hy Thiên (tức là Hòa thượng Thạch Đầu, Nam Nhạc) hỏi Tổ:

- Sau khi Hòa thượng trăm tuổi, Hy Thiên chưa biết phải nương tựa ai?

Tổ dạy:

- Tâm Tư đi.

Khi Tổ qua đời, Hy Thiên thường đến chỗ vắng tọa thiền, tâm rộng lặng hầu như quên sự sống. Đệ nhất tòa hỏi:

- Thầy đã mất, ông ngồi không ở đây làm gì?

Thiên đáp:

- Tôi vâng theo di huấn, nên tâm Tư thôi.

Đệ nhất tòa nói:

- Ông có sư huynh là Hòa Thượng Hành Tư nay ở Kiết Châu, nhân duyên ông ở đó. Lời thầy rất ngay thẳng, tự ông mê vậy.

Thiên nghe nói bèn lễ từ khám Tổ, rồi đi thẳng đến chùa Tĩnh Cư.

Sư hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Thiên đáp:

- Tào Khê.

Sư hỏi:

- Đem được cái gì đến đây?

Đáp:

- Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.

Sư nói:

- Như thế thì dùng đi, đến Tào Khê làm gì?

Đáp:

- Nếu chẳng đến Tào Khê, đâu biết chẳng mất.

Thiên lại hỏi:

- Đại sư Tào Khê có biết Hòa thượng chăng?

Sư hỏi:

- Ông nay biết ta chăng?

Đáp:

- Biết, nhưng sao có thể biết được?

Sư nói:

- Loài có sừng tuy nhiều, một con lân là đủ!

Thiên lại hỏi:

- Hòa thượng rời Tào Khê bao lâu rồi?

Sư đáp:

- Ta cũng chẳng biết. Ông rời Tào Khê bao lâu rồi?

Đáp:

- Hy Thiên chẳng từ Tào Khê đến.

Sư nói:

- Ta cũng biết chỗ ông đi.

Đáp:

- Hòa thượng vốn là bậc đại nhân, chớ nên vội vàng.

\*

\*

\*

Một ngày khác Sư lại hỏi Thiên:

- Ông từ đâu đến?

Đáp:

- Tào Khê.

Sư bèn đưa cây phất tử lên, hỏi:

- Tào Khê có cái này không?

Đáp:

- Không những Tào Khê mà Tây Thiên cũng không có.

Sư hỏi:

- Ông chưa từng đến Tây Thiên ư?

Đáp:

- Nếu đến liền có.

Sư nói:

- Chưa đâu! Nói lại đi.

Đáp:

- Hòa thượng cũng phải nói giúp một nửa, chớ nên trông cậy hết ở học nhân.

Sư nói:

- Không từ chối nói với ông, chỉ sợ về sau không có người gánh vác.

\*

\*        \*

Sư sai Hy Thiên đem thư đến Hòa thượng Hoài Nhượng ở Nam Nhạc, dặn:

- Ông chuyển đạt thư rồi, hãy về gấp. Ta có cái búa cùn dành cho ông trụ núi.

Thiên đến đó chưa trình thư, liền hỏi:

- Khi chẳng mộ chư Thánh, chẳng trọng tánh linh mình thì thế nào?

Nhượng nói:

- Ông hỏi cao quá đi! Sao không hỏi thấp xuống.

Thiên đáp:

- Thà chịu vĩnh kiếp trầm luân chứ không mộ chư thánh giải thoát.

Nhượng bèn thôi.

Thiên về tới chùa Tĩnh Cư, Sư hỏi:

- Ông đi chưa lâu, đưa thư tới không?

Thiên đáp:

- Tin tức cũng chẳng thông, thư đưa cũng chẳng tới.

Sư hỏi:

- Vì sao?

Thiên nhắc lại tiền thoại, rồi nói:

- Lúc ra đi được Hòa thượng hứa cho cái búa cùn, tiện đây xin lấy.

Sư thông một chân xuống, Thiên lễ bái. Chẳng bao lâu Sư từ giả đi Nam Nhạc.

(Huyền Sa nói: Hòa thượng Thạch Đầu lớn được nhỏ được, bị sư Hoài Nhượng xô ngã tới nay chưa đứng dậy được)

\*

\*       \*

Hà Trạch Thần Hội đến tham vấn. Sư hỏi:

- Ở đâu đến?

Hội đáp:

- Tào Khê.

Sư hỏi:

- Ý chỉ Tào Khê ra sao?

Thần Hội chấn chỉnh thân rồi thôi. Sư nói:

- Vẫn còn mang ngói gạch đấy.

Hỏi:

- Trong đó Hòa thượng không có vàng ròng để cho người ư?

Sư nói:

- Giá có cho, ông để ở đâu?

(Huyền Sa nói: Đúng vậy. Vân Cư Tích hỏi: Như Huyền Sa nói “đúng vậy”, thì đó là vàng ròng hay là ngói gạch?)

\*

\*            \*

Tăng hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư nói:

- Gạo ở Lô Lãng giá cả ra sao?

\*

\*            \*

Sư đã truyền pháp cho Thạch Đầu. Năm Đường Khai Nguyên thứ 28, nhằm năm canh thìn 740, ngày



13 tháng chạp, Sư thăng đường báo chúng rồi ngồi kiết già mà tịch.

Vua Đường Hy Tông (874 – 888) ban thụy hiệu là Hoằng Tế Thiên Sư, tháp là Quy Chơn.

\*

\*      \*

### **13. THIÊN SƯ HOÀI NHƯỢNG Ở NAM NHẠC.**

Người ở Kim Châu, họ Đỗ. Năm 15 tuổi đến chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu nương nhờ luật sư Hoằng Cảnh xuất gia. Sau khi thọ giới cụ túc, thực tập tạng tỳ ni (luật, oai nghi).

Một hôm tự than: “Phàm người xuất gia phải vì pháp vô vi”. Lúc ấy bạn đồng học là Thản Nhiên biết ý chí Sư cao siêu, khuyên Sư cùng đến yết kiến Hòa thượng Huệ An ở Tung Sơn, Huệ An mở mang tri thức cho Sư. Rồi Sư đi thẳng đến Tào Khê tham Lục Tổ.

Tổ hỏi:

- Từ đâu đến?

Đáp:

- Từ Tung Sơn đến.

Tổ hỏi:

- Vật nào đến như thế?

Đáp:

- Nói giống như một vật thì không trúng.

Tổ hỏi:

- Có thể tu chứng không?

Đáp:

- Tu chứng thì chẳng không, nhiễm ô thì không được.

Tổ nói:

- Chính cái không nhiễm ô đó mà chư Phật hộ niệm, ông đã như thế ta cũng như thế. Tổ Bát Nhã Đa la ở Tây Thiên có lời sấm ký rằng “Dưới chân ông sẽ xuất hiện một con ngựa tơ đạp chết người trong thiên hạ”, đều ở tâm ông không cần nói sớm.

Sư khế hội thông suốt, ở hầu hạ thân cận bên Tổ suốt 15 năm. Năm Đường Tiên Thiên thứ hai (713 – Đường Huyền Tông), Sư đến Hành Nhạc ở chùa Bát Nhã.

Khoảng năm Khai Nguyên (713 – 741, Đường Huyền Tông), có sa môn Đạo Nhất (Tức là Mã Tổ

Đại sư) hàng ngày tọa thiền ở viện Truyền Pháp. Sư biết đó là pháp khí, đến hỏi:

- Đại đức ngồi thiền để cầu cái gì?

Nhất đáp:

- Cầu làm Phật.

Sư bèn lấy một cục gạch, mài trên đá ở trước am của Đạo Nhất.

Nhất hỏi:

- Thầy làm gì vậy?

Sư đáp:

- Mài để làm gương.

Nhất nói:

- Mài gạch đâu thành gương được ư?

Sư hỏi:

- Ngồi thiền đâu thành Phật được ư?

Nhất hỏi:

- Thế nào mới phải?

Sư nói:

- Như người đi xe bò, xe không đi đánh xe là phải hay đánh bò là phải?

Đạo Nhất không đáp được. Sư lại nói:

- Ông học ngồi thiền hay học ngồi Phật? Nếu học ngồi thiền thì thiền chẳng phải nằm ngồi; nếu học ngồi Phật thì Phật chẳng phải tướng nhất định nào, nơi pháp vô trụ không nên thủ xả. Ông ngồi Phật như thế tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi chẳng đạt lý kia (vô trụ).

Nhất nghe chỉ dạy như uống đê hồ, lễ bái hỏi:

- Dụng tâm thế nào mới hợp với vô tướng tam muội?

Sư đáp:

- Ông học pháp môn tâm địa như gieo hạt giống, ta nói pháp yếu ví như mưa móc trên trời kia, duyên ông ứng hợp sẽ thấy đạo kia.

Lại hỏi:

- Đạo chẳng phải sắc tướng làm sao thấy được?

Sư nói:

- Con mắt pháp của tâm địa hay thấy về đạo, vô tướng tam muội cũng lại như vậy.

Nhất hỏi:

- Có thành hoại không?

Sư đáp:

- Nếu lấy cái thành hoại tụ tán mà thấy đạo thì không phải thấy đạo.

Hãy nghe ta nói kệ:

Tâm địa hàm chư chủng,  
Ngộ trạch tất giai manh.  
Tam muội hoa vô tướng,  
Hà hoại phục hà thành?

Dịch:

Đất tâm chứa hạt giống,  
Gặp ướt đều nảy mầm.  
Hoa tam muội vô tướng,  
Nào hoại lại nào thành?

Nhất nhờ khai ngộ tâm ý siêu nhiên, theo hầu Sư mười năm, ngày càng sâu mầu.

\*

\*           \*

Đệ tử nhập thất của Sư gồm có 6 người. Sư ấn khả từng người:

- Các ông sáu người đồng chứng thân ta, mỗi người khế hội một phần.

Người được chân mày ta, giỏi về oai nghi là Thường Hạo;

Người được mắt ta, giỏi về ngó liếc là Trí Đạt;

Người được tai ta, giỏi về nghe lý là Thản Nhiên;

Người được mũi ta, giỏi về biết mùi là Thần Chiếu;

Người được lưỡi ta, giỏi về đàm thuyết là Nghiêm Tuấn;

Người được tâm ta, giỏi về xưa nay là Đạo Nhất.

Sư lại nói:

- Tất cả pháp đều từ tâm sanh, tâm không chỗ sanh pháp không thể trụ. Nếu đạt tâm địa không ngại việc làm, không phải thượng căn nên thận trọng từ chối đi.

\*

\*           \*

Có một đại đức hỏi:

- Như gương đức nên hình tượng, khi hình tượng thành rồi thì ánh sáng gương đi về đâu?

Sư đáp:

- Lúc đại đức còn trẻ thơ, tướng mạo đó bây giờ ở đâu? (Pháp Nhãn riêng hỏi: Cái nào là hình tượng đức thành đại đức?)

Hỏi:

- Sau khi thành tượng rồi, tại sao không chiếu soi?

Sư đáp:

-Tuy không chiếu soi, nhưng đối y một chút cũng không được.

\*

\*       \*

Sau Mã Đại sư đi xiển hóa ở Giang Tây, Sư hỏi chúng:

- Đạo Nhất vì chúng thuyết pháp chằng?

Chúng đáp:

- Đã vì chúng thuyết pháp.

Sư nói:

- Vẫn chưa thấy người đem tin tức về.

Chúng lặng thinh. Nhân đó Sư sai một vị tăng đi thăm, Sư dặn:

- Đợi khi y thượng đường, chỉ hỏi “Làm gì”. Y nói lời nào ghi nhớ đem về đây.

Vị tăng ra đi làm đúng như lời Sư đã dặn. Khi về tăng thưa:

- Mã Sư nói “Từ khi loạn rợ Hồ, sau ba mươi năm ăn chưa từng thiếu dưa muối”.

Sư nhận là đúng.

Năm Thiên Bảo thứ ba (744 – Đường Huyền Tông), ngày 11 tháng 8, Sư viên tịch tại Hành Nhạc. Sắc ban thụy hiệu là Đại Huệ Thiền Sư, tháp hiệu Tối Thắng Luân.

\*

\*            \*

## **14. THIÊN SƯ HUYỀN GIÁC Ở VĨNH GIA, ÔN CHÂU.**

Người ở Vĩnh Gia, họ Đới. Xuất gia từ nhỏ, xem khắp tam tạng, tinh thông pháp môn viên diệu Chỉ Quán của Tông Thiên Thai, trong bốn oai nghi thường an trú sâu kín thiền quán. Sau nhân thiền sư Lăng ở Tả Khê khích lệ, Sư cùng thiền sư Sách ở Đông Dương đồng đến Tào Khê.



Mới tới, Sư vai mang bình bát đi nhiều Tổ ba vòng rồi đứng lại chống tích trượng.

Tổ nói:

- Phàm là sa môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh. Đại đức từ phương nào đến mà sanh đại ngã mạn vậy?

Sư đáp:

- Sanh tử việc lớn, vô thường mau chóng!

Tổ hỏi:

- Sao không thể hội lấy cái vô sanh, liễu ngộ cái không mau chóng ư?

Đáp:

- Thể tức vô sanh, liễu vốn chẳng mau.

Tổ nói:

- Đúng thế, đúng thế!

Lúc đó đại chúng nghe vậy đều ngạc nhiên. Sư bèn đầy đủ oai nghi lễ bái, chốc lát sau từ giả ra về.

Tổ bảo:

- Sao về nhanh thế?

Sư đáp:

- Vốn tự chẳng động há có nhanh sao?

Tổ hỏi:

- Ai biết chẳng động?

Đáp:

- Nhân giả tự sanh phân biệt.

Tổ nói:

- Ông thật là đạt ý vô sanh.

Hỏi:

- Vô sanh há có ý sao?

Tổ hỏi:

- Nếu không có ý thì ai phân biệt?

Đáp:

- Phân biệt cũng chẳng phải ý.

Tổ khen:

- Lành thay, lành thay! Hãy ở lại một đêm.

Vì vậy người bấy giờ gọi Sư là Nhất Túc Giác. Huyền Sách ở lại với Sư, sáng hôm sau cùng nhau xuống núi trở về Ôn Giang. Học giả quy tụ rất đông.

Sư được ban hiệu là Chơn Giác Đại Sư.

Sư trước tác một bài Chứng Đạo Ca và Thiền Tông Ngộ Tu Viên Chí, từ cạn đến sâu. Thứ sử Khánh Châu là Ngụy Tĩnh kết tập lại và đề tựa, thành mười thiên tên là Vĩnh Gia Tập, đều thanh hành ở đời.

\*

\*           \*

Thứ nhất: Nghi thức lập chí mộ đạo.

Phàm muốn tu đạo, trước hết nên lập chí và thực tập nghi thức phụng sự thầy mới rõ ràng về phép tắc phải thuận theo. Do đó đề mục thứ nhất nói về nghi thức mộ đạo.

Thứ hai: Răn ý kiêu xa (Kiêu căng xa xỉ)

Mục thứ nhất, dù có lập chí tu đạo biết rõ phép tắc oai nghi. Nếu ba nghiệp còn kiêu xa thì vọng tâm khuấy động, làm sao định được? Do đó chương mục thứ hai nói về răn ý kiêu xa.

Thứ ba: Tịnh tu ba nghiệp.

Trước đã nêu sơ lược cương yếu về việc răn cấm kiêu xa. Nay kiểm điểm kỹ lưỡng lại khiến cho lỗi chẳng sanh. Do đó chương thứ ba nói về tịnh tu ba nghiệp, răn cấm về thân khẩu ý.

Thứ tư: Bài tụng về xa-ma-tha (chỉ).

Trước đã kiểm điểm thân khẩu khiến cho lỗi thô không sanh. Kế đến phải nhập môn tu đạo, theo trình tự thì không ngoài định huệ, năm loại tâm khởi, sáu khoa liệu giản. Do đó chương thứ tư nói về bài tụng xa ma tha.

Thứ năm: Bài tụng về tỳ bà xá na (quán).

Không phải giới thì không có thiên, không phải thiên thì không có huệ. Trên đã tu định (chỉ), định lâu thì huệ sáng. Do đó chương thứ năm nói về bài tụng tỳ bà xá na.

Thứ sáu: Bài tụng về ưu tất xoa (xả)

Tu thiên về định, định lâu thì chìm; học thiên về huệ, huệ nhiều thì tâm động. Do đó chương thứ sáu nói về bài tụng ưu tất xoa, quân bình về định huệ sao cho không chìm không động, khiến cho định huệ quân bình rời khỏi nhị biên.

Thứ bảy: Cấp bậc lần lượt của ba thừa

Định huệ quân bình được rồi thì tịch mà thường chiếu, nhất tâm tam quán thì nghi nào không hết, chiếu nào không viên mãn? Tự mình hiểu rõ ràng rồi nhưng thương người chưa ngộ, ngộ có sâu cạn.

Do đó chương thứ bảy nói về cấp bậc lần lượt của ba thừa.

Thứ tám: Sự lý không hai.

Tam thừa ngộ lý, lý thì không đâu không cùng khắp; cùng lý ở nơi sự, liễu sự tức là lý. Do đó chương thứ tám nói về lý sự không hai, ngay nơi sự mà dụng chơn thì loại trừ kiến chấp điên đảo.

Thứ chín: Thư khuyên bạn hữu.

Lý sự đã dung thông thì nội tâm tự sáng, lại thương người học đạo còn xa luống uổng tắc bóng quang âm. Do đó chương thứ chín là thư khuyên bạn hữu.

Thứ mười: Văn phát nguyện.

Khuyên bạn hữu, tuy là thương người nhưng tâm chuyên chú nơi tình cảm thì chưa cùng khắp. Do đó chương thứ mười nói về văn phát nguyện thệ độ tất cả.

\*

\*            \*

Thứ tự mười môn quán tâm: Điều 1. Nói về pháp nhĩ; Điều 2. Nêu ra cái thể hay quán; Điều 3: Bàn về sự tương ứng; Điều 4: Răn ngừa sự thượng mạn;

Điều 5: Răn bảo về sự biếng nhác; Điều 6: Nêu lại cái thể hay quán; Điều 7: Nói về sự thị phi; Điều 8: Chọn lựa thuyên chỉ; Điều 9: Nói nơi điều thành pháp quán; Điều 10: Diệu kế nguồn huyền.

1. Nói về pháp nhĩ.

Tâm tánh rỗng rang thông suốt với hai tướng động tịnh, nguồn của động tịnh thì không hai; chơn như tuyệt lự, duyên theo niệm chấp trước mà chẳng khác; hoặc\* kiến rong ruổi lằng xằng mà tốt nguồn chỉ là nhất tịch. Nguồn linh không hình trạng, soi gương đó thì có ngàn thứ sai khác; thiên sai bất đồng nên đặt tên pháp nhãn, nhất tịch chẳng phải khác nên cái hiệu huệ nhãn mới có, cả hai lý lượng (lý sự) đều mất thì cái công năng Phật nhãn đầy đủ. Vì vậy tam đế nhất cảnh (tam đế viên dung) nên lý pháp thân hằng thanh tịnh, tam trí nhất tâm<sup>(86)</sup> nên ánh sáng bát nhã thường chiếu, cảnh và trí thâm hợp nên tùy theo cơ duyên mà giải thoát, chẳng phải dọc chẳng phải ngang nên đạo như chữ Y (·) chơn thật hội ngộ nhau một cách mầu nhiệm<sup>(87)</sup>. Thế nên biết

---

\* Hoặc: Mê lầm

<sup>(86)</sup> Tam trí nhất tâm: Trong nhất tâm đồng thời chứng đắc quả tam trí, nhất thiết trí, đạo chủng trí và nhất thiết chủng trí. Tông Thiên Thai chủ trương tu tập tam quán không giả trung thì có thể đắc tam trí.

<sup>(87)</sup> Lý sự viên dung, tương tức tương nhập.

diệu tánh của tam đức<sup>(88)</sup> hẳn là không trái nhất tâm, nhất tâm sâu rộng khó lường làm sao ra ngoài yếu đạo này mà theo lối tẽ? Do đó tức tâm là đạo, có thể nói là lần theo dòng mà được nguồn vậy.

2. Nêu ra cái thể hay quán.

Chỉ cần biết một niệm tức là không mà chẳng không (không bất không), chẳng không mà chẳng phải chẳng không (phi không phi bất không).

3. Bàn về sự tương ứng.

Tâm tương ứng với không thì việc khen chê vinh nhục đâu phải mừng đâu phải lo. Thân tương ứng với không thì dao cắt hay hương xoa có gì khổ có gì sướng. Ý báo tương ứng với không thì người ta cho hay cướp đoạt cũng đâu có gì được mất.

Tâm tương ứng với không bất không thì ái kiến đều quên từ bi cứu khắp tất cả. Thân tương ứng với không bất không thì bên trong đồng với cây khô, bên ngoài hiện đủ oai nghi. Ý báo tương ứng với không bất không thì vĩnh viễn không còn tham cầu mà còn đem tiền của giúp người.

---

<sup>(88)</sup> Tam đức: Pháp thân, bát nhã và giải thoát.

Tâm tương ứng với không bất không và phi không phi bất không thì thật tướng bắt đầu sáng tỏ, khai mở tri kiến Phật. Thân tương ứng với không bất không và phi không phi bất không thì nhất trần nhập chánh thọ, chư trần khởi trong tam muội. Ý báo tương ứng với không bất không và phi không phi bất không thì hóa sanh đài hương, lầu báu và cõi nước trang nghiêm.

4. Răn ngừa sự thương mạn.

Nếu chưa được như trên thì chưa tương ứng.

5. Răn bảo về sự biếng nhác.

Nhưng qua biển cần phải lên thuyền, không nhờ thuyền thì làm sao qua được? Tu tâm ắt phải vào pháp quán, không nhờ quán lấy gì để minh tâm. Tâm còn chưa minh thì ngày nào tương ứng? Hãy suy xét kỹ, chớ nên ỷ mình.

6. Nêu lại cái thể hay quán.

Chỉ biết một niệm tức là không bất không và phi hữu phi vô mà chẳng biết tức niệm là không bất không và phi phi hữu phi phi vô.



7. Nói về sự thị phi.

Tâm chẳng phải có (hữu), tâm chẳng phải không (vô), tâm chẳng phải phi hữu, tâm chẳng phải phi vô. Chấp tâm là hữu là vô, là rơi vào thị; phi hữu phi vô, là rơi vào phi. Như vậy, chỉ là cái phi (chẳng phải) của thị và phi, chưa phải là cái thị (phải) của phi thị và phi phi. Nay đem hai cái phi để phá hai cái thị, cái thị đem phá phi thị đó vẫn còn là phi. Lại dùng hai cái phi để phá hai cái phi, cái phi dùng phá phi phi đó tức là thị. Như vậy, chỉ là cái thị của phi thị và phi phi, chưa phải là bất phi bất phi bất thị bất thị. Cái lầm lẫn do thị phi nó ràng rịt vi tế khó thấy, phải có tinh thần trong sáng yên tĩnh để nghiên cứu tỉ mỉ đó.

8. Chon lựa thuyên chỉ<sup>(89)</sup>.

Nhưng mà chí lý thì không lời, mượn văn ngôn để nói về ý chỉ của chí lý. Ý chỉ và tông thú chẳng phải là quán, nhờ tu quán mới hội được tông chỉ. Nếu ý chỉ chưa rõ ràng thì lời chưa đúng, nếu tông thú chưa

---

<sup>(89)</sup> Thuyên chỉ: Mượn phương tiện ngôn ngữ văn tự nghĩ suy để giảng giải về nghĩa của “chỉ”. “Chỉ” dụ cho chơn lý tuyệt đối; ví dụ chơn như vốn là ngôn thuyết không thể đặt tên, nhưng muốn người hiểu cái nghĩa của nó mới gượng đặt tên chơn như để giải thích về nó, thật ra chơn như không thể hiểu được mà phải chứng ngộ bằng chánh trí trong nội tâm mình

hội thì quán chưa sâu; quán sâu mới hội được tông thú, lời đúng ắt rõ được ý chỉ. Ý chỉ và tông thú đã hiểu rõ rồi thì ý chỉ và quán đâu còn tồn tại nữa.

9. Nơi nơi đều thành pháp quán.

Phàm tái diễn ngôn từ, nêu lại thể quán là muốn nói rằng tông thú và ý chỉ không khác. Lời nói và quán có đối tượng mà đối đời. Đối đời nhưng lời nói và lý không sai khác, không sai khác thì quán và ý chỉ chẳng khác. Ý chỉ chẳng khác tức là lý, lý không khác tức là tông. Tông thú và ý chỉ tuy hai tên mà là một, lời nói và quán phô diễn ra e làm lờn mặt con cháu thôi.

10. Diệu kế nguồn huyền.

Phàm người ngộ tâm sao lại chấp quán mà mê ý chỉ, người đạt giáo đâu thể kẹt lời mà lầm lý. Tổ lý thì đường ngôn ngữ dứt, còn lời nào luận bàn được; hội ý chỉ thì hết tâm hành, quán nào có thể nghĩ tới? Cái mà tâm và lời không thể nghĩ bàn, thật đáng là diệu kế hoàn trung<sup>(90)</sup> vậy.

\*

\*                      \*

---

(18) Hoàn trung: Rỗng không, tròn đầy thái hư.

Năm Thiên Thiên thứ hai (713), ngày 17 tháng 10, Sư ngồi an nhiên thị hiện nhập diệt. Ngày 13 tháng 11 xây tháp thờ ở phía nam Tây Sơn. Sắc ban thụy hiệu Vô Tướng Đại Sư, tháp hiệu Tịnh Quang.

Nhà Bắc Tống, trong năm Thuần Hóa (990 – 994) hoàng đế Thái Tông ban chiếu, lệnh bốn châu trùng tu khám, tháp Sư.

\*

\*            \*

## **15. THIÊN SƯ BỔN TỊNH NÚI TƯ KHÔNG.**

Người Giáng Châu, họ Trương. Thuở nhỏ đắp y đến thất Tào Khê được thọ ký. Sau Sư đến ở chùa Vô Tướng, thuộc núi Tư Không.

Nhà Đường năm Thiên Bảo thứ ba 744, vua Đường Huyền Tông sai trung sứ Dương Quang Đình vào núi hái dây thường xuân. Nhân gặp trượng thất lễ bái Sư và thưa:

- Đệ tử mộ đạo đã lâu rồi, xin Hòa thượng từ bi tóm tắt chỉ dạy:

Sư nói:

- Hàng thạc học thiên tông trong thiên hạ đều hội tụ về kinh sư, thiên sứ nên trở về triều đủ để thưa

hỏi và giải quyết cho. Bần đạo ở góc núi cạnh khe, không có chỗ dụng tâm.

Quang Đình khóc lóc làm lễ. Sư nói:

- Đừng lễ bần đạo! Thiên sứ vì cầu Phật hay vì hỏi đạo ư?

Đáp:

- Đệ tử trí thức tối tăm, chưa biết Phật với đạo nghĩa ấy thế nào?

Sư nói:

- Nếu muốn cầu Phật, tức tâm là Phật. Nếu muốn hỏi đạo, vô tâm là đạo.

Hỏi:

- Thế nào tức tâm là Phật?

Sư đáp:

- Nhân tâm ngộ Phật, nhờ Phật rõ tâm. Nếu ngộ vô tâm thì Phật cũng chẳng có.

Hỏi:

- Thế nào vô tâm là đạo?

Sư đáp:

- Đạo vốn vô tâm, vô tâm gọi là đạo. Nếu liễu ngộ vô tâm thì vô tâm tức là đạo.

Quang Đình tin nhận đánh lễ. Về triều, Đình tâu lên vua đầy đủ việc gặp Sư trong núi. Vua ban sắc sai Quang Đình đi thỉnh Sư.

Ngày 13 tháng chạp Sư đến kinh sư, vua thỉnh Sư ở đình Bạch Liên. Đến ngày rằm tháng giêng năm sau 745, vua triệu tập các bậc thạc học, danh tăng thuộc Lương nhai, phó hội ở nội đạo tràng cùng Sư xiển dương Phật lý.

\*

\*            \*

Bấy giờ có thiền sư Viễn cất tiếng hỏi Sư:

- Nay trước thánh thượng để xét lường tông chỉ, cần phải hỏi thẳng đáp thẳng, không cần dùng nhiều lời. Như chỗ thấy của thiền sư, lấy gì làm đạo?

Sư đáp:

- Vô tâm là đạo.

Viễn hỏi:

- Đạo do tâm mà có, sao nói vô tâm là đạo được?

Sư đáp:

- Đạo vốn không tên, do tâm mới gọi là đạo. Cái tâm và tên gọi có bao nhiêu thì đạo chơn thật cũng bấy nhiêu, tột cùng tâm đã không (vô) thì nương vào đâu mà lập đạo? Cả hai tên (tâm và đạo) đều hư vọng, đều là giả danh.

Viễn hỏi:

- Thiên sư thấy thân tâm là đạo hay không?

Sư đáp:

- Thân tâm sơn tăng xưa nay là đạo.

Viễn nói:

- Vừa nói vô tâm là đạo, giờ lại nói thân tâm xưa nay là đạo, đâu không trái nhau?

Sư đáp:

- Vô tâm là đạo, tâm mất đạo không, tâm và đạo nhất như nên nói vô tâm là đạo. Thân tâm xưa nay là đạo, đạo cũng vốn là thân tâm, thân tâm vốn đã là không<sup>(91)</sup> đạo tột nguồn cũng chẳng có.

Viễn nói:

---

<sup>(91)</sup> “Không” ở đây nghĩa là không có tự tánh (tự thể), cũng gọi là vô ngã. Đạo rộng không, không thuộc về có không cũng không ngoài có không.

---

- Xem hình tướng thiên sư rất nhỏ, đầu thể hội được lý đó.

Sư nói:

- Đại đức, ngài chỉ thấy tướng sơn tăng, chẳng thấy cái vô tướng của sơn tăng. Thấy tướng, đó là cái thấy của đại đức, Kinh nói “Phàm có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức ngộ đạo kia”. Nếu lấy tướng cho là thật thì cùng kiếp không thể ngộ đạo.

Viễn nói:

- Nay thỉnh thiên sư ở trên tướng nói về vô tướng.

Sư nói:

- Kinh Tịnh Danh nói “Tứ đại không chủ tử, thân cũng không ngã, cái thấy không ngã tương ứng với đạo”. Nay đại đức, nếu cho tứ đại có chủ, đó là có ngã; nếu có ngã kiến cùng kiếp không thể hội đạo.

Viễn công nghe nói thất sắc, thấy chột dạ rút lui.

Sư có bài kệ:

Tứ đại vô chủ phục như thủy,

Ngộ khúc phùng trực vô bỉ thử.

Tịnh uest lưỡng xứ bất sanh tâm,

Ứng quyết hà tăng hữu nhị ý.  
Xúc cảnh đăn tợ thủy vô tâm,  
Tại thế tung hoành hữu hà sự?

Dịch:

Tứ đại không chủ giống như nước,  
Dù gặp cong ngay chẳng đây kia.  
Hai nơi dơ sạch chẳng sanh tâm,  
Thông bát chưa từng ý có hai.  
Xúc cảnh vô tâm chỉ như nước,  
Tại thế tung hoành có việc chi?

Sư lại nói:

- Một đại như thế, tứ đại cũng vậy. Nếu rõ tứ đại không chủ tức là ngộ vô tâm, nếu liễu ngộ vô tâm thì tự nhiên hợp đạo.

\*

\*            \*

Lại có thiền sư Chí Minh hỏi:

- Nếu nói vô tâm là đạo thì ngói gạch vô tâm cũng nên là đạo? Lại nói “Thân tâm xưa nay là



đạo” thì thập loại tứ sanh đều có thân tâm cũng nên là đạo?

Sư nói:

- Đại đức nếu hiểu bằng kiến văn giác tri<sup>(92)</sup> thì khác xa với đạo; tức là người cầu kiến văn giác tri chẳng phải là người cầu đạo. Kinh nói “Vô nhãn nhĩ tỹ thiệt thân ý”. Sáu căn còn không, kiến văn giác tri nương vào đâu mà lập? Cùng tốt cội nguồn chẳng có thì chỗ nào còn tâm? Sao chẳng đồng với cỏ cây gạch ngói được?

Chí Minh lắng thính thối lui.

Sư lại có kệ rằng:

Kiến văn giác tri vô chướng ngại,  
Thanh hương vị xúc thường tam muội.  
Như điều không trung chỉ ma phi,  
Vô thủ vô xả vô tăng ái.  
Nhược hội ứng xứ bốn vô tâm,  
Thủy đắc danh vi Quán Tự Tại.

---

<sup>(92)</sup> Kiến: Thấy bằng mắt, Văn: nghe bằng tai, Giác: hay bằng mũi lưỡi thân, Tri: biết bằng ý căn. Thấy nghe hay biết bằng nhân duyên căn trần thức ... phụ thuộc nhân duyên nên không thật, gọi là vọng tri.

Dịch:

Kiến văn giác tri không chướng ngại,  
Thanh hương vị xúc thường tam muội.  
Như chim trong không mặc tình bay,  
Không thủ không xả không thương ghét.  
Nếu hội đối cảnh vốn vô tâm,  
Mới được tên là Quán Tự Tại.

\*

\*       \*

Lại có thiền sư Chơn hỏi:

- Đạo đã vô tâm, Phật có tâm chăng? Phật với  
đạo là một là hai?

Sư đáp:

- Chẳng một chẳng khác.

Hỏi:

- Phật độ chúng sanh vì có tâm, đạo không độ  
người vì vô tâm. Một độ một không độ, đâu được  
không hai?

Sư đáp:

- Nếu nói Phật độ chúng sanh, đạo không độ chúng sanh, đó là đại đức vọng sanh nhị kiến (thấy có hai). Theo sơn tăng thì không phải vậy. Phật là danh hảo, đạo cũng đối lập, cả hai đều không thật, toàn là giả danh. Trong một cái giả sao lại phân làm hai?

Hỏi:

- Phật với đạo dù là giả danh, đang lúc lập danh thì ai lập đó? Nếu có người lập, sao nói là không được?

Sư đáp:

- Phật với đạo như tâm mà lập, xét cho cùng cái tâm hay dựng lập, tâm ấy cũng là không. Tâm đã là không thì ngộ cả hai (Phật và đạo) đều chẳng thật, biết như mộng huyễn liền ngộ cái vốn không. Gượng lập hai tên Phật đạo, đó là kiến giải của những người nhị thừa.

Sư bèn nói bài kệ vô tu vô tác:

Kiến đạo phương tu đạo,

Bất kiến phục hà tu?

Đạo tánh như hư không,

Hư không hà sở tu?

Biến quan tu đạo giả,  
Bác hỏa mịch phù âu.  
Đãn khán lộng khối lỗi,  
Tuyến đoạn nhất thời hư.

Dịch:

Thấy đạo mới tu đạo,  
Không thấy làm sao tu?  
Tánh đạo như hư không,  
Hư không tu chỗ nào?  
Xem hết người tu đạo,  
Vạch lửa tìm bọt nổi.  
Xem con rối diễn trò,  
Dây đứt liền đó ngưng.

\*

\*        \*

Lại có thiền sư Pháp Không hỏi:

- Phật với đạo đều là giả danh, mười hai phần giáo cũng phải chẳng thật, vì sao các bậc tôn túc từ trước đều nói tu đạo?

Sư đáp:

- Đại đức hiểu lầm ý kinh. Đạo vốn không tu mà đại đức ép tu, đạo vốn không tạo tác mà đại đức ép tạo tác, đạo vốn vô sự mà cưỡng sanh đa sự, đạo vốn vô tri mà cưỡng tri trong đó. Kiến giải như thế cùng đạo trái nhau. Các bậc tôn túc từ trước đâu phải như thế, tự đại đức không hội, xin suy gẫm đó.

Sư lại có kệ:

Đạo thể bản vô tu,  
Bất tu tự hợp đạo.  
Nhược khởi tu đạo tâm,  
Thử nhân bất hội đạo.  
Khí khước nhất chơn tánh,  
Khước nhập não hạo hạo.  
Hốt phùng tu đạo nhân,  
Đệ nhất mặc hưởng đạo.

Dịch:

Thể đạo vốn không tu,  
Chẳng tu tự hợp đạo.  
Nếu khởi tâm tu đạo,

Người đó không hội đạo.

Bỏ mất một tánh chơn,

Lại vào ồn bề bộn.

Chợt gặp người tu đạo,

Tốt nhất đừng nói đạo.

\*

\*       \*

Lại có thiền sư An hỏi:

- Đạo đã giả danh, Phật đã vọng lập, mười hai phần giáo cũng là để tiếp vật độ sanh. Tất cả là vọng, lấy gì là chơn?

Sư đáp:

- Vì có vọng nên đem chơn đổi vọng. Suy cho cùng tánh của vọng vốn không, nên chơn có bao giờ có đâu? Thế nên biết chơn vọng đều là giả danh, hai việc đổi đãi đều không thật thể, suy cho cùng cội gốc chúng thì tất cả đều không (rỗng không).

Hỏi:

- Đã nói tất cả là vọng, vọng cũng đồng chơn. Chơn vọng không khác, lại là vật gì?

Sư đáp:

- Nếu nói vật gì, vật gì cũng vọng. Kinh nói “Không tương tợ, không so sánh, bất đường nói năng như chim bay trong hư không”.

An công thẹn mà phục, chẳng biết nên làm sao.

Sư lại có kệ:

Suy chơn chơn vô tướng,  
Cùng vọng vọng vô hình.  
Phản quán suy cùng tâm,  
Tri tâm diệt giả danh.  
Hội đạo diệt như thử,  
Đáo đầu diệt chỉ ninh.

Dịch:

Xét chơn chơn vô tướng,  
Tìm vọng vọng vô hình.  
Xem lại tâm xét tìm,  
Biết tâm cũng giả danh.  
Hội đạo cũng như vậy,  
Kết thúc chỉ thế thôi.

\*

\*       \*

Lại có thiền sư Đạt Tánh hỏi:

- Thiền là chí vi chí diệu, chơn vọng cả hai đều mất, Phật đạo cả hai chẳng còn, tu hành tánh không danh tướng chẳng thật, thế giới như huyễn, tất cả đều giả danh. Đến lúc đạt kiến giải này, cũng đâu thể cắt đứt hai gốc thiện ác của chúng sanh?

Sư đáp:

- Hai gốc thiện ác đều nhân tâm mà có, tìm xét nếu có tâm thì hai gốc cũng thật, xét tâm đã không thì hai gốc nhân đâu mà lập? Kinh nói “Pháp thiện bất thiện từ tâm hóa sanh, nghiệp duyên thiện ác vốn không thật có”.

Sư lại có kệ:

Thiện ký tông tâm sanh,

Ác khởi ly tâm hữu?

Thiện ác thị ngoại duyên,

Ứ tâm thực bất hữu.

Xả ác tống hà xứ?

Thủ thiện linh thùy thủ?



Thương ta nhị kiến nhân,  
Phan duyên lưỡng đầu tẩu.  
Nhược ngộ bốn vô tâm,  
Thủ hối tòng tiền cứu.

Dịch:

Thiện đã từ tâm sanh,  
Ác há lìa tâm có?  
Thiện ác là duyên ngoài,  
Nơi tâm thật chẳng có.  
Bỏ ác vứt đi đâu?  
Lấy thiện bảo ai giữ?  
Thương thay người nhị kiến,  
Bám lấy hai đầu chạy.  
Nếu` ngộ tâm vốn không,  
Mới hối lỗi từ trước.

\*

\*       \*

Lại có quan cận thần hỏi:

- Thân này từ đâu đến? Sau khi trăm tuổi lại về đâu?

Sư đáp:

- Như người lúc mộng từ đâu mà đến? Khi thức giấc từ đâu mà đi?

Quan nói:

- Lúc mộng không thể nói là không, thức rồi không thể nói có. Tuy có có không mà không có chỗ đến đi.

Sư nói:

- Thân bản đạo đây cũng như mộng.

Lại có kệ:

Thị sanh như tại mộng,  
Mộng lý thật thị não.  
Hốt giấc vạn sự hưu,  
Hoàn đồng thụ thời ngộ.  
Trí giả hội ngộ mộng,  
Mê nhân tín mộng não.  
Hội mộng như lưỡng ban,

Nhất ngộ vô biệt ngộ<sup>(93)</sup>.

Phú quý dữ bản tiện,

Cánh diệc vô biệt lộ.

Dịch:

Xem sống như đang mộng,

Trong mộng thật là ồn.

Chợt tỉnh muôn việc ngừng,

Lại đồng tỉnh giấc ngủ.

Người trí biết tỉnh mộng,

Kẻ mê tin mộng ồn.

Biết mộng như hai việc,

Một ngộ, không ngộ khác.

Giàu sang và nghèo hèn,

Lại cũng không đường khác.

Năm Thượng Nguyên thứ hai (761 - Đường Túc Tông), ngày mùng 5 tháng 5 Sứ quy tịch.

Vua ban thụy hiệu Đại Hiếu Thiền Sư.

---

<sup>(93)</sup> Biết mộng, tỉnh mộng còn có hai: mộng và tỉnh mộng. Ngộ mộng thì không hai, mộng và tỉnh mộng cùng một thể nhất như.

\*

\*       \*

## 16. THIÊN SƯ HUYỀN SÁCH Ở VỤ CHÂU.

Người ở Kim Hoa, Vụ Châu. Xuất gia du phương, khi đến Hà Sóc nghe có thiên sư Trí Hoàng. Hoàng từng tham kiến Ngũ Tổ Hoàng Mai, ở am hai mươi năm tự cho mình đạt chánh thọ.

Sư biết sở đắc Hoàng chưa phải chơn, đến gặp và hỏi:

- Ông ngồi ở đây làm gì?

Hoàng đáp:

- Nhập định.

Sư hỏi:

- Ông nói nhập định mà hữu tâm hay vô tâm ư? Nếu là hữu tâm (nhập định) thì tất cả loài xuẩn động đều phải đắc định, nếu là vô tâm (nhập định) thì tất cả loài thảo mộc cũng nên đắc định.

Đáp:

- Đang lúc tôi nhập định, chẳng thấy có tâm hữu vô.

Sư nói:

- Đã chẳng thấy có tâm hữu vô tức là thường định, có gì xuất nhập? Nếu có xuất nhập thì chẳng phải đại định.

Hoàng không nói, hồi lâu mới hỏi Sư nổi pháp ai.

Sư đáp:

- Thầy tôi là Lục Tổ ở Tào Khê.

Hỏi:

- Lục Tổ lấy gì làm thiền định?

Sư đáp:

- Thầy tôi nói “Diệu trạm viên tịch thể dụng như như, ngũ ấm vốn rỗng không sáu trần chẳng phải có, không xuất không nhập không định không loạn, tánh thiền vô trụ lìa trụ thiền tịch, tánh thiền vô sanh lìa sanh thiền tưởng. Tâm như hư không cũng không có cái biết về hư không.

Hoàng nghe lời nói này, bèn bắt đầu đến Tào Khê xin giải quyết lớp nghi. Nhưng ý Tổ và ý Sư rất phù hợp, Hoàng mới khai ngộ.

Về sau, Sư lại trở về Kim Hoa, mở rộng pháp tịch.

\*

\*        \*

## 17. THIÊN SƯ LINH THAO Ở TÀO KHÊ.

Người ở Kiết Châu, họ Trương. Theo Lục Tổ xuất gia, ở bên Tổ chưa từng gián đoạn, khi Tổ quy tịch mới làm tháp chủ trông coi y bát.

Năm Đường Khai Nguyên thứ tư 716, vua Đường Huyền Tông nghe đồn đức hạnh, ban chiếu mời Sư đến cửa khuyết, Sư từ chối bệnh đi không nổi.

Năm Thượng Nguyên nguyên niên 760, vua Đường Túc Tông sai sứ rước y truyền pháp vào cung dưỡn, vì thế sắc ban Sư đi theo y vào triều. Sư cũng lấy cớ bệnh để từ chối.

Sư tịch ở bốn sơn (chùa Nam Hoa Thiều Châu), thọ 95 tuổi.

Sắc ban thụy hiệu là Đại Hiếu Thiên Sư.

\*

\*        \*

## 18. QUỐC SƯ HUỆ TRUNG CHÙA QUANG TRẠCH, TÂY KINH.

Người huyện Chư Ký, Việt Châu (Chiết Giang), họ Nhiễm. Từ khi thọ tâm ấn nơi Lục Tổ, Sư ở cốc Đăng Tử, núi Bạch Nhai, huyện Nam Dương (Hà Nam) trên 40 năm không xuống núi. Đạo hạnh được đồn xa đến tai vua.

Năm Thượng Nguyên thứ hai 761, vua Đường Túc Tông sắc lệnh quan trung sứ Tôn Triều Tấn mang chiếu đi mời Sư đến kinh đô. Vua đãi Sư theo lễ thầy trò. Ban đầu Sư ở viện Tây Thiên chùa Thiên Phước, đến triều vua Đại Tông cai trị lại đón Sư đến ở chùa Quang Trạch. Mười sáu năm, Sư tùy cơ duyên thuyết pháp.

Bấy giờ có Đại Nhĩ Tam Tạng ở Tây Thiên, đến kinh đô nói rằng ông được tha tâm thông và huệ nhãn. Vua ban lệnh cho quốc sư xét nghiệm; Tam Tạng vừa gặp Sư liền lễ bái rồi đứng bên hữu Sư. Sư hỏi:

- Ông được tha tâm thông chẳng?

Đáp:

- Chẳng dám.

Sư hỏi:

- Ông nói xem, hiện giờ lão tăng đang ở đâu?

Đáp:

- Hòa thượng là thầy cả nước, sao được đến Tây Xuyên xem đua thuyền bơi?

Sư lại hỏi:

- Ông nói xem, hiện giờ lão tăng đang ở đâu?

Đáp:

- Hòa thượng là thầy cả nước, sao được ở trên cầu Thiên Tân xem khỉ làm trò?

Lần thứ ba, Sư cũng hỏi y như trước, Tam Tạng yên lặng một hồi lâu mà không biết chỗ đi.

Sư nạt:

- Dã hồ tinh này! Tha tâm thông ở đâu?

Tam Tạng lặng thinh.

(Tăng hỏi Ngưỡng Sơn:

- Lần thứ ba tại sao Đại Nhĩ Tam Tạng không thấy Quốc sư?

Ngưỡng Sơn đáp:

- Hai lần đầu tâm (Quốc sư) có quan hệ với cảnh, lần cuối (tâm Quốc sư) nhập tam muội tự thọ dụng cho nên (Tam Tạng) không thấy.



Lại có tăng nêu tiền ngữ hỏi Huyền Sa. Huyền Sa đáp:

- Ông nói xem, hai lần đầu (Tam Tạng) có thấy (Quốc sư) không?

Huyền Giác hỏi:

- Hai lần đầu (Tam Tạng) thấy như thế, sau đó tại sao không thấy? Hãy nói xem, lợi hại ở chỗ nào?

Tăng hỏi Triệu Châu:

- Lần thứ ba Đại Nhĩ Tam Tạng không thấy Quốc sư, chưa biết Quốc sư ở đâu?

Triệu Châu đáp:

- Ở trên cái lỗ mũi của Tam Tạng.

Tăng hỏi Huyền Sa:

- Đã ở trên cái lỗ mũi, tại sao (Tam Tạng) không thấy?

Huyền Sa đáp:

- Chỉ vì quá gần.)

\*

\*       \*

Một hôm Sư gọi thị giả, thị giả ứng dạ. Gọi như thế ba lần thị giả đều dạ ba lần. Sư nói:

- Tưởng là ta cô phụ người, chính là người cô phụ ta.

(Tăng hỏi Huyền Sa:

- Quốc sư gọi thị giả, ý đó thế nào?

Huyền Sa đáp:

- Chính là thị giả hội.

Ngài Vân Cư Tích nói:

- Hãy nói xem thị giả hội hay chẳng hội? Nếu nói hội thì sao Quốc sư nói “Người cô phụ ta”, nếu nói không hội thì sao Huyền Sa nói “Chính thị giả hội”. Vả làm sao thương lượng?

Huyền Giác đem hỏi vị tăng:

- Đâu là chỗ thị giả hội?

Tăng đáp:

- Nếu không hội đâu biết dạ như thế.

Huyền Giác nói:

- Ông hội chút đấy!

Giác lại nói:

- Nếu trong đây thương lượng được thì thấy Huyền Sa.

Tăng hỏi Pháp Nhãn:

- Quốc sư gọi thị giả, ý thế nào?

Pháp Nhãn bảo:

- Hãy đi, khi khác đến.

Vân Cư Tích hỏi:

- Pháp Nhãn nói như thế, làm rõ ý Quốc sư hay không làm rõ ý Quốc sư?

Tăng hỏi Triệu Châu:

- Quốc sư gọi thị giả, ý thế nào?

Triệu Châu đáp:

- Như người viết chữ ở trong chỗ tối, tuy chữ không thành mà văn thái đã rõ ràng.)

\*

\*       \*

Nam Tuyên đến tham vấn. Sư hỏi:

- Từ đâu đến?

Đáp:

- Từ Giang Tây đến.

Sư hỏi:

- Có đem được cái chơn tướng của Mã Đại sư đến không?

Đáp:

- Chỉ đây nè.

Sư nói:

- Đẳng sau lưng.

Nam Tuyền bèn thôi.

(Trường Khánh Huệ Lăng nói: “Giống hệt như không biết nhau”. Bảo Phước triển khai: “Trong đó, (Nam Tuyền) hầu như không đến Hòa thượng”. Vân Cư Tích nói: “Hai vị tôn giả này hết sức đờ đẳng sau lưng, cũng như Nam Tuyền thôi vì phải đờ trước mặt và đờ sau lưng”)

\*

\*       \*

Ma Cốc đến tham kiến, đi nhiều giường thiền ba vòng rồi chống tích trượng mà đứng trước mặt Sư. Sư bảo:

- Đã như thế cần gì đến gặp bản đạo?

Ma Cốc lại chống tích trượng. Sư nạt:

- Dã hồ tinh này! Đi đi.

\*

\*       \*

Sư thượng đường dạy chúng: Người học thiền tông nên tuân lời Phật dạy về nhất thừa liễu nghĩa mà khế hợp nguồn tâm mình, lời dạy bất liễu nghĩa chẳng hứa cùng nhau. Như loài trùng trong thân sư tử, khi vì người làm thầy nếu dính mắc lợi danh, riêng bày điều dị đoan thì mình và người có ích lợi gì? Như người thợ mộc giỏi của thế gian, búa rìu không dứt tay họ; sức con hương tượng mang, con lừa không thể kham nổi.

\*

\*       \*

Có vị tăng hỏi:

- Làm sao được thành Phật?

Sư đáp:

- Phật và chúng sanh đồng thời quẳng đi, ngay đó giải thoát.

Hỏi:

- Làm thế nào được tương ứng?

Sư đáp:

- Thiện ác chớ nghĩ tự thấy Phật tánh.

Hỏi:

- Làm sao chứng được pháp thân?

Sư đáp:

- Vượt cảnh giới Tỳ lô.

Hỏi:

- Làm sao được pháp thân thanh tịnh?

Sư đáp:

- Không chấp Phật để cầu.

Hỏi:

- Ai là Phật?

Sư đáp:

- Tức tâm là Phật.

Hỏi:

- Tâm có phiền não không?

Sư đáp:

- Tánh, phiền não tự là.

Hỏi:

- Đâu chẳng đoạn trừ ư?

Sư đáp:

- Đoạn trừ phiền não gọi là nhị thừa. Phiền não không sanh gọi là đại niết bàn.

Hỏi:

- Ngồi thiền quán tịnh, việc đó như thế nào?

Sư đáp:

- Chẳng dơ chẳng sạch, đâu cần khởi tâm mà quán tướng tịnh?

Lại hỏi:

- Thiền sư thấy mười phương hư không là pháp thân chẳng?

Sư đáp:

- Dùng cái tâm tưởng mà nhận, đó là cái thấy điên đảo.

Hỏi:

- Tức tâm là Phật, nên tu thêm vạn hạnh chẳng?

Sư đáp:

- Chư thánh đều đủ hai thứ trang nghiêm (phước huệ), đâu có phước bỏ không nhân quả ư?

Sư lại nói:

- Nay tôi đáp những câu hỏi của ông đến cùng kiếp không hết, nói nhiều cách đạo càng xa. Thế nên nói “Thuyết pháp có sở đắc, đó là dã can kê; thuyết pháp không sở đắc, đó gọi là sư tử rống”.

\*

\*       \*

Có hành giả tên Trương Phần ở Nam Dương, đến hỏi:

- Được nghe Hòa thượng nói “Vô tình thuyết pháp”, con chưa hiểu rõ việc đó. Xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy;

Sư nói:

- Nếu ông hỏi vô tình thuyết pháp, ông hiểu cái vô tình kia mới được nghe tôi thuyết pháp. Ông chỉ cần nghe được vô tình thuyết pháp đi.

Phần thưa:

- Chỉ tóm tắt ngay bây giờ, trong phương tiện hữu tình. Thế nào là nhân duyên của vô tình?

Sư đáp:



- Ngay bây giờ trong tất cả động dụng chỉ cần hai dòng phàm thánh đều không có chút phần khởi diệt, đó là ra khỏi thức chẳng thuộc về có không. Rõ ràng thấy giác, chỉ có nghe, không có tình thức kia ràng buộc. Thế nên Lục Tổ nói “Sáu căn đối cảnh, phân biệt mà không phải thức”.

\*

\*        \*

Có vị tăng đến tham lễ. Sư hỏi:

- Ông chứa đựng sự nghiệp gì?

Đáp:

- Giảng Kinh Kim Cang.

Sư hỏi:

- Hai chữ trước nhất là gì?

Đáp:

- Như thị.

Sư hỏi:

- Là gì?

Tăng không đáp được.

\*

\*        \*

Có người hỏi:

- Thế nào là giải thoát?

Sư đáp:

- Các pháp không đến với nhau, ngay đó giải thoát.

Hỏi:

- Làm sao đoạn được?

Sư nói:

- Đã nói với ông các pháp không đến với nhau, đoạn cái gì?

\*

\*      \*

Sư thấy vị tăng đến, dùng tay vẽ một tướng tròn, viết chữ “nhật” trong tướng đó.

Tăng không đáp được.

\*

\*      \*

Sư hỏi thiền sư Bốn Tĩnh:

- Ông về sau hiện ra lời nói kỳ đặc biết bao!

Tĩnh đáp:

- Không có một niệm tâm ái.

Sư nói:

- Đó là việc trong nhà ông.

\*

\*       \*

Vua Túc Tông hỏi:

- Thầy được pháp gì?

Sư hỏi:

- Bệ hạ thấy một mảnh mây trong không trung chẳng?

Vua đáp:

- Thấy.

Sư hỏi:

- Do đóng đinh mắc hay cột dây mắc?

Vua lại hỏi:

- Thế nào là mười thân điều ngự?

Sư bèn đứng dậy, rồi hỏi:

- Hội chẳng?

Đáp:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Mang cái tịnh bình đến cho lão tăng.

Lại hỏi:

- Thế nào là vô tránh tam muội?

Sư đáp:

- Đàn việt đập trên đỉnh Tỳ lô mà đi<sup>(94)</sup>.

Hỏi:

- Ý đó thế nào?

Sư đáp:

- Thanh tịnh pháp thân, chớ nhận thân này.

Vua lại hỏi Sư nữa, Sư đều không nhìn vua. Vua nói:

- Trẫm là thiên tử nước Đại Đường, tại sao thầy tuyệt nhiên không nhìn tới?

Sư hỏi:

- Bệ hạ thấy hư không chẳng?

---

<sup>(94)</sup> Tỳ lô, gọi đủ Tỳ – lô – giá – na, nghĩa là Đại Nhật Phật, vị Phật đầu tiên chuyển hóa từ pháp thân. Biểu trưng sự tuyệt đối trong tương đối, nhất thể trong vạn vật. Pháp thân Tỳ lô hằng hiện thân nơi vạn vật và thân tâm này mà hằng thanh tịnh.

Đáp:

- Thấy.

Sư hỏi:

- Đó có chớp mắt nhìn bệ hạ không?

\*

\*      \*

Ngư Quân Dung hỏi:

- Lúc ở núi Bạch Nhai, trong 12 giờ (suốt ngày) thầy tu đạo thế nào?

Sư gọi một đồng tử đến, vò đầu nó, bảo:

- Tỉnh tỉnh ngay đó tỉnh tỉnh, rõ ràng ngay đó rõ ràng. Về sau chớ bị người lừa.

\*

\*      \*

Sư cùng với cung phụng Tử Lân luận nghĩa. Sư thăng tòa rồi, cung phụng nói:

- Mời thầy lập nghĩa, con phá.

Sư bảo:

- Lập nghĩa rồi.

Cung phụng hỏi:

- Đó là nghĩa gì?

Sư nói:

- Đúng là không thấy, chẳng phải cảnh giới ông.

Liền hạ tòa.

Một hôm Sư hỏi cung phụng Tử Lân:

- Phật là nghĩa gì?

Đáp:

- Là nghĩa giác.

Hỏi:

- Phật có từng mê không?

Đáp:

- Chưa từng mê.

Sư nói:

- Dùng giác làm gì?

Cung phụng không đáp được, lại hỏi:

- Thế nào là thật tướng?

Sư bảo:

- Đem cái hư không đến đây.

Đáp:

- Hư không không thể nắm bắt được (bất khả đắc).

Sư nói:

-Hư không còn không thể nắm bắt được, hỏi thật tướng làm gì?

\*

\*       \*

Tăng hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư đáp:

- Hàng vạn Bồ tát ở trong điện Văn Thù.

Tăng nói:

- Học nhân chẳng hội.

Sư nói:

- Đại bi ngàn tay mắt.

\*

\*       \*

Đàm Nguyên hỏi:

- Trăm năm sau có người hỏi việc cực tặc, phải làm sao?

Sư đáp:

- Mong mạng sống mình đáng yêu, cần cái lá bùa hộ thân để làm gì?

\*

\*       \*

Vì duyên giáo hóa sắp mãn, giờ niết bàn sắp đến. Sư bèn từ già vua Đại Tông trở về núi. Đại Tông hỏi:

- Sau khi thầy diệt độ, đệ tử sẽ làm gì để ghi nhớ?

Sư đáp:

- Bảo đàn việt tạo nên một ngôi tháp vô phùng.

Vua thưa:

- Xin chọn lấy kiểu tháp theo ý thầy.

Sư yên lặng hồi lâu, hỏi:

- Hội chăng?

Đáp:

- Không hội.

Sư nói:

- Bần đạo đi rồi, có thị giả Ứng Chơn lại biết việc này.



Năm Đại Lịch thứ mười 775, ngày mùng chín tháng chạp, Sư nằm nghiêng bên hữu thị tịch. Đệ tử kính đưa linh nghi đến cốc Đẳng Tử xây tháp thờ.

Vua ban thụy hiệu là Đại Chứng Thiên Sư.

Về sau, vua Đại Tông ban chiếu mời Ứng Chơn nhập nội, nêu hỏi tiền ngữ. Ứng Chơn yên lặng hồi lâu, hỏi:

- Thánh thượng hội chăng?

Đáp:

- Không hội.

Chơn làm bài kệ:

Tương chi nam đàm chi bắc,  
Trung hữu hoàng kim sung nhất quốc,  
Vô ảnh thọ hạ hợp đồng thuyền,  
Lưu ly điện thượng vô tri thức.

Dịch:

Phía nam sông Tương phía bắc đàm,  
Trong có vàng ròng đầy cả nước,  
Dưới cây vô ảnh thuyền hợp đồng,  
Trên điện lưu ly không tri thức.

Về sau Ứng Chơn trụ ở núi Đam Nguyên.

\*

\*       \*

## 19. THIÊN SƯ THẦN HỘI CHÙA HÀ TRẠCH, TÂY KINH.

Người Tương Dương, họ Cao. Năm 14 tuổi làm sa di, đến yết kiến Lục Tổ. Tổ hỏi:

- Tri thức từ phương xa quá vất vả đến đây, có mang bồn (gốc) theo không? Nếu có bồn thì phải biết chủ. Thử nói xem?

Sư đáp:

- Lấy vô trụ làm bồn, thấy tức là chủ.

Tổ nói;

- Sa di này, đâu nên dùng lời cũ lặp lại.

Rồi Tổ lấy gậy đánh. Lúc ăn gậy, Sư suy nghĩ “Đại thiện tri thức trải qua nhiều kiếp khó gặp. Nay đã được gặp, há tiếc thân mạng này”. Từ đó Sư làm thị giả.

Một hôm Tổ bảo chúng:

- Ta có một vật không đầu không đuôi, không tên không tự, không lưng không mặt. Các người biết chăng?

Sư bước ra thưa:

- Đó là bốn nguyên của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội.

Tổ nói:

- Đã nói với ông là không tên không tự, ông còn gọi là bốn nguyên là Phật tánh.

Sư lễ bái rồi lui. Chẳng bao lâu Sư đi Tây Kinh thọ cụ túc giới. Trong những năm Đường Cảnh Long (707 – 710, vua Trung Tông), Sư lại về Tào Khê. Khoảng 20 năm sau khi Tổ nhập diệt, ý chỉ đốn ngộ của Tào Khê bị lãng quên ở Kinh, Ngô; tiếm môn của Tung Nhạc thanh hành ở Tần, Lạc. Sư vào kinh (Đông Kinh, Lạc Dương).

Năm Thiên Bảo thứ tư (745 –Đường Huyền Tông), còn phân định hai tông (Nam Năng tông đốn, Bắc Tú giáo tiếm), Sư trước tác Hiển Tông Ký thanh hành ở đời.

Một hôm có tin từ quê nhà đến báo hai thân mất. Sư vào chánh điện bạch chùy, báo chúng:

- Cha mẹ đều mất, mời đại chúng tụng Ma ha Bát nhã.

Chúng vừa tụng tập, Sư đả chùy bảo:

- Phiền nhọc đại chúng.

Vào năm Đường Thượng Nguyên nguyên niên (760 – Đường Túc Tông), ngày 13 tháng 5 vào nửa đêm Sư lặng lẽ mà hóa. Tuổi thọ 75<sup>(95)</sup>. Năm thứ hai 761, xây tháp thờ ở Long Môn, Lạc Kinh. Ở tháp Sư vua Túc Tông sắc ban xây chùa Bảo Ứng.

Năm Đường Đại Lịch thứ năm (770 – Đường Đại Tông), vua ban hiệu Chơn Tông Bát Nhã Truyền Pháp Chi Đường. Năm thứ bảy 772, lại ban hiệu Bát Nhã Đại Sư Chi Tháp.

\*

\*            \*

**Có vị tăng nêu bài kệ của thiền sư NGỌ LUÂN.**

Kệ rằng:

Ngọa Luân hữu kỹ lưỡng,

Năng đoạn bách tư tưởng.

Đối cảnh tâm bất khởi,

Bồ đề nhật nhật trưởng.

Dịch:

Ngọa Luân có tài khéo,

---

<sup>(95)</sup> Có chỗ ghi năm sanh của Sư là 668, năm tịch 760. Sư thọ 93 tuổi.

Hay đoạn hết tư tưởng.

Đối cảnh tâm không sanh,

Bồ đề lớn mỗi ngày.

Lục Tổ Đại sư nghe qua, nói:

- Bài kệ đó chưa sáng tâm địa. Nếu y theo đó tu hành, chỉ tăng thêm sự ràng buộc.

Nhân đó, Đại sư dạy một bài kệ:

Huệ Năng một kỹ lưỡng,

Bất đoạn bách tư tưởng.

Đối cảnh tâm sắc khởi,

Bồ đề tác ma trưởng?

Dịch:

Huệ Năng không tài khéo,

Chẳng đoạn hết tư tưởng.

Đối cảnh tâm luôn khởi,

Bồ đề làm sao lớn?

(Hai bài kệ trên được các nơi nêu nhiều nên phụ lục vào cuối quyển. Ngọa Luân đây chẳng phải tên mà là chỗ ở).

## HẾT QUYỂN V



**CẢNH ĐỨC**  
**TRUYỀN ĐĂNG LỤC**  
**(QUYỂN VI)**

**No. 2076**

**DƯƠNG THANH KHẢI (dịch)**

**(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**





## QUYỂN VI

### PHÁP TỰ THIỀN SƯ HOÀI NHƯỢNG NAM NHẠC

#### CHÍN NGƯỜI ĐỜI THỨ NHẤT

1. Thiền sư Đạo Nhất ở Giang Tây;

(Một người được ghi, Sư họ Mã thời nhân gọi là Mã Tổ)

2. Thiền sư Thường Hạo Nam Nhạc; 3. Thiền sư Trí Đạt; 4. Thiền sư Thản Nhiên; 5. Thiền sư Thần Chiếu Triều Châu; 6. Thiền sư Nghiêm Tuấn chùa Đại Minh, Dương Châu; 7. Thiền sư Bồn Như nước Tân La; 8. Thiền sư Huyền Thịnh; 9. Thiền sư Pháp Không núi Đông Vụ

(Tám người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

#### BA MƯƠI SÁU NGƯỜI ĐỜI THỨ HAI (PHÁP TỰ MÃ TỔ)

1. Thiền sư Huệ Hải Đại Châu, Việt Châu; 2. Thiền sư Pháp Hội núi Lặc Đàm, Hồng Châu; 3. Thiền sư Trí Kiên Sam Sơn, Trì Châu; 4. Thiền sư Duy Kiến núi Lặc Đàm, Hồng Châu; 5. Thiền sư Đạo Hạnh Minh Khê, Lễ Châu; 6. Thiền sư Huệ Tạng Thạch Củng, Phủ Châu; 7. Thiền sư Đạo Thông núi Tử Ngọc, Đường Châu; 8. Thiền sư Lan Nhượng Giang Tây Bắc; 9. Thiền sư Như Mãn Phật Quang, Lạc Kinh; 10. Thiền sư Đạo Minh Nam Nguyên, Viên Châu; 11. Thiền sư Tự Mãn Ly Thôn, Hân Châu; 12. Thiền sư Hồng Ân Trung Ấp, Lãng Châu; 13. Thiền sư Hoài Hải núi Bá Trượng, Hồng Châu;

(13 người trên đây được ghi có bổ sung từ Thiền Môn Quy Thức)

14. Thiền sư Cảo Anh; 15. Thiền sư Sùng Thái; 16. Thiền sư Tiêu Nhiên núi Vương Mỗ; 17. Thiền sư Sách chùa Phục Thê, Hoa Châu; 18. Thiền sư Trí Thông tháp Tùng Tư, Lễ Châu; 19. Thiền sư Thần Giám núi Vân Tú, Đường Châu; 20. Thiền sư Trí Thông chùa Thê Linh, Dương Châu; 21. Thiền sư Trí Tạng, Khanh Châu; 22. Thiền sư Hoài Thao, Kinh Triệu; 23. Thiền sư Pháp Tạng, Xứ Châu; 24. Thiền sư Hoài Tắc phủ Hà Trung; 25. Thiền sư

Minh Cán, Thường Châu; 26. Thiền sư Hồng Đàm, Ngạc Châu; 27. Thiền sư Hoài Thản Tượng Nguyên; 28. Thiền sư Nguyên Lễ Thanh Liên, Lộ Phủ; 29. Thiền sư Bảo Khánh phủ Hà Trung; 30. Thiền sư Chí Hiền Cam Tuyền; 31. Thiền sư Đạo Ngộ núi Đại Cối; 32. Thiền sư Pháp Nhu Lộ Phủ; 33. Thiền sư Giác Bình chùa Hàm Thông, Kinh Triệu; 34. Thiền sư Thắng Biện Nghĩa Hưng; 35. Thiền sư Khánh Vân Hải Lăng; 36. Thiền sư Huyền Hư chùa Khai Nguyên, Hồng Châu.

(23 người trên đây không có cơ duyên ngữ cú, không ghi).

## **ĐỜI THỨ NHẤT SAU THIỀN SƯ HOÀI NHƯỢNG**

### **THIỀN SƯ ĐẠO NHẤT GIANG TÂY.**

Người huyện Thập Phương Hán Châu, họ Mã. Dung mạo kỳ dị, dáng đi vững chãi như trâu, mắt nhìn sắc như cọp, lưỡi thè quá mũi, dưới bàn chân có hai hoa văn hình bánh xe. Tuổi nhỏ nương Hòa

thượng Đường ở Tư Châu xuất gia, thọ cụ túc giới nơi luật sư Viên ở Du Châu.

Trong khoảng năm Khai Nguyên (713 – 741, Đường Huyền Tông), Sư thực tập thiền định ở viện Truyền Pháp Hành Nhạc, gặp Hòa thượng Hoài Nhượng. Sáu người đồng tham học (nhập thất), chỉ mình Sư thâm nhận tâm ấn. (Đạo Nhất tiếp nối Hoài Nhượng còn Hy Thiên tiếp nối Hành Tư, cùng nguồn khác phái, thế nên thiền pháp bắt đầu hưng thịnh từ hai Sư. Lưu Kha nói “Đại Tịch (Mã Tổ) pháp chủ Giang Tây, Thạch Đầu pháp chủ Hồ Nam. Qua lại lằng xằng mà không biết hai vị đại sĩ, thật là ngốc”. Ở Tây Thiên Tổ Bát nhã Đa la sám ký với Đạt ma “Nước Chấn Đán (Trung Hoa) tuy xa mà không khác đường, cần đến bàn chân cháu trai tiếp bước, gà vàng há miệng một hạt gạo, cúng dường mười phương La hán tăng”. Lại nữa Hòa thượng Huệ Năng Lục Tổ nói với Hoài Nhượng “Về sau Phật pháp hưởng về ông, con ngựa tợ ông đạp chết người trong thiên hạ”, về sau pháp tự Mã Tổ Giang Tây truyền khắp thiên hạ nên thời nhân gọi Sư là Mã Tổ).

Mới đầu Sư từ núi Phật Tích ở Kiến Dương, kế đời đến Lâm Xuyên, rồi sau đó đến núi Cung Công

ở Nam Khang. Trong năm Đại Lịch (766 – 779, Đường Đại Tông), tên Sư gắn liền với chùa Khai Nguyên ở Chung Lăng, Giang Tây. Bấy giờ liên soái Lộ Từ Cung nghe đạo phong mà kính mộ, đích thân đến Sư thọ tông chỉ. Từ đó học giả bốn phương vân tập dưới tòa.

Một hôm Sư dạy chúng:

Những người các ông, mỗi người tin tâm mình là Phật, tâm mình đó chính là tâm Phật. Đạt ma Đại sư từ nước Nam Thiên Trúc đến đây, đích thân tới Trung Hoa để truyền pháp thượng thừa nhất tâm<sup>(96)</sup>, khiến các ông khai ngộ. Lại dẫn văn kinh Lăng Già để ấn chứng tâm địa chúng sanh, sợ các ông điên đảo chẳng tự tin pháp nơi tâm này, mỗi người đều có, nên kinh Lăng Già nói “Phật nói tâm là tông, vô môn là pháp môn”, lại nói “Phàm cầu pháp nên không có sở cầu”. Ngoài tâm không có Phật khác, ngoài Phật không có tâm khác, chẳng lấy thiện chẳng bỏ ác, hai bên sạch dơ đều chẳng nương cậy, đạt đến tánh tột rỗng không niệm niệm bất khả đắc, vì vô tự tánh cho nên tam giới duy tâm, sum la vạn

---

<sup>(96)</sup> Nhất tâm: Chơn tâm, chỉ có một, còn gọi là diệu minh chơn tâm, từ hồi nào tới giờ vốn như vậy, bất sanh bất diệt nơi sanh diệt và hằng hiện hữu ở các căn mà ứng dụng cùng khắp.

tượng là sở ẩn của nhất pháp. Phàm là sắc được thấy đều là tâm hay thấy, tâm chẳng tự là tâm nhân sắc mới có tâm, các ông chỉ cần tùy lúc nói năng, ngay sự là lý đều không chỗ ngại, đạo quả bồ đề cũng lại như thế. Cái được sanh nơi tâm thì gọi là sắc, biết sắc rỗng không nên sanh tức chẳng sanh, liễu ngộ tâm này như thế thì có thể tùy lúc mặc áo ăn cơm, trưởng dưỡng thánh thai tùy duyên qua ngày tháng, còn có việc gì nữa?

Các ông nhận ta dạy, hãy nghe ta nói kệ:

Tâm địa tùy thời thuyết,  
Bồ đề diệc chỉ ninh.  
Sự lý câu vô ngại,  
Đương sanh tức bất sanh.

Dịch:

Tâm địa tùy thời nói,  
Bồ đề cũng vậy thôi.  
Sự lý đều vô ngại,  
Đương sanh tức bất sanh.

\*

\*            \*

Tăng hỏi:

- Hòa thượng vì cái gì nói tức tâm là Phật (tức tâm tức Phật)?

Sư đáp:

- Vì võ con nít khóc.

Tăng hỏi:

- Hết khóc rồi làm gì?

Sư đáp:

- Chẳng phải tâm chẳng phải Phật (phi tâm phi Phật).

Tăng hỏi:

- Trừ hai hạng người đó ra, chỉ dạy thế nào?

Sư đáp:

- Nói với y chẳng phải vật (bất thị vật).

Tăng hỏi:

- Chợt gặp người trong ấy đến thì thế nào?

Sư đáp:

- Cứ bảo y thể hội đại đạo.

\*

\*       \*

Tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tây Lai?

Sư hỏi:

- Ngay bây giờ là ý gì?

\*

\*       \*

Bàng cư sĩ hỏi:

- Như nước không có gân xương hay nâng nổi chiếc thuyền muôn học, lý đó thế nào?

Sư đáp:

- Ở đây không có nước cũng không có thuyền, nói gân xương nào?

\*

\*       \*

Một hôm Sư thượng đường. Một lát Bá Trượng cuốn chiếu lui ra trước mặt. Sư bèn hạ đường. Bá Trượng hỏi:

- Thế nào là chỉ thú Phật pháp?

Sư đáp:

- Đang là chỗ ông buông bỏ thân mạng.



Sư hỏi Bá Trượng:

- Ông dùng pháp gì dạy người?

Bá Trượng đưa cây phất tử lên. Sư hỏi:

- Chỉ có cái này hay còn cái nào khác?

Bá Trượng buông cây phất tử xuống.

\*

\*       \*

Tăng hỏi:

- Làm sao được hợp đạo?

Sư đáp:

- Ta từ lâu chẳng hợp đạo?

\*

\*       \*

Tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tây Lai?

Sư liền đánh, bảo:

- Nếu ta không đánh ông, các nơi sẽ cười ta.

\*

\*       \*

Có tiểu sư đi hành cước trở về, vẽ một vòng tròn trước mặt Sư, bước lên lễ bái rồi đứng gần Sư. Sư hỏi:

- Chắc ông muốn làm Phật chứ gì?

Đáp:

- Con giụi mắt chẳng biết<sup>(97)</sup>.

Sư nói:

- Ta chẳng bằng ông.

Tiểu sư không đáp được.

\*

\*      \*

Đặng Ấn Phong đến từ già Sư. Sư hỏi:

- Đi đâu?

Đáp:

- Đi Thạch Đầu.

Sư nói:

---

<sup>(97)</sup> Giụi mắt sanh hoa đóm trong hư không. Vòng tròn dụ cho tánh giác như hư không, hoa đóm dụ pháp trần sanh diệt. Thật biết hoa đóm sanh diệt trong tánh giác bất sanh bất diệt thì có thể nói biết hay chẳng biết đều phải.

- Đường Thạch Đầu trơn.

Đáp:

- Có mang theo gậy, gập đầu vui đó.

Rồi ra đi. Mới tới Thạch Đầu liền nhiễu giường thiền một vòng, động tích trượng một tiếng, hỏi:

- Là tông chỉ gì?

Thạch Đầu kêu:

- Trời xanh, trời xanh!

Ẩn Phong không đáp được, trở về thuật lại cùng Sư. Sư nói:

- Ông hãy trở lại, gặp ông ấy kêu “Trời xanh, trời xanh” thì ông liền “Hư, hư”.

Ẩn Phong lại đi Thạch Đầu, lặp lại y như trước, hỏi:

- Là tông chỉ gì?

Thạch Đầu bèn “Hư, hư”. Ẩn Phong lại không đáp được.

Phong về thuật lại, Sư nói:

- Đã nói với ông đường Thạch Đầu trơn mà.

\*

\*       \*

Có vị tăng vẽ bốn vạch trước mặt Sư, ở trên một vạch dài ở dưới ba vạch ngắn, rồi hỏi:

- Không được nói “một dài ba ngắn”, ngoại trừ bốn chữ đó, mời Hòa thượng đáp.

Sư liền vẽ trên đất một vạch, đáp:

- Không được nói “dài ngắn”, đáp ông rồi.

(Quốc sư Huệ Trung nghe, nói riêng một mình “Sao chẳng hỏi lão tăng”)

\*

\*       \*

Có một tăng giảng kinh đến hỏi:

- Chưa biết thiền tông truyền thừa pháp gì?

Sư hỏi lại:

- Tòa chủ truyền thừa pháp gì?

Kia đáp:

- Tạm giảng được hơn hai mươi cuốn kinh luận.

Sư nói:

- Đâu không phải là sư tử con?

Đáp:

- Chẳng dám.

Sư cất tiếng “Hư, hư”. Kia nói:

- Đó là pháp.

Sư hỏi:

- Là pháp gì?

Đáp:

- Pháp sư tử ra khỏi hang.

Sư bèn lặng thinh. Kia nói:

- Đó cũng là pháp.

Sư hỏi:

- Là pháp gì?

Đáp:

- Pháp sư tử ở trong hang.

Sư hỏi:

- (Sư tử) chẳng ra chẳng vô là pháp gì?

Kia không đáp được bèn từ giã ra ngoài cửa.

(Bá Trượng thay nói “Thấy gì?”). Sư gọi “Tòa chủ!”. Kia xoay đầu, Sư hỏi “Là gì?”, cũng không đáp được.

Sư nói “Ông thầy độn căn này!”

\*

\*       \*

Liên sứ ở Hồng Châu hỏi:

- Đệ tử ăn thịt uống rượu là phải hay không ăn thịt uống rượu là phải?

Sư đáp:

- Ăn thịt uống rượu như thế là lộc của Ngài, không ăn là phước của Ngài.

\*

\*       \*

Đệ tử nhập thất của Sư gồm 139 người, mỗi người đi làm tông chủ một nơi giáo hóa vô cùng. Năm Trinh Nguyên thứ tư (788 - Đường Đức Tông), rằm tháng giêng Sư lên núi Thạch Môn ở Kiến Xương, đi kinh hành trong rừng cây, thấy chỗ đất bằng phẳng với hang động trống không. Sư bảo thị giả:

- Thân hư mục ta tháng tới sẽ về chỗ đó.

Nói xong rồi ra về. Đến ngày mừng bốn tháng hai 788, quả thật có bệnh nhẹ, Sư tắm gội xong ngồi kiết già nhập diệt. Trong khoảng năm Nguyên Hòa (806 – 820, Đường Hiến Tông), truy tặng thụy hiệu Đại Tịch Thiền Sư, tháp tên Đại Trang Nghiêm. Hiện nay (1004) còn đền thờ ở huyện Hải Hôn (Cao Tăng Truyện chép: “Thiền sư Đại Giác căn cứ vào bài minh ở tháp Sư do Quyền Đức Dư soạn thì Mã Tổ mất ở chùa Khai Nguyên, trà tỳ và xây tháp ở Thạch Môn. Đến năm Hội Xương (841 – 846) bỏ phế\*, sau đến tháng bảy năm Đại Trung thứ tư (850 – Đường Tuyên Tông), vua Tuyên Tông ban lệnh Quán sát sứ Giang Tây là Bùi Hưu xây dựng lại tháp và chùa, ban biển ngạch là Bảo Phong”).

---

\* Vua Đường Võ Tông, pháp nạn lần thứ ba.

# ĐỜI THỨ HAI SAU THIÊN SƯ HOÀI NHƯỢNG

## PHÁP TỰ CỦA MÃ TỔ.

### 1. THIÊN SƯ HUỆ HẢI ĐẠI CHÂU, VIỆT CHÂU.

Người ở Kiến Châu (Phước Kiến), họ Châu. Sư thọ nghiệp nơi Hòa thượng Đạo Trí, chùa Đại Vân Việt Châu.

Ban đầu đến tham kiến Mã Tổ ở Giang Tây. Tổ hỏi:

- Từ đâu đến?

Đáp:

- Từ chùa Đại Vân ở Việt Châu đến.

Tổ hỏi:

- Đến đây muốn cầu việc gì?

Đáp:

- Đến cầu Phật pháp.

Tổ nói:



- Kho báu nhà mình chẳng đoái nghĩ, bỏ nhà chạy rông làm gì? Ta trong đây một vật cũng không, cầu Phật pháp nào?

Sư bèn lễ bái, hỏi:

- Cái gì là “kho báu nhà mình” của Huệ Hải?

Tổ đáp:

- Chính là cái hiện đang hỏi ta. Đó là kho báu của ông, đầy đủ tất cả hoàn toàn không có thiếu thốn, tự do sử dụng, cần gì hướng ngoại tìm cầu?

Sư ngay lời nói tự biết bốn tâm, không do hiểu biết, hớn hở vui mừng lễ tạ.

Sư ở hầu Tổ sáu năm, sau vì thầy thọ nghiệp tuổi già, Sư vội trở về phụng dưỡng. Sư ẩn vết tích giấu công dụng, bên ngoài thị hiện như ngây dại; Sư tự soạn một quyển Luận “Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn”, bị Huyền Yến là cháu trong pháp môn lên lấy đem ra khỏi Chiết Giang (Thiệu Hưng), trình Mã Tổ. Tổ xem xong bảo chúng:

- Việt Châu có đại châu (viên ngọc lớn), tròn sáng thấu suốt tự tại, không chướng ngại.

\*

\*

\*

Khi ấy ở trong chúng có người biết Sư họ Châu, lần lượt rồi nhiều người biết. Họ rủ nhau đến xứ Việt tìm hỏi và nương tựa Sư (Nhân lời Mã Tổ nói, người bấy giờ gọi Sư là Hòa thượng Đại Châu).

Sư nói:

- Chư thiền khách, tôi chẳng hội thiền, hoàn toàn không có một pháp để dạy người. Không nên phiền các ông đứng lâu, hãy tự thôi dứt đi.

Bấy giờ học lữ đông dần, ngày đêm thưa hỏi. Việc bắt đắc dĩ phải vừa hỏi vừa đáp, Sư biện tài vô ngại (Có quyển chép riêng trong Quảng Ngữ).

\*

\*            \*

Bấy giờ có một số pháp sư đến yết kiến, hỏi:

- Muốn nêu một câu hỏi, biết thầy có đáp không?

Sư nói:

- Bóng trăng dưới đầm sâu mặc tình rút lấy.

Hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Đầm nước trong trước mặt chẳng là Phật thì là gì?

Chúng đều mờ mịt (Pháp Nhân nói “Thế thì không giao thiệp”. Hồi lâu vị tăng ấy lại hỏi:

- Thầy nói pháp gì độ người?

Sư đáp:

- Bần đạo chưa từng có một pháp độ người.

Hỏi:

- Nhà thiền sư chất phác như thế à?

Sư hỏi lại:

- Đại đức nói pháp gì độ người?

Đáp:

- Giảng kinh Kim Cang Bát Nhã.

Sư hỏi:

- Giảng mấy lần rồi?

Đáp:

- Hơn hai mươi lần.

Sư hỏi:

- Ai nói kinh đó?

Tăng lên tiếng gất gỏng:

- Thiên sư khéo đùa nhau, đâu không biết Phật nói sao?

Sư nói:

- Nếu nói Như Lai có nói pháp là chê bai Phật, người ấy chẳng hiểu nghĩa ta nói, nếu nói kinh này không phải Phật nói là chê bai kinh. Mời đại đức nói xem.

Tăng yên lặng không đáp được.

Chốc lát Sư lại hỏi:

- Kinh nói “Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, người ấy hành tà đạo, không thể thấy Như Lai”. Đại đức hãy nói cái gì là Như Lai?

Đáp:

- Đến chỗ này tôi vẫn còn mê.

Sư nói:

- Từ nào đến giờ chưa ngộ, nói gì còn mê?

Tăng nói:

- Thỉnh thiên sư nói cho tôi nghe.

Sư nói:

- Đại đức giảng kinh trên hai mươi lần, còn chưa biết Như Lai.

Tăng ấy lại lễ bái cầu xin chỉ dạy.

Sư nói:

- Như Lai đó, là nghĩa như của các pháp, đâu thể quên được?

Đáp:

- Phải, là nghĩa như của các pháp.

Sư nói:

- Đại đức nói “phải” cũng chưa phải.

Đáp:

- Văn kinh rõ ràng đâu thể chưa phải.

Sư hỏi:

- Đại đức như chằng?

Đáp:

- Như.

Sư hỏi:

- Gõ đá như chằng?

Đáp:

- Như.

Sư hỏi:

- Đại đức như đồng gỗ đá như chãng?

Đáp:

- Không hai.

Sư nói:

- Đại đức cùng gỗ đá đâu khác?

Tăng không đáp được. Hồi lâu lại hỏi:

- Thế nào được đại niết bàn?

Sư đáp:

- Chẳng tạo nghiệp sanh tử?

Hỏi:

- Thế nào là nghiệp sanh tử?

Sư đáp:

- Cầu đại niết bàn là nghiệp sanh tử, bỏ dơ lấy sạch là nghiệp sanh tử, có đắc có chứng là nghiệp sanh tử, không vượt khỏi môn đối trị là nghiệp sanh tử.

Hỏi:

- Làm sao mới được giải thoát.

Sư đáp:

- Vốn tự không trói buộc chẳng cần giải thoát, dùng thẳng hành thẳng là vô đẳng đẳng<sup>(98)</sup>.

Tăng nói:

- Như Hòa thượng thiền sư đây thật là hiếm có.

Tăng lễ tạ rút lui.

\*

\*           \*

Có hành giả (cư sĩ) hỏi:

- Tức tâm tức Phật, cái nào là Phật?

Sư bảo:

- Ông nghi cái nào chẳng phải là Phật, chỉ ra xem.

Cư sĩ không đáp được. Sư nói:

- Đạt thì khắp cảnh là Phật, chẳng ngộ hằng trái xa.

\*

\*           \*

---

<sup>(98)</sup> Vô đẳng đẳng: Ngôn ngữ của Phật thừa, riêng để tôn xưng Phật. Quả vị chư thanh văn bồ tát không thể bằng Phật, gọi là vô đẳng; chỉ có Phật với Phật quả vị bình đẳng, gọi là vô đẳng đẳng.

Có luật sư hiệu Pháp Minh, nói với Sư:

- Các thiền sư phần nhiều rơi vào không.

Sư nói:

- Trái lại các tòa chủ phần nhiều rơi vào không.

Pháp Minh giật mình, hỏi:

- Tại sao rơi vào không?

Sư nói:

- Kinh luận là giấy mực văn tự, giấy mực văn tự đều là không. Mượn ở âm thanh mà kiến lập các pháp, danh cú văn thân ... đều là không. Tòa chủ chấp chặt hình thể giáo, đâu chẳng rơi vào không?

Pháp Minh hỏi:

- Thiền sư rơi vào không chẳng?

Sư đáp:

- Chẳng rơi vào không.

Hỏi:

- Sao lại chẳng rơi vào không?

Sư đáp:

- Văn tự ... đều từ trí tuệ mà sanh, đại dụng hiện tiền đâu thể rơi vào không?



Pháp Minh nói:

- Thế nên biết chẳng thành tựu nhất pháp\*, không gọi là tất đạt<sup>(99)</sup>.

Sư nói:

- Luật sư không những rơi vào không mà còn dùng lầm danh ngôn.

Pháp Minh lộ vẻ giận, hỏi:

- Lầm ở chỗ nào?

Sư nói:

- Luật sư chưa rành phiên âm Hoa Phạn, làm sao giảng thuyết.

- Thỉnh thiền sư chỉ ra chỗ lầm của Pháp Minh.

Sư nói:

- Há chẳng biết “tất đạt” là tiếng Phạn sao?

Luật sư tuy biết lỗi, nhưng lòng vẫn còn giận.

(Âm đầy đủ tiếng Phạn “Tát bà hạt thích tha tất đà”, Trung Quốc dịch nghĩa là “Nhất thiết nghĩa

---

\* Nhất pháp: Nghĩa như nhất tâm, xem chú thích<sup>(1)</sup>.

<sup>(99)</sup> Tất đạt: Âm Phạn, nghĩa là thành tựu giả. Nhất pháp: Thế như như của các pháp, là tướng không của các pháp.

thành”. Xưa dịch là “Tất đạt đa” còn sai sót, lược mất Phạm âm).

Lại hỏi:

- Phạm kinh luật luận là lời Phật, đọc tụng y giáo phụng hành, sao chẳng kiến tánh?

Sư đáp:

- Như chó điên đuổi mỗi, sư tử cắn người. Kinh luật luận là dụng của tự tánh, việc đọc tụng là pháp của tự tánh.

Pháp Minh hỏi:

- Phật A-di-đà có cha mẹ và họ không?

Sư đáp:

- Họ của A-di-đà là Kiều-thi-ca, cha tên Nguyệt Thượng mẹ tên là Thù Thắng Diệu Nhan.

Hỏi:

- Xuất xứ từ kinh điển nào?

Sư đáp:

- Từ tập Đà la ni.

Pháp Minh lễ tạ, khen ngợi rồi lui.

\*

\*       \*

Có vị pháp sư thông tam tạng, hỏi:

- Chơn như có biến đổi không?

Sư đáp:

- Có biến đổi.

Tam Tạng nói:

- Thiên sư lầm rồi!

Sư lại hỏi Tam Tạng:

- Có chơn như chẳng?

Đáp:

- Có.

Sư nói:

- Nếu không biến đổi nhất định là phàm tăng. Đâu chẳng nghe “thiền tri thức hay chuyển ba độc thành ba tụ tịnh giới, chuyển sáu thức thành sáu thần thông, chuyển phiền não thành bồ đề, chuyển vô minh thành chơn như đại trí”. Nếu không biến đổi thì đại đức đúng là ngoại đạo chủ trương tự nhiên.

Tam Tạng hỏi:

- Như vậy, chơn như tức có biến đổi?

Sư đáp:

- Nếu chấp chơn như có biến đổi cũng là ngoại đạo.

Hỏi:

- Thiên sư vừa nói chơn như có biến đổi, giờ lại nói không biến đổi. Thế nào mới là thật đúng?

Sư đáp:

- Nếu là người kiến tánh rõ ràng, như châu ma ni hiện sắc thì nói biến đổi cũng được, nói không biến đổi cũng được. Nếu là người không kiến tánh nghe nói chơn như biến đổi bèn hiểu là biến đổi, nghe nói không biến đổi bèn hiểu là không biến đổi.

Tam Tạng khen:

- Thế nên biết Nam Tông thật không thể lường.

\*

\*           \*

Có đạo lưu \* hỏi:

---

\* Môn đồ đạo Lão Trang.

- Thế gian có pháp nào vượt hơn tự nhiên không?

Sư đáp:

- Có.

Hỏi:

- Pháp nào hơn được?

Sư đáp:

- Pháp hay biết được tự nhiên.

Hỏi:

- Nguyên khí là đạo chăng?

Sư đáp:

- Nguyên khí tự nguyên khí, đạo tự đạo.

Kia nói:

- Nếu như thế thì phải có hai.

Sư nói:

- Biết, không có hai người.

Lại hỏi:

- Thế nào là tà, thế nào là chánh?

Sư đáp:

- Tâm theo vật là tà, vật theo tâm là chánh.

\*

\*       \*

Có luật sư Nguyên đến hỏi:

- Hòa thượng tu đạo, có dụng công không?

Sư đáp:

- Dụng công.

Hỏi:

- Dụng công thế nào?

Sư đáp:

- Đói ăn cơm mệt thì ngủ.

Hỏi:

- Mọi người đều như thế, dụng công có đồng với  
Sư không?

Sư đáp:

- Không đồng.

Hỏi:

- Vì sao chẳng đồng?

Đáp:

- Khi ăn kia chẳng nhất định ăn, trăm thứ yêu sách; khi ngủ chẳng nhất định ngủ, ngàn thứ lo toan. Vì thế chẳng đồng.

Luật sư im miệng.

\*

\*        \*

Đại đức Uẩn Quang đến hỏi:

- Thiên sư tự biết chỗ sanh chẳng?

Sư đáp:

- Chưa từng tử cần gì luận sanh? Biết sanh tức là pháp vô sanh, nói pháp vô sanh không lìa pháp sanh. Tổ sư nói “Đương sanh tức bất sanh”.

Hỏi:

- Người không kiến tánh cũng được như vậy chẳng?

Sư đáp:

- Tự chẳng thấy tánh, chẳng phải không có tánh. Tại sao vậy? Thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy. Thức tức là tánh nên gọi là thức tánh, liễu tức là tánh nên gọi là liễu tánh. Hay sanh muôn pháp gọi là pháp tánh cũng gọi là pháp thân.

Tổ sư Mã Minh nói “Cái gọi là pháp, nghĩa là tâm chúng sanh. Vì tâm sanh nên tất cả pháp sanh, nếu tâm không sanh thì pháp không do đâu sanh cũng không có danh tự”. Người mê không biết pháp thân không hình tượng mà hay ứng vật hiện hình, mới nói “Trúc biếc xanh xanh đều là pháp thân, hoa vàng rậm rậm đều là bát nhã\*”. Nếu hoa vàng là bát nhã, bát nhã tức đồng vô tình; nếu trúc biếc là pháp thân, pháp thân tức đồng cỏ cây, như người ăn măng nên nhất định ăn pháp thân. Những lối nói như thế đâu thể ghi hết được. Mê Phật trước mặt nhiều kiếp mong cầu, mê cái trong toàn thể các pháp mà tìm cầu bên ngoài, thế nên người hiểu đạo đi đứng nằm ngồi đều là đạo, người ngộ pháp ngang dọc tự tại đều là pháp.

Đại đức lại hỏi:

Thái hư hay sanh linh tri không?

Chơn tâm duyên nơi thiện ác không?

Người tham dục là đạo không?

Người chấp phải chấp quấy, về sau tâm thông không?

---

\* Thanh thanh thúy trúc tổng thị pháp thân, uất uất hoàng hoa vô phi bát nhã.



Người xúc cảnh sanh tâm, có định không?

Người trụ vắng lặng, có huệ không?

Người trong lòng ngạo vật, có ngã không?

Người chấp không chấp có, có trí không?

Người tâm văn thủ chứng, người khổ hạnh cầu Phật, người bỏ tâm cầu Phật, người chấp tâm là Phật. Các hiểu biết đó hợp đạo không?

Thỉnh thiền sư mỗi mỗi đáp cho.

Sư đáp:

Thái hư chẳng sanh linh tri.

Chơn tâm chẳng duyên thiện ác.

Người tham dục nhiều căn cơ cạn.

Người phải quấy lãng xăng tâm chưa thông.

Người xúc cảnh sanh tâm thiếu định.

Người yên lặng quên cơ (động dụng) là huệ chìm.

Người khinh người hợm mình là ngã lớn

Người chấp không chấp có đều ngu.

Người tâm văn thủ chứng thêm kẹt, người khổ hạnh cầu Phật đều mê, người bỏ tâm cầu Phật là ngoại đạo, người chấp tâm là Phật là ma.

Đại đức nói:

- Nếu như thế rốt cuộc phải không tất cả?

Sư đáp:

- Rốt cuộc là đại đức, đâu phải rốt cuộc không tất cả.

Đại đức hơn hở lẽ tạ rút lui. (Tiếp theo đây, Cựu bản chép truyện Thiền sư Duy Chánh núi Bá Trượng Hồng Châu, nay dời đến quyển thứ chín tiếp sau Hòa thượng Hoài Hải núi Bá Trượng).

## **2. THIỀN SƯ PHÁP HỘI NÚI LẶC ĐÀM, HỒNG CHÂU.**

Sư hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Tây đến?

Tổ bảo:

- Nói nhỏ thôi. Lại gần đây.

Sư lại gần. Tổ tát cho một bạt tai, bảo:

- Sáu tai không đồng mưu, khi khác đến.

Hôm sau Sư đến còn vào pháp đường, nói:

- Thỉnh Hòa thượng nói:

Tổ bảo:

- Đi đi. Đợi khi lão già này thượng đường hãy ra, sẽ chứng minh cho ông.

Sư bèn ngộ, nói:

- Cảm tạ đại chúng chứng minh.

Rồi đi nhiễu quanh pháp đường một vòng, bỏ đi.

### **3. THIÊN SƯ TRÍ KIÊN SAM SƠN, TRÌ CHÂU.**

Lúc đầu khi Sư cùng Quy Tông và Nam Tuyền hành cước, dọc đường gặp một con cọp, mỗi người đi qua tránh phía cọp. Qua rồi, Nam Tuyền hỏi Quy Tông:

- Vừa rồi thấy cọp giống con gì?

Tông đáp:

- Giống con mèo.

Tông lại hỏi Sư, Sư đáp:

- Giống con chó.

Tông lại hỏi Nam Tuyền, Tuyền đáp:

- Tôi thấy đó là đại trùng\*.

\*

\*                   \*

---

\* Đại trùng: Cách gọi khác tên con cọp.

Trong lúc Sư ăn cơm, Nam Tuyên thu dọn cơm sống nói là “sống”, Sư nói “không sống”. Nam Tuyên nói:

- “Không sống” còn là ngon.

Nam Tuyên đi ít bước. Sư gọi lại:

- Trưởng lão, trưởng lão!

Nam Tuyên xoay đầu hỏi “Gì thế?”. Sư nói:

- Chớ nói là ngon.

\*

\*       \*

Một hôm toàn chúng lật rau quyết (loài dương xỉ). Nam Tuyên đưa lên một cọng, nói:

- Cái này cúng dường rất tốt.

Sư nói:

- Không những cái đó mà món ngon trăm vị y cũng chẳng màng.

Nam Tuyên nói:

- Tuy nhiên như thế, mỗi thứ phải nếm nó mới được.

(Huyền Giác hỏi: “Là lời thấy nhau hay chẳng là lời thấy nhau?”)

\*

\*       \*

Tăng hỏi;

- Thế nào là thân xưa nay?

Sư đáp:

- Cả thế gian không cái gì tương tự.

#### **4. THIÊN SƯ DUY KIẾN NÚI LẶC ĐÀM, HỒNG CHÂU.**

Một hôm Sư tọa thiền ở sau pháp đường Mã Tổ, Tổ thấy bèn thổi tai Sư, thổi hai lần Sư xuất định, thấy đó là Hòa thượng lại nhập định. Tổ về phương trượng, sai thị giả đem một chén trà cho Sư, Sư không để mắt đến trà và tự về pháp đường.

#### **5. THIÊN SƯ ĐẠO HẠNH Ở MINH KHÊ, LỄ CHÂU.**

Có lúc Sư nói:

- Ta có bệnh nặng chẳng phải thế gian trị được.

Sau, có tăng hỏi Tiên Tào Sơn\*:

- Nhân người xưa nói “Ta có bệnh nặng chẳng phải thế gian trị được”. Chưa biết gọi là bệnh gì?

Tào Sơn đáp:

- Bệnh mà cả đám đông không (bệnh) được.

Hỏi:

- Tất cả chúng sanh đều có bệnh đó không?

Tào đáp:

- Mọi người đều có.

Hỏi:

- Mọi người đều có, Hòa thượng có bệnh đó không?

Tào đáp:

- Đang tìm chỗ sanh khởi không thể được.

Hỏi:

- Tất cả chúng sanh vì sao không bệnh (như Hòa thượng)?

Tào đáp:

---

\* Tiên: Nghĩa là trước, người đã chết rồi. Không biết có phải là Tào Sơn Bản Tịch chăng?

- Chúng sanh nếu bệnh như thế tức chẳng phải chúng sanh.

Hỏi:

- Chưa biết chư Phật có bệnh thế không?

Tào đáp:

- Có.

Hỏi:

- Đã có, tại sao (nói) không bệnh?

Tào đáp:

- Vì y tính táo.

\*

\*       \*

Tăng hỏi:

- Tu hành thế nào?

Sư đáp:

- Phải, ông thầy đó không làm khách.

Tăng hỏi:

- Rốt cuộc thế nào?

Sư đáp:

- Để yên một chỗ thì không được.

Tăng lại hỏi:

- Thế nào là đường tu hành đúng đắn?

Sư đáp:

- Có sau niết bàn.

Tăng hỏi:

- Thế nào là có sau niết bàn?

Sư đáp:

- Không rửa mặt.

Tăng nói:

- Học nhân chẳng hội.

Sư nói:

- Không có cái mặt để rửa.

\*

\*       \*

## **6. THIÊN SƯ HUỆ TẠNG THẠCH CÙNG, PHỦ CHÂU.**

Vốn chuyên nghề săn bắn, không ưa thầy chùa. Nhân lúc đuổi theo bầy nai chạy qua trước am Mã Tổ, Tổ ra đón Sư.



Tạng hỏi:

- Hòa thượng thấy con nai chạy qua không?

Tổ hỏi:

- Ông là người nào?

Đáp:

- Thợ săn.

Tổ hỏi:

- Ông biết bắn không?

Đáp:

- Biết bắn.

Tổ hỏi:

- Một mũi tên ông bắn mấy con?

Đáp:

- Một mũi tên bắn một con.

Tổ nói:

- Ông không biết bắn!

Hỏi:

- Hòa thượng biết bắn không?

Tổ đáp:

- Biết bắn.

Hỏi:

- Một mũi tên Hòa thượng bắn mấy con?

Tổ đáp:

- Một mũi tên bắn một bầy<sup>(100)</sup>.

Tạng nói:

- Đây kia đều là sanh mạng, cần gì bắn chúng một bầy?

Tổ bảo:

- Ông đã biết như vậy, sao không tự bắn đi.

Đáp:

- Nếu bảo tôi tự bắn thì không có chỗ hạ thủ.

Tổ nói:

- Gã này vô minh phiền não nhiều kiếp, hôm nay chóng dứt.

Bấy giờ Tạng bẻ bỏ cung tên, tự lấy dao cạo tóc, đầu Tổ xuất gia.

---

<sup>(100)</sup> Tổ không dùng tên mà dùng trí bát nhã, trí dụng hay trí thể, nên bắn một phát “sắc tức thị không”.

---

\*

\*       \*

Một hôm Sư đang chấp tác trong nhà trù. Tổ hỏi:

- Làm gì?

Đáp:

- Chăn trâu.

Tổ hỏi:

- Chăn thế nào?

Đáp:

- Mỗi khi đi vào cỏ liền nắm lỗ mũi kéo lại<sup>(101)</sup>.

Tổ nói:

- Ông chăn trâu đúng.

Sư bèn thôi.

\*

\*       \*

---

<sup>101</sup> Nhận biết trí thể như như ngay nơi tướng hữu vi (sắc không, động tịnh, xúc ly, sanh diệt ...), rồi sau bén nhạy khéo nhớ giữ nó, gọi là chăn trâu. Quên thể như như đó thì rơi vào tâm thức, năng sở liền lập, gọi là đi vào cỏ.

Về sau trụ trì, Sư thường dùng cung tên tiếp căn cơ (Như chương Hòa thượng Tam Bình thuật rõ việc đó)

Sư hỏi Tây Đường:

- Ông biết bắt hư không chăng?

Tây Đường đáp:

- Biết bắt.

Sư hỏi:

- Làm sao bắt?

Đường dùng tay tóm hư không. Sư nói:

- Như thế làm sao bắt được hư không?

Đường lại hỏi:

- Sư huynh bắt thế nào?

Sư nắm kéo cái lỗ mũi Tây Đường. Tây Đường bị đau la lớn, nói:

- Kéo cái lỗ mũi người ta đau muốn chết, buông ra đi!

Sư nói:

- Phải như thế, bắt hư không mới được.

\*

\*       \*

Trong buổi chúng tăng tham vấn. Sư hỏi:

- Cái mới đây đâu rồi.

Có tăng đáp:

- Vẫn còn.

Sư hỏi:

- Còn ở đâu?

Tăng ấy khảy ngón tay một tiếng.

\*

\*       \*

Có tăng đến lễ bái. Sư hỏi:

- Đem được cái ấy đến không?

Tăng đáp:

- Đem được.

Sư hỏi:

- Ở đâu?

Tăng khảy ngón tay ba tiếng, hỏi:

- Làm sao khỏi sanh tử được?

Sư đáp:

- Cần khởi làm gì?

Tăng hỏi:

- Làm sao khởi được?

Sư đáp:

- Cái ấy không sanh tử.

## **7. THIÊN SƯ ĐẠO THÔNG NÚI TỬ NGỌC, ĐƯỜNG CHÂU.**

Người Lư Giang, họ Hà. Hồi nhỏ theo cha làm quan ở huyện Nam An Tuyên Châu, nhân đó xuất gia.

Năm đầu Đường Thiên Bảo 742 (Đường Huyền Tông), Mã Tổ xiển hóa Kiến Dương ở hang núi Phật Tích, Sư đến tham yết Tổ. Sau Tổ dời đến núi Cung Công ở Nam Khang, Sư cũng đi theo. Năm Trinh Nguyên thứ tư 788 (Đường Đức Tông), đầu tháng hai Mã Tổ sắp quy tịch, bảo Sư:

- Phàm ngọc thạch nhuận sơn xinh đẹp\* giúp ích cho đạo nghiệp ông, gặp cảnh đó nên ở.

---

\* Núi có nhiều cây cối, đá ngậm ngọc, cảnh sắc xinh đẹp, lạ lùng hiếm có.

Sư không hiểu lời nói đó. Mùa thu năm ấy, Sư cùng thiền sư Tự Tại núi Phục Ngưu, đi Lạc Dương; khi đến Đường Châu trông thấy một hòn núi phía tây, ngọn núi nhọn đặc biệt kỳ dị, khác xa với những dải núi xung quanh. Nhân hỏi người địa phương, đáp là núi Tử Ngọc, Sư bèn leo lên đỉnh núi thấy đá vuông vức ngay ngấn óng ánh màu tía. Sư mừng, cảm thán:

- Tử Ngọc kia rồi!

Nhớ lại lời tiên sư đã huyền ký, Sư cắt tranh làm nhà và ở đó. Sau học đồ bốn phương tụ tập.

Tăng hỏi:

- Làm sao ra được tam giới?

Sư hỏi:

- Ông ở trong đó khoảng bao lâu rồi?

Tăng hỏi:

- Làm sao ra khỏi?

Sư đáp:

- Núi xanh chẳng ngại mây trắng bay.

\*

\*            \*

Vu Địch tướng công hỏi:

- Thế nào là hắc phong thổi thuyền bè trôi giạt vào cõi nước quĩ La sát?

Sư nói:

- Gã ở đợ Vu Địch này, muốn biết chuyện ấy ra sao hả?

Vu công thất sắc. Sư bèn chỉ công nói:

- Cái đó là trôi giạt vào nước quĩ La sát.

Vu lại hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư gọi “Vu Địch”, Địch ứng “Dạ”. Sư nói:

- Chớ câu thêm cái nào khác.

(Có tăng nêu hỏi Dực Sơn, Dực Sơn đáp “Gã đó kẹt chết đi!”. Tăng hỏi “Hòa thượng thế nào?”. Dực Sơn cũng gọi tên ông tăng như thế, Tăng ứng “Dạ”. Dực Sơn hỏi “Là gì?”).

Năm Nguyên Hòa thứ tám (813 – Đường Hiến Tông), đệ tử Kim Tạng đã tham kiến Bá Trượng trở về, lễ ra mắt Sư.

Sư nói:

- Ông còn về đó, núi này có chủ.



Do đó giao phó Kim Tạng xong, Sư chống gậy đi thẳng đến Tương Châu, người đạo kẻ tục nghênh đón Sư. Đến ngày rằm tháng 7 năm 813, Sư không bệnh mà mất. Thọ 83 tuổi.

## **8. THIÊN SƯ LAN NHƯỢNG, GIANG TÂY BẮC.**

Trưởng lão Lượng ở Hồ Đường hỏi:

- Kính dâng sư huynh bức họa chơn tướng của Tiên sư, xin tạm mời chiêm lễ.

Sư dùng hai tay vạch ngực khai thị, Lượng liền lễ bái.

Sư nói:

- ĐỪNG LỄ, ĐỪNG LỄ.

Lượng nói:

- Sư huynh lầm rồi, tôi không lễ sư huynh.

Sư hỏi:

- Ông lễ chơn tướng tiên sư?

Lượng hỏi:

- Tại sao bảo tôi đừng lễ?

Sư đáp:

- Có bao giờ lắm đâu?

\*

\*      \*

## **9. THIÊN SƯ NHƯ MÃN CHÙA PHẬT QUANG, LẠC KINH.**

(Từng trụ chùa Kim Các ở Ngũ Đài Sơn).

Vua Đường Thuận Tông (805) hỏi:

- Phật từ đâu đến, chết rồi về đâu? Đã nói thường trụ thế gian, Phật nay ở đâu?

Sư đáp:

- Phật từ vô vi đến, chết rồi về vô vi. Pháp thân đồng hư không, thường còn ở chỗ vô tâm, có niệm thì quy về vô niệm, có trụ thì quy về vô trụ, đến vì chúng sanh đến, đi vì chúng sanh mà đi. Biển chơn như thanh tịnh, thể trạm nhiên thường trụ\*, người trí khéo suy lường, lại chớ sanh lo nghĩ ngõ vực.

Vua lại hỏi:

- Phật đản sanh ở cung vua, chết dưới cây song lâm, trụ thế 49 năm, lại nói không có pháp để

---

\* Trạm nhiên: Sáng suốt trong trẻo mà vắng lặng; Thường trụ: Hằng có mặt, không bao giờ thiếu vắng.

thuyết. Núi sông và đại hải, trời đất cùng nhật nguyệt đến lúc đều trở lại không thì nói cái gì chẳng sanh diệt? Nghi tình còn như thế, mong bậc trí giả khéo vì phân biệt cho.

Sư đáp:

- Phật thể vốn vô vi, theo mê tình mà vọng phân biệt, pháp thân đồng hư không chưa từng có sanh diệt. Hữu duyên Phật xuất thế hết duyên Phật nhập diệt, giáo hóa chúng sanh khắp mọi nơi như trăng trong nước, chẳng phải thường cũng chẳng phải đoạn, chẳng phải sanh cũng chẳng phải diệt, sanh cũng chưa từng sanh, diệt cũng chưa từng diệt. Thấy rõ ràng chỗ vô tâm thì tự nhiên không có pháp để nói.

Vua nghe xong rất vui mừng, càng kính trọng thiên tông.

## **10. THIÊN SƯ ĐẠO MINH NAM NGUYÊN, VIÊN CHÂU.**

Sư thượng đường:

- Ngựa mau chóng một roi, người lanh lợi một lời (nhất ngôn). Hữu sự sao chẳng lộ đầu? Mỗi người tự vô sự. Trân trọng!

Sư bèn xuống tòa.

Có tăng hỏi:

- Một lời đó, ra sao?

Sư ngập ngừng đáp:

- Đợi ta có tướng lưỡi rộng dài (quảng trường thiệt) sẽ nói với ông.

\*

\*       \*

Động Sơn đến tham kiến, vừa lên pháp đường. Sư nói:

- Đã thấy nhau rồi.

Động Sơn liền đi xuống. Hôm sau Sơn lại lên, hỏi:

- Hôm qua nhờ ơn Hòa thượng từ bi, đại khái biết chỗ nào là giúp cho, đâu là chỗ đã thấy nhau của con?

Sư đáp:

- Tâm tâm không gián đoạn, hòa nhập vào tánh hải.

Động Sơn nói:

- Mấy lần bỏ qua.

Động Sơn từ già ra đi. Sư nói:

- Học nhiều Phật pháp, làm rộng việc lợi ích.

Động Sơn hỏi:

- Học nhiều Phật pháp thì không hỏi, thế nào là làm rộng việc lợi ích?

Sư đáp:

- Chớ lia một vật thì phải.

\*

\*       \*

Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Không nên nói “như thế là đúng”.

## **11. THIÊN SƯ TỰ MÃN LI THÔN, HÀN CHÂU.**

Sư thượng đường dạy:

- Pháp nhĩ như thế, xưa nay không khác, lại còn gì nữa? Tuy nhiên cái việc lớn này vẫn có người không thực hiện được.

Bấy giờ có tăng hỏi:

- Chẳng rơi vào xưa nay, mời Sư nói thẳng.

Sư đáp:

- Rõ biết ông không thực hiện được.

Tăng định nói thêm. Sư bảo:

- Tưởng là lão tăng rơi vào cái xưa nay ấy.

Tăng hỏi:

- Thế nào mới phải?

Sư đáp:

- Cá khó bay vượt qua cấp bậc của Lão mắt biếc\*

Tăng hỏi:

- Làm sao mới tránh được lỗi đó?

Sư nói:

- Nếu là hình tượng con rồng còn bàn luận gì cao thấp?

Tăng ấy lễ bái. Sư nói:

- Khổ thay, nhục thay! Ai giống như ta?

\*

\*       \*

---

\* Bích hán: Lão mắt biếc, ám chỉ Tổ Bồ đề Đạt ma.

Một hôm Sư bảo chúng:

- Dù được trân trọng, dẹp hết trời sáng đêm tối còn nói cái gì?

Lúc đó có vị tăng hỏi:

- Thế nào là câu vô tránh?

Sư đáp:

- Vang động trời đất.

## **12. THIÊN SƯ HỒNG ÂN TRUNG ẤP, LÃNG CHÂU.**

Ngưỡng Sơn mới lãnh thọ giới sa di, đến lễ tạ Sư truyền giới. Thấy Ngưỡng Sơn đến, Sư đang ngồi trên giường thiền vỗ tay, nói:

- Hòa hòa.

Ngưỡng Sơn qua bên đông đứng, lại qua bên tây đứng, rồi vào giữa đứng. Sau khi lễ tạ xong lại lui đằng sau đứng.

Sư hỏi:

- Được tam muội đó ở đâu vậy?

Ngưỡng Sơn đáp:

- Học được con dấu cõi trời ở Tào Khê.

Sư hỏi:

- Ông thử nói xem, Tào Khê dùng tam muội đó tiếp người nào?

Ngưỡng đáp:

- Dùng tam muội đó tiếp Nhất Túc Giác.

Ngưỡng hỏi:

- Hòa thượng được tam muội đó ở đâu?

Sư đáp:

- Ta học tam muội đó ở Mã Đại sư.

Hỏi:

- Thế nào được kiến tánh?

Sư đáp:

- Thí dụ có cái nhà, nhà có sáu cửa sổ. Trong đó có một con khỉ, phía cửa đông nó kêu sơn sơn, ở ngoài cửa liền đáp sơn sơn. Sáu cửa đều kêu, đều đáp nhau như thế.

Ngưỡng Sơn lễ tạ, đứng dậy hỏi:

- Nhờ ơn Hòa thượng cho thí dụ con hiểu rõ rồi. Nhưng còn một việc, giả như con khỉ ở trong một ngủ con khỉ ngoài muốn gặp nó thì làm sao?



Sư bước xuống giường thiền nắm tay Ngưỡng Sơn, vừa múa vừa nói:

- Sơn, sơn ta cùng ông gặp nhau rồi! Ví như loài sâu tiêu mình làm tổ trên lông my mắt con muỗi, hướng ra đầu ngã tư đường kêu to “Đất rộng người thưa hiếm người gặp nhau”.

(Vân Cư Tích nói:

- Lúc đó nếu Trung Ấp không xong với một câu nói đó của Ngưỡng Sơn thì ở đâu có Trung Ấp?

Sùng Thọ Trù hỏi:

- Có ai xác định được đạo lý đó không? Nếu xác định không được thì (Trung Ấp) chỉ là kẻ dùng tay chân để huyễn hoặc người, nghĩa Phật tánh ở chỗ nào?

Huyền Giác nói:

- Nếu không phải Ngưỡng Sơn, sao thấy được Trung Ấp? Hãy nói “Đâu là chỗ Ngưỡng Sơn thấy được Trung Ấp?”)

### **13. THIÊN SƯ HOÀI HẢI NÚI BÁ TRƯƠNG, HỒNG CHÂU.**

Người Trường Lạc, Phước Châu. Tuổi nhỏ xuất gia, tam học đều biết kỹ và có nhiều kinh nghiệm.

Gặp lúc ngày Đại Tịch (Mã Tổ) xiển hóa ở Nam Khang, Sư hết lòng nương tựa, cùng thiền sư Tây Đường Trí Tạng đồng hiệu nhập thất. Bảy giờ hai vị đại sĩ nầy làm trụ cột ở đó.

Một buổi tối, hai vị đại sĩ theo hầu Mã Tổ ngắm trăng. Tổ hỏi:

- Chính khi ấy nên làm gì?

Tây Đường đáp:

- Nên cúng dường.

Sư đáp:

- Nên tu hành.

Tổ nói:

- Kinh vào Tạng (Trí Trạng), thiền về Hải.

\*

\*       \*

Mã Tổ thượng đường, đại chúng vân tập. Tổ vừa thăng tòa một lát, Sư cuốn chiếu rồi lễ bái trước chúng. Tổ liền xuống tòa.

\*

\*       \*

Một hôm Sư đến Mã Tổ tái tham. Tổ lấy cây phát tử treo ở góc giường thiền dạy Sư. Sư nói:

- Chỉ là cái đó, đâu có chi khác.

Tổ lại để cây phát tử y chỗ cũ, hỏi:

- Thế ấy, về sau lấy gì vì người, làm sao vì người?

Sư lại lấy cây phát tử đưa lên. Tổ nói:

- Chỉ là cái đó, đâu có chi khác.

Sư cầm cây phát tử treo vào chỗ cũ. Vừa đứng hầu, Tổ hét Sư. Từ đó tiếng tăm Sư vang lừng, sau cùng đàn na tín thí thỉnh Sư đến vùng ranh giới Hồng Châu, Tân Ngô. Sư trụ ở núi Đại Hùng, vì nơi cư trú non cao hiểm trở nên thời nhân gọi Sư là Bá Trượng. Sư ở đây chưa đầy tháng mà khách tham học huyền môn bốn phương kéo đến, đứng đầu có Quy Sơn, Hoàng Bá.

\*

\*        \*

Một hôm Sư bảo chúng:

- Phật pháp không phải là chuyện nhỏ. Lúc trước, lão tăng tái tham, được một tiếng hét của Mã Đại sư đến nổi ba ngày điếc tai mờ mắt.

Hoàng Bá nghe kể bất giác le lưỡi, thưa:

- Con chẳng biết Mã Tổ, nhưng lại chẳng gặp Mã Tổ.

Sư nói:

- Ông về sau sẽ nối pháp Mã Tổ.

Hoàng Bá nói:

- Con chẳng nối pháp Mã Tổ.

Sư hỏi:

- Vì sao?

Đáp:

- (Nếu con nối pháp Mã Tổ) Về sau sẽ mất hết con cháu của con.

Sư nói:

- Như thế, như thế.

\*

\*       \*

Một hôm có tăng vào pháp đường, khóc.

Sư hỏi:

- Sao vậy?

Tăng thưa:

- Cha mẹ đều mất, xin thầy chọn ngày cho.

Sư nói:

- Ngày mai chôn luôn một lượt.

\*

\*       \*

Sư thượng đường dạy:

- Dẹp hết cỏ họng môi mép, hãy nói ra mau.

Quy Sơn thưa;

- Con nói không được, thỉnh Hòa thượng nói.

Sư bảo:

- Chẳng từ chối nói với ông, chỉ e về sau mất hết con cháu ta.

Cửu Phong nói:

- Hòa thượng cũng nên dẹp hết đi.

Sư bảo:

- Chỗ không có ai, ta bữa cái trán mà trông ông.

Vân Nham nói:

- Con có chỗ để nói, thỉnh Hòa thượng nêu.

Sư nêu:

- Đẹp hết cỡ họng môi mép, hãy nói ra mau.

Vân Nham nói:

- Thầy hiện nay có rồi.

Sư nói:

- Mất hết con cháu ta!

\*

\*       \*

Sư bảo chúng:

- Ta cần một người chuyển lời đến Hòa thượng Tây Đường, ai đi được?

Ngũ Phong thưa:

- Con đi.

Sư hỏi:

- Ông làm sao chuyển lời?

Ngũ Phong đáp:

- Đợi khi gặp Tây Đường mới nói.

Sư hỏi:

- Nói gì?

Ngũ Phong đáp:

- Vẫn nói giống như Hòa thượng.

\*

\*       \*

Sư và Quy Sơn đang công việc, Sư hỏi:

- Có lửa không?

Quy Sơn đáp:

- Có.

Sư hỏi:

- Ở đâu?

Quy Sơn cầm một cành cây thổi vài hơi rồi đưa qua Sư.

Sư nói:

- Như loài trùng\* ăn cây.

\*

\*       \*

Hỏi:

- Thế nào là Phật?

---

\* Trùng: Mọt, mối.

Sư hỏi:

- Ông là ai?

Tăng đáp:

- Con.

Sư hỏi:

- Ông biết “con” không?

Tăng đáp:

- Cái rõ ràng.

Sư đưa cây phất tử lên, hỏi:

- Ông thấy chằng?

Tăng đáp:

- Thấy.

Sư không nói nữa.

\*

\*       \*

Nhân có lần tất cả chúng đang cuốc đất, nghe tiếng trống báo cơm chọt có một vị tăng giơ cái cuốc lên, cười to rồi trở về. Sư nói:

- Hay thay! Đây là cửa quán âm nhập lý.



Về viện rồi, Sư gọi vị tăng ấy đến, hỏi:

- Vừa rồi thấy đạo lý gì mà như thế hả?

Đáp:

- Vừa rồi chỉ nghe tiếng trống động, trở về ăn cơm thôi.

Sư cười.

\*

\*       \*

Hỏi:

- Y kinh giải nghĩa oan cho Phật ba đời, là kinh một chữ như đồng ma nói, là sao?

Sư đáp:

- Cố chấp cái động dụng oan cho Phật ba đời, ngoài cái đó cầu Phật chỗ khác tức đồng ma nói.

\*

\*       \*

Nhân ông tăng hỏi Tây Đường.

- Có hỏi có đáp tạm gác qua, không hỏi không đáp lúc đó thế nào?

Tây Đường đáp:

- E rằng nát bét sao?

Sư nghe thuật lại, bèn nói:

- Trước giờ ta vẫn nghi Lão huynh đó.

Tăng thưa:

- Thỉnh Hòa thượng nói.

Sư đáp:

- Nhất hợp tướng<sup>(102)</sup> không thể nắm bắt được (bất khả đắc).

\*

\*       \*

Sư dạy chúng:

“Có một người lâu rồi không ăn cơm mà chẳng kêu đói, có một người ăn cơm suốt ngày mà chẳng nói no”.

Chúng đều không đáp được.

\*

\*       \*

---

<sup>102</sup> Nhất hợp tướng: Các pháp do nhân duyên hợp thành gọi là nhất hợp tướng. Vì do nhân duyên hợp thành nên không có tự tánh (vô ngã), nghĩa là rỗng không, bất khả đắc.

Vân Nham hỏi:

- Hòa thượng mỗi ngày bận rộn vì ai?

Sư đáp:

- Có một người yêu cầu.

Nham hỏi:

- Sao chẳng bảo y tự làm lấy?

Sư đáp:

- Y không có việc nhà.

\*

\*       \*

Tăng hỏi:

- Thế nào là pháp môn đại thừa đốn ngộ?

Sư đáp:

- Trước hết các ông ngưng các duyên, ngưng nghỉ muôn việc thiện và bất thiện, thế gian và xuất thế gian. Đừng ghi nhớ, đừng nghĩ đến tất cả các pháp, buông xả thân tâm cho nó tự tại; tâm như gỗ đá không có chỗ để biện biệt, tâm không có chỗ để hành, tâm địa rộng không như thế thì mặt trời trí tuệ tự hiện, như mây vệt mặt trời lộ. Cái tương tự đều ngưng, hết sạch cái tình tham sân ái, cái chấp cấu tịnh và tất cả phan duyên; đối với ngũ dục bát

phong<sup>(103)</sup> mà không bị kiến văn giác tri trói buộc. Chẳng bị các cảnh giới làm mê hoặc thì tự nhiên đầy đủ thân thông diệu dụng. Đó là **người giải thoát**.

Đối với tất cả cảnh tâm không có tịnh loạn, không giữ không buông, thấu suốt tất cả thanh sắc ... không còn vướng ngại, gọi là **đạo nhân**.

Chỉ cần không bị tất cả việc thiện ác, dơ sạch, phước trí hữu vi thế gian bó buộc thì gọi là **huệ Phật**.

Các tri kiến về thị phi, tốt xấu, lý đúng lý sai đều sạch, tâm tự tại không có chỗ bị ràng buộc, đó gọi là **Bồ tát sơ phát tâm liền lên Phật địa**.

Tất cả chư pháp vốn chẳng tự nói mình không, chẳng tự nói sắc, cũng không nói phải quấy dơ sạch, cũng không có tâm ràng buộc người. Chỉ tự người

---

<sup>103</sup> Ngũ dụng: Năm thứ tham muốn do năm cảnh phát sanh. 1. Sắc dụng: Tham sắc trần, 2. Thanh dụng: Tham thanh trần, 3. Hương dụng: Tham mùi hương, 4. Vị dụng: Tham vị trần, 5. Xúc: Tham cảm xúc. Hoặc là 1. Tài dụng: Tham tiền của, 2. Sắc dụng: Tham sắc đẹp, 3. Danh dụng: Tham danh vọng, 4. Thực dụng: Tham ăn uống, 5. Thù dụng: Tham ngủ nghỉ.

Bát phong: Tám gió lay chuyển lòng người. 1.2- Lợi: được, Suy: mất, thua; 3.4- Hủy: chê, Dự: khen; 5.6. Xưng: vinh, Cơ: nhục; 7.8- Khổ: khổ; Lạc: vui.

chấp trước hư vọng suy tính, tạo ra biết bao thứ hiểu biết, sanh ra biết bao thứ tri kiến.

Tâm cấu tịnh như thế hết sạch, chẳng trụ ràng buộc chẳng trụ giải thoát, không tất cả tâm lượng hữu vi vô vi, ràng buộc giải thoát bình đẳng, ở nơi sanh tử mà tâm ấy tự tại, rốt cuộc chẳng hòa hợp với các nhập sanh tử, uẩn giới trần lao hư huyễn<sup>(104)</sup>. Xa hẳn, chẳng nương chẳng tựa tất cả, đi ở không ngại, việc sanh tử vãng lai giống như cửa mở.

Nếu gặp cảnh đủ thứ khổ vui chẳng xứng ý, mà tâm không thối lui, không nghĩ đến danh vọng y thực, không tham tất cả công đức lợi ích, thì không bị kẹt trong pháp thế gian. Tâm tuy tự thọ khổ vui mà trong lòng chẳng can hệ, ăn đơn sơ nuôi mạng sống, áo vá phòng nóng lạnh, ngậy ngậy như ngu như điếc mới có chút phần gần gũi. Ở trong sanh tử, học rộng tri giải, cầu phước cầu trí với lý đều vô ích,

---

<sup>104</sup> Nhập: Còn gọi Lục nhập, lục xứ, lục trần, lục cảnh. Sáu đối tượng của sáu căn (giác quan): Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Uẩn: Ngũ uẩn hay ngũ ấm. Năm yếu tố tạo thành con người đầy đủ thân tâm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Giới: 1. Là một yếu tố (nhất đại) trong tứ đại, lục đại và thất đại. 2. Cảnh giới hay thế giới, như tam giới: Dục giới, sắc giới và vô sắc giới. 3. Thập bát giới, 18 yếu tố sanh ra tâm thức, gồm sáu căn, sáu trần và sáu thức.

trái lại bị gió cảnh tri giải thổi, lại trở về trong biển sanh tử.

Phật là người vô cầu, cầu đó liền trái lý, lý vô cầu thế đó, cầu đó tức hỏng. Nếu chấp nơi vô cầu lại đồng với hữu cầu. Pháp đó vô thực vô hư, nếu hay một đời tâm như gỗ đá, không bị ám giới ngũ dục bát phong lôi cuốn chìm nổi lênh đênh thì nhân sanh tử đứt đoạn, đi ở tự do, chẳng bị tất cả nhân quả hữu vi ràng buộc. Mai sau với thân không ràng buộc mà đồng trần lợi vật, đem tâm vô phược ứng hóa tất cả tâm, đem huệ vô phược giải thoát tất cả phược \*, mà cũng hay tùy bệnh cho thuốc.

\*

\* \*

Tăng hỏi:

- Như hiện nay thọ trì giới, thân khẩu thanh tịnh rồi, đầy đủ các pháp thiện, được giải thoát không?

Đáp:

- Giải thoát ít phần, chưa được giải thoát tâm, chưa được giải thoát tất cả.

Hỏi:

---

\* Phược: Trói buộc, vướng mắc.

- Thế nào là giải thoát tâm?

Đáp:

- Chẳng cầu Phật, chẳng cầu tri giải, thôi hết tình cảm dơ sạch cũng chẳng chấp đó là vô cầu. Đó cũng là chẳng trụ chỗ thôi hết, cũng chẳng sợ mắc địa ngục, chẳng ham cái vui thiên đường, chẳng vướng tất cả pháp mới gọi là giải thoát, vô ngại ngay thân tâm và tất cả thì đều gọi là giải thoát.

Ông đừng nói có ít phần giữ giới và pháp thiện, tưởng là được rồi, có hăng sa pháp môn giới định tuệ vô lậu đều chưa trải qua một hào ly. Hãy nỗ lực dũng mãnh thực hiện sớm vậy, chớ đợi tai điếc mắt mờ, đầu bạc mặt nhăn, già khổ đến thân, trong mắt ướt lệ mà lòng hốt hoảng chưa có chỗ đi, đến lúc ấy muốn điều chỉnh tay chân nào được đâu. Giá có phước đức, trí thức, đa văn đều không cứu nhau được vì mắt tâm chưa mở. Chỉ có niệm duyên theo các cảnh mà không biết phản chiếu và không thấy Phật đạo, các nghiệp thiện ác tạo một đời mình đều hiện ra trước mắt, hoặc hân hoan hoặc sợ hãi, thấy đầy đủ lục đạo ngũ uẩn trước mặt rất đẹp, nhà cửa ghe thuyền xe cộ sáng chói rực rỡ, tạo ra từ tâm tham ái. Cảnh thấy (sở kiến) đều biến làm cảnh đẹp, tùy theo cảnh thấy nào nặng phần tham ái mà

thọ sanh, đều không có phần tự do, rỗng sức sanh sang hèn cũng đều chưa quyết định được.

Hỏi:

- Thế nào được tự do?

Đáp:

- Như hiện nay đối với ngũ dục bát phong, không có cái tình lấy bỏ, cấu tịnh đều mất như vầng nhật nguyệt trên không chiếu soi không duyên cố. Tâm như gỗ đá, giống như con hương tượng rẽ dòng nước qua sông hoàn toàn không ngừng trệ, người đó thiên đường địa ngục không thể bắt giữ.

Có phải đọc kinh xem giáo nói năng suông đầu, mà phải uyển chuyển quy về chính mình, nhưng tất cả ngôn giáo nhằm soi sáng tánh giác chính mình ngay bây giờ, tánh giác mình đều không bị tất cả các pháp cảnh hữu vô chuyển dời. Vị đạo sư đó (tánh giác) hay chiếu phá tất cả cảnh pháp hữu vô, kim cang đó mới có phần độc lập tự do. Nếu không được như thế, dù tụng được 12 bộ kinh, chỉ thành tăng thượng mạn, lại là hủy báng Phật chẳng phải tu hành. Đọc kinh xem giáo theo tiêu chuẩn thế gian là việc tốt lành, nhưng đối với người sáng lý thì kể như người đó còn tắc nghẽn. Người thập địa giải thoát,



mà chẳng bỏ dòng (thánh) vào sông sanh tử, chỉ là không cần tìm cầu hiểu biết câu văn qua ngữ nghĩa, hiểu biết thuộc về tham, tham chuyển thành bệnh.

Ngay bây giờ chỉ cần lìa tất cả pháp hữu vô thâu ra ngoài tam cú<sup>(105)</sup>, tự nhiên cùng Phật không khác. Tự đã là Phật rồi lo gì Phật không biết nói pháp? Chỉ sợ chẳng phải Phật, bị các pháp hữu vô chuyển dời, chẳng được tự do. Vì vậy có phước trí\* trước mà chưa đứng vững trên lý thì phước trí lồi đi như kẻ hèn sai khiến người sang, chi bằng đứng vững nơi lý trước rồi sau mới có phước trí. Gặp thời làm nên, nắm đất thành vàng, biển nước biển thành tô lạc, phá núi Tu di làm vi trần, từ một nghĩa làm nên vô lượng nghĩa, nơi vô lượng nghĩa làm nên một nghĩa.

\*

\*       \*

---

<sup>105</sup> Tam cú: Chư gia thiên tông vì muốn biểu hiện tông chỉ thiên nên dùng ngôn ngữ để khai thị tiếp dẫn học nhân. Chẳng hạn, tam cú của Vân Môn: “Hàm cái cần khôn, Mục cơ thù lạng, Bất thiệp vạn duyên”. Nghĩa là: Chơn lý tuyệt đối đầy khắp trời đất (Nhất tâm môn); Siêu việt ngôn ngữ văn tự, phải đốn ngộ nơi tự tâm (chơn như môn); Tùy duyên giáo hóa chúng sanh hoàn toàn vô ngại (sanh diệt môn) (Từ trong ngoặc đơn nhằm đối chiếu Đại Thừa Khởi Tín Luận).

\* Phước trí: Phước đức và trí thức. Trí thức: Những hiểu biết do kinh nghiệm hoặc học tập, hay vì cảm xúc hoặc lý trí tức là khả năng suy luận mà biết, gọi chung là vọng trí.

Có lần Sư thuyết pháp xong. Đại chúng lui xuống, Sư bèn gọi lại. Đại chúng quay đầu, Sư hỏi: “là gì?”

(Dược Sơn gọi đó là Bá Trượng Hạ Đường Cú\*\*)

\*

\*       \*

Năm Đường Nguyên Hòa thứ chín 814 (Đường Hiến Tông), ngày 17 tháng giêng, Sư quy tịch. Thọ 95 tuổi.

Năm Trường Khánh nguyên niên (821- Đường Mục Tông), vua ban thụy hiệu là Đại Trí Thiên Sư, tháp tên Đại Bảo Thắng Luân.

---

\*\* Câu Bá Trượng hạ đường.

## THIÊN MÔN QUY THỨC BÁ TRƯỞNG ĐẠI TRÍ THIÊN SƯ

Khi Thiên Tông bắt đầu từ Thiếu Thất tới Tào Khê cho đến nay, phần đông theo chùa Luật. Tuy ở thiền viện riêng, nhưng với việc thuyết pháp trụ trì thì pháp tắc chùa Luật chưa thích hợp, trong lòng có điều chưa thỏa mãn là thường vậy. Thế nên nói “Đạo Tổ muốn được giáo hóa rộng rãi, vốn hy vọng vẫn còn đến bờ mé vị lai, há phải chỉ đi theo các bộ giáo A cấp ma đầu?”

(Phạn ngữ, cựu dịch là A-hàm, tân dịch là A cấp ma, tức là giáo điển tiểu thừa).

Có người nói “Luận Du-già, kinh Anh Lạc là giới luật đại thừa, cố sao không y theo vậy?”. Sư đáp “Tông ta chẳng phải cục bộ trong tiểu thừa, đại thừa mà chẳng phải khác tiểu thừa, đại thừa”. Cần phải chiết trung tóm lược đại cương, thiết lập với khuôn phép sao cho thích nghi cả hai thừa. Từ đó, mới có ý lập riêng chỗ ở cho Thiên Tông.

Phàm người đủ đạo nhãn, có đức độ đáng kính thì gọi là **trưởng lão**, như ở Tây Vực những người đạo cao tuổi đạo lớn, chẳng hạn Tu bồ đề..., đều gọi thế. Đã là hóa chủ một nơi thì phải ở **phương trượng**,

đồng với thất của ngài Tịnh Danh, chẳng phải là phòng để ngủ nghỉ riêng tư. Trong đó không lập điện thờ Phật mà chỉ được dựng **pháp đường**, tiêu biểu cho việc Phật Tổ đích thân giao phó làm bậc cao quý đương thời, là chỗ tụ họp học chúng không nhiều ít, không cao thấp.

Chúng vào hết trong **tăng đường**, căn cứ theo thứ tự tuổi hạ mà sắp đặt. Tạo cái **trường liên sàng**, phụ thêm cái **giá** để mặc áo và treo các đạo cụ. Nằm ắt phải gối xiên và theo thứ tự tuổi đạo, khi ngủ nằm nghiêng bên hông phải theo tư thế kiết tường, để tạm thời nghỉ ngơi sau khi đã tọa thiền lâu mà thôi.

Chúng phải thực tập đủ bốn oai nghi. Trừ khi vào thất để thỉnh ích, bất luận người học siêng hoặc lười, hoặc cao thấp đều chẳng câu nệ theo tiêu chuẩn nhất định.

Toàn thể chúng của thiền viện sáng tối **hai thời** tụ tập tham kiến. Trưởng lão thượng đường thăng tòa, thầy **chủ sự** sắp xếp chúng thành hàng hai bên lắng nghe, chủ khách hỏi đáp qua lại mà kích dương tông yếu.

Thể hiện tinh thần y theo pháp mà ăn ở. Cơm cháo tùy nghi hai thời, chia đều khắp cốt để tiết kiệm, biểu hiện pháp, thực song hành.

Thực hiện pháp **phổ thỉnh**, trên dưới đều lao động. Đặt ra mười nhiệm vụ chuyên gọi là **liêu xá**, mỗi liêu xá dùng một người làm thủ lãnh quản lý nhiều người cùng lo liệu công việc, khiến cho mỗi liêu trông coi bộ phận mình (Người coi việc cơm gọi là phạn **đầu**, coi việc rau gọi là thái **đầu**..., những việc khác đều phỏng theo đó gọi tên).

Có người nói “Mượn danh hiệu, trộm hình hài để hòa lẫn trong **thanh chúng**, và đặc biệt đảm trách việc ôn tập, tức là **đường**”.

Vị **Duy na** kiểm tra đề cử việc ra đi, rút bản vị, hay xin đến ở thiền viện của vị tăng, hay đuổi vị tăng ra khỏi thiền viện nhằm tạo sự yên ổn cho thanh chúng. Hoặc có người phạm lỗi thì dùng trụ trượng (gậy) đánh phạt họ, nhóm họp chúng thiêu y bát đạo cụ của họ, rồi đuổi đi ra khỏi thiền viện từ cửa hẹp cho họ cảm thấy sỉ nhục.

Hiểu rõ hết điều lệ này, có bốn lợi ích:

1. Không làm nhớ thanh chúng, nên sanh lòng kính tin (Ba nghiệp bất thiện, không nên ở chung. Y

theo luật phải dùng pháp Phạm đàn để sửa trị họ, phải đuổi ra khỏi thiền viện thì thanh chúng có an, mới sanh lòng kính tin).

2. Theo pháp Phật thì không hủy nhục hình hài tăng.

(Tùy nghi trừng phạt, được giữ áo pháp, sau phải hối lỗi).

3. Chẳng phiền đến công môn, để giảm bớt việc thừa kiện.

4. Không tiết lộ ra ngoài, vì bảo vệ kỷ cương tông môn.

(Ai xét rõ bốn điều vừa nêu để phạm thánh đồng cư. Vả Như Lai ứng thế còn có đảng lục quần, huống chi nay là thời tượng mặt pháp, đâu thể được hoàn toàn không sai. Nếu thấy một vị tăng có lỗi liền hay nổi lên chê cười, thật chẳng ngờ vì khinh chúng mà hoại pháp, tổn hại đó rất lớn.

Nay muốn cho Thiền môn càng ít phương hại thì nên y theo cách thức từng lâm của Bá Trượng. Xét việc phân công, vẫn lập pháp tắc phòng gian, đâu phải ai cũng là hiền sĩ, thà có pháp tắc mà không phạm đâu thể có phạm mà không dạy bảo, chính

nhờ sự lợi ích hộ pháp của thiền sư Bá Trượng, nó quan trọng vậy thay!).

Thiền môn độc hành do Bá Trượng khởi xướng. Nay tóm lược phần đại cương, để học giả đời sau xem qua cho biết, những quĩ độ (phép tắc phải theo) sơn môn sẵn đủ trong đó, đừng để cho mất gốc.

*Tp, ngày 20 – 11 năm Quý Tỵ (2013)*

## **HẾT QUYỂN VI**





## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>TỰA</b> .....	03
<b>TRÙNG SAN CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC</b> .....	09
<b>TÂY LAI NIÊN BIỂU</b> .....	11

### QUYỂN I

<b>THẤT PHẬT</b> .....	45
1. Phật Tỳ-bà-thi .....	45
2. Phật Thi khí .....	46
3. Phật Tỳ-xá-phù .....	47
4. Phật Câu-lưu-tôn .....	48
5. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni .....	49
6. Phật Ca-diếp .....	50
7. Phật Thích ca Mâu ni .....	51
<b>14 TỔ THIÊN TRÚC</b>	
1. Tổ Ma-ha Ca-diếp .....	56
2. Tổ A-nan .....	61
3. Tổ Thương-na Hòa-tu .....	66
4. Tổ Ưu-ba-cúc-đa .....	70
5. Tổ Đề-đa-ca .....	76

6. Tổ Di-già-ca .....	79
7. Tổ Bà-tu-mật .....	83
8. Tổ Phật-đà Nan-đề .....	86
9. Tổ Phục-đà Mật-đa.....	90
10. Tổ Hiếp Tôn-giả.....	92
11. Tổ Phú-na Dạ-xa .....	96
12. Tổ Mã Minh Đại sĩ .....	99
13. Tổ Ca-tỳ-ma-la .....	103
14. Tổ Long Thọ Tôn giả .....	106

**QUYỂN II**

**13 TỔ THIÊN TRÚC**

15. Tổ Ca-na Đề-bà .....	115
16. Tổ Lau-hầu-la-đa.....	121
17. Tổ Tăng-già Nan-đề .....	127
18. Tổ Già-da Xá-đa.....	132
19. Tổ Cưu-ma-la-đa .....	135
20. Tổ Xà-dạ-đa .....	138
21. Tổ Bà-tu Bàn-đầu.....	141
22. Tổ Ma-noa-la .....	145
23. Tổ Hạc-lặc-na.....	150
24. Tổ Sư Tử Tỳ kheo.....	155

25. Tổ Bà-xá Tư-đa .....	162
26. Tổ Bất-như Mật-đa .....	168
27. Tổ Bất-nhã Đa-la.....	173

**QUYỂN III**

28. Tổ Bồ-đề Đạt-ma .....	184
29. Tổ Huệ Khả Đại sư.....	226
29.1. Thiên sư Tăng Na .....	233
29.2. Cư sĩ Hướng.....	235
29.3. Thiên sư Huệ Mãn.....	238
30. Tổ Tăng Xán Đại sư .....	239
31. Tổ Đạo Tín Đại sư.....	245
32. Tổ Hoằng Nhẫn Đại sư.....	249

**QUYỂN IV**

**PHÁP TỰ BÀNG XUẤT TỪ TỔ 31 ĐẠO TÍN ĐẠI SƯ**

**• Sáu đời Tổ ở núi Ngưu Đâu:**

1. Thiên sư Pháp Dung .....	286
2. Thiên sư Trí Nham.....	308
3. Thiên sư Huệ Phương .....	310
4. Thiên sư Pháp Trì .....	312
5. Thiên sư Trí Oai.....	313
6. Thiên sư Huệ Trung.....	315

❖ **Từ thiên sư Pháp Dung:**

1. Thiên sư Đàm Thôi ..... 319

❖ **Từ thiên sư Trí Oai:**

1. Thiên sư Huyền Đĩnh ..... 320  
2. Thiên sư Huyền Tố ..... 321  
3. Thiên sư Sùng Huệ ..... 322  
4. Thiên sư Đạo Khâm (từ Huyền Tố) ..... 328  
5. Thiên sư Đạo Lâm (từ Đạo Khâm) ..... 331  
6. Thiên sư Hội Thông (từ Đạo Lâm) ..... 335

❖ **Từ thiên sư Huệ Trung:**

1. Thiên sư Duy Tắc ..... 339  
2. Thiên sư Trí (từ Duy Tắc) ..... 340

**PHÁP TỰ BÀNG XUẤT TỬ TỔ 32 HOÀNG NHÃN ĐẠI SƯ:**

1. Thiên sư Thần Tú Bắc tông ..... 345  
2. Quốc sư Huệ An ..... 347  
3. Thiên sư Đạo Minh Mông Sơn ..... 351

❖ **Từ thiên sư Thần Tú:**

1. Thiên sư Cự Phương ..... 354  
2. Thiên sư Trí Phong ..... 355  
3. Thiên sư Hàng Ma Tạng ..... 357  
4. Thiên sư Đạo Thọ ..... 358

5. Thiền sư Toàn Thực .....	359
❖ <b>Từ Quốc sư Huệ An:</b>	
1. Thiền sư Nhân Kiệt .....	360
2. Hòa Thượng Pháp Táo Đọa.....	361
3. Thiền sư Nguyên Khuê .....	368
❖ <b>Từ thiền sư Phổ Tịch (dòng Thần Tú):</b>	
1. Thiền sư Duy Chánh .....	378
❖ <b>Từ thiền sư Vô Tướng (dòng Trí Săn):</b>	
1. Thiền sư Vô Trụ .....	380

## **QUYỂN V**

### **33. Tổ Huệ Năng Đại sư**

#### **Pháp tự của Huệ Năng Đại sư:**

1. Quật Đa Tam tạng Tây Vực .....	409
2. Thiền sư Pháp Hải .....	411
3. Thiền sư Chí Thành .....	413
4. Thiền sư Hiếu Liễu .....	416
5. Thiền sư Trí Hoàng .....	417
6. Thiền sư Pháp Đạt .....	418
7. Thiền sư Trí Thông .....	424
8. Thiền sư Chí Triệt .....	427
9. Thiền sư Trí Thường .....	431

10. Thiên sư Chí Đạo .....	434
11. Hòa thượng Ấn Tông .....	440
12. Thiên sư Hành Tư .....	441
13. Thiên sư Hoài Nhượng .....	449
14. Thiên sư Huyền Giác .....	456
15. Thiên sư Bồn Tịnh .....	467
16. Thiên sư Huyền Sách .....	484
17. Thiên sư Linh Thao .....	486
18. Quốc sư Huệ Trung .....	486
19. Thiên sư Thần Hội .....	506
<b>Bài kệ Ngọa Luân .....</b>	<b>508</b>

## **QUYỂN VI**

### **PHÁP TỰ CỦA THIÊN SƯ HOÀI NHƯỢNG:**

1. Thiên sư Đạo Nhất (Mã Tổ) .....	515
• <b>Pháp tự của Mã Tổ:</b>	
1. Thiên sư Huệ Hải .....	528
2. Thiên sư Pháp Hội .....	546
3. Thiên sư Trí Kiên .....	547
4. Thiên sư Duy Kiến .....	549
5. Thiên sư Đạo Hạnh .....	549
6. Thiên sư Huệ Tạng .....	552

7. Thiền sư Đạo Thông .....	558
8. Thiền sư Lan Nhược .....	561
9. Thiền sư Như Mãn .....	562
10. Thiền sư Đạo Minh (Nam Nguyên) .....	563
11. Thiền sư Tự Mãn .....	565
12. Thiền sư Hồng Ân .....	567
13. Thiền sư Hoài Hải .....	569
<b>Thiền môn Quy Thức .....</b>	<b>587</b>